NĂM THỨ NĂM • # 49 • MAY 1993

English Section PAGE 2

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

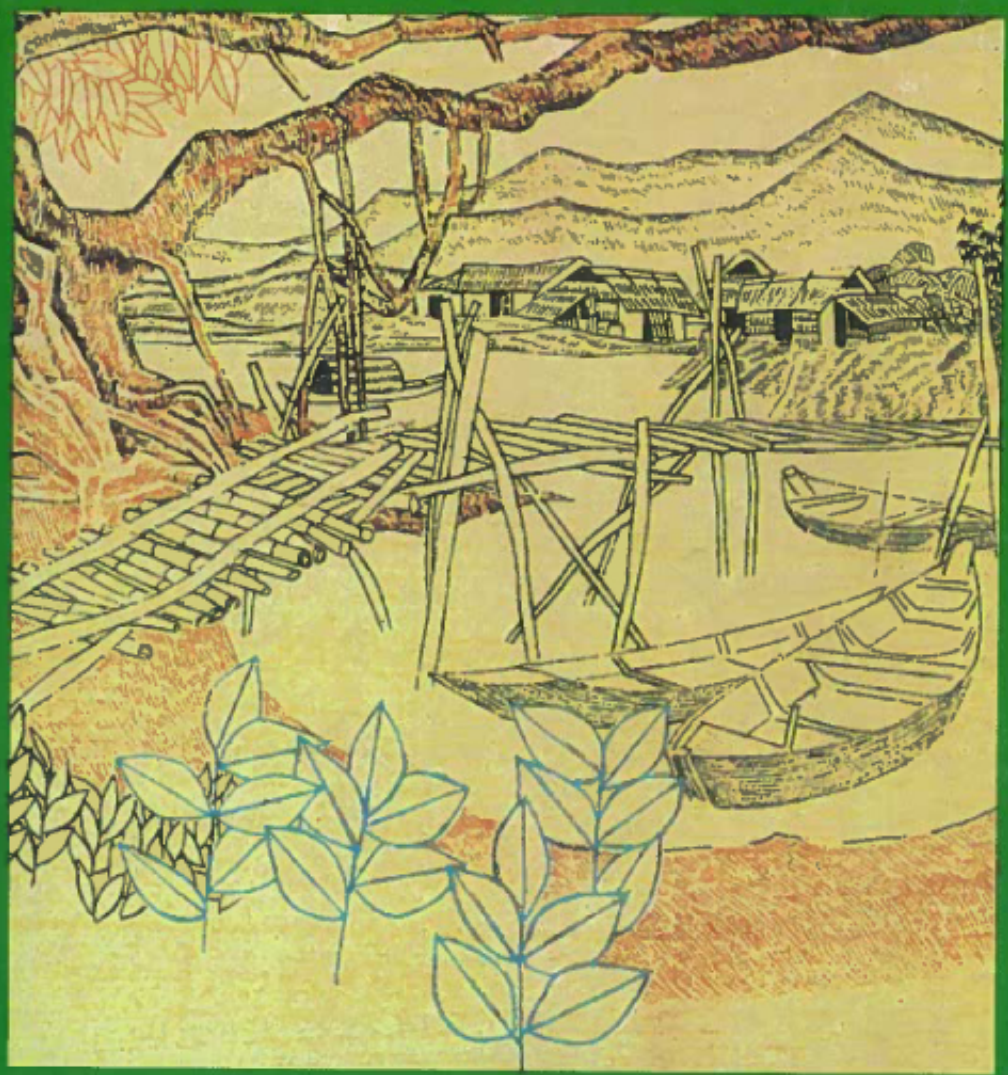

Tiếng Việt đôi bờ • Chu Việt

Vài nét văn học Trung Quốc hiện đại • Thang Ma

Cỗ quan tài của Tĩnh Tâm • Dương Như Nguyện

"Bụi và Rác" của Nguyễn Xuân Hoàng • Trần Hồng Châu

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỢI TỨC
GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:
Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

NĂM THỨ NĂM • # 49 • MAY 1993

English Section PAGE 2

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

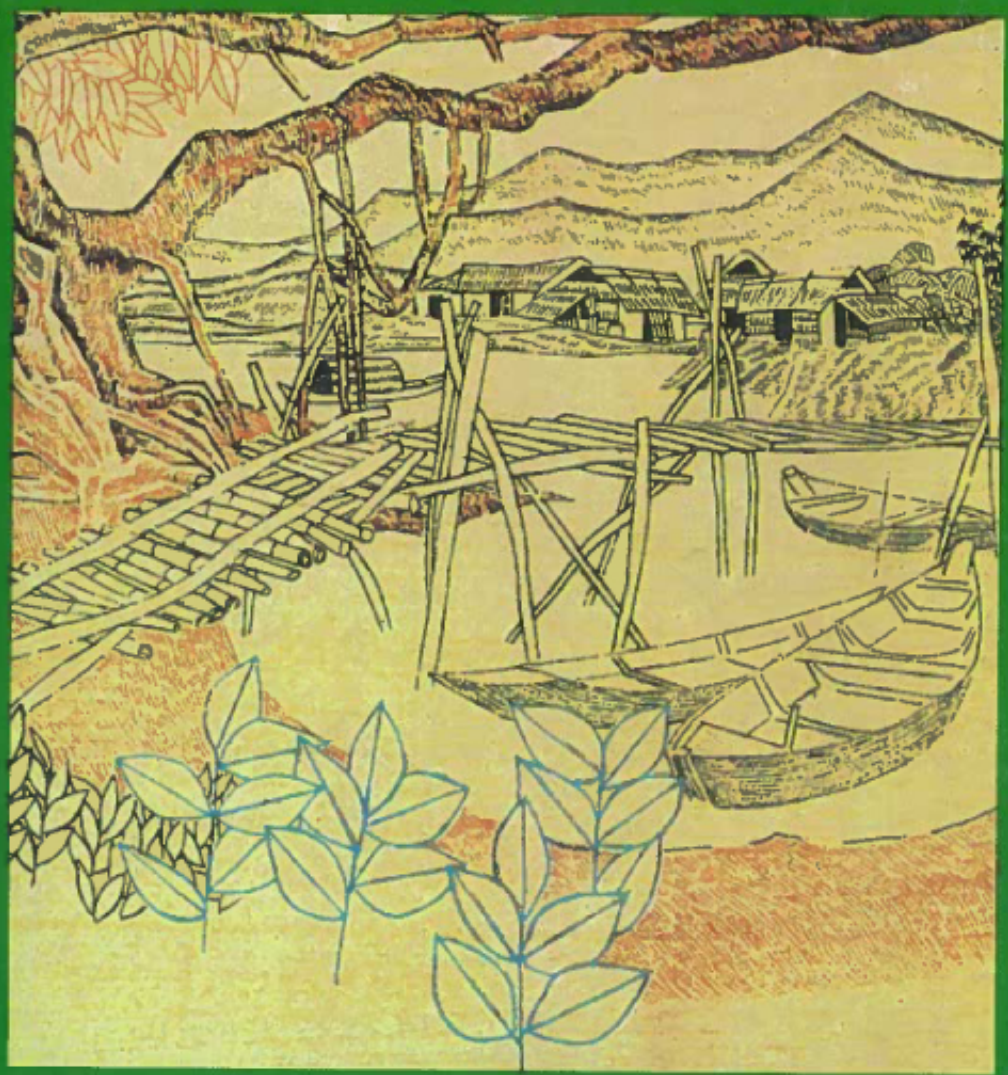

Tiếng Việt đôi bờ • Chu Việt

Vài nét văn học Trung Quốc hiện đại • Thang Ma

Cỗ quan tài của Tĩnh Tâm • Dương Như Nguyện

"Bụi và Rác" của Nguyễn Xuân Hoàng • Trần Hồng Châu

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

14901 MORAN ST. ◻ WESTMINSTER, CA 92683 ◻ TEL: (714) 894-5630 ◻ FAX: (714) 894-2752

Hội Đồng Quản Trị:

NGÔ BẢO
Chủ Tịch

LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Giám Đốc Điều Hành

NGUYỄN ĐỨC QUANG
Tổng Thư Ký

BÙI BÍCH HÀ
Thủ Quỹ

NGUYỄN VĂN CHÂU
KIỀU CHINH
PHẠM DUY
NGUYỄN MỘNG GIÁC
NGUYỄN HIỀN
NGUYỄN THƯỢNG HIỆP
LÊ VĂN KHOA
RUTH TALOVICH
TRẦN KIÊM THÊM
HOÀNG NGỌC TUỆ
NGUYỄN DUY TƯỞNG

- Phát huy các giá trị dân tộc Việt Nam trong nghệ thuật, văn chương, học thuật.
- Tạo nhịp cầu thông cảm giữa các sắc tộc qua văn học, nghệ thuật.
- Giữ gìn và làm giầu các di sản văn hóa.
- Tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ cùng làm việc phục vụ tự do, dân chủ.

chúng ta đi
mang theo quê hương

VAALA
Vietnamese American Arts & Letters Association

Tham gia và ủng hộ
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

THẾ KỶ 21

The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:
THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752.

All rights reserved.
ISSN 1056-4640

ABSTRACTS # 49 MAY 1993

• **Doan Viet Hoat,** prisoner of conscience, in a closed trial, is sentenced to 20 years at hard labor because of his opinions on the need for change. This verdict, ignoring international interventions, is signaling totalitarian policies still prevail.

• **Courage to change:** Vuong Huu Bot reviews the newly published book abroad by a communist (who is in Vietnam) — "Viet Nam, khủng hoảng và lối ra" (Vietnam, crises and solutions) by Nguyễn Kiến Giang. Author Nguyen is one of a few Vietnamese communist intellects to voice their reassessment, and to admit the failure,of marxist thinking and practices. He's sincere and courageous. But his proposals need more practical approaches.

• **The Morality Syndrome:** an analysis by Phạm Xuân Đài, one part of a series on "Vietnam Today's Issues," arguing that the most serious problem in all facets of life in Vietnam is the lack of accountability which resulted from the marxist way of thinking.

• **The Voices: Opinions on various subjects.**

* Nguyễn Công Chính (Whitehead, HongKong): On the miserable conditions of HongKong refugee Detaining Centers, specially the Whitehead.

* Tôn Thất Thiện (professor, University of Quebec, Canada): On the meanings of a French Academy award to Nguyễn Khắc Viện, a marxist activist.

* Trương Ngọc Tích (president, Vietnamese Community of Dallas): On consolidating the Vietnamese community in the US.

* Trần Quang Minh (Tampa, Florida): On dreams of a bright future for Vietnam — in political, economic, and cultural endeavors.

• **A sketch on contemporary Chinese literature,** by Thang Ma (English lecturer, Dalian University, Dalian, China): The essayist — a US-educated Vietnamese man married to a Chinese and resettled in China — presents an overview of Chinese authors and their works, in the period of 1919—1936.

• **Regular columns:**

- ART: Nhat Uyen (Paris) writes about Duy Liem and his prolific creation.

- LANGUAGE: Nguyen Dang Ngoc (senior educator, San Diego, Calif.), suggests an approach to look for origins of Vietnamese words.

- BOOK REVIEW: Tran Hong Chau (penname of former Saigon University Faculty of Letters Dean Nguyễn Khắc Hoạch) reads "Bui va Rac" (Dirt and Trash), a novel by Nguyen Xuan Hoang.

• New Department to come in *The Ky 21*: BOOK NEWS: to provide readers with information about Vietnamese book and journal publications at home and abroad.

In the coming issues:

VIETNAMESE LEXICOGRAPHY

An overview by Dr. NGUYEN DINH-HOA,
Professor Emeritus at SIU-C

•

POEMS, SHORT STORIES and ESSAYS by The Giang, The Uyen, Dam Trung Phap, Van Vinh and others.

LETTERS

Thank you for the comlimentary copy of *The Ky 21*. Your effort to serve as a communication bridge between cultures is to be commended.

I found Dam Trung Phap's article "Understanding Indochinese Cultures..." particularly interesting. It is unfortunate that, although we share the world, we know so little about one another's values and customs.

Coleman A. Young
Mayor, City of Detroit, Michigan

The magazine has a professional appearance and reflects the high quality of effort that obviously goes into it.

I am well aware that a quarter-million Vietnamese-Americans now reside and work in Southern California, particularly in my home county of Orange. Their strong work ethic has delivered an invigorating, free-market boost to our local economy, a lift that is all the more valuable in light of the lingering recession.

While I cannot now subscribe, please keep me abreast of major developments within the Vietnamese-American community.

Your community will also be valuable as an economic liaison since it appears that the nation of Vietnam is beginning to privatize and captitalize its economy and seems poised to soon resume normal trade relations with the United States. With our strategic Pacific Rim location and large ethnic Vietnamese population, California is well positioned to take economic advantage of this inevitable development.

Sen. John R. Lewis
Thirty-Third Senatorial District, California

I enjoyed reading *The Ky 21* and wish you success with the magazine.

Helen T. Chang
Houston, Texas

Thank you for bringing my attention to your publication *The Ky 21*. I agree that communication is a vital link which helps build mutual understanding between main stream and ethnic groups in Orange County.

I compliment you on your efforts to bridge the community by establishing an English section in your Vietnamese publications. I have forwarded a copy of your magazine to Mr. Rusty Kennedy, Executive Director of the Orange County Human Relations Commission. I am sure Mr. Kennedy will also find your magazine of great interest.

Harriett M. Wieder
Chairman of the Board
Supervisor, Second District
Orange County, California

Thank you for sending the first issue of *The Ky 21* (with an English section) to my office. I found the issue to be both informative and relevant. The article by Dam Trung Phap, "Understanding Indochinese Cultures and Their Implications for the American Classroom" was interesting. It offered a concise and insightful explanation of this emerging culture within our community.

I wish you success as you continue to provide an important source of information and understanding to Orange County citizens.

Roger R. Stanton
Supervisor, First District
Orange County, California

Vietnam:

Doan Viet Hoat gets 20 years

A Vietnamese court has jailed eight anti-government intellectuals for up to 20 years after a two-day trial, ending a case that has aroused concern in the West.

They pleaded guilty to "activities aimed at overthrowing the government," the official Vietnam news agency (VNA) said.

The people's court in Saigon sentenced principal defendant Doan Viet Hoat to 20 years in prison.

His two chief associates, Pham Duc Kham and Nguyen Van Thuan, were sentenced to 16 and 12 years respectively.

Five other people convicted of belonging to an organization called Freedom Forum, which circulated four editions of an anti-government newsletter from July to October 1990, were jailed for between eight months and seven years, VNA said.

The Washington-based group Asia Watch urged Hanoi in early January to free Hoat and his associates, saying it was concerned they had been held simply for expressing their views.

It said that while some of their writings had criticized the government and proposed political reform, "none advocated violent overthrow of the...government."

Asia Watch said in January that Hoat, (a professor at Van Hanh University in Saigon) spent 1976 to 1988 in a reeducation camp for Vietnamese accused of collaborating with the US-backed government in former South Vietnam.Two of his sons live in the United States.

ANNUAL BREASTBEATING

by RUTH TALOVICH

Tuesday, March 16 was the 25th anniversary of My Lai and it brought forth the usual reports and lamentations.

From My Lai until today, it has been the same story, in a number of variations -- the American troops were evil because the government corrupted them, they ought not have been in Vietnam, and so forth.

I have yet to read critics acknowledging that American patrols took fire from My Lai every time they were in the area; still less do we read that the patrols were there at the invitation of the South Vietnamese government to combat the invasion of the Republic of Vietnam's sovereign territory by North Vietnamese troops disguised as Viet Cong. "Simple farmer," they are always called. Locals rising to protect themselves.

Nobody asks the boat people what they think of My Lai. I did: "It was part of war."

I add that My Lai is kindergarten compared to what Hanoi's communists have done to Vietnamese citizens who opposed them.

The propaganda war of the 1960s pushed the idea that war ought not be uncivilized. Yes, mankind has wars, but they ought to be nice wars, somehow, helping to uplift the people, somehow. Maybe by improving their economy, but not immoral wars. Who was in Vietnam's boonies but a bunch of innocent peasants anyhow, so why was our government-industrial complex hyper?

For profit, of course, said the '60s: the Vietnam War was created so the fat cats could make money, and Washington avoided peace because the profits would end.

Will sentimentalists ever stop hiding behind the idea that war can somehow be nice?. The Age of Chivalry? How nice was it to be run through by a lance or thwacked by a broadsward? The costumes were pretty, if you weren't a varlet, verily.

The "last good war," WWII. Ask survivors of the Bulge, of Hitler's rockets, of Iwo Jima, of the concentration camps operated by Japan and German how "good" that war was.

But Europe is free today because the Allies won World War II, and Vietnam is slave to one of the earth's last Stalinist governments becasue the Allies lost the Vietnam War.

My Lai was part of war. War = solution of a problem by death. The world is imperfect and the people in it; therefore, as history unrolls, situations arise that will be endured by death or solved by death. My Lai was one of those focal points. Our patrols could keep taking fire from the VC or they could go bonkers, and it is a cheap shot to sit in comfort and pontificate on life and death in My Lai, and to swear upon our sofas that America will never allow that to happen again. ■

Ruth Talovich is editor of Nguoi Viet Daily News English Section.

PRESIDENT CLINTON SHOULD REVERSE BUSH'S POLICY ON HAITIAN BOAT PEOPLE

by PHU BUI

President Bill Clinton has broken a campaign promise to reverse President Bush's policy of sending back Haitian boat people without considering their motives. Bush's order does not conform to international laws and a U.S. appeals court has also ruled it illegal. The Supreme Court will issue its opinion this summer.

Recently, in defending his surprise endorsement of Bush's policy, President Clinton said: "if we did what the plaintiffs in the court case want, we would be consigning a very large number of Haitians in all probability to some sort of death warrant."

He is right about death by starvation or drowning awaiting boat peopel at high seas, as happened to tens of thousands of Vietnamese who have perished since 1975. But before making the decision to escape, a Vietnamese must choose between the danger of piracy, rough seas, starvation if lost, on the one hand, and the danger he faces at home such as arbitrarily arrest or being harassed or even death threats by the authorities for his opposition to the government, on the other hand. The Haitians certainly faced similar dangers when they decide to make a 600-mile journey on small boats.

Jean-Bertrand Aristide — the first president of Haiti elected in a democratic election — was overthrown by military generals in 1991. With a military government in power and limited media coverage, the world is unaware of its repression. Haitian leaders restricted OAS's monitors from investigating human rights conditions since the coup took place. Since Aristide was deposed and went into exile, the U.S. has imposed an economic embargo to force the junta into relinquishing and returning power to the Haitain people.

According to the advocates of Haitian boat people rights such as the N.A.A.C.P, AFL-CIO, the

American Jewish Committee and the Amnesty International, there were several reports of people returned being beaten and forced into hiding. Time magazine on February 17, 1992 identified Marcelin, a returned Haitian, being searched and threatened by soldier and plain clothed police a day after his return. As recently as January 93, Amnesty International also documented two Haitians, Yves Jean-Noel and Jean Emile, being arrested for carrying leaflets supporting Aristide. Jean-Noel had been arrested and tortured last year. When the Bush Administration announced the policy of intercepting and returning the Haitians, the Amnesty International planned to dispatch a ship to the Caribbean water to pick up boat people. So far forty thousand Haitians have escaped by boat.

With its current policy on refugee, the U.S. treats Haitians differently from other groups of asylum seekers. The 1980 Maried boat lift from Cuba brought 125,000 Cubans to the United States with no interceptions or forced repatriation, except some one thousand criminals. Anyone who successfully escapes from Cuba is automatically granted political asylum. So were the Eastern Europeans before the collapse of communism.

Vietnamese boat people are no longer automatically considered political refugee as they arrived ashore in Southeast Asian nations, but are given the chance to defend their pleas under the 1990 U.N.-sponsored Comprehensive Plan of Action with the endorsement of the United States. This screening process still has serious flaws which have caused protest from Amnesty International, the Lawyers Committee for Human Rights, and several suicidal deaths in the camps, but at least the Vietnamese are not intercepted and forcibly returned without a hearing.

The United States should treat every asylum seeker equally whether he escapes from communism or a repressive illegitimate regime. President Clinton has promised to promote human rights globally. It is a tradition of Democratic Party. But with the policy of intercepting and returning Haitians in effect, it is like "building a Berlin Wall around Haiti that keeps people in" as law professor Harold Koh of Yale University advocates on behalf of the Haitian's cause.

Aristide has met with President Clinton to outline the plan for restoring him as the president of Haiti and to bring back democracy to the Haiti people. But the U.S. is reluctant to set any deadline for implementing it.

Until democracy is restored and without a way to escape repression, the proponents of democracy in Haiti will continue to be deprived of their basic rights. Thousands have already lost their lives in prisons—rather than on the high seas as President Clinton fears. If on the other hand President Clinton were to keep his promise to reverse the Bush policy, and allow the Haitian asylum seekers to be treated fairly, in accordance with international law, then he would save more lives and help to protect democracy and the dignity of the Haitian people.

During my two years working in refugee camps I heard numerous stories of people fleeing Vietnam and their dangerous encounters at sea. Watching the Haitians going through the same experience, I wholeheartedly sympathize with their cause.■

Phu Bui is a public school teacher in

CONSOLIDATING THE VIETNAMESE COMMUNITY IN THE UNITED STATES

by TICH TRUONG, M.D.

While the Vietnamese community in the United States consists mostly of anti-communist political refugees, it also has a number of "refugees" who, because of various reasons, are now working for the Vietnamese communists. Those who currently serve the interests of our enemy may do so because of ignorance, stupidity, greed, political ambition, or even blackmail. Under these circumstances, it si no easy task to consolidate the complex Vietnamese community in the United States. At any rate, the following guideline should be followed for such a challenge:

(1) The structure of a consolidated Vietnamese community must be based on democratic principles. Honest general elections to select trustees should be held in conjunction with such important cultural celebrations as the Lunar New Year or Honoring Vietnam's Founding Fathers, to ensure maximum participation. Candidates are expected to be anti-communist and to have a good community service track record. Following these principles, the Vietnamese Community of Dallas has established itself as a solid organization since its founding in 1983.

(2) Although the United States does not allow flagrant activities of communist agents within its territory, there are loopholes in American law that allow such elements to stay here. And these elements are doing things quietly to sabotage the Vietnamese communities in the United States. The leadership of the consolidated community must be aware of these undersirable elements and find ways to cope with them.

(3) There are many talented young people within the community. They are successful professionals in all occupations and they contribute a great deal to the community. They will eventually take over the community leadership, but they need advice from the current community leaders, who should get to know them and encourage them to participate in community activities.■

Dr. Tich Truong is
President of the organization
"Vietnamese Community of Dallas"

DALLAS HIGH SCHOOLS ESTABLISH VIETNAMESE LANGUAGE PROGRAM

DALLAS (NV) -- Since the 1991-1992 school year, "Vietnamese for Vietnamese Speakers" (VVS) has been made available to Vietnamese refugee students in a number of high schools in Dallas. Students can take VVS I, VVS III and VVS III (Honors) sequentially during their high school years as elective courses for credit toward graduation.

According to Professor Trung-Phap Dam, who teaches linguistics at the University of Texas at Dallas and oversees the world languages program for the Dallas Independent School District, the ultimate goal of this Vietnamese language program is to train its students to become true Vietnamese-English bilinguals.

Performance-based and emphasizing accuracy, the Vietnamese for Vietnamese Speakers program follows a practical syllabus that includes culturally appropriate ways of expressing gratitude, making an emphatic wish, apologizing and stating indignation. Both verbal and written skills are emphasized throughout the program.

While the focus of VVS I and VVS II is on general communication and literacy, the intent of VVS III is to teach students about classical and contemporary Vietnamese literature.

Instructional materials for the program include textbooks published in Vietnam before 1975 as well as textbooks, readers and literary magazines published by Vietnamese writers overseas since 1975.

COURSE EXAMINES THE VIETNAM WAR AND AMERICAN CULTURE

DALLAS (NV) -- "Vietnam and American Culture," a course offered to seniors majoring in English, history and political science at East Texas State Univesity, addresses various aspects of the Vietnam conflict, both overseas and at home.

This unique interdisciplinary capstone course examines Vietnamese culture and history, how the United States got involved in Southeast Asia and its political and social ramifications, the conduct of the military operations and aspects of the impact of the war on American culture.

Subjects for discussion include:

-- Vietnam's impact on American politics,
-- The view from Washington,
-- The view from the Pentagon,
-- The view from "the trenches,"
-- Military operations in Vietnam,
-- Life as a POW,
-- The culture of Vietnam,
-- Vietnam and American music,
-- Hollywood's presentation of Vietnam,
-- The other media and Vietnam,
-- Vietnam in literature and
-- The Vietnam legacy.

While it is not unusual for a capstone course to be taught by two or three professors at ETSU, there are seven for Vietnam and American Culture: Trung-Phap Dam, Gerald Duchovnay, Charles Elliott, Robert Houston, Bill McCarron, Keith McFarland and Harry Wade.

In addition to numerous articles from books on reserve in the unversity library and three feature-length movies -- *Platoon, Apocalypse Now* and *Coming Home* -- these texts are also required for the course: *Where the Domino Fell: America and Vietnam, 1945-1990,* by James Olson and Randy Roberts, St. Martin's Press, 1991; *Paco's Story,* by Larry Heineman, Penguin, 1979; *Band of Brothers,* by Walter McDonald, Texas Tech Press, 1989) and *The Things They Carried,* by Tim O'Brien, 1990.

AAS DISCUSS CONTEMPORARY VIETNAMESE FICTION

The 1993 AAS (Association for Asian Studies) Annual Meeting was held at Banaventure hotel, Los Angeles, from March 25 through 28, 1993. Hundreds of delegations, from all corners of the country as well as from abroad, came to share their views concerning political, historical, cultural, economic and literary Asian issues.

On March 26, the "Vietnamese Studies" group discussed dimensions and impacts of the "political dissent and post-modern sensibilities in contemporary Vietnamese fictions."

The session, chaired by Peter Zinoman, of Cornell University, facilitated by Hue Tam Ho Tai, of Harvard University, had four panelists:

- Truong Vu (writer, Silver Spring, MD) talked about "Phan Khang" Literature in the making of a Vietnamese intellectual revolution.

- Peter Zinoman, about "Nguyen Huy Thiep: A Vietnamese Post-modernist?"

- Dao Trung Dao (critic, Tustin, CA), about "Counter-discourse: the Metamorphosis of the subject in the work of Pham Thi Hoai."

- Chung Hoang Chuong (professor, San Francisco, CA), about "Doi Khang" literature and the Vietnamese American community.

Hue Tam Ho Tai gave a summary of the session:

"Our panel explore the political, intellectual, and artistic demensions of what is alternately called "renovation" (doi moi) or "opposition" (phan khang) literature, contemporary Vietnam's most controversial and influential cultural movement. Bursting onto Vietnam's tightly controlled literary scene in 1986, this new literature provoked considerable controversy by reassessing the human costs of war, attacking post-revolutionary class and gender relations and questioning the legitimacy of the state's absolute grip on authority. Papers examine the works of specific writers, raise questions concerning the politics of both form and content, and assess and compare the nature of the official reaction to and public reception of this literature within Vietnam and in overseas Vietnamese intellectual circles."■

UNDERSTANDING INDOCHINESE CULTURES AND THEIR IMPLICATIONS FOR THE AMERICAN CLASSROOM

By DAM TRUNG PHAP

(continued)

Religions

Animism

Animism is the belief that each person or object possesses a spirit that continues to exist after the person has died or the object has been destroyed. The Indochinese animists usually live in the countryside, and they believe that the spirits of dead people will not become troublemakers if proper rites are performed at burial.

However, people who have died violently or whose bodies have not been properly buried are potential sources of fear because their spirits are thought to be angry. Throughout their lives, animists have to please their spirits with elaborate ceremonies and pleading.

Buddhism

The founder of Buddhism was Gautama, an Indian prince who at age 29 abandoned his luxurious life and family to seek liberation from old age, sorrow, lamentation, grief and despair. After six years of searching, in the year 528 BC, the great illumination came to Gautama under the Bo tree.

At that moment, the Buddha (which means "knowledge" in Sanskrit) was in a state of cosmic consciousness. He saw the whole where everything was situated in its place, and he felt peace, certainty and supreme freedom. Buddha had found the way to Nirvana, where the never-ending chain of human rebirths and sufferings would stop.

Moved by an overwhelming compassion for mankind, Buddha revealed the secret to everyone. Thus Buddhism was open to all, regardless of social caste, because Buddha considered all men to be equals. Buddhists are taught to abstain from sin, to do good deeds, to purify their minds and to repay evil with good. Compassion is the most esteemed virtue.

Buddhism is the national religion of Laos and Cambodia. It is also one of the main religions of Vietnam, the others being Taoism, Confucianism and Christianity.

Taoism

About six centuries before the birth of Christ, Taoism was founded in China by Lao-tzu (which means "Old Master" in Chinese). Taoism was brought to Vietnam by the invading Chinese armies.

Even Lao-tzu could not define his own religion, and he merely called it *Tao* (which means "the way" in Chinese). Modelled after nature, *Tao* is like water, always benefitting things without claiming credit. This religion may be considered romantic by some, and passive by others. It does not encourage ambitions nor does it urge struggle or competition.

Wu-wei (which meant "non-interference" in Chinese) is the first virtue of Taoism. Lao-tzu was probably the first scholar to put Chinese philosophy on a metaphysical basis. Taoists use magic, witchcraft, fortune-telling and astrology as part of their religious practice.

Like its neighboring countries, Vietnam was a land of fortune tellers. Leaders of South Vietnam often consulted with their personal astrologers before making important decisions, and rich families paid geomancers money for their advice on where, when and how to bury the deceased.

Confucianism

Founded by Confucius (551 - 479 BC), China's best-known philosopher and teacher, Confuciansim epitomizes the Chinese way of life for well over 2,000 years. It has been the prime force of social cohesion in China, Japan, Korea and Vietnam.

In these countries, Confucianism has also been synonymous with learning. Unlike Taoism and Buddhism, Confucianism is the ethic of man-in-society. People brought up in Confucianist ethics feel that they do not exist for themselves but for others. Confucianist teachings have man as the main theme.

Revered as the "Master of Ten Thousand Generations," Confucius taught such virtues as filial piety, loyalty, wisdom, love and courage. The cardinal virtue, however, is *Ren,* which has been variously translated as humanity, love or great-heartedness. One of the disciples asked Confucius for one precept that can guide action through life; the Master answered: "Love not to do to others what you do not wish done to yourself."

For Confucius, the perfect individual was the *Chun-tzu* (which means "superior man" or "son of ruler" in Chinese), whose order of activities was as follows: (1) improving himself, (2) improving his

TRAN DA TU

1979 BIRTHDAY

Thank you for coming in the dream
Bringing along the moon full of a certain time
Reminding me of what I remember not
Of this night, of my birthday

Ah yes, this very night, we become humans
The moon calls the tide up in my first year
Life wakes me up when I leave the cradle
Heart calls to heart, so many things to speak of

Ah yes, this very night, I have you
The candid river has its full moon
You in yellow robe and you in short hair
We're full of each other and the river of the moon

Tran Da Tu, pen name of the poet and journalist Le Ha Vinh, husband of writer Nha Ca, was arrested, together with his wife, at their home on April 3, 1976. His house and all property were confiscated by the communists, and he was detained in various prisons for more than a decade.

Starting early in life as a street newspaper boy, Tran Da Tu fought his way through the press to earn many prizes in poetry, fiction and theater, including a national prize for poetry.

Tran is now editor for the Viet Bao Kinh Te (Vietnam Economic News) published three times a week in Orange County.

"1979 Birthday" was written when he was imprisoned in Gia Trung (a communist concentration camp) in Central Vietnam. The poem is translated into English by Cuong Nguyen.

family, (3) making his country prosperous and (4) making the world peaceful.

The *Chun-tzu* was wise, benevolent, and courageous. In Confucianist society, the teacher has always had an honorable standing -- below the emperor but above the father.

Christianity

The first European missionaries arrived in Vietnam in the 16th century. Suspicious of western influence brought in by the misisonaries, Confucianist emperors of Vietnam began the vigorous persecution of Christian evangelists and Vietnamese converts.

This gave France just the right pretext to realize her colonizing ambition. The religous persecution stopped when the whole country came under French control in 1884. Vietnam has about 2 million Roman Catholics and tens of thousands of Protestants.

Education and learning setting

The traditional Confucianist and Buddhist temple-based learning system was practically abandoned when the French conquered Indochina at the end of the 19th century. The Christian missionaries gave Vietnam the Romanized writing system, and the colonists imposed their French-based educational system on Indochina, from elementary grades to university.

The University of Hanoi was founded in 1908, where the elite of Indochina was trained by the French. In the last 20 years of a free Indochina, American influence was considerably exerted on the local education system. Some universities in Vietnam even adopted the American concept of credit-hour, the American testing method and the American grading system.

In spite of the French and American influences, the Confucianist spirit was pervasive. Revered by students and their parents, most teachers were authoritarian and kept a distance from their students. Students had

to rise when a teacher entered the classroom and were taught to listen attentively to their teachers.

A teacher could do no wrong, and it was unthinkable for a student to disagree or argue with his teacher. School facilities were modest; school libraries were virtually non-existent, except for large urban high schools and universities.

The Indochinese method of learning was bookish. Students took notes, memorized them, and -- in lower grades -- recited them verbatim in class. Parents seldom met with their children's teachers, and parent-teacher associations were rare. Apparently, Indochinese parents had too much respect for and faith in the school to interfere with it.

Working with Indochinese students in the American classroom

Like displaced chidren from other parts of the world, the Indochinese youngsters may find their new school environment confusing and intimidating. Should they be in your class, you have the special charge of providing a receptive and understanding environment so as to help them acculturate successfully.

As Indochinese students are only beginning to learn English as a second language, you would do well by enunciating clearly and slowly when talking to them. Provide messages in English that they comprehend, focusing on the "here-and-now." Refrain from using colloquial and slang expressions such as "What's cooking?" and "I am just pulling your leg."

You should also use simple vocabulary and short simple sentences. Say, for example, "Do this exercise," instead of "Complete the assignment at the end of the chapter if you think you can handle it."

Remember that, according to current theories in second-language acquisition, when students do not understand their teacher, they cannot learn, no matter what is being taught.

You would do well to familiarize yourself with such fun-filled and communication-based techniques for teaching ESL as total physical response (TPR), games, songs, journal writing, language experience approach (LEA) and affective-humanistic activities recommended by the Natural Approach.

Language educators also suggest that interaction should be encouraged in the classroom to help students to personalize the language input they receive, to acquire knowledge and to share multicultural experiences.

Be wary of the Indochinese head nod or "yes" as an answer to a negative or tag quesiton. The Indochinese "yes" at the beginning of an answer is just a polite term that assures you they are litening to you, as it is culturally very hard for them to say "no" to people they respect.

So, concentrate on the rest of the answer, if any, for the right message. A typical Indochinese student will answer "Yes, I don't speak English" to such questions as "Don't you speak English?" "You speak English, don't you?" and "You don't speak English, do you?"

Traditionally, Indochinese students -- regardless of age -- hold their teacher in awe and feel uneasy in his or her presence. Being shy or reserved is a polite attitude to show their respect to the teacher. Thus a caring and supportive (but not overwhelmingly so) attitude from the American teacher will certainly make them respond favorably.

It is also a good idea to assign a few friendly classmates (of the same sex) to help an Indochinese student adjust to the new school environment. This "buddy system" should work wonders.

As mentioned earlier, rote memorization and verbatim reciting characterizes the learning mode in Indochina.This may minimize the students' creativity.

In addition, they have been brought up not to disagree with their teachers, who were usually stern and aloof. They are also unfamiliar with library facilities and with looking for information by themselves.

They need specific instructions in the library, i.e., what the library is for, how it is used and what the borrowers' responsibilities are. By the same token, they are not used to long and extensive readings. Thus, initiate them gradually to extensive readings and to class discussion.

However, do not ask them to speak English to the class when they are not ready. If you do not observe the "silent phase" for Indochinese students by asking them to speak too soon, you may frighten them and inhibit their oral language development.

Though classes having both boys and girls exist in Indochina, sexes are always separated in the Indochinese society. In a mixed class in Indochina, for example, the boys will invariably take up the back rows -- never being allowed to share the same bench with the girls. Hence, do not assign the Indochinese students to work with members of the opposite sex, at least during the first few months of school.

As far as physical education is concerned, don't be surprised if your Indochinese students worry quite a bit about some of the American locker-room practices. Groups of naked boys or girls showering together is shocking and unheard of in Indochina. It may take quite some time for them to accept this perfectly "normal" American practice.

And because sex education is taboo in Indochina but an important subject in American schools today, you will have to introduce the Indochinese students to this "embarrassing" matter in a most sensitive manner.

While you are encouraged to try to understand your Indochinese students' cultural norms and to provide for cultural differences in the classroom, you should also make efforts to teach them the new way of life.

Tell them, for example, that in America it is usually not acceptable to ask people's age, weight or salary, and that it is bad manners to be late for an appointment or to eat and drink noisily. Encourage them to look Americans in the eye during conversation and to learn the art of making small talk in English.■

Orange County, California, USA

BOLSA MARKET PLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E

Westminster, CA 92683

Thuh Beauty Institute

Tel: (714) 531-1220

Beeper: (714) 346-3260

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA, USA.
* Certified in Make Up+Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make-Up &Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Normolee Cosmetics, Beijing, China

* Gosh Cosmetics, Copenhagen, Denmark.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N) Cal State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.N.S) Cal-State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* BA in Education (Pedagogy), and BA in Literature, University of Saigon, Vietnam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, Vietnam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991&1992&1993. CA,USA
* Aesthetics World Expo 1991&1992. Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzerland.
* Professional Beauty 1992. Olympia 2, West London England.
* International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece

* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU:

Mắt - Mũi - Cằm - Ngực
Da mặt - Da trán - Hút mỡ -
Lấy da và mỡ bụng.
Chữa trị các hình thức Silicon. Giải phẫu bàn tay.
Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

CHUYÊN MÔN

* Facial
* Dưỡng da
* Trang điểm cô Dâu, dạ hội.
* Lột da mặt
* Xâm thẩm mỹ
* Dầu thơm (Pháp)
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)

* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn.
* Lớp dạy Trang Điểm và Xâm thẩm mỹ.
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi

ĐẶC BIỆT: BỚT 25% CHO TẤT CẢ NỮ NGHỆ SĨ ĐẾN LÀM FACIAL

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG.

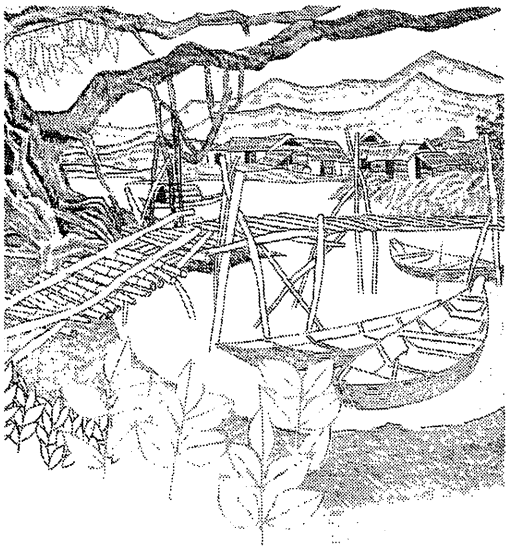

Bìa: *Tranh của Duy Liêm*
Trình bày bìa: *Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng*
Hí họa: *Vẹt*
Minh họa: *Đinh Cường, Nguyễn Hữu Nhật*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

Số 49 • Tháng Năm 1993

Phần Anh ngữ (English section)

Abstracts of main articles in The Ky 21, No., 49 May, 1993, 2 * Letters, 3 * Voices: Annual Breastbeating by Ruth Talovich; President Clinton Should Reverse Bush's Policy on Haitian Boat People by Bui Phu, 4 * Consolidating the Vietnamese Community in the United States by Tich Truong, M.D., 5 * News in brief: Dallas High School Establish Vietnamese Language Program, Course Examines the Vietnam War and American Culture, AAS Discuss contemporary Vietnamese Fiction, 6 * Understanding Indochinese Cultures and their Implications For the American Classroom by Dam Trung Phap, 7 * 1979 Birthday, a poem by Tran Da Tu, 8.

Phần Việt ngữ

Thư Chủ Nhiệm, LÊ ĐÌNH ĐIỂU 12 * Thư độc giả, 13 * Tòa soạn và bạn đọc, 14 * Thư gửi Đoàn Viết Hoạt, người bạn, PHẠM PHÚ MINH, 15 * Can đảm tự lột xác, VƯƠNG HỮU BỘT, 19 * Vấn đề Việt Nam - Kinh tế: Phát triển thực, hay đua đòi làm dáng? 23 * Hội chứng tinh thần, PHẠM XUÂN ĐÀI, 24 * Tiếng vọng: Nhóm Văn bút "Nguồn Sống", 27 * Ý nghĩa của một giải thưởng, TÔN THẤT THIỆN, 28 * Trách nhiệm vị lãnh đạo cộng đồng Việt Nam Hoa Kỳ hiện tại và tương lai, BS TRƯƠNG NGỌC TÍCH, Ước mơ tương lai Việt Nam, TRẦN QUANG MINH, 29 * Tân Tây du ký: Đông du ký, THĂNG LONG VĂN SĨ, 32 * Vũ trụ sụp đổ, SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH, 33 * Điện toán đa năng, 34 * Kể từ ngày mai... không chỗ nào được coi trọng vật chất nữa, LÊ HOÀNG, 37 * Tiếng Việt đôi bờ, CHU VIỆT, 38 * Tin tức về thị trường sách vở, TS THẾ KỶ 21, 42 * Sách và nhà, VÕ PHIẾN và NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 52 * Đôi người tri kỷ, BÙI NGỌC TÔ & HUỆ THU, 53 * Tình si, TRẦN VẤN LỆ, 54 * Họa sĩ Duy Liêm, NHẤT UYÊN, 56 * Vài nét văn học Trung Quốc hiện đại, THANG MA, 60 * Cõi tình, ĐỊNH NGUYÊN, 61 * Rượu nói, PHẠM KIM KHÔI, 63 * Chiều thơ nhạc Hoàng Cầm, 66 * Tiếng vọng từ bên kia sông Đuống, BÍCH HUYỀN, 67 * Hội luận về văn chươngphản kháng, 86 * Tình bạn, RAYMOND CARVER, Đào Trung Đạo dịch, 69 * Hiện thực chân đất, ĐÀO TRUNG ĐẠO, 70 * Những cỗ quan tài của TĩnhTâm, DƯƠNG NHƯ NGUYỆN, 73 * Ở lằn ranh ốc đảo, NGUYỄN HOÀNG NAM, 74 * Đều là đàn bà, ĐỖ KH., 76 * Người bạn bên kia bờ đại dương, PHAN TẤN HẢI, 77 * Động đất, BẢO HẠNH, 79 * Hoa, Mùa, Trăng, NGÔ NGUYÊN DŨNG, 82 * Thoáng nhớ, HỒ ĐẮC VŨ, 84 * Hoàng hôn của dĩ vãng, ĐINH PHỤNG TIẾN, 86 * Năm mươi, ừ thì năm mươi, TRIỀU HOA ĐẠI, 87 * Em có bao giờ, VÕ ĐÌNH TUYẾT, 88 * Đọc sách: Bụi và Rác của Nguyễn Xuân Hoàng, TRẦN HỒNG CHÂU, 90 * Sách báo trongtháng, NGUYỄN NAM ANH, 94 * Giải phóng, 96.

THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2054-H39
Westminster, CA 92684
Đ.T: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752

Chủ Nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ Bút:
Vương Hữu Bột

Tổng Thư Ký
Nguyễn Xuân Hoàng

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$ 15; 12 số US$ 28; 24 số US$ 54, First class trong nước Mỹ 6 số US$ 22; 12 số US$ 42; 24 số US$ 82. Canada: 6 số US$ 23; 12 số US$44; 24 số US$ 86. Các nơi khác: *Âu Châu;* 6 số US$ 32; 12 số US$ 62; 24 số US$ 122; *Á, Úc, Phi:* 6 số US$ 37; 12 số US$ 72; 24 số US$ 142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về P.O.Box 2228-260, Westminster, CA 92683. Đ.T: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần: *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ CHỦ NHIỆM

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Hai vụ xử án liên tiếp trong hai tháng qua ở Saigon, với hai phong cách trái ngược, cho thấy thực chất của chính quyền Việt Nam cộng sản. Vụ Lý Tống, cựu phi công Việt Nam Cộng Hòa, thả truyền đơn kêu gọi dân chúng Saigon nổi dậy lật đổ chế độ cộng sản, bị bắt sau khi nhảy dù khỏi máy bay: xử công khai, có quay phim, chụp hình, ghi âm, để phổ biến trong và ngoài nước, với tội danh "không tặc" chứ không phải tội "chống chính quyền." Vụ Đoàn Viết Hoạt và nhóm "Diễn Đàn Tự Do," viết lời kêu gọi chính quyền thực thi Hiến pháp, tôn trọng nhân quyền và dân quyền ngõ hầu mọi người có cơ hội và điều kiện xây dựng đất nước dân chủ và phú cường: xử kín, kết án 20 năm tù, với tội danh "chống chính quyền."

Như vậy, nền "tư pháp" của chế độ Hà Nội là nền...pháp tư (luật pháp riêng, của Đảng). Đảng muốn xử bị cáo với tội danh nào, tuỳ tiện. Đảng muốn kết án ra sao, hẳn là có lệnh sẵn, trước khi xử. Đảng bỏ tù người dân một cách "gọn nhẹ." Nhưng Đảng không bịt được hai câu nói của hai bị cáo. Lý Tống bảo "một phiên tòa khác sẽ xử phiên tòa này." Đoàn Viết Hoạt bảo "không kháng cáo vì không công nhận hệ thống tư pháp này."

Quan trọng hơn, từ phong cách xử án hai vụ nói trên, người ta nhìn ra bản chất của chế độ: Đảng không sợ bạo lực (vì đây là "nghề của chàng" rồi), nhưng Đảng sợ sức mạnh của tư tưởng. Một người kêu gọi lật đổ, Đảng coi như không có, và dàn cảnh cho trở thành một trò bốc đồng, bị lố bịch hóa trước nhân dân, trong cũng như ngoài nước. Một người không kêu gọi lật đổ, mà chỉ đề nghị thay đổi, Đảng sợ, phải xử kín, nhanh. Ông Nguyễn Văn Linh nói "đổi mới" thì được, vì ông Linh là Đảng, đổi mới theo sự sắp xếp của Đảng, có lợi cho Đảng, Đảng tung hô ông. Ông Đoàn Viết Hoạt nói "thay đổi," không được, vì ông Hoạt muốn thay đổi thật, theo quan điểm của một người trí thức lo cho tiền đồ dân tộc, có lợi cho người dân, không có lợi cho Đảng, Đảng bỏ tù ông.

Xác thân người trí thức họ Đoàn bị Đảng Cộng sản Việt Nam trói buộc, nhưng lòng yêu nước và tư tưởng dân chủ của họ Đoàn đã cất cánh bay cao, và bay xa, mở đường cho một tiến trình canh tân đất nước không thể đảo ngược được — tiến trình dân chủ hóa.□

Phải chú ý cả bản văn quảng cáo

Tờ *Thế Kỷ 21* số 47 phát hành trong tháng Ba năm 1993 có đăng hai trang quảng cáo (trang 48 và 49) cho một nhạc hội tổ chức ở Houston, Texas, với trang 48 bằng tiếng Việt và trang 49 bằng tiếng Anh.

Vì nhạc hội tổ chức ở Texas, mà chúng tôi lại ở Virginia, nên quảng cáo có lẽ không nhắm vào chúng tôi. Chúng tôi, do đó, đã đọc quảng cáo này và coi đó là một thứ tin liên quan đến sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt, và vì thế, mới có một số điều muốn nói về trang quảng cáo này.

Phần quảng cáo tiếng Anh đã để lại một số lỗi chính tả và văn phạm khiến những người Mỹ quan tâm đến đời sống văn hóa của chúng ta có thể có những nhận định không mấy tốt đẹp cho một sinh hoạt văn học cao quý như thế.

Trước hết là cái tên của nhạc hội: *Old Fragance* (sic) *Night.*

"*Fragance*" thiếu chữ "r" ở giữa "g" và "a". Lỗi này có thể là sơ suất của ấn công. Người viết có thể đã viết đúng là "*fragrance.*" Đây chỉ là một sơ suất nhỏ.

Dịch Đêm Hương Xưa thành "*Old Fragrance Night*" không có gì sai quấy cả. Nhưng những lời ca trong nhạc phẩm *Hương Xưa* của Cung Tiến — mà chúng tôi nghĩ ban tổ chức nhạc hội đã được gợi ý từ đó — những "một chiều nắng tơ vàng hiền hòa," những "lời Đường thi," những "nàng Quỳnh Như thuở đó"... hình như muốn đòi người dịch chữ "xưa" bằng những chữ khác hơn là chữ "*old*" quá tầm thường và thiếu chất thơ chăng.

Thí dụ vẫn giữ chữ "*fragrance*" nhưng dịch thành "*fragrance of yore*" hay "*fragrance of yester year*" hay "*fragrance from the past*" có lẽ hợp với tinh thần của bài *Hương Xưa* hơn là một chữ "*old,*" tuy chữ "*old*" hoàn toàn đúng.

Nguyễn Hà Trung
(Virginia)

Cám ơn góp ý của bạn. Điều thích thú nhất là báo được độc giả đọc kỹ (cả quảng cáo!) và giúp sửa sai. Mong được bạn tiếp tục giúp đỡ như thế.

Gỡ rối tơ lòng!

TK 21 số 44 có mục "mời các bạn cùng viết!" những kinh nghiệm cá nhân trong đời sống, những nhận xét... về một hiện tượng... gợi ý cho chúng tôi viết thư này gởi quý báo.

Nguyên chúng tôi có con trai 23 tuổi. Cháu là sinh viên, ngoan, học giỏi... Chúng tôi rất hãnh diện về cháu, ngoại trừ một điều... Vừa qua, cháu thừa nhận với chúng tôi cháu là *homosexuel*! Chúng tôi rất hoảng hốt! Cháu bảo điều ấy là tự nhiên, là bẩm sinh và cháu không thể sống khác được (cháu cũng thừa nhận đang có một "*chom*", là sinh viên *québecois*). Chúng tôi bảo điều ấy trái với tự nhiên, là sự "định hướng" sai lầm, bệnh hoạn... và muốn cháu phải lập gia đình, nghĩa là cưới vợ. Cháu bảo việc hôn nhân (trong trường hợp này) sẽ không mang lại hạnh phúc cho ai cả, sẽ đổ vỡ ngay sau đó và với lòng tự trọng, cháu không muốn dùng một người phụ nữ như một bức bình phong để che mắt thiên hạ! Cháu và chúng tôi, ai có lý? Chúng tôi nên hiểu sự việc như thế nào và nên làm gì? Kính mong quý báo có bài viết về đề tài này (chúng tôi tin đây là vấn đề đang được quan tâm của nhiều người và có thể cũng là vấn đề của *TK 21*)

Một độc giả
Montréal, Canada

Đây là một vấn đề "khó" không những cho chúng ta, người Việt hải ngoại, mà cho cả xã hội Tây phương. Khó vì ai cũng thấy đó là chuyện trái với thiên nhiên (chúng tôi không dám nói đến đạo lý, trừ phi cho rằng cái gì hợp với thiên nhiên cũng là hợp với đạo lý), nhưng đã trở thành một thực tế không thể chối cãi, và đã được xã hội công nhận. Trong lịch sử của mình, con người liên tục chế ngự thiên nhiên, và mỗi lần như thế lại vi phạm vô số luật lệ của tạo hóa, nhưng rồi dần dần quen đi, coi như là sự tự nhiên. Đến vụ đồng tính luyến ái, rõ ràng không "hợp lệ," nhưng có một điều có thật trong đó: đấy là tình yêu của các đương sự. Rốt cuộc sự thật nào cũng phải được tôn trọng, và ta chỉ còn biết cầu chúc hạnh phúc cho họ. Và chờ sự thử thách của thời gian.

Dịch sang tiếng Anh những bài giá trị

Tờ *TK 21* thêm phần tiếng Anh rất có lợi cho con em Việt Nam không đọc được quốc ngữ.

Báo càng ngày càng có những bài viết đáp ứng được nguyện vọng của khối độc giả thầm lặng; với một đường lối ôn hòa đứng đắn. Tôi vừa nhận được thư từ Việt Nam cho biết ở Sàigòn có nhiều người là độc giả của tờ *TK 21.*

Anh Nguyễn Tấn Hồng cũng có điện đàm cho biết cuộc tiếp xúc với các anh ở *TK 21* và với anh em họa sĩ. Anh ấy rất xúc động vì tình cảm đã dành cho anh ấy. Từ trước tới giờ anh Hồng vẫn là người có lòng với báo chí, với anh em văn nghệ sĩ.

Hồi Tết tôi có nhận được nhiều số báo Xuân từ

Sàigòn gửi qua. Nhìn chung báo chí bên nhà thật chán nản. Sự đổi mới chỉ là cóp lại của cái Sàigòn cũ, những gì tồi tệ nhất.

Về phần tờ Thế Kỷ 21 ở phần tiếng Anh, tôi nghĩ là những bài viết từ những số báo trước, có nhiều bài đề cập đến nền văn hóa Việt Nam. Những bài không cần đến thời gian tính, cũng nên lựa chọn những bài thật đặc sắc mà dịch ra Anh ngữ, để cho người ngoại quốc hiểu thêm về dân tộc ta.

T.T.
Orléans, Pháp

Nhắn tin văn học

(Thế Uyên nhờ đăng)

1- Nhà xuất bản Xuân Thu dự trù tái bản bộ Quốc văn của Thế Uyên, nhưng hiện nay tác giả chỉ kiếm ra hai cuốn Quốc văn lớp 6 và 7. Vậy bạn đọc nào còn giữ được cuốn lớp 8 và 9, xin cho tác giả mượn để chụp lại. Hoặc biết thư viện nào còn tồn trữ hai cuốn này, xin chỉ giùm.

2- Thế Uyên tìm người dịch sang ngoại ngữ Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hoa... hai cuốn sau: truyện dài "Tiền đồn" và "Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên."

Không có ngân khoản nào để trả thù lao cho dịch giả, Thế Uyên đề nghị các dịch giả chấp nhận cùng tác giả làm một cuộc phiêu lưu văn học: Dịch và nhuận sắc xong, dịch giả sẽ cùng tác giả đi kiếm nhà xuất bản nhận in. Khi bản dịch đã được xuất bản, tác quyền sẽ được chia theo tỷ lệ giữa tác giả và dịch giả đang áp dụng tại nhà xuất bản đó.

Nếu dịch giả sử dụng computer là tốt nhất, còn nếu không cũng xin dùng máy chữ đánh cách hàng để dễ nhuận sắc sau này.

Thư liên lạc đầu tiên xin gửi qua tòa soạn.

Thế Uyên

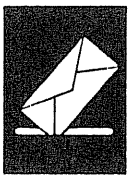

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● **Lê Như Hoàn** *(Chicago, IL)*: Cám ơn ông đã có lời khích lệ. Khi nào thuận tiện, xin ông thông báo, chúng tôi sẽ gửi báo tiếp. Kính.

● **Bùi Văn Phú** *(Berkeley, California)*: Cám ơn bạn đã góp "tiếng vọng." Mong được tiếp tục nhận những bài như thế. Thân chào.

● **Nguyễn Văn Vỹ** *(Richfield, MN)*: Chắc hẳn có trục trặc ở Bưu điện trên đó, vì dạo này chúng tôi gửi báo đi rất sớm. Đã gửi hai số 47 và 48 bằng cước phí hạng tư. Mong tin. Kính.

● **Gia Du** *(Sydney, Úc)*: Đã nhận được check. Hôm anh qua Cali, có lẽ bận lắm, nên không thấy điện thoại. Hoặc có mà gặp lúc tụi tôi "dông" mất tiêu rồi? Anh Quyên có ghé thăm. Đã nhận được báo nhờ SJ chuyển rồi chứ? Thân ái.

● **Phạm Gia Pháp** *(Port Authur, TX)*: Cám ơn anh đã chuyển cho bài của BS C. Tòa soạn đang đọc, sẽ trả lời anh sau. Thân ái.

● **Andrew Nguyen** *(Florida)*: Đã chuyển ngay thư anh tới gia đình của NTN. Sao các BS "chuyển ngành" nhiều thế? Bao giờ xong tập nhạc, chắc sẽ làm băng hay CD luôn? Chúc vui.

● **Trần Xuân Cường** *(Đức)*: Đã gửi báo. Rất thông cảm. Chúc các bạn thân tâm an lạc. Thỉnh thoảng cho biết tin. Thân ái.

● **Hồ Văn Đồng** *(Virginia)*: Đã chuyển câu hỏi của anh sang NXB/NV. Bên ấy sẽ gửi sách và thanh toán các khoản. Xin gửi lời chúc mừng của anh chị em bên này tới anh, nhân dịp chị sang đoàn tụ. Thân mến.

● **Lm S. Bùi Thượng Lưu** *(Stuttgart, Đức)*: Chúng tôi đã nhận được *Dân Chúa Âu Châu*. Cám ơn quý vị. Chúng tôi cũng đã gửi *TK 21* sang bên đó. Kính chào.

● **Nhất Uyên** *(Paris, Pháp)*: Mấy bản chụp màu rất đẹp. Nếu chụp lại bằng máy ảnh, anh nên mang ra ngoài trời, đừng dùng *flash*. Nếu ảnh đã lộng kính, phải tháo kính ra. Chụp để đưa in, xin dùng phim dương bản (*slide*) Ektachrome — nhà in sẽ phóng lên bản phân màu. Những đề nghị của anh đều vô cùng hấp dẫn. Mong rằng chúng ta sẽ dần dần thực hiện. Cám ơn anh nhiều. Mong tin luôn.

● **Hà Mạnh Tuấn** *(Paris, Pháp)*: Nhận được báo rồi. Đơn sơ nhưng đẹp và nhiều bài hay. Tam C chứ bộ! Sẽ có thư. Đã thông báo cho các bạn về vụ tháng Tám người bên Tây qua chơi. Thân ái.

● **Thiện Hỷ** *(Carrollton, Texas)*: Đã nhận được "Một vài kỷ niệm với thi sĩ Bùi Giáng." Sẽ đăng. Những kỷ niệm như thế bây giờ trở nên quý và hiếm, nhất là để tìm hiểu thêm những tác giả như thi sĩ họ Bùi. Theo chỗ chúng tôi biết Bùi Giáng hiện vẫn ở Sàigòn, vẫn tự do trong những cơn điên của mình, vẫn sống cuộc đời lang bạt không vợ không con, nhưng đã già yếu nhiều. Mong nhận được thêm nhiều kỷ niệm về Sàigòn xưa của chúng ta. Thân.

● **Khôi Hoàng và Cynthia Đinh** *(UCLA, Los Angeles)*: Đã chuyển tài liệu sang NV. NV đã làm thành bản tin. Chúc các bạn thành công.

● **Nguyễn Thị Xuân Sương** *(Paris)*: Đã nhận được thư và măng đa. Sẽ gửi lại thùng báo bị trả về, theo địa chỉ mới. Hy vọng kỳ này "đi tới nơi" và không "về chốn cũ" nữa.■

THƯ GỬI ĐOÀN VIẾT HOẠT, NGƯỜI BẠN

PHẠM PHÚ MINH

Đoàn Viết Hoạt, Saigon 1990.

Hoạt thân,

Viết cho cậu bức thư này tôi không muốn bàn bạc cùng cậu về công cuộc tranh đấu của cậu hiện nay, cũng không nhằm chia sẻ cái bi đát và khôi hài của bản án mà tòa án Sàigòn vừa dành cho cậu hôm 30-3-1993. Đây chỉ là một bức thư bạn bè, nhân những biến cố lớn trong đời của nhau.

Chúng ta là bạn cùng lứa, lúc tuổi trẻ đã có chung với nhau một hướng nhìn, cùng "xuất thân" từ trường Đại học Sư Phạm, cùng có chung những hoạt động nghề nghiệp và xã hội. Có rất nhiều cái chung từ lúc khởi hành vào đời, Hoạt, tôi, cùng các bạn khác mặc nhiên coi nhau là "anh em," mặc dù chẳng bao giờ chúng ta cùng tuyên thệ để vào một đảng phái nào, hoặc ít ra chính thức giao hẹn một cuộc hành trình dài lâu chung bên nhau. Nhưng mình tin cái "anh em" của chúng ta có đầy đủ mức độ tin cậy, về tình cảm cũng như về lý tưởng, như là chúng ta đã từng chứng tỏ và ngầm hiểu nhau từ bấy lâu nay.

Thời trước 1945 có câu thơ:

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa

Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh

như là một sự tự nhìn lại của đám thanh niên thời ấy, đau khổ trong cái bế tắc của cảnh mất nước. Mỗi thế hệ đều có một "lũ chúng ta" mang trong mình đầy đủ các sắc thái và vấn đề của thời đại ấy.

"Lũ chúng ta" của bọn mình sống thời thiếu niên vào khoảng 1954, trưởng thành vào những năm đầu của thập niên 60. Đó là một thời kỳ đặc biệt của đất nước. Vừa chớm hiểu biết đã chứng kiến cảnh non sông bị chia cắt, cái cảnh mà từ nhỏ chúng ta đã biết qua bài học lịch sử Trịnh Nguyễn phân tranh và bài hát *Hờn Sông Gianh: "... Ôi Sông kia lòng mi đau đớn, lòng mi than khóc, lòng mi căm hờn..."* Biết nhưng không hiểu. Không ngờ đúng thời đại của mình việc ấy lại tái diễn, không gì chúng ta cũng đã là chứng nhân của một biến cố

TS Đoàn Viết Hoạt bị V.C. kết án 20 năm tù

Tòa án Nhân Dân thành phố Sàigòn vừa xử tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt và một số người có liên quan đến vụ gọi là "Diễn Đàn Tự Do."

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt bị kết án 20 năm tù và năm năm mất quyền công dân sau khi được tự do.

Ông Phạm Đức Khâm, 16 năm tù và năm năm mất quyền công dân.

Nhà văn Châu Sơn Thái Vị Thủy, 12 năm tù và năm năm mất quyền công dân.

Ông Lê Đức Vượng (tức nhà thơ Vương Đức Lệ) bảy năm tù. Các ông Nguyễn Xuân Đồng, Nguyễn Thiệu Hùng (nhà thơ Mai Trung Tĩnh), Phạm Thái Thủy (nhà thơ Thái Thủy), mỗi người lãnh án bốn năm tù.

Ông Hoàng Cao Nhã bị kết án tám tháng tù.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, năm nay 51 tuổi, không được phép nói chuyện với vợ là bà Trần Thị Thức trước cũng như sau khi bản án được công bố. Mặc dầu nói là phiên xử sẽ công khai nhưng thực tế ngoại trừ một số ít thân nhân của các bị can có giấy phép trước, công chúng không được tham dự phiên xử này.

Các quan sát viên ngoại quốc cũng bị khước từ yêu cầu đến tham dự, trong số đó có các tổ chức nhân quyền quốc tế Asia Watch, Amnesty International và Committee to Protect Journalists.■

hiếm khi xảy ra trong lịch sử. Chính cậu và các bạn miền Bắc "sống" biến cố ấy mãnh liệt hơn bọn mình ở miền Nam, vì phải trải qua cuộc di cư. Thời Trịnh Nguyễn chia đôi đất nước, nhưng không có di cư như thời chúng ta, vì thời đó chưa có Cộng Sản, nhân loại thời đó chưa biết hết nhau và chưa đặt ra những bài toán lớn lao nhằm giải quyết một lần cho xong, cho cả quả địa cầu.

Cái mốc 1954 đã góp phần to lớn để xây dựng nhân cách của lứa tụi mình, Hoạt có nghĩ thế không? Bọn mình đang ngồi ở ghế nhà trường trung học và lịch sử sang trang. Trận chiến chín năm đánh nhau với Pháp vừa kết thúc, hậu quả còn bề bộn. Các đảng phái quốc gia tan tác sau biến cố 45 đang kiểm điểm lại quân số để nhìn về kẻ thù là đảng Cộng Sản đã thành một khối lù lù ngự trị nửa nước phía Bắc. Chúng ta lớn lên giữa một vận hội mới của miền Nam, nhưng hình như không lúc nào thật bụng tin tưởng vào những người đang xây dựng chế độ mới. Hình như phần lớn lứa của chúng ta luôn luôn mang tâm trạng bất mãn với chính quyền ông Diệm, mặc dù ý thức rất rõ chế độ miền Nam chính là cái chế độ "của mình," trách nhiệm mình trong tương lai là lo xây dựng cho nó. Chúng ta luôn luôn thấy chính quyền đó có một cái gì không ổn, dựa trên một cái gì không thật, luôn luôn kể cho nhau nghe những điều không hay về ông Nhu bà Nhu, dè bỉu tổ chức Thanh niên Thanh nữ Cộng hòa như một cái gì hoàn toàn hình thức không chút thực chất. Chương trình học và văn hóa Pháp còn nhiều ảnh hưởng trên lứa chúng ta, nhưng đó là ảnh hưởng đang lui dần. Chúng ta nhìn nước Mỹ với niềm say sưa hướng về chân trời lạ, như một vẫy gọi của lý tưởng tự do, phồn thịnh, và như một bảo đảm an toàn trước sự bành trướng của Cộng Sản quốc tế trên đất nước mình. Sau 54 chúng ta, lứa trẻ Nam Bắc lẫn lộn, đã kết bạn, học hành... khá hòa hợp với nhau, được sống một số năm tương đối sung sướng của thời đệ nhất cộng hòa, với lòng bất mãn chính quyền ông Diệm như một nét lý tưởng, và chống cộng nữa, cũng như là một nét lý tưởng.

Cái làm cho chúng ta thực sự bối rối và đau buồn là cuộc chiến tranh ngày càng nặng nề trên cả miền Nam. Chúng ta càng thấy sự bất mãn của mình đối với chính quyền ông Diệm là đúng: mất lòng dân quá, cho nên dân mới ngả về Cộng Sản. Càng lớn lên, càng hiểu biết, lứa trẻ đầu thập niên 60 đều mơ tưởng một cuộc thay đổi chính quyền, để từ đó làm lại hết, với một lớp cán bộ mới có thực chất và có lý tưởng, vứt bỏ tất cả dấu vết quan lại, tham nhũng, hình thức, của cái chính quyền mất lòng dân cũ. Nhưng chỉ là mơ ước suông với nhau thôi. Hầu hết "lũ chúng ta" hồi đó không hề nhận một ai làm lãnh tụ. Đơn giản có lẽ vì lớp đàn anh hồi ấy chẳng có ai có mãnh lực thu hút cả một phong trào thanh niên rầm rộ theo mình. Các đảng phái quốc gia cũ, hết bị nạn với Cộng Sản lại bị nạn với chính quyền ông Diệm, tỏ ra đã hụt hơi, chẳng còn chút sức hút nào. Chỉ có mỗi ông Nguyễn Tường Tam là một hình ảnh đáng kính trọng hơn cả, nhưng lại nhuốm nhiều về lãng mạn quá, gần với tiểu thuyết hơn là thực tại chiến đấu. Bọn trẻ chúng ta thời ấy không có ý nghĩ "đầu quân" cho các đảng phái cũ, có lẽ một cách vô thức cho rằng các đảng đó đã đóng hết vai trò lịch sử của mình rồi. Họ thấy thế giới mở rộng trước mắt có vẻ chứa đựng nhiều lời giải cho thời đại của mình hơn là các tình tự lối tráng sĩ thuở xưa. Và đó cũng là một dự cảm rất đúng của lớp chúng ta. Chúng ta lo học — hoặc trong nước, hoặc du học — hơn là lo lập hội kín như đàn anh ngày trước.

Vụ Phật giáo 1963 lại là một cái mốc quan trọng trong đời chúng ta, làm cho chúng ta trưởng thành hẳn. Chúng ta in báo lậu, phân phối truyền đơn, bãi khóa... và cũng đã thực sự bắt đầu nếm mùi bắt bớ, tra tấn... Đây là lần đầu tiên thế hệ chúng ta "thưởng thức" những món mà lớp cách mệnh đàn anh của chúng ta trước kia thường gặp như cơm bữa. Ước ao một cuộc thay đổi từ bao lâu, đến nay thời cơ đã tới, lớp chúng ta lao vào cuộc đấu tranh Phật giáo không ngần ngại. Từ trong tâm thức chúng ta cảm thấy mình đang làm một công hai việc, vừa góp sức lật đổ một chính quyền mất lòng dân để việc chống Cộng Sản hữu hiệu hơn, vừa góp

sức phục hồi một truyền thống văn hóa rất Việt Nam mà có vẻ như chính quyền ông Diệm đè nén không cho phát triển để thay thế vào bằng một luồng văn hóa đến từ phương Tây.

Sau đảo chánh, lớp trẻ chúng ta bỗng thành người lớn hết. Các Tổng hội Sinh viên trở thành các trung tâm quyền lực không kém gì các chùa. Và đất nước lại lâm vào một thời kỳ hỗn loạn vì những người đang nắm quyền lực lại chưa hề có quyền lực trong quá khứ, từ các tướng lãnh, đến các thượng tọa, đến các sinh viên. Thực tế không dễ dàng chút nào như các mơ tưởng trước kia: ông Diệm đổ rồi mọi cái trở nên rối rắm và không ổn định, trong khi phía cộng sản liên tục lấn sân trên chiến trường.

Bọn mình đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm giữa một bối cảnh như thế, từ giã cái sân khấu đấu tranh xuống đường để bước vào nghề dạy học, và chính thức làm... công chức. Tư thế của chúng ta bỗng thay đổi nhanh chóng, từ vai trò "lũ trẻ" trong trường học biến thành ông thầy đứng trên bục giảng nhìn xuống một lũ trẻ khác non nớt hơn đang ngước mắt nhìn mình. Trong tình thế lộn xộn của những năm ấy, học sinh đã nhìn các ông thầy mới ra trường với con mắt đầy kỳ vọng và háo hức, như chỉ chờ một hiệu lệnh là mọi sự lại nổ bùng... Và cũng chính trong thời kỳ này, một sự kiện đã xảy ra, đã đem hầu như tất cả "lũ chúng ta" lại gần nhau. Đó là Chương Trình Công tác Hè 65 của Thanh niên Sinh viên Học sinh.

Sau một thời gian dài "loạn lạc" với biểu tình, bãi khóa, đảo chánh và chỉnh lý liên tục, lớp trẻ tìm thấy ở chương trình này một loại hình hoạt động mới mẻ, hợp với mình hơn cả: trại công tác. Tham gia chương trình này mình đã gặp Hoạt và nhiều anh em khác mà sau nghĩ lại, giá không có những hoạt động hè 65 ấy thì khó có dịp quen biết đầy đủ, chớ đừng nói đến chuyện thân thiết nhau. Hè 65 chính là khởi điểm cho một giai đoạn mới, vì nó đã khơi lên một phong trào trại công tác rộng lớn trên toàn quốc, và những người có thiện chí và khả năng tham gia chương trình đã có cơ hội nhận biết nhau, bắt tay nhau. Từ khởi điểm này đã nảy ra các hoạt động có thực chất khác như Phong Trào Học Đường Mới, Chương Trình Phát Triển Sinh hoạt Thanh niên Học đường (CPS), Chương Trình Phát Triển Quận Tám, Phong Trào Du Ca, Đoàn Thanh Niên Tương Trợ Học Sinh Nạn Nhân Chiến Tranh, Phong Trào Học Đường Phục Vụ Xã Hội... Hoạt đã cùng anh em hoạt động trong Chương Trình Hè 65, rồi CPS năm 1966, đồng thời gắn liền với các hoạt động Phật giáo. Sau chuyến đi Mỹ quan sát ba tháng vào mùa hè 66, Hoạt chuẩn bị cho chuyến du học để lấy tiến sĩ giáo dục tại Mỹ, rồi làm việc ở Vạn Hạnh cho đến 75.

Viết cho Hoạt nhân vụ ra tòa ở Sài Gòn, tại sao tôi lại dài dòng vẽ cả cái bối cảnh của lứa tuổi bọn mình như thế? Trước hết, như nói về kỷ niệm, và có lẽ nhìn lại một quãng đời, bọn mình tuổi đã ngoài năm mươi cả, tự nhiên có khuynh hướng tổng kết chăng? Sắp xếp lại các lớp lang của quá khứ để nhìn lại mình cho rõ hơn cho hiện tại và tương lai. Nhân việc của Hoạt mà nhìn lại cả lũ chúng ta, và từ cái nhìn chung ấy mà hình ảnh của Hoạt nổi rõ hơn. Chủ ý của mình là muốn nhìn lại Hoạt.

Sau cơn tan tác hồi 1975, Hoạt đã đứng vững trên hai chân của mình tại chính Việt Nam, mà cất lên tiếng nói của lương tâm, dù là trong tù hay ở ngoài tù. Hoạt đã làm hiện rõ tầm vóc của mình trong cơn hoạn nạn của đất nước. Tầm vóc của tinh thần, của tư tưởng và của trách nhiệm. Tinh thần điềm tĩnh không khuất phục trước bạo lực, tư tưởng lúc nào cũng chính xác và bao quát của một người đứng từ một độ cao mà nhìn xuống toàn cảnh không bị các tình cảm nhỏ nhen cục bộ chi phối, và trách nhiệm ở mức độ cao nhất của kẻ sĩ trong cơn quốc phá gia vong. Nơi hoạt đã tổng hợp cả ba yếu tố ấy, nên cậu đã ung dung tự tại trong mọi hoàn cảnh. Tại trại Phan Đăng Lưu trong những năm 1976, 77, tại khám Chí Hòa cho đến đầu năm 1988, về lại với gia đình và xã hội trong vài năm ngắn ngủi rồi lại

Luật sư Nguyễn Trọng Nho muốn về Saigon cãi cho GS Hoạt

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt sinh năm 1942, tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Sàigòn, đậu bằng tiến sĩ Giáo Dục tại đại học Florida năm 1971, trở về nước dạy học và sau đó làm phụ tá Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh cho tới năm 1975. Khi Cộng Sản chiếm miền Nam, GS Hoạt đã không chịu di tản. Cộng Sản đã bắt giữ ông và liên tục giam giữ ông trong 12 năm từ 1976 đến 1988.

Năm 1990 GS Hoạt cùng các bạn Phạm Đức Khâm, Châu Sơn, và vài người khác đã xuất bản một bản thư đánh máy mang tên là *Diễn Đàn Tự Do* kêu gọi nhà cầm quyền Cộng Sản thay đổi luật lệ và hiến pháp để trao trả cho người dân các quyền tự do căn bản của con người. *Diễn Đàn Tự Do* cũng đã kêu gọi chấm dứt cái gọi là sự thù nghịch vĩnh cửu giữa những người Cộng Sản và những người Quốc Gia, vì theo những người chủ trương *Diễn Đàn Tự Do* thì cả hai trào lưu suy nghĩ đều đã băng hoại, và sự đối kháng đó không còn là một yếu tố hữu hiệu nữa để đưa đất nước tiến bộ trong trào lưu dân chủ hóa của thế giới và trong sự hủy thể của Cộng Sản tại khắp nơi.

Một tuần trước khi phiên xử bắt đầu, Bà Trần Thị Thức, vợ giáo sư Hoạt đã điện thoại thẳng sang Hoa Kỳ nhờ luật sư Nguyễn Trọng Nho về biện hộ cho GS Hoạt. Ba ngày trước khi phiên xử án bắt đầu, chính phủ Cộng Sản đã trả lời luật sư Nguyễn Trọng Nho rằng GS Hoạt đã quyết định tự bào chữa không nhờ luật sư giúp đỡ.■

trở vào chốn lao lung, bao giờ Hoạt cũng giữ nhân cách, luôn vui vẻ hòa nhã với mọi người, được bạn bè cảm mến mà kẻ thù cũng nể phục. Hoạt có nhân cách và tư tưởng của người làm việc lớn.

Mỗi thời kỳ lịch sử lại cần một loại người, để đáp ứng nhu cầu bức thiết nhất của quốc gia trong thời kỳ đó. Mình tin chắc Hoạt là nhân vật mà lịch sử Việt Nam trông đợi cho thời kỳ sau 1975. Các hoạt động, tu dưỡng của thế hệ chúng ta từ thời còn trẻ là một cuộc diễn tập để sàng lọc lấy chất ngọc giữa vô vàn sỏi đá. Hoạt đã nói đúng: "Dân tộc ta đang chấm dứt một thời kỳ lịch sử cũ và sửa soạn bước vào một thời kỳ lịch sử mới". Hoạt là người đầu tiên dõng dạc lên tiếng về thời kỳ mới ấy giữa một rừng đao búa của cái cũ. Sự lên tiếng đúng lúc, đúng chỗ, trong tư thế hiểm nghèo chứng tỏ tính chất bức thiết của điều Hoạt nói đối với lịch sử đất nước, như là sự sinh đẻ đối với một bào thai đã đến ngày đến tháng. Đó là đúc kết của một trí tuệ đã lặn vào cùng sâu sự đau khổ của Việt Nam, đúc kết của máu của xương, của nước mắt, mồ hôi và của một ý thức trong sáng rõ rệt nhu cầu thay đổi của Việt Nam ra sao.

Đoàn Viết Hoạt đã nói lên điều đúc kết ấy, là chính sự kết tinh ấy. Điều Hoạt nói không chỉ là ngôn ngữ, mà là con đường sống của một Việt Nam đang quằn quại tìm lối thoát cho chính mình.

Thời thế tạo anh hùng, nhưng rồi anh hùng sẽ tạo nên thời thế. Nhu cầu của quyền được sống tự do, làm ăn tự do, nhân phẩm được tôn trọng của dân Việt Nam đã "tạo" ra Đoàn Viết Hoạt, thì ngược lại, chính Hoạt trong cuộc đấu tranh của mình đang tạo nên một niềm tin cho mọi người rằng cái đúng rồi sẽ thắng.

Niềm tin sẽ tạo nên thời thế. Hoạt ơi, xin cám ơn cậu đã cho mọi người niềm tin ấy, mọi người, trong đó có bạn bè của cậu, những người có lẽ nhạy cảm hơn cả về những gì cậu đã nói ra và những gì cậu đã làm. ■

Asia Watch: Hà Nội vi phạm công pháp quốc tế

Trong một bản tuyên bố được công bố tại Bangkok, Thái Lan, hôm 2 tháng Tư, Giám Đốc Chấp Hành của Asia Watch, bà Sidney Jones, cho biết rằng, chính phủ Cộng Sản Việt Nam đã không dám chấp nhận lời yêu cầu của nhóm này, để cho họ được theo dõi phiên xử.

Bà S. Jones cho biết phiên xử tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt đã được xử kín, là vi phạm với công pháp quốc tế.

Bà Jones quả quyết rằng tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt chỉ kêu gọi trả lại tự do cho các tù chính trị, cho thêm tự do chính trị cùng tổ chức các cuộc tổng tuyển cử tự do và ngay thẳng, chứ tiến sĩ Hoạt không hề chủ trương lật đổ chế độ Cộng Sản bằng vũ lực.

Mặt khác, các nhà ngoại giao tại Hà Nội, hôm 31 tháng Ba, cho biết, các bản án có thể gây nên các làn sóng phản đối mới về nhân quyền tại các quốc gia Tây phương, chống lại Cộng Sản Việt Nam.

Điều này có thể gia tăng áp lực đối với Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton, để không bãi bỏ lệnh cấm vận kinh tế của Hoa Kỳ đối với Việt Nam, mà Washington đã duy trì từ suốt 29 năm nay.

Hội Luật Gia Việt Nam tại Cali phủ nhận bản án Đoàn Viết Hoạt

Hội Luật gia Việt Nam tại California lên tiếng qua tuyên bố sau đây (trích):

Trong phiên xử ngày 30 tháng Ba 93, Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt Đoàn Viết Hoạt và các văn hữu trong nhóm Diễn Đàn Tự Do về tội phản nghịch hay "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân." Bản án xác nhận tội trạng chỉ căn cứ đơn thuần vào một số "tài liệu phản động" do nhóm Diễn Đàn Tự Do phổ biến dưới hình thức các tờ nguyệt san đánh máy và truyền tay người đọc. Các tài liệu này không hô hào dân chúng đứng lên dùng võ lực lật đổ chính quyền. Trái lại các tác giả chấp nhận chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc, trong đó nhà cầm quyền hòa hợp với quốc dân trên căn bản thượng tôn quyền lợi dân tộc, chiếu nguyên tắc dân tộc tự quyết.

Chúng tôi chủ trương rằng không ai có thể bị kết án chỉ vì đã phổ biến tư tưởng trên những tờ báo.

Chúng tôi cho đây là một bản án có tác dụng làm nhục mạ Tòa Án và làm xấu hổ Việt Nam.

Dụng ý của nhà cầm quyền là dùng tòa án như một công cụ để trấn áp các phong trào đòi tự do dân chủ, và tạo phương tiện trao đổi trong tiến trình xin giải tỏa cấm vận và thiết lập bang giao với Hoa Kỳ.

Chúng tôi kêu gọi các hội đoàn Việt Nam và quốc tế hãy lên tiếng phản kháng hành vi xâm phạm nhân quyền nói trên của nhà cầm quyền Hà Nội.

Chúng tôi yêu cầu Hội Ân Xá Quốc Tế khiếu tố Chính phủ Hà Nội tại Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc về việc bắt giữ trái phép Đoàn Viết Hoạt và các văn hữu trong nhóm Diễn Đàn Tự Do.

Chúng tôi yêu cầu Hội Luật Gia Quốc Tế Bảo Vệ Nhân Quyền khiếu tố Chính phủ Hà Nội tại Ủy Ban Quy Ước và Khuyến Nghị Hội Đồng Văn Hóa Liên Hiệp Quốc về vụ bắt giữ trái phép Đoàn Viết Hoạt và các văn hữu trong nhóm Diễn Đàn Tự Do (...).■

Nhân đọc "Việt Nam: Khủng Hoảng và Lối Ra" của Nguyễn Kiến Giang

CAN ĐẢM TỰ LỘT XÁC

VƯƠNG HỮU BỘT

Nhiều nhà trí thức ở Việt Nam đã có can đảm nêu ra các đề nghị ngược lại với chủ trương của nhà nước CSVN. Nhưng Nguyễn Kiến Giang vẫn là một trường hợp đặc biệt. Ông là một đảng viên Cộng Sản kỳ cựu, và ông đã viết thẳng rằng ông "tự lột xác," trong bài luận văn viết từ đầu năm 1990. Ba bài luận văn của ông mới được in thành sách ở hải ngoại (1). Và đây là một dịp cho chúng ta hiểu rõ hơn về nếp suy tư và biến chuyển tư tưởng của một người trí thức Việt Nam đã gắn bó gần suốt đời với chủ nghĩa Mác-Ăng ghen.

Nguyễn Kiến Giang nhìn nhận số phận của ông làm ra "cho chủ nghĩa Cộng Sản": "Bố tôi là một người Cộng Sản từ đầu những năm 30, (ông sinh năm 1931). Hồi tôi mới được mấy tháng mẹ tôi bế tôi tới nhà giam thăm bố tôi đang ngồi 'tù Cộng Sản'... Năm 1945, tôi tham gia hoạt động Việt Minh... Năm 1947, lúc tôi mới 16 tuổi, tôi trở thành người Cộng Sản chính cống."

Người Cộng Sản chính cống này cũng nếm mùi sáu năm tù và ba năm quản thúc của chế độ mà thân phụ ông cũng như chính ông góp công dựng lên (1967 - 1976).

Những lời ông viết ra, do đó rất đáng đọc với lòng trân trọng.

Đã nhiều đảng viên CSVN từng nói ra các đề nghị như Nguyễn Kiến Giang, nhưng không ở mức độ thẳng thắn như ông. Có người viết sau ông, như Lữ Phương, cũng chỉ nói "phải từ bỏ hoàn toàn sự phân biệt một cách trừu tượng giữa cái gọi là 'tư bản chủ nghĩa' và 'xã hội chủ nghĩa'." Nguyễn Khắc Viện thì xí xóa: "Tên gọi là chủ nghĩa tư bản hay xã hội chủ nghĩa không quan trọng nữa," khi bàn về hình thái của xã hội tương lai (2). Đó là các cách lảng tránh, không nói thẳng vào vấn đề.

Nhưng Nguyễn Kiến Giang, từ đầu năm 1990, đã có can đảm trí thức nói thẳng về sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội.

Sau khi mô tả các dự kiến của ông về những "hình thái của xã hội tương lai," ông bảo không thể gọi xã hội đó là xã hội chủ nghĩa, "dù có thêm những tính từ 'phát triển,' 'hoàn thiện,' 'có bộ mặt dân chủ và nhân đạo' v.v... Và do đó, cũng không thể gọi là xã hội Cộng Sản chủ nghĩa;" vì "đứng về mặt triển vọng lịch sử mà xét, chúng đã bị vượt qua" (trang 46); vì "những khái niệm ấy không đủ sức chứa đựng những nội dung cơ bản của hình thái xã hội mới" (trang 47).

Thái độ dứt khoát đó, ông thú nhận "...chắc chắn là điểm 'choáng' mạnh nhất đối với tất cả những ai từng coi chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng Sản là lý tưởng của mình (trong đó tất nhiên có cả bản thân người viết...)..." (trang 46) và "kết quả một cuộc tự lột xác không phải là không đau đớn" (trang 60).

Nhưng, Nguyễn Kiến Giang nhận định, những nước "gọi là xã hội chủ nghĩa đã đi trệch khỏi con đường lớn của nền văn minh loài người" (trang 102). Vì đi trệch nên "trở thành một đường nhánh, cuối cùng lâm vào ngõ cụt" (trang 17). Và bây giờ "họ phải mất một thời gian khá dài nữa để trở lại với những thành tựu của văn minh loài người đã đạt được" — như kinh tế thị trường, chế độ dân chủ, v.v... (trang 54).

Cảnh "ngõ cụt" đã được Nguyễn Kiến Giang chứng kiến ở các nước xã hội chủ nghĩa: con người "trần trụi đủ mọi thứ -- sở hữu: không; suy nghĩ riêng: không; ý kiến riêng: không; quyền đi lại, quyền cư trú, quyền lựa chọn đại biểu của mình, những quyền con người cơ bản nhất: cũng không nốt" (trang 100 - 101)! Con người không những trần trụi mà còn bị mất phẩm giá, mất các giá trị đạo đức nhân bản: "Sự khiếp sợ trở thành phổ biến... và đầu độc đời sống tinh thần của con người... (trang 101)... Lương tâm bị thay thế bằng 'ý thức giai cấp,' cái thiện bị thay thế bằng 'lợi ích giai cấp,' v.v... và v.v..." (trang 103).

Một ưu điểm của Nguyễn Kiến Giang là thái độ trí thức của ông. Tất cả các phân tích và lý giải ông nêu ra không phải là để đôi co "tao đúng mày sai" (chữ của Dương Thu Hương), hay là để tự biện bạch, tự minh giải về cuộc

đời và hành động của mình. Ông chỉ "nói thêm" về lý lịch của mình trong vòng hai trang, có lẽ là để không ai ở Việt Nam có thể kết án là ông "chống Cộng!" Các bài luận của ông viết với thái độ khách quan, theo lối của một người "ham học, ham suy nghĩ," bàn về các vấn đề chung, vì hạnh phúc chung của dân tộc, chứ không phải vì "cái tôi" của mình. Chúng ta có thể thấy nhiều lý giải của ông không vững chắc, nhiều lời quả quyết còn vội vàng, nhưng chúng ta sẽ sung sướng được đối thoại với một người trí thức không mặc cảm, không ảo tưởng (3). Khi một người Mác-xít nhận xét về chủ nghĩa Mác-Ăng ghen một cách khách quan và bình tĩnh như vậy, đó là một điều đáng mừng.

Có lẽ độc giả ở trong và ngoài nước sẽ chú ý nhất tới phần thứ ba của cuốn sách, Nguyễn Kiến Giang bàn về "Khủng hoảng và Lối ra."

Ông xác nhận cuộc khủng hoảng của nước ta là một "khủng hoảng toàn diện, khủng hoảng tổng thể" (trang 119). Và ông nêu ra các mặt kinh tế (tr.119 - 20), mặt xã hội (tr.120 - 21), về tinh thần và tư tưởng (tr. 121 - 22) và về chính trị (tr. 123 - 24), với khía cạnh quốc tế (tr.122). Và Nguyễn Kiến Giang nhấn mạnh: "Khủng hoảng ở nước ta hiện nay tập trung nhất ở khủng hoảng chính trị" (tr.123). Nút chính của khủng hoảng là sự độc tôn của đảng CSVN, từ đó sinh ra các chứng bịnh khác.

Còn lối ra? Đề nghị ông nêu lên là "phải tách đảng ra khỏi nhà nước, phải tách nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh tế," và xây dựng "xã hội công dân, kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, v.v..." (trang 131) với các mục tiêu: phục hồi kỷ cương và luật pháp, công bằng xã hội, các quyền tự do dân chủ, kể cả quyền sở hữu tư, tóm lại là cho dân ta có "một trạng thái bình thường và lành mạnh" (trang 132). Về mặt kinh tế, ông cũng chủ trương tư hữu hóa, "phi nhà nước hóa," bảo đảm lương bổng, phá vỡ các mafia kinh tế, tư nhân hóa nhà ở và ruộng đất. Về mặt tinh thần, ông đòi hỏi tôn trọng tự do tư tưởng, tự do báo chí. Về mặt chính trị ông đề nghị hòa hợp dân tộc, đoàn kết toàn dân, xóa bỏ độc quyền chân lý. Một cách cụ thể, ông yêu cầu bỏ điều 4 trong hiến pháp (ông viết bài này trước đại hội VII), triệu tập Đại hội quốc dân mới, lập chính phủ liên hiệp quốc dân, bầu "quốc hội liên hiệp" (sic), v.v...

So với những bản lên tiếng của các nhà trí thức khác ở trong nước, như Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu, thì các đề nghị của Nguyễn Kiến Giang có nhiều điểm cụ thể hơn, đầy đủ hơn. Nhưng so sánh với các bản ý kiến của Đoàn Viết Hoạt viết trước khi bị bắt và trong lúc ngồi tù, thì các ý kiến của Nguyễn Kiến Giang vẫn còn thiếu nhiều điểm. Trong khi Đoàn Viết Hoạt đề nghị đảng CSVN trả lại chủ quyền cho dân qua bầu cử tự do, với quyền tự do lập đảng và tự do báo chí, để bầu quốc hội lập hiến và soạn hiến pháp mới, thì Nguyễn Kiến Giang chỉ đề nghị "đảng và nhân dân cùng nhau" làm lại. Nhân dân Việt Nam đã có kinh nghiệm 50 năm qua, khi nào "đảng và nhân dân" cùng làm thì kết quả sẽ như thế nào rồi! Có lẽ ông Nguyễn Kiến Giang, vào năm 1991, còn rụt rè hơn ông Đoàn Viết Hoạt, hoặc có óc thực tế hơn ông Hoạt. Ông Giang chỉ đưa ra các đề nghị "dễ nuốt" đối với đảng CSVN, như trao cho Mặt Trận Tổ Quốc (một bộ phận để cai trị, của đảng) triệu tập Quốc Dân Đại Hội, rồi tiến tới chính phủ liên hiệp. Rất có thể bị

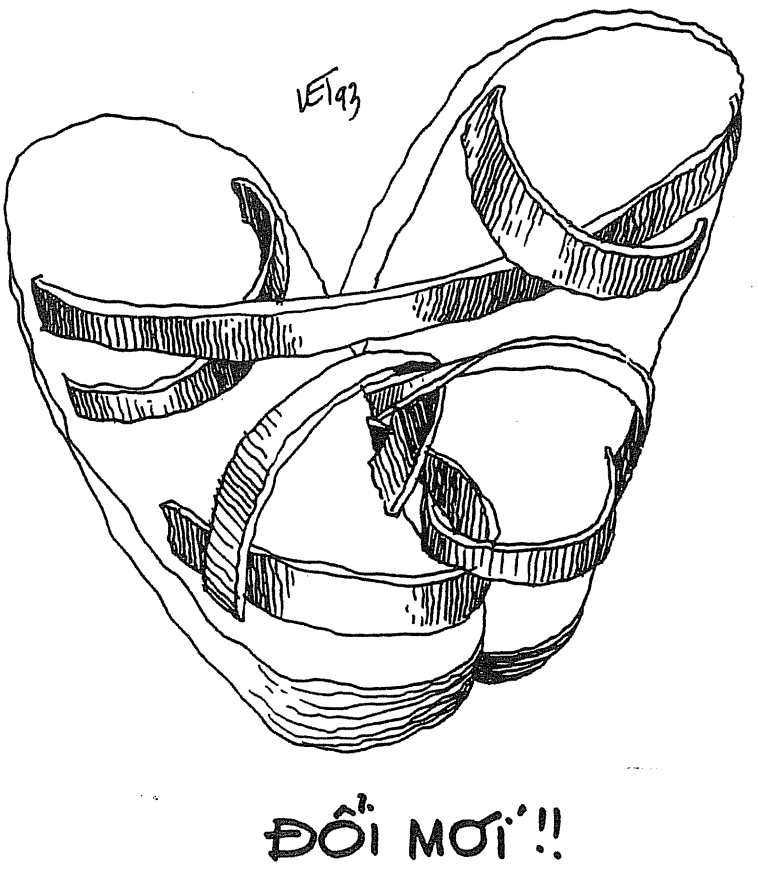

sức ép mạnh quá, đảng CSVN sẽ làm đúng các đề nghị của Nguyễn Kiến Giang, nhưng chỉ trên bề mặt, còn bên trong họ vẫn duy trì chế độ độc tài, chế độ độc quyền tham nhũng.

Ba bài luận văn của Nguyễn Kiến Giang có nhiều khuyết điểm. Nếu không nêu lên các khuyết điểm thì có vẻ không thành thật và thẳng thắn đối với tác giả. Vì vậy, chúng tôi dù bỏ qua các chi tiết, vẫn phải nói tới vài nhược điểm chính yếu.

Một nhược điểm là mối quan tâm của ông thiên về lý thuyết nhiều quá, nên các ý kiến về hình thái xã hội tương lai, cho đến các đề nghị về "Lối ra" khỏi cuộc khủng hoảng, còn thiếu chất thực tế. Ông bàn rất nhiều về các "chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa dân chủ." Nhưng việc xây dựng một xã hội dân chủ tự do cần đến các định chế thực tế. Những định chế như các tế bào cơ bản, có tên hay không có tên, tạo nên xã hội tự do, dân chủ, ông không chú ý đến tầm quan trọng của những cơ bản đó. Thí dụ ông đòi hỏi "tự do tư tưởng, tự do sáng tác" mà không nói đến quyền tự do xuất bản sách, báo của tư nhân. Ông nói đến "bảo đảm tính độc lập của báo chí" và cho phép các "tập thể công dân" xuất bản báo chí, nhưng không nói gì đến tự do lập hội, lập đảng; nghĩa là các "tập thể công dân" này ở đâu ra thì không quan trọng chăng? Ông viết rất nhiều về quyền làm người, sự giải phóng của cá nhân (trang 15, 26 và trang 40, 41 nói về *ego*). Nhưng đến cái quyền căn bản nhất là quyền nói, quyền viết, thì ông vẫn rụt rè đặt vào tay "tập thể." Ông không tin cá nhân có thể sử dụng quyền đó chăng? Vai trò của tự do tôn giáo, tự do lập giáo hội và hành trì tín ngưỡng cũng không được đề cập, phải chăng vì ông không tin tôn giáo có một nhiệm vụ giải phóng con người như các thứ chủ nghĩa mà ông đã nêu lên?

Nhưng chính các quyền tự do xuất bản, tự do lập hội, tự do mở trường dạy học, tự do tôn giáo, v.v... là các cơ bản tạo nên xã hội công dân, mà sự phát triển của xã hội công dân, đối trọng với nhà nước, là bảo đảm của đời sống dân chủ. Nó chính là đời sống dân chủ. Các Mác nói "cái sống quyết định cái giác ngộ," thế mà các nhà trí thức Mác-xít lại quá chú ý đến cái giác ngộ, đến các chủ nghĩa và khẩu hiệu trừu tượng, mà không đủ quan tâm đến các tế bào sống của xã hội. Ông Nguyễn Kiến Giang nhấn mạnh nhiều lần đến sự nhầm lẫn của các nước theo CNXH khi gán tất cả các thành tựu của loài người (kinh tế thị trường, dân chủ đại nghị, v.v...) cho chủ nghĩa tư bản.

Những thành tựu đó quả thật là kết quả của sự phát triển lành mạnh và tự nhiên của nhân loại, chứ không do một "chủ nghĩa" nào làm ra cả. Nhưng khi tìm lối ra, tiến tới một xã hội có đầy đủ các thành tựu trên, thì ông lại để quá nhiều thì giờ đặt tên cho một chủ nghĩa. Có lẽ đó là mối quan tâm của quí vị đã theo CNXH, mà người ngoài không thể chia sẻ được. Thí dụ ông Nguyễn Kiến Giang muốn gọi tên "giai đoạn quá độ" của các nước XHCN để tiến vào dòng chính của nhân loại là "giai đoạn của chủ nghĩa xã hội dân chủ" (trang 57). Đề nghị này chắc được các đảng viên CSVN chấp nhận dễ hơn là chuyển từ CNXH sang một thứ không có tên gọi — và không cần tên, đó chỉ là đời sống bình thường, như Tổng thống Tiệp Havel đã gọi.

Sự quan tâm quá đáng tới các "chủ nghĩa" là do ảnh hưởng của quá trình Tây phương hóa, mà chúng ta còn gọi là "hiện đại hóa." Một đặc điểm của tư trào Tây phương là tính duy lý, thích hệ thống hóa. Trong khi đó Đông phương đã thấm nhuần tinh thần phá chấp, vô chấp và phi hệ thống từ mấy ngàn năm. Ngay cả khi đã nhìn nhận "lý trí con người hóa ra không phải là một cái gì toàn năng" (trang 86), thì Nguyễn Kiến Giang vẫn còn muốn có "một chủ nghĩa duy lý mới, khiêm tốn hơn" (trang 37). Và ông lại mượn tới một "chủ nghĩa" của Tây phương khác, với cái tên rất ngộ là "chủ nghĩa duy lý - phi lý". Chữ "chủ nghĩa" như vậy thật không có ý nghĩa gì nữa, và người đã học qua kinh Kim Cương trong văn hệ Bát Nhã chắc phải mỉm cười.

Từ nhận xét trên ta thấy nhược điểm quan trọng hơn của tác giả ba bài luận văn là đã dùng nhãn quan lịch sử và nhận thức lối Tây phương, ngay cả khi xét đoán xã hội Đông phương. Chẳng hạn sự tách rời giáo quyền và thế quyền là một vấn đề lớn của Tây phương. Nguyễn Kiến Giang đã theo lời một tác giả Pháp mà nhận xét rằng ngày xưa "ở Trung Quốc... cả phần hồn lẫn phần xác của thần dân đều nằm trong sự cai quản của Hoàng đế." Thật là một ngộ nhận quá lớn, vì hiểu nhầm chữ "Thiên Tử," nghĩ Thiên cũng là Thượng đế trong truyền thống Do Thái - Thiên Chúa Giáo. Với ngộ nhận đó, ông đã nói đến việc Hoàng đế nhà Đường muốn "đưa tôn giáo vào hệ thống quyền lực của mình" khi sai Đường Tăng sang Tây phương lấy kinh (trang 75). Chúng ta biết rằng điều đó sai, ngược lại với sự thật lịch sử. Cũng ngộ nhận như vậy nên ông ví Thích Ca với Thượng đế, một ý niệm mà người học về đạo Thích Ca chắc phải ngạc nhiên.

Chúng tôi nêu lên các nhược điểm trong cách suy tư của Nguyễn Kiến Giang không phải để gây nên một cuộc tranh luận, và nhất là không phải để phủ nhận công trình suy nghĩ của ông. Ông đã nhìn rõ tất cả các thành tựu của loài người và mong muốn dân tộc Việt Nam sẽ đạt được các thành tựu đó. Ông nhìn thấy xã hội sẽ luôn luôn biến chuyển, tự hoàn thiện, có tính đa nguyên và mục đích là giải phóng con người, "lấy các quyền tự do dân chủ cá nhân, lấy sự phát triển tự do của cá nhân làm điều kiện và tiền đề cho sự phát triển và tự do của xã hội" (trang 44). Nghĩa là trên căn bản chúng ta suy nghĩ không khác gì nhau về các mục tiêu phải đạt tới.

Ưu điểm lớn của cuốn sách là thái độ khiêm tốn, cởi mở của một người trí thức thành khẩn tìm sự thật. Và hơn nữa, điều đáng ca ngợi của tác giả cuốn sách là sự dũng cảm khi tuyên bố "tự lột xác" của mình. Chúng ta kính trọng khi ông nói "từ trong chiều sâu của tâm hồn tôi vẫn tự coi mình là... một người Cộng Sản kiên định." (trang 59), khi ông nói "cả một đời người... thể nghiệm

Việt Nam: Tướng Vessey đi Hà Nội. Báo NYT khui hồ sơ mật Cẩm Linh về MIA

Chính phủ Bill Clinton vừa cử tướng hồi hưu John Vessey đi Hà Nội. Chuyến đi được thông báo là để lượng giá mức thành khẩn và hữu hiệu của Hà Nội trong công tác tìm lính Mỹ mất tích trong chiến tranh (MIA). Một bản tin ngắn trên tờ Los Angeles Times, đầu tháng Tư, cho biết như trên, và nhận định rằng đây có thể là dấu hiệu của một thay đổi trong chính sách Mỹ đối với Việt Nam.

Tướng Vessey, 70 tuổi, từng làm Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Mỹ, đã qua lại Việt Nam nhiều lần với tư cách đặc phái viên của (cựu) Tổng thống George Bush. Trong chuyến đi này, ông có thể được xem những hồ sơ lưu trong văn khố mật của Hà Nội về tù binh Mỹ và lính Mỹ mất tích. Tuy nhiên, người ta cũng còn nhớ rằng, cuối năm 1992, Hà Nội giao cho Mỹ một bộ ảnh hơn 4,000 cái, tưởng như một hồ sơ quý giá cho việc tìm kiếm, nhưng sau đó Bộ Quốc phòng Mỹ cho biết họ đã có hầu hết những ảnh này, từ lâu.

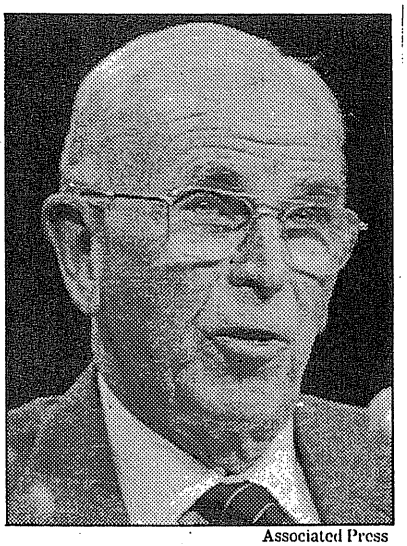

Associated Press

Tướng John W. Vessey Jr., được Tổng thống Bill Clinton cử đi Hà Nội để lượng giá tình trạng tìm kiếm lính Mỹ.

Trong lúc đó, một tin của báo New York Times (NYT), giữa tháng Tư, cho hay một nghiên cứu sinh đại học Harvard vừa tìm ra trong văn khố của Đảng Cộng sản Nga Xô một tài liệu, do tướng Trần Văn Quảng, nguyên Phụ tá Tổng Tham mưu trưởng quân đội Bắc Việt, báo cáo lên Bộ Chính trị năm 1972, "có 1,205 tù binh Mỹ bị giam trong các trại tù Bắc Việt Nam, nhưng (chính phủ Hà Nội) chỉ công bố có 368 người." Báo NYT cho rằng tài liệu này là bằng chứng cho thấy Hà Nội vẫn lừa dối Mỹ trong vấn đề MIA.■

chủ nghĩa Cộng Sản bằng trí tuệ và hành động của chính bản thân mình." (trang 60).

Đây cũng là tấn bi kịch của các vị đã theo chủ nghĩa Cộng Sản. Vì họ đã dùng cả cuộc đời "thể nghiệm" một chủ nghĩa, trong khi đó, lại nhận ra rằng về cơ bản của chủ nghĩa đó thì "không thể hình dung được một xã hội được tổ chức theo đúng học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học là như thế nào" (trang 12).

Chắc chắn người dân Việt Nam đang ý thức về số phận của họ, và "quần chúng đông đảo" sẽ làm công việc đổi đời để tự cứu. Họ sẽ biến ý thức thành hành động, chắc không phải vì họ giác ngộ về những lý thuyết đúng và sai. Ý thức quan trọng nhất để biến thành hành động là ý thức về một nỗi nhục lớn. Các văn nghệ sĩ ở trong nước, đã lên tiếng về nỗi nhục của nghèo đói, bất công, đốt nát, chậm tiến, thiếu tự do. Những bài thơ như "Nhìn từ xa Tổ Quốc" của Nguyễn Duy cũng có tác dụng, và có thể còn tác dụng lớn hơn các bài lý luận về chủ nghĩa này hay chủ nghĩa khác. Người văn nghệ sống bằng trực cảm có thể nhìn thẳng vào đời sống, và họ sẽ nói lên nỗi nhục của cả dân tộc khi nhìn các em bé năm, sáu tuổi thất học, đi bới rác kiếm ăn, các em gái 13, 14 đã phải bán thân nuôi gia đình, bên cạnh những kẻ cường quyền, tham nhũng, những "mafia" như Nguyễn Kiến Giang đã gọi tên. Ý thức về nỗi nhục lớn và hành động để chấm dứt nỗi nhục chung đó sẽ được các người văn nghệ và trí thức trong nước đánh thức dậy. Những suy nghĩ của Nguyễn Kiến Giang là một đóng góp không nhỏ vào cuộc vận động này.■

CHÚ THÍCH

(1) Nguyễn Kiến Giang, *Việt Nam: Khủng Hoảng và Lối Ra*, NXB Trăm Hoa, California, USA, 1993.

(2) *Những Vấn Đề Việt Nam*, tuyển tập của nhiều tác giả, NXB Trăm Hoa, 1992, đăng các bài của Lữ Phương, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính và Phan Đình Diệu. Riêng ông Diệu không phải đảng viên CS.

(3)Vài chi tiết chúng tôi không đồng ý với Nguyễn Kiến Giang, như: 1/ phong trào CS ở thế kỷ 20 thúc đẩy sự điều chỉnh của xã hội tư bản (không chắc, có thể đã trì hoãn). 2/ Các tổ chức kinh tế hiện đang nhỏ dần (không chắc, hãy coi các công ty liên quốc). 3/ Ở các nước xã hội chủ nghĩa các cá nhân công dân tham gia đời sống chính trị một cách trực tiếp... có thể là cao hơn trong xã hội tư bản phát triển (trang 55). Tôi nghĩ ngược lại. 4/ Các tôn giáo lớn ra đời trong những xã hội có mâu thuẫn đã trở nên sâu sắc giữa những kẻ thống trị và người bị trị (không chắc), vân vân. Tôi kể ra các điểm bất đồng ý kiến trên để chứng tỏ lòng thành thật đối với tác giả, trong tinh thần tương kính. Về cụ Hồ Chí Minh, có lẽ Nguyễn Kiến Giang nên tìm cuốn sách mới xuất bản của Hồ Sĩ Khuê: *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm, và Mặt Trận Giải Phóng*. Ông Hồ Sĩ Khuê cũng dùng cả cuộc đời sống và nghĩ để viết cuốn sách đó; và lúc Nguyễn Kiến Giang vào đảng Cộng Sản thì Hồ Sĩ Khuê (lớn tuổi hơn) đã quyết định không thể cộng tác với Cộng Sản được. Ngày nay những người đó có thể nói chuyện thẳng thắn với nhau rồi.■

KINH TẾ: PHÁT TRIỂN THỰC, HAY ĐUA ĐÒI LÀM DÁNG?

"Chúng tôi dự trù mở Trung tâm Chứng khoán vào tháng Chạp tới đây. Nhưng việc mua bán chứng khoán thực sự sẽ phải hai năm nữa mới có." Đó là tuyên bố của Nguyễn Văn Trừ, giám đốc Ngân hàng Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, với phái viên hãng thông tấn Reuters ở Hà Nội, giữa tháng Tư vừa qua.

Bản tin Reuters nói rằng, như vậy, Việt Nam đang cố gắng ghép một nền kinh tế thị trường hiện đại vào một (cái cây) cộng sản khẳng khiu. Bản tin cho biết Hội đồng Chính phủ sẽ chấp thuận cho mở Trung tâm chứng khoán tại hai thành phố Hà nội và Saigon, để mua đi bán lại các cổ phần của 48 công ty liên doanh hiện có tại Việt Nam. Chứng khoán của các công ty quốc doanh được tư hữu hoá cũng có thể mua bán, nhưng cho đến nay chưa có một công ty quốc doanh nào thực sự nằm trong tay tư nhân. Hầu hết các công ty này đều lỗ lã, và bán cho tư nhân chưa chắc có người mua.

Ông Nguyễn Xuân Oánh, một kinh tế gia đã từng làm Phó Thủ tướng Việt Nam Cộng Hoà, hiện là giám đốc ngân hàng Indovina (liên doanh) ở Saigon, lại phán huych toẹt: "Bàn chuyện thị trường chứng khoán ở đây chẳng khác nào mò trăng đáy nước." Ông Oánh nói rằng để có thể lập thị trường chứng khoán, trước hết phải có thị trường hối đoái, rồi đến thị trường tiền tệ địa phương đã.

Theo Reuters, có thể Việt Nam quá "hồ hởi" với một vài dấu hiệu kinh tế tích cực như lạm phát được giữ ở mức 15%, xuất siêu năm 1992 nhờ gạo và dầu thô, và những "hứa hẹn" đầu tư nước ngoài lên đến 5 tỉ đô la, và dư trữ ngoại tệ ước chừng có từ 600 triệu đến 1 tỉ đô la.

Nhưng, như ông Oánh nhận xét, "hệ thống ngân hàng (Việt Nam) vẫn còn ở thế kỷ 19."

Mặt khác, trên tờ Los Angeles Times, ngày 12 tháng Tư, cũng Reuters đưa một tin hình, cho thấy có thể năm tới (1994) Việt Nam sẽ hợp doanh với hãng BMW của Đức để lắp ráp và bán tại Việt Nam loại xe BMW 316i và 520i — là những xe mà ngay tại Mỹ cũng được coi là hàng xa xỉ. Liệu 200 chiếc BMW 520i bóng loáng, phản chiếu những vũng nước trên mặt đường lở lói, những hoạt cảnh của một xã hội lạc hậu, nghèo đói bày ra trên lề đường và lòng đường, của Hà Nội, Saigon, Huế, v.v..., có là biểu hiện thực tế của đời sống người dân Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 chăng?■

Dân Hà Nội đang ngắm nhìn (và sẽ mua?!) xe hơi hạng sang BMW 520i trưng bày tại Hội chợ Thương mại Quốc tế (Vietnam International Trade Fair). (Ảnh TTX Reuters)

HỘI CHỨNG TINH THẦN

PHẠM XUÂN ĐÀI

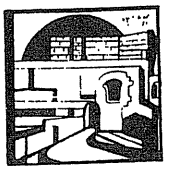

Vào khoảng giữa năm 1991 báo *Tuổi Trẻ* ở Sài Gòn có mở ra một diễn đàn thâu góp ý kiến của đọc giả: "Làm Thế Nào Bảo Vệ Văn Hóa Dân Tộc Trong Giai Đoạn Mở Cửa?" Nhiều thức giả trong nước đã góp ý kiến, nhưng nếu tinh ý người đọc loạt bài đó sẽ thấy một điều trái khoáy: hầu hết các tác giả đều cho rằng nền văn hóa dân tộc đã và đang bị tàn phá ngay từ trong nước, ngay khi cửa vẫn còn đóng. Ta thử đọc vài đoạn:

"... Tôi nghĩ, đạo đức xã hội suy đồi, con người tha hóa, kỷ cương phép nước suy vi, có nhiều lý do kinh tế, chính trị... hay gì gì khác nữa. Nhưng có một lý do cay đắng, không thể biện minh, là đã quá lâu ta hết sức lơ đãng đối với sứ mệnh trồng người, bỏ bê văn hóa dân tộc, lãng quên truyền thống cổ truyền. Thuần phong mỹ tục, lễ giáo gia phong không ngó ngàng. Con người từ nhiều năm nay, sống và lớn lên như cái cây tự mọc giữa rừng hoang. Không uốn nắn, không được chăm bón bằng phù sa màu mỡ lọc qua dòng nước ngọt quê hương.

"... Dù không có 'giai đoạn mở cửa' ta cũng phải 'cứu nguy'. Vì lẽ nguy cơ đổ vỡ không chỉ từ bên ngoài tràn ngập, mà tự ta hủy hoại ta, phụ rẫy ta bằng mê muội, dại khờ."

MAI VĂN TẠO (nhà văn)

"Khi ta mở toang cửa thì đừng nên sợ hãi là nền văn hóa của ta sẽ bị mai một đi hoặc bị văn hóa ngoại lai lấn áp. Đừng nhọc công vực dậy cái trống đồng hoặc cái này cái khác mà qua đó nghĩ là đang vực dậy một nền văn hóa, để ta có thể đứng vững mà đón gió bốn phương. Cũng đừng nhọc công làm một danh sách món này món nọ cấm nhập khẩu để tránh bị ô nhiễm tinh thần. Đấy là những việc thứ yếu. Việc quan trọng nhất là phải *tạo con người cho ra con người*. Con người, đấy là cả nền văn hóa. Miễn đấy là những con người chân chính, có trí tuệ, có nhân đạo. Nhưng con người trong xã hội ta đang xuống cấp trầm trọng. *Đó mới là điểm đáng báo động nhất về mặt văn hóa.* Vốn liếng tinh thần tốt đẹp của cha ông như nhân, nghĩa nay tại sao mai một để người ta lừa đảo nhau, chiếm đoạt của nhau đến... quy mô lớn như vậy? Tại sao nạn ăn cắp nhiều đến thế? Cái gì gây ra tình trạng này?... Gọi là chấn chỉnh văn hóa dân tộc, việc duy nhất cực kỳ cần kíp là chấn chỉnh lại con người. Cần phải phát động một cuộc phản tỉnh sâu rộng trong toàn thể dân tộc, và bắt đầu chữa bệnh từ những căn nguyên sâu xa nhất."

PH. MINH

Trên cái diễn đàn không được hoàn toàn tự do ăn nói ấy, các tác giả, bằng nhiều cách khác nhau, đã nói được một điều then chốt: chính chế độ cộng sản đã phá hoại văn hóa dân tộc và phẩm chất con người Việt Nam, và các đề nghị như "phản tỉnh sâu rộng trong toàn thể dân tộc" và "chữa bệnh từ những căn nguyên sâu xa nhất" chẳng qua là những lời lẽ quanh co để nói cái ý đơn giản nầy: hãy dẹp quách cái chủ nghĩa cộng sản ấy đi thì con người Việt Nam mới có cơ hồi phục và văn hóa Việt Nam mới có cơ hồi sinh.

Người ta vẫn nói rằng việc tu thân nó như lội dòng nước ngược. Cái dễ dãi, cái xấu xa sẵn sàng cám dỗ thằng người yếu ớt đi xuôi theo dòng nước chảy, trong khi tập cho được một đức tính thì phải ì ạch khó nhọc vì phải lội ngược dòng bản năng và sự mê muội của chính mình. "Làm người, khó lắm" là vậy. Cứ cho rằng nhà nước cộng sản chỉ mới thực sự áp dụng chủ nghĩa ấy trên nửa nước phía Bắc Việt Nam từ năm 1954 và trên cả nước từ 1975, (tức gần bốn mươi năm ở phía bắc và gần hai mươi năm ở phía nam, một thời gian quá ngắn so với lịch sử của dân tộc ta) thì ta mới thấy khi được tạo cho đủ điều kiện thì cái ác nó lấn áp cái thiện nhanh đến chừng nào.

Con người Việt Nam truyền thống, sở dĩ giữ được các phẩm chất đạo đức của mình từ đời này qua đời khác là vì nó được nuôi nấng, bao bọc, nhắc nhở và cả răn đe bởi cả một bầu khí hậu văn hóa bao trùm lấy làng xóm, gia đình và cá nhân, uốn nắn nó hoài hoài về việc sửa mình và về quan hệ với làng nước, quốc gia, xã hội phải thế nào. Các việc đó hầu như không lơi lỏng một phút vì người xưa cũng đã biết quá rõ mình đang lội dòng nước ngược. Chữ "Giáo" được đặt lên hàng đầu,

việc dạy dỗ là việc thường xuyên và khắp nơi: cha dạy con, thầy dạy trò, chồng dạy vợ, anh chị dạy em, quan dạy dân, đạo lý thánh hiền không chỉ nằm trong sách mà thành ca dao, tục ngữ, thành hành vi hàng ngày nghĩa là thấm nhập vào mọi ngõ ngách của đời sống. Xây dựng nhân cách cho cả một dân tộc khó như thế đấy, công phu như thế đấy.

Thế mà có mấy mươi năm, chế độ cộng sản đã phá băng đi tất cả. Con người leo đến chỗ văn minh thì gay go mà tụt xuống chỗ man rợ thì rất chóng. Bây giờ thì cả dân tộc Việt Nam phải đối diện với tình trạng đó, như là một việc đã rồi, như là một xui xẻo của chính mình. Phải làm gì bây giờ? Chửi bới cái chủ nghĩa tệ hại đó? Đã có quá nhiều và vẫn còn tiếp tục, vả lại chính cái tệ hại cũng biết là mình tệ hại rồi. Chửi và chỉ trích cũng có thể góp phần xây dựng, sửa đổi, nhưng chỉ ở chỗ tiêu cực, nhiều lắm là làm thức tỉnh người mê ngủ, đặt vấn đề với kẻ bàng quan. Có lẽ nên theo cách của thầy thuốc, xem xét con bệnh có những triệu chứng nào, mô tả ra một cách cụ thể rồi cùng nhau tìm phương cách cứu chữa.

Chủ nghĩa cộng sản đang bị đào thải ra khỏi đời sống của nhân loại, điều ấy có lẽ khỏi phải bàn bạc dài dòng, nhưng hậu quả tai hại của nó còn để lại khắp nơi thì còn gây khó nhọc nhiều. Tất cả khó khăn của sự đổi đời đều do một nguyên nhân cơ bản: con người. Con người trong thế giới cộng sản, nhất là những người sinh ra, lớn lên, trong thế giới đó đều có những nét lệch lạc, "không giống ai" nếu đem so sánh với những người bình thường khác ở thế giới bên ngoài. Vậy nếu xem con người là vấn đề của tất cả mọi vấn đề, ta hãy thử quan sát một mẫu người điển hình của xã hội cộng sản tại Việt Nam, tìm ra những đặc tính của hắn ta là gì mà đã khiến bao nhiêu người phải lên tiếng, thậm chí báo động.

Tinh thần trách nhiệm

Trước hết đó là một người không bao giờ biết rõ trách nhiệm của mình, dù là anh ta giữ chức vụ gì. Anh ta chỉ có hai thái độ đối với người khác: một là uy quyền (đối với kẻ dưới) hai là sợ sệt (đối với người trên), chứ không bao giờ hành xử như một người tự tín với trách nhiệm của mình. Anh ta sống trong một xã hội không có một đời sống công dân, hiểu theo nghĩa có quyền lợi và có nghĩa vụ rõ rệt, nên không có ý niệm về trách nhiệm. Tính tự chủ của anh ta bị hủy hoại lúc nào không hay khi cứ phải nghe mãi: "nhờ ơn Đảng anh có cái này, nhờ ơn Đảng anh được cái kia..." đến một lúc anh quên mất cái mà anh ta phải "nhờ" nhất chính là anh ta. Làm một xã viên của nông trường, anh thờ ơ khi đứng trước đồng ruộng, mặc dù hàng ngày vẫn phải cầm cuốc cầm cày lao động trên đó, vì thấy nó vẫn là một cái gì trừu tượng, thuộc về chính sách của Đảng hơn là thuộc về mình, và dĩ nhiên là không thấy một trách nhiệm nào đối với công việc mình làm cả. Cuốc sâu một chút hay cạn một chút thì có ảnh hưởng gì đến cái điều trừu tượng là chủ nghĩa xã hội đâu, và công điểm của anh, số thóc lúa còm cõi mà anh nhận được vào mùa thu hoạch có gì thay đổi đâu. *Cứ thế triệt tiêu dần cái mà chúng ta gọi là tinh thần trách nhiệm.*

Là một công nhân, giai cấp tiên tiến nhất, anh vào nhà máy làm việc, quanh năm suốt tháng sẽ gặp những đợt thi đua bất tận, như là những khẩu hiệu và ý nghĩa của dịp thi đua là chính chứ không phải sự sản xuất là chính, và ban quản đốc cũng xem sự "đạt và

vượt chỉ tiêu" là chính chứ không phải phẩm chất của sản phẩm là chính, riết rồi cả nhà máy thành một cái gì tượng trưng để diễn đạt một ý niệm trừu tượng chứ không còn là một công cụ sản xuất cụ thể. Cái người ta nhắm tới là cây cờ luân lưu hay bằng khen chứ không phải là khách hàng tiêu thụ sản phẩm.

Ý nghĩa đích thực của sự sản xuất không còn nữa, người ta cho máy chạy là vì một ngày mai nào đấy, một ý nghĩa chính trị nào đấy, chứ không phải cho cuộc sống của người dân hôm nay, và đó là cái khôn trí nhất cho giai cấp tiên tiến: không mang một trách nhiệm nào cả. Nếu nhà máy làm ăn thua lỗ (hầu như nhà máy nào cũng thua lỗ) thì đã có nhà nước lo, công việc của nhà máy là viện ra lý do thua lỗ để biện minh với nhà nước. Viện lý do thua lỗ đã thành một nghệ thuật cho tất cả cơ sở sản xuất, lúc nào cũng sẵn lý do khách quan, chủ quan và hàng lô ngôn từ sáng tạo để khoa trương cho sự thua lỗ của mình. Họ biết chắc rồi đâu lại vào đấy. *Cứ thế triệt tiêu dần cái mà chúng ta gọi là tinh thần trách nhiệm.*

Đến cái ông gọi là "nhà nước" thì lại càng bị bao phủ bởi bao cái nhập nhằng khó hiểu để có thể thẩm định một cách rõ rệt một công trình nó tốt xấu đến đâu, bởi vì công trình nào cũng phải có ý nghĩa chính trị trong đó, có thể đứng về mặt nhà nước ông thẩm định về chuyên môn, nhưng còn ý nghĩa chính trị thuộc về đảng, mà đảng thì lãnh đạo. Cuối cùng thì người ta có thể hóa phép đủ điều, một người thanh tra có công tâm và lương tâm bậc nhất cũng đành chịu thua cái vòng hỗn mang "đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", và để *triệt tiêu dần cái mà chúng ta gọi là tinh thần trách nhiệm.*

Người ta thường giải thích sự thiếu tinh thần trách nhiệm ấy bằng câu "cha chung không ai khóc." Thì đúng rồi, trong chế độ công hữu, cái gì lại không chung, nhưng câu ấy không diễn tả hết mức độ trầm trọng của tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm trong con người miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Người ta không còn quan tâm đến bất cứ cái gì công ích. Khi nhận một nhiệm vụ, người ta nói rằng đó là nhận trách nhiệm đối với đảng, đối với nhân dân, chứ không để ý mấy đến khía cạnh cụ thể của nhiệm vụ. Miễn là trót lọt về phương diện chính trị là được rồi. Vì thế có biết bao địa phương đất đai bao la mầu mỡ mà dân đói triền miên. Có biết bao công trình xây cất nửa chừng ngốn hàng tỉ đồng rồi... bỏ luôn, mặc cho nắng mưa. Người ta tiêu phí, thậm chí phá hoại với một thái độ dửng dưng kỳ lạ, hoàn toàn vô cảm trước các thiệt hại do mình hoặc kẻ đồng chí của mình gây ra cho đất nước và đồng bào.

Điều dễ sợ là tình trạng vô trách nhiệm ấy đã thành nếp rồi, người ta không thích những kẻ muốn đi ngược lại tập quán đó, tức là tỏ ra có trách nhiệm. Khi một tập thể đã một thời gian dài sống và làm việc mà cảm thấy mình không bị ràng buộc vào một trách nhiệm nào cả, họ sẽ không bao giờ muốn mình phải ra khỏi tình trạng êm ái đó. Ai đặt vấn đề trách nhiệm là họ thù ghét lắm, tìm cách trù dập tơi bời cho chừa đi cái thói anh hùng cá nhân (!). Mỗi cá nhân đều tự nhủ rằng có một cái gì đó cao hơn họ sẽ chịu trách nhiệm — tập thể, đoàn thể, đảng, nhà nước hoặc... nhân dân — và lương tâm họ hoàn toàn yên ổn, ngay cả khi gây ra những việc tai hại nhất.

Đi xin giấy tờ ở các cơ quan nhà nước là dễ thấy tinh thần này nhất, nhất là việc mình xin thuộc loại rắc rối, bất thường. Bạn sẽ bị đẩy đi triền miên hết bàn này đến bàn khác, phòng này đến phòng khác, vì chẳng có ai dại gì ôm việc rắc rối cho mình. Nếu bị dồn lắm sẽ có phần hành phê một câu lửng lơ vào đơn của bạn: "Kính trình trên giải quyết" hoặc: "Chứng nhận ông Nguyễn Văn A có trình bày những việc như đơn đã ghi" rồi ký tên đóng dấu, hình như là tất cả sự vụ chỉ cần một dòng chữ viết, một chữ ký và một con dấu đỏ, thế là đủ. Một cái đơn phải qua năm bảy lần đóng dấu ký tên mà vẫn chưa biết sẽ đi về đâu thì không phải là chuyện bất thường trong xã hội ấy.

Hình như chính đảng và nhà nước thích thái độ như thế hơn là tinh thần trách nhiệm tích cực, vì nó đồng nghĩa với ngoan ngoãn. Người có trách nhiệm thường đi tới tận cùng vấn đề, mà một hệ thống dối trá và bưng bít thì không thích thái độ đó. Chẳng thà anh làm việc hời hợt, cả gian dối cũng được nữa, còn hơn là với lương tâm, với trách nhiệm — những thứ có vẻ bà con gần với "hệ ý thức tư sản" — dễ đưa anh tới chỗ đụng chạm đến quyền lực của đảng thống trị, một điều cấm kỵ.

Sau mấy mươi năm như thế, người dân miền Bắc xã hội chủ nghĩa hầu như đã *mất hẳn tinh thần trách nhiệm đích thực*, hiểu theo nghĩa DÁM nhận lãnh một việc gì với năng lực của mình, DÁM tìm hiểu việc đó với đầu óc độc lập của mình, và vạch ra một hướng thực hiện với CHÍNH MÌNH là người chịu trách nhiệm cao nhất. Không, người miền Bắc đã bị tước mất khả năng đó, và cùng với sự bành trướng của đảng và nhà nước vào miền Nam năm 1975, bệnh AIDS tinh thần ấy đã được mang vào phổ biến ở miền Nam. Đã có không ít đụng chạm của hai loại tinh thần. Người miền Nam quen suy nghĩ với đầu óc riêng của mình, quen trách nhiệm về những việc mình làm, lấy làm lạ về thái độ tuân phục tuyệt đối của người miền Bắc. Người miền Bắc lại nhìn người miền Nam như những kẻ có đầu óc vô chính phủ, cần cho vào khuôn phép. Một thầy giáo trung học miền Nam chẳng hạn, giảng bài cho học trò *theo ý mình* (với tất cả ý thức trách nhiệm về số kiến thức mà mình truyền đạt, dĩ nhiên), trong khi ngành giáo dục từ Bắc vào áp đặt từng câu từng chữ và kiểm soát những gì sẽ nói với học trò. Rốt cuộc người miền Nam hiểu ra rằng để sống được trong chế độ mới thì *không nên* và *không tội gì* dùng đến tinh thần trách nhiệm. Sau gần hai mươi năm không dùng đến, tinh thần ấy teo tóp đi khá nhiều rồi, tội nghiệp nhất là cho lớp trẻ bị dẫn dắt đến chỗ thui chột đi một phẩm chất quý giá trong vòng không đầy một thế hệ.■

(Còn tiếp)

NHÓM VĂN BÚT 'NGUỒN SỐNG'

Trung Tâm Giam Giữ Whitehead Hong Kong 15/1/1993

Chúng tôi, một số thuyền nhân hiện đang bị giam giữ tại Whitehead D.C Hong Kong, xin gửi tới quý báo lời chào kính trọng và sức khỏe chân thành.

Là những nạn nhân của chế độ cộng sản Việt Nam, là những người kém may mắn trên bước đường ra đi tìm tự do bởi chính sách thanh lọc bất công của chính phủ Hong Kong, hiện nay chúng tôi đang phải sống trong cảnh cá chậu chim lồng. Với nỗi lòng khao khát tự do và căm thù chế độ CS chúng tôi đã nhóm họp nhau lại thành lập một tổ chức viết lấy tên là "Nhóm Văn Bút Nguồn Sống," với mục đích thông qua những sáng tác văn học nghệ thuật, chính trị nói lên tâm tư nguyện vọng của cộng đồng thuyền nhân tại WH HK. Mong mỏi được góp phần nhỏ bé trong cuộc đấu tranh đánh đổ chế độ CS Hà Nội — chế độ đã đưa đất nước ta đến bờ vực thẳm nghèo đói, suy đồi... Đồng thời gióng lên tiếng kêu thống thiết của hơn hai mươi ngàn sinh linh mang dòng máu Việt đang phải sống trong nỗi kinh hoàng, tuyệt vọng trước nguy cơ bị ép buộc trở về với địa ngục "Đỏ."

Do bởi hoàn cảnh trại cấm vô cùng khó khăn, thiếu thốn, những tin tức từ bên ngoài đến với chúng tôi vô cùng quí hiếm, đồng thời việc ấn loát, đăng tải những sáng tác văn, thơ, nhạc, họa... hoàn toàn phải nhờ vào sự giúp đỡ của giới báo chí cộng đồng người Việt tự do ở hải ngoại.

Qua lá thư này, chúng tôi có chủ trương hàng tháng sẽ gửi một số những sáng tác, tin tức tới quý báo, quý báo toàn quyền sử dụng, xem xét, đăng tải cho phù hợp với khuôn khổ tờ báo, góp sức vào sự nghiệp đấu tranh cho nước Việt Nam yêu quý của chúng ta sớm thoát khỏi ách thống trị của CS, tiến tới xây dựng một thể chế tự do - dân chủ thực sự...

Chúng tôi, những kẻ bất hạnh thiết tha mong chờ sự giúp đỡ của quý báo: Mỗi tháng chuyển cho chúng tôi xin một vài số báo *Thế Kỷ 21* để chúng tôi quảng bá những tin tức, tình hình thế giới bên ngoài, những diễn biến xảy ra trong nước... đến với bà con trong cộng đồng, tạo nên món ăn tinh thần trong những ngày tháng chờ đợi mỏi mòn, tạo nên luồng tư tưởng mới: Xóa bỏ tàn tích của CS trong nếp nghĩ của mọi người sau gần nửa thế kỷ bị lòe bịp, lừa dối...

Cùng lá thư này chúng tôi xin gửi tới quý báo một số sáng tác, bài viết.

Địa chỉ liên lạc của chúng tôi:

Nhóm "Văn Bút Nguồn Sống"
Nguyễn Công Chính; No 70993; VRD 579/89
Hut 1A; Section 1; Whitehead D.C
Shatin - Hong Kong

Thế Kỷ 21: Rất cảm động đọc thư và các sáng tác của nhóm "Văn Bút Nguồn Sống" từ trại tị nạn Whitehead Hồng Kông gởi sang. Số phận của hàng chục ngàn đồng bào trong các trại tị nạn ở Đông Nam Á từ nhiều năm nay là mối khắc khoải của tất cả người Việt hải ngoại. Nhóm Văn Bút Nguồn Sống được thành lập từ trong trại Bạc Đầu đúng là một nguồn sống nhú lên giữa một khung cảnh tuyệt vọng. *Thế Kỷ 21* đón nhận thư và các sáng tác của các bạn với lòng cảm phục, con người Việt Nam dù trong hoàn cảnh nào cũng vươn cao tinh thần, thể hiện lòng lạc quan qua sáng tạo văn nghệ. Mời độc giả đọc một số đoạn thơ trích từ các tác phẩm của nhóm Văn Bút Nguồn Sống mà chúng tôi vừa nhận được.

Em hỏi lòng: thu đã về chưa!?
Mà lưng trời lất phất "ngâu" đưa
Em nhủ lòng: ừ thu rồi nhỉ
Lá vàng tê tái gió đùa đưa

Em hỏi lòng: thu đã mấy thu!?
Xa đành nơi ấy tiếng mẹ ru
Chốn này trời xanh mà hiu quạnh
Chụp xuống đời em giọt... giọt... thu

(Mùa thu thứ...)
NGUYỄN CÔNG CHÍNH

Ra đi đã bốn mùa xuân
Hình cha ảnh mẹ muôn phần nhớ thương
... Ra đi đã bốn mùa đông
Đớn đau con Lạc, cháu Hồng phiêu lưu

Đông sang lòng vẫn quạnh hiu
Về đâu cho hết những ưu cùng phiền
Bốn mùa hạ mãi triền miên
Xót thân tù hãm ước miền tự do

(Bốn Mùa Ly Hương)
NGÔ ANH GIAO

... Ngày chia xa biển cồn cào tiếc nhớ
Mắt nào buồn hồ thủy dõi nhìn theo
Dặm đường trường chừng gối mỏi phiêu diêu
Dâu bể bao năm mà lòng còn lưu luyến

Ta hành khất lang thang vô bờ bến
Chuỗi ngày hoang dại, côi cút ngẩn ngơ
Quá khứ, tương lai, hiện tại lửng lơ...
Giờ ký ức, hạnh phúc dành một thuở...

(Nhớ Về Đảo Nhỏ)
THỦY QUYÊN

Xuân ghé nhìn ta qua chấn song
Rào tôn mắt cáo thép lạnh lùng
Cao tường kín cổng xuân đến lỡ
Mà xuân lòng vẫn cứ thủy chung

... Yêu xuân ta muốn ngắm hoa đào
Tự do, ta vẫn cứ khát khao
Giật mình tỉnh giấc - ôi! trong mộng
Thương phận tha hương lệ tuôn trào

(Hoa Đào Trong Mộng)
PHẠM VĂN THANH

Cả đất nước cùng ăn hoài bữa tiệc
Suốt bao năm với "chiếc bánh thiên đường"
Ôi! "chiếc bánh thiên đường" đẹp đẽ
Mà già Hồ đã đắp vẽ bằng thịt xương
Của người chết ngoài chiến trường
Và trong những ngục tù tăm tối
Một chiếc bánh sặc mùi hôi thối
Là xã hội Việt Nam...

(Chiếc Bánh Thiên Đường)
TRẦN HOÀI NGỌC

TIẾNG VỌNG

Ý NGHĨA CỦA MỘT GIẢI THƯỞNG

TÔN THẤT THIỆN

Trong mấy tuần vừa qua dư luận hải ngoại Việt Nam rất xôn xao về tin ông Nguyễn Khắc Viện được Hàn Lâm Viện Pháp tặng giải thưởng vì ông ấy đã có công với Pháp về văn hóa. Nhiều người Việt Nam tị nạn ở nhiều nơi trên thế giới đã hết sức ngạc nhiên về quyết định của Hàn Lâm Viện Pháp.

Ông Nguyễn Khắc Viện là một đảng viên thuộc hàng ngũ lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam và trong nhiều thập niên đã phụ tách tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản, hô hào vận động thanh niên Việt Nam chống Pháp nói riêng, và theo Nga-Xô chống Tây phương nói chung.

Trong suốt thời gian chiến tranh, đặc biệt là trong những năm 1945-1954, những thanh niên yêu nước đã nghe theo những lời thôi thúc của lãnh đạo ĐCSVN — trong đó ông Viện là một thành phần nặng cân — hăng say hy sinh tất cả để tham gia chiến tranh chống Pháp. Sau chiến tranh chống Pháp, họ lại phải hy sinh một lần nữa tham gia cuộc chiến tranh thứ hai chỉ là sự biến hình và nối tiếp của cuộc chiến tranh với Pháp, trong một cuộc đối đầu khốc liệt giữa hai phe tư bản và cộng sản — dân chủ và độc tài — thế giới.

Từ 1975, với sự chấm dứt của chiến tranh, những người thanh niên và trí thức yêu nước đó dần dần ý thức rằng họ đã thực sự hy sinh tất cả chỉ để trở về đời sống hòa bình với hai bàn tay trắng, không được huấn luyện nghề nghiệp kỹ thuật gì khác ngoài chiến tranh, trong một nước bị tàn phá, kiệt quệ, bị cô lập hóa, với lãnh đạo vừa thiếu sáng suốt và khả năng, vừa ù lì và kiêu căng. Một thiểu số vượt qua vòng luật pháp và đạo lý, "xoay xở" tìm được sinh kế hoặc sống phè phỡn. Nhưng đại đa số lương thiện đã phải sống một cuộc đời cơ cực, đói rách, nhục nhã, đen tối. Nếu họ là thương phế binh nặng thì số phận họ càng bi đát hơn nữa. Họ sẽ nghĩ sao khi được tin ông Nguyễn Khắc Viện lãnh giải thưởng của Pháp?

Là một người theo chủ nghĩa Mác-Lê thuộc cấp lãnh đạo đặc trách tuyên truyền trong các giới thanh niên trí thức Việt Nam, ông Nguyễn Khắc Viện đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc thúc đẩy thanh niên và trí thức Việt Nam tham gia công cuộc chống Pháp. Ông đã thuyết phục họ rằng văn hóa Pháp nói riêng và Tây phương nói chung, văn hóa tư bản, là văn hóa phản động, hủ bại "rác rến", so với văn hóa cộng sản và văn hóa Nga-Xô. (Tôi còn nhớ rõ những bài miệt thị văn hóa Tây phương mà ông ấy viết năm 1975 khi ông theo gót bộ đội vào "tiếp thu" miền Nam). Ngày nay, trong khi các thanh niên trí thức Việt Nam đang sống trong đói rách và lo âu thì ông lại lãnh giải thưởng của tụi "phản động" mà ông đã hằng lên án. Như vậy thật ra cũng khó coi!

Trong việc Hàn Lâm Viện Pháp cấp giải thưởng cho ông Viện, chúng ta không thể trách ông ấy được. Chắc ông ấy cũng không chạy chọt xoay xở trong việc này, và quyết định là sáng kiến của một vài nhân vật trong Viện không hiểu rõ tình hình. Khi nghĩ rằng ông ấy đã đắc lực phục vụ văn hóa Pháp, họ đã làm một việc vớ vẩn. Nhưng tiền của họ, họ muốn cho ai tùy ý. Họ có lý do của họ. Có thể họ nghĩ rằng ông Viện là một người đáng thương vì là người có nhiều khả năng nhưng vì suốt đời hy sinh cho một lý tưởng nay già trong tay không có một xu dính túi. Ông ấy cần được giúp đỡ, nhưng một cách kín đáo và lịch sự. Cấp cho ông ấy một giải thưởng về văn chương văn hóa là một giải pháp thỏa mãn điều kiện này?

Đó là về phần Hàn Lâm Viện Pháp. Nhưng còn ông Viện thì sao? Xử trí thế nào cho đẹp? Tôi thiết tưởng cử chỉ đẹp nhất của ông, nếu ông nhận giải thưởng — 400,000 quan Pháp, tương đương với 80,000 đôla Mỹ và 800 triệu đồng Việt Nam — là đem số tiền ấy tổ chức một buổi lễ toàn quốc để cầu nguyện cho oan hồn của tất cả những thanh niên trí thức đã đáp lời kêu gọi của ông và của Đảng bỏ mình trong chiến tranh chống Pháp.■

Tháng 2, 1993

TRÁCH NHIỆM VỊ LÃNH ĐẠO CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM HOA KỲ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

BS TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Dallas, Texas

Vai trò của người lãnh đạo CĐVNHK vô cùng quan trọng trong một xã hội tự do, dân chủ, đa văn hóa như Hoa Kỳ, vừa phải hội nhập vào xứ sở mình định cư vừa phải bảo vệ tính cách dị biệt văn hóa của CĐ, và tranh đấu cho đất nước Việt Nam có tự do, dân chủ và nhân quyền và giải thể chế độ CSVN trong tương lai. Nói tóm lại, người lãnh đạo CĐVNHK phải thỏa mãn những điều kiện kể trên và phải khôn ngoan trong vấn đề điều hợp CĐ vì chúng ta đang sống tị nạn Cộng Sản, không có chính quyền trong tay, hoàn toàn dựa trên sự tín nhiệm của bà con trong CĐ. Chính vì lẽ đó, cuộc tổ chức bầu cử các vị lãnh đạo CĐ tại đại hội CĐ toàn quốc cần phải tổ chức theo thể thức bầu phiếu kín, có ban kiểm phiếu hết sức quang minh, chính đại. CĐ chúng ta ở các nơi có nhiều phe nhóm, đảng phái, hội đoàn ai cũng muốn lợi dụng CĐ làm tăng uy tín đoàn thể và đảng phái của mình, chưa kể CSVN còn cài người vào để phá hoại CĐ. Tất cả các ứng cử viên phải có một tiểu sử rõ rệt, chứng minh tinh thần, thái độ phục vụ đối với CĐ và có lập trường quốc gia dân tộc, không bè phái, phe nhóm hoặc thân cộng.

Người lãnh đạo CĐVNHK phải nhận rõ trách nhiệm của mình:

1/ Điều hợp một cách hữu hiệu công việc chung của các CĐVN tại các địa phương, và xây dựng phát triển tinh thần CĐ ở các nơi có người Việt cư ngụ ở Hoa Kỳ, cố gắng hội nhập với các cộng đồng thiểu số và đa số ở Hoa Kỳ, tôn trọng luật pháp, góp phần đóng góp vào sự phồn thịnh của Tiểu Bang và Liên Bang Hoa Kỳ.

2/ Bảo vệ CĐ trên tinh thần đoàn kết, bảo tồn phong tục, tập quán, văn hóa của CĐ đã có từ ngàn xưa, chống lại sự tha hóa, ru ngủ, văn hóa, văn nghệ đồi trụy của CS và của các lân bang muốn đồng hóa và xâm nhập Việt Nam dưới bất cứ hình thức nào để khai thác và trục lợi. Tạo điều kiện tốt đẹp để cho các lớp trẻ Việt Nam hiểu rõ truyền thống hào hùng của dân tộc Việt và sửa soạn tinh thần để xây dựng lại nước Việt Nam sau khi giải thể được chế độ Cộng Sản.

Khuyến khích các giới trẻ tham gia các hoạt động giáo dục, kinh tế, khoa học, chính trị tại Hoa Kỳ để làm chất xúc tác sau khi nước Việt Nam thực sự có tự do, dân chủ và nhân quyền có thể góp phần kiến thiết nước Việt Nam chóng thoát cảnh nghèo đói, tù đày do CSVN gây nên. (...)■

ƯỚC MƠ TƯƠNG LAI VIỆT NAM

TRẦN QUANG MINH

Con người sống ở đời ai mà chẳng có những ước mơ: cho mình, cho những người thân và cho nguồn gốc xã hội mình sinh ra, sống và lớn lên. Dù sống ở đâu trên khắp năm châu, dù thời gian tha phương đã 10, 20 năm ai mà chẳng mong có ngày quy cố hương? Cái ngày ấy không phải là trở về như hiện tại để nhìn thấy một xã hội vô lý tưởng, một cuộc sống không tương lai. Ngày trở về phải là trong một xã hội ai cũng thấy vinh dự tự hào mình là một thành phần trong ấy. Ai cũng mong được vỗ ngực tự nhận mình là một người Việt Nam.

Ước mơ chính trị:

Chúng ta đã học, đã sống, đã nhận thức được những hậu quả hay dở của các chế độ tư bản (Capitalism) và Cộng Sản (Communism). Cả hai chế

độ trên đều có nhiều khuyết điểm và những hậu quả không tốt đẹp cho người dân. Chế độ vô nhân và sắt máu của Cộng Sản là một vết nhơ trong lịch sử nhân loại vì vậy hậu quả là sự đổ vỡ, sự tan rã là một điều hiển nhiên. Chế độ tư bản vô tình và tạo nhiều bất công cũng không phải là một chế độ mong muốn. Nhưng tuy vô tình và bất công cái chế độ ấy cũng để cho người dân một chút không khí tự do để thở, để sống. Vì vậy trong hiện tại khi chưa có một chế độ lý tưởng mới cho nhân loại, chúng ta chấp nhận chế độ tư bản hiện thời và cố gắng sửa chữa nó để có một chế độ lý tưởng tương đối.

Trong chế độ tư bản, dân chủ không phải là một chiêu bài tuyên truyền, mà thực sự người dân trực tiếp hay gián tiếp tham dự vào việc điều hành guồng máy chính quyền. Guồng máy điều khiển sinh hoạt quốc gia ấy được chia ra làm ba ngành rõ ràng: lập pháp, hành pháp, và tư pháp, không một ngành nào có thể lấn áp ngành kia để trở thành độc tài. Những người điều khiển trong các ngành phải là đại diện thực sự của người dân qua các cuộc bầu cử trong sạch. Muốn có được như vậy nền móng của guồng máy là hiến pháp phải được soạn thảo thật kỹ lưỡng dựa trên sự thành công của những nước dân chủ lâu đời như Anh, Pháp, Mỹ...

Chế độ lưỡng đảng không phải là một chế độ lý tưởng vì nó có thể trở thành một hình thức "nhị tài" làm cho người dân không thể có một lựa chọn khác ngoài hai đảng thay phiên nhau kiểm soát quyền hành. Các quyết định chính trị, quân sự, kinh tế quan trọng có thể bị ngưng trệ nếu đảng cầm quyền không nắm được đa số trong quốc hội. Để tránh bế tắc trong sinh hoạt chính trị, thiết tưởng một hình thức trưng cầu dân ý nên được thành lập là cử tri đoàn. Cử tri đoàn này được thành lập bằng cách chọn lựa một tỷ lệ dân chúng đại diện cho tất cả các từng lớp dân chúng. Khối cử tri đoàn này được quyền quyết định các dự luật quan trọng nếu các dự luật này không được thông qua tại quốc hội với đa số tuyệt đối. Các đảng đối lập với đảng cầm quyền phải hội đủ một túc số tối thiểu bằng số đảng viên ghi danh thực thụ (registered party member). Đảng phải có đủ các ủy ban nghiên cứu với đầy đủ các chuyên viên tương ứng với các bộ trong chính quyền. Các cuộc đối thoại, chất vấn sẽ được tổ chức định kỳ tại quốc hội để các đảng đối lập có dịp theo dõi, chất vấn, và đề nghị những sửa đổi các biện pháp sai lầm.

Đảng Cộng Sản hiện thời phải giải tán để thành lập một đảng chính trị mới với chủ trương chối bỏ độc đảng, chối bỏ chính sách công an sắt máu, và chấp nhận nguyên tắc dân chủ trong hiến pháp mới. Các đảng phái, đoàn thể chính trị hiện thời trên khắp năm châu có quyền về nước tham dự sinh hoạt chính trị dưới những nguyên tắc dân chủ mới đã được quy định rõ trong hiến pháp.

Ước mơ kinh tế, tài chánh, và các yếu tố phụ thuộc: Nhu cầu căn bản của con người gồm sự yên ổn tinh thần và sự sung mãn vật chất. Tinh thần là đời sống chính trị, vật chất là hoạt động kinh tế. Có một thể chế chính trị vững vàng, chính quyền phải có một chính sách kinh tế, tài chánh hữu hiệu hầu mong mang lại ấm no, sung túc cho người dân. Nền kinh tế định chế là một nhu cầu cần thiết để tránh những xáo trộn thị trường hay những khủng hoảng tài chánh gây ra bởi những cá nhân ích kỷ, tư lợi như trường hợp Lincoln Savings và Junk Bonds và Hoa Kỳ chẳng hạn.

1- Khả năng sảng xuất: Khối nhân lực hoạt động và khả năng làm việc là điều quan trọng trong việc sản xuất các sản phẩm giá trị hầu có thể cạnh tranh với các sản phẩm tương đương trên thị trường quốc tế. Muốn có một khối nhân lực có khả năng (*skilled workers*) chính quyền phải có một chính sách giáo dục thực tiễn nhằm đào tạo chuyên viên cho các ngành cần thiết cho sự phát triển. Chuyên viên trung cấp (*Technicians*) là một nhu cầu cấp bách và thực tiễn. Đầu óc nặng bằng cấp khoa bảng phải thay đổi.

2- Tư Bản: Tư bản quốc nội là một yếu tố mong manh vì dân nghèo và hay tích trữ của cải tại gia. Muốn lôi cuốn tư bản quốc nội phải tạo một nền tài chánh, ngân hàng, và tín dụng thật vững mạnh và uy tín để đủ sức lôi cuốn người dân ký thác định kỳ vào các cơ sở tài chánh. Trong tình hình đặc biệt hiện thời của Việt Nam, với số Việt kiều sống rãi rác khắp năm châu, nếu chúng ta có một chế độ dân chủ vững vàng, sự thu hút ngoại tệ đầu tư từ số lượng Việt kiều đông đảo không phải là một điều khó khăn.

3- Yếu tố xã hội: Một xã hội lành mạnh là một yếu tố quan trọng trong việc giữ vững nền móng gia đình, tạo một căn bản cho một chính sách giáo dục thành công. Một xã hội dựa trên một chính quyền thối nát, tham nhũng chỉ tạo nên những giai cấp giàu sổi vì thời cơ do những áp phe, tệ đoan mà ra. Đó là trường hợp đất nước hồi Thiệu Kỳ với những đồng đôla do Mỹ đổ vào, cũng như hiện thời do Việt kiều mang về ăn tiêu như những lính Mỹ trước đây. Đó là một xã hội của sa đọa, của vô lý tưởng, và của băng hoại. Một xã hội lành mạnh phải loại trừ chính sách kinh tế phá hoại xã hội như hiện tại.

Trong xã hội lành mạnh, thanh thiếu niên phải được hướng dẫn tham gia các sinh hoạt cộng đồng nhằm phát triển đạo đức và tinh thần đoàn thể. Các tổ chức, sinh hoạt đoàn thể như Hướng Đạo, Hồng Thập Tự, Thiếu Sinh Công, v.v... cần được nâng đỡ và khuyến khích phát triển.

4- Yếu tố tôn giáo: Khuyến khích phát triển tôn giáo để người dân có một đời sống tinh thần trong niềm tương thân, tương ái. Xã hội Hoa Kỳ còn được vững vàng như bây giờ là dựa vào ảnh hưởng rộng lớn của các tôn giáo. Nếu không, với những xáo trộn về màu da, chủng tộc và bất bình đẳng về lợi tức, xã hội Hoa Kỳ sẽ vỡ tan như những trận động đất.

Dựa trên những nhận xét, những đề nghị, những ước mong tôi hy vọng chúng ta sẽ có dịp trở về quê hương sống trong một xã hội lý tưởng mà mình mong muốn. Tại sao chúng ta không có thể hưởng được một đời sống thanh bình, thoải mái trên quê hương của chính mình như những dân tộc may mắn khác? Đấy có phải là điều có thể làm được, có thể xảy ra hay là một thế giới không tưởng (utopia) trong giấc mơ của một người... Do Thái da vàng?■

TÂN TÂY DU KÝ: ĐÔNG DU KÝ

THĂNG LONG VĂN SĨ

Hôm nay là ngày Song Tam 3/3... Chiều nay tôi ra phi trường... chiều nay tôi ra phi trường. Máy bay sẽ đưa tôi đi sang phía Tây, hay phía Đông? Nhưng mà tôi đi Paris, thì tôi gọi là đi Tây. Lần đầu tiên tôi đi vượt đại dương mà không có mẹ đi cùng. Lần đầu di cư năm 54, tôi cũng có gia đình đi kèm. Đi sang Mỹ cũng có mẹ đi kèm. Lần này tôi đi một mình, đồng đất nước người. Theo bản đồ thế giới, từ quận Cam ra đi vượt Đại Tây Dương, thì là đi Đông.

Trước khi đi, tôi đã học lại mấy câu tiếng tây, *"Je vous en pris, Madame", "Pourquois"*... Anh có tiền không? *"Pas du tout,"* Khi nào về vậy? *"Deux semaines."* Có liên lạc với Cộng Sản không? *"Non."* Có đón gió trở cờ không? *"Jamais."*

Cái va ly mượn được để hết cả vật dụng quý giá cá nhân vẫn thừa chỗ. Chả lẽ đem theo ống kem đánh răng? Chả lẽ đem theo sách xuất bản ở Bolsa? Liệu ở cái xứ tư tưởng là Paris, người ta có cười cho không? Người Pháp khác người Mỹ chỗ nào? Xem hình trong *Le Point*, họ cũng hay cười, mặc áo sặc sỡ như người Mỹ mà thôi... Sao tôi vẫn lo. Bà bán vé cho tôi trả lời rất cặn kẽ mọi câu hỏi, còn trấn an tôi "Anh đừng sợ lạc. Thấy người ta đi đâu, mình đi đấy". Tôi đã có kinh nghiệm đi máy bay, nhưng toàn trên đất Mỹ mà thôi. Có nên đeo cà vạt không? Đem theo bút mực hay bút chì? Lỡ máy bay lên cao, mực có bị áp suất chảy ra sơ mi không. Chìa khóa xe có đem theo không, lỡ đi qua cửa khám kim khí nó kêu vì chùm chìa khóa (hai cái), xấu hổ chết. Đem theo đô la (vài đồng) lỡ trả tiền rượu họ đòi đồng quan thì sao? Đổi tiền ở máy bay có được không? Mười hai giờ đằng đẵng trên phi cơ, người ta dọn đồ ăn Mỹ hay Pháp?

Tối qua tôi đi ăn cơm tây bình dân, có quan sát bàn bên cạnh xem người ta cầm dao cầm nĩa rất cẩn thận, nhưng vẫn không có gì chắc chắn cả. Có nên đem theo nước uống không? Đấy là những lo ngại của tôi. Còn mấy người bạn chúc tôi *"Bon voyage,"* tôi gác ngoài tai. Được bạn cho cái vé đi xa, tôi vẫn sợ lũ bạn đa nghi khác tưởng tôi nói bỡn, làm sao có máy hình, chụp vài cái cạnh Tháp Ép-phen đem về. Hình cần nhất phải thật rõ, vì kỹ thuật mới, vẫn có thể ghép hình được...

Nghe nói phi trường Charles de Gaule cũng to lắm, liệu người đón đi lạc thì sao? Dù bạn bè đã hỏi ngày giờ máy bay đáp, lỡ giờ Los Angeles và Paris hóa thành hôm trước hôm sau khác nhau thì đứng ở phi trường đến bao giờ? Điện thoại bên ấy có bỏ tiền cắc vào mà nói được không? Hay phải bỏ tiền giấy? Cả ngàn câu hỏi đến với tôi nên suốt đêm qua không chợp mắt được. Bề ngoài cứng cỏi khi đi mượn valy của Hồ Thành Đức, nhưng bên trong tôi cứ lo lo...

Ngày Về — Thập thất (17/3)

Thư Gửi Nam Chi

Đi theo nhau trăm bước mà còn có ý bồi hồi (Tương tùy bách bộ do hữu bồi hồi chi ý), người xưa hay người nay cũng giống nhau thôi: Gặp ai tôi cũng thấy trong lòng mình như thế cả: Những nhiệt tâm, kiến văn tôi không dè thấy được... nhưng đấy là những cái đèn treo xuôi, những chuyện kể mà khi về lại Mỹ, có nhiều người tin. Còn đành mượn thư này giãi bày những cái đèn treo ngược — những cái nhiều người không tin — thì mới lại giống như Nguyễn Trường Tộ đã gặp mà viết Điều trần ngày trước.

Tài tử giai nhân là cái rắc rối của muôn đời. Tài tử tất hay làm vui lòng giai nhân, mà giai nhân cũng phải làm vui lòng tài tử. Hễ có tài tử chân chính thì phải có giai nhân chân chính. Thế nào là chân chính? Là giai nhân biết làm vui lòng tài tử một cách chân chính vậy. Người dân xa xứ là giai nhân, mà quê hương là tài tử, điều này thì ở thế kỷ 17, Thánh Thán không nhìn ra nổi.

Quê hương mỗi người chỉ một... Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi thành người... Lúc bấy giờ Thánh Thán chưa gặp phải tâm tình Quốc Cộng ẩn sâu trong thơ văn các cụ mười thế kỷ trước sáng tác những bài thơ Đường... Ấy là để nói về phần Tiên giải.

Hậu giải thì tôi tưởng qua Pháp sẽ gặp rất nhiều Việt Cộng, cũng sẽ gặp rất nhiều người nói mà không nghĩ, viết mà đầu đặc sệt. Ai dè, cả hai thành phần trên tôi không được gặp. Có đấy, tôi có gặp những tư tưởng của Đệ Tứ. Gặp cả những tư tưởng khác nhau, chỏi nhau nữa. Nhưng mà ai cũng trao đổi, phát biểu tận đáy lòng mình những thao thức

của họ về quê hương. Họ hóm ra phết. Tôi đùa rằng "Kỳ này tôi được gặp nhiều Cộng Sản quá." Anh Hoàng Khoa Khôi cười mà bảo là "Phải đấy. Nhưng là đòi Dân Chủ, Tự Do." Anh ấy 76 rồi mà không cho tôi gọi bằng tiếng xưng hô nào khác, cứ bắt gọi bằng Anh, "cho nó khách quan, cho dễ tranh biện."

Gọi những người tôi gặp là Cộng Sản làm sao được? Thứ nhất, họ không đổ diệt cho nhau là Cộng Sản, với lại bàn về đất nước, họ sao mà ân cần, sót xa, sâu sắc quá thế. Người ta dịch thơ Nguyễn Chí Thiện ra tiếng Đức (Echo Aus Dem Abgrund), mà cũng viết cả sự thật về Stalin bằng tiếng Pháp (La Vérité sur Stalin). Có báo *Thông Luận* mà cũng có báo *Diễn Đàn*. Có cả Les Paradis Aveugles của Phan Huy Đường dịch Thiên Đường Mù của Dương Thu Hương.

Thành thử, ông Bùi Tín một giai nhân, ông Nguyễn Ngọc Giao cũng là một giai nhân... Chương trình Việt Ngữ đài RFI, cũng là một giai nhân.

Tôi nhớ, nhiều lúc ngồi trong cái Brassière, anh Khôi cứ so sánh Stalin với Hồ làm anh Bùi Tín cứ ngẩn ra nghe, lúc ngạc nhiên lúc tủm tỉm cười. Với tôi, một cựu quân nhân miền Nam, thì ông Tín nói "Cuốn đầu tôi viết còn ít. Cuốn sau mới đầy đủ." Ông Bùi mắt thì lấp lánh, đi thì chậm chạp... đi tiến nhau cả trăm bước mà sao tôi cứ bồi hồi. Anh Nguyễn Gia Kiểng chưa chắc đã đồng ý với tôi, nhưng mà lúc anh ấy đưa tôi ra phi trường, lại phàn nàn... xe cộ bên Mỹ chạy chậm, cứ chạy với hộp số tự động trong khi giá xăng rẻ. Đấy có phải nước tôi đâu mà anh ấy cà khịa? Nhưng mà khi vào cổng chia cách lên máy bay, chúng tôi người phải cải tạo, người không, thế mà cũng bịn rịn ra phết.

Chỉ phàn nàn bà Thụy Khuê là đưa tôi ra xe về Mỹ, đang lúc tôi cảm động, Thụy Khuê cười bảo "Thôi đi đi cho khuất mắt". Đàn bà mà cứng rắn hơn đàn ông là tôi ghét lắm. Nhưng cái ghét của tôi không giống như cái phàn nàn của Bùi Tín về Dương Thu Hương "Dở ơi là dở, bà ta sao không biết Dương Thông với Năm Huy là một."

Thích một cái là giữa bao nhiêu là Tây, mà người Việt cứ say mê trao đổi ý kiến, bô bô tiếng Việt với nhau. Tháp Ép-phen, sông Xen là cảnh chết, người mới là cảnh sống. Xem người không bằng thấy lòng thiện của người. Cho nên thích nữa, là tôi được chứng kiến biết bao phát biểu đối nhau cứ chan chát, mà người này tôn trọng người kia, nội dung do đó được nhìn nhiều mặt, thành sâu sắc thêm, bởi không ai ngắt lời ai. Ai cũng chuẩn bị phát biểu lời chân thành của mình, đồng thời tôn trọng ý kiến người khác. Cái đèn treo ngược này, to và li kỳ hơn cả cái đèn treo ngược Nguyễn Trường Tộ đã thấy, tôi biết rằng nói mà không ai tin, cho nên mới phải viết thư thế này: Điều này tôi viết ra chắc phải đăng bên Tây, vì bên Mỹ, báo chí không có cho phép những gì khó tin đem lên báo quốc gia.

Nhưng mà cũng có khi các anh bên Tây, thì việc ấy lấy làm thường, chưa chắc đã chịu cho tôi nói lên cái kinh ngạc của tôi, lại cho tôi là vẽ chuyện, "ăn không nói có," chứ bên Mỹ có dân chủ đã hai trăm năm, đời nào ngăn chặn quyền phát biểu của ai. Khổ lắm, dân chủ quả có thật trong nhiều mặt. Nhưng trong mặt Chống Cộng, thì chưa.

Túng linh bốn nguyệt thành tiên khứ

Thuỉ tác hành vân nhập mộng lai

Nghĩa là cho dù nàng (giai nhân) có lên cung trăng, thành tiên đi nữa, thì chàng (tài tử) sau khi tuyệt vọng, ngóng mãi mà không được, theo Thánh Thán "đến nỗi thủng mắt, đến nỗi lệ khô, đến nỗi đứt ruột, đến nỗi khí tận!" (mới hóa thành nỗi ao ước "hóa thành đám mây trôi vào giấc mộng"). Nếu ai cũng thấy tinh thần người nơi quê hương ngóng trông, đến nỗi lệ khô khí tận... thì tài tử đây, là quê hương, mà các giai nhân đâu cả...? Nói thế, chứ sang Paris lần này... xin cám ơn các anh chị. Quý vị toàn là giai nhân cả (chả cứ cặp Đặng Tiến — Minh Nguyệt) dù người già người trẻ, người thấp người cao. Quận Cam chúng tôi, khi mà bỏ Chống Cộng làm lẽ sống, lấy tương lai quê hương làm đích, có khi sẽ lắm giai nhân hơn cả bên quý quốc.■

3/93

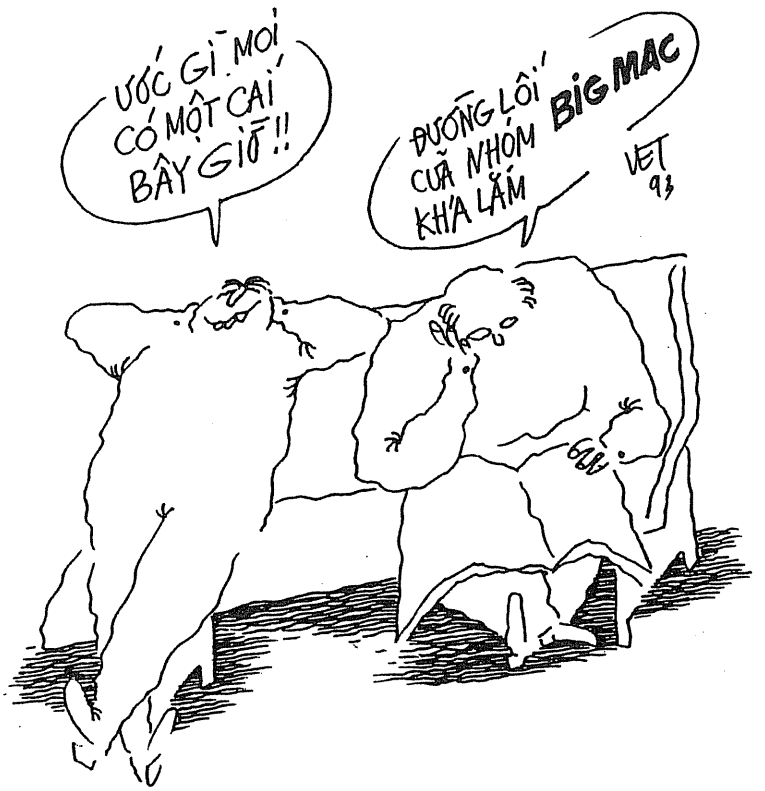

VŨ TRỤ SỤP ĐỔ (BIG CRUNCH)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Thuyết vũ trụ nở rộng hay vũ trụ bùng nổ (Big Bang theory) đã được xác nhận (xin xem bài kỳ trước). Bây giờ câu hỏi đặt ra là: Thế rồi thì sao?

Câu trả lời hiển nhiên chỉ có hai. Hoặc nó cứ nở hoài mãi không thôi với thời gian vô tận. Hoặc, có một ngày nào đó, sự nở rộng của vũ trụ sẽ ngừng lại.

Giả thuyết thứ nhất thật không lấy gì làm vui cho lắm. Bởi vì vũ trụ giãn nở hoài, tất nhiên càng ngày các galaxy càng xa nhau, và tuy thời gian coi như vô tận, nhưng ta hãy tạm đặt câu hỏi: thí dụ một ngàn tỷ năm nữa thì vũ trụ thành cái gì? Vũ trụ bắt đầu phát sinh từ một vụ nổ xảy ra từ khoảng 12 đến 18 tỷ năm trước, theo sự tính toán của các nhà khoa học hiện nay và dựa trên các dữ kiện cụ thể đã quan sát thấy. Bây giờ cứ tạm coi như vũ trụ trở thành một ông già tuổi cao có đến hàng ngàn tỷ năm thì người ta phải hình dung đến một cảnh thê lương như sau: Không những các galaxy lúc đó đã xa nhau muôn trùng mà các vì sao lấp lánh trên trời đều đã tắt ngủm cả rồi.

Bởi vì các vì sao, kể cả ông mặt trời của chúng ta, cũng đều có thời gian sống và đây là một hiện tượng mà các kính thiên văn (telescope) vẫn thường nhìn thấy. Bất cứ ngôi sao nào cũng có những chu kỳ cháy sáng của nó, khi đến chu kỳ cuối cùng thì sao nổ, gọi là hiện tượng *supernovae*, và đó chính là lúc kết thúc cuộc đời của nó, hoặc để trở thành một sao trung hòa tử (*neutron star*) không phát ánh sáng, hoặc để trở thành một lỗ đen nhỏ. Cuộc đời của các ngôi sao như vậy dài lắm cũng chỉ độ hơn chục tỷ năm thôi, kể cả cuộc đời của ông mặt trời của chúng ta hiện là một chàng thanh niên mới có 4 tỷ năm tuổi đời.

Vậy thì khi cụ già vũ trụ của chúng ta được một ngàn tỷ năm thì hỡi ôi, cái vũ trụ với muôn ngàn tỷ tỷ ngôi sao lấp lánh này, với các galaxy lúc đó đã cách xa nhau vô tận, sẽ trở thành một bãi tha ma thê lương, ảm đạm, không năng lượng, không ánh sáng, vĩnh viễn ở trong bóng tối giá băng lạnh lẽo, mọi sự sống, mọi chuyển động đều chấm dứt và đó là hết.

Vũ trụ chết như vậy hay sao? May thay, những khám phá mới nhất của thiên văn học đã cho biết rằng thuyết này không đúng. Vũ trụ sẽ không nở rộng vô tận cùng như vậy. Một ngày nào đó, sự giãn nở của vũ trụ sẽ ngừng lại. Cái gì sẽ làm nó ngừng lại và... bao giờ? Lực hấp dẫn sẽ làm nó ngừng lại, còn bao giờ thì cái đó còn tùy ở một yếu tố gọi là "mật độ vật chất" trong vũ trụ.

Đến đây chúng ta đành phải đi vào một vài nguyên lý thông thường của Vật lý học. Trên thế giới này có bốn cái "lực" chính. Đó là lực tương tác điện từ, lực tương tác yếu, lực tương tác mạnh, và lực tương tác hấp dẫn. Lực điện từ là lực hút hay đẩy của từ và điện, thí dụ như ta thường thấy điện âm đẩy điện âm nhưng lại hút điện dương, cực nam châm Bắc đẩy cực Bắc nhưng lại hút cực Nam. Lực tương tác yếu và lực tương tác mạnh ta không thấy được, vì nó chỉ hoạt động bên trong hạt nhân của nguyên tử, nghĩa là chỉ trong địa bàn quá nhỏ của thế giới lượng tử, tầm hoạt động của hai lực lượng này chỉ vỏn vẹn nằm trong khoảng 1 centimet chia cho một số khủng khiếp là con số 1 theo sau có 13 con số zero, hay nói cách khác một phần mười ngàn tỷ (1/10,000,000,000,000) của centimet. Trong một dịp khác chúng ta hãy "đụng" đến hai cái lực quái gở này. Ở đây chúng ta chỉ nói đến lực tương tác hấp dẫn thôi vì nó có liên quan trực tiếp đến sự ngừng giãn nở của vũ trụ.

Lực hấp dẫn ta thường thấy vì một lý do giản dị là chính chúng ta đang là một thứ nạn nhân của lực này. Lực hấp dẫn của trái đất hút chúng ta dính trên mặt đất, không bay lên cao được trừ phi có máy móc. Cũng vì lực hấp dẫn mà mặt trăng xoay xung quanh trái đất và trái đất xoay xung quanh mặt trời. Tóm lại lực hấp dẫn chỉ có hút chớ không có đẩy, vật càng lớn sức hút càng mạnh và càng ở xa sức hút càng yếu đi, theo tỷ lệ nghịch mà các nhà toán học gọi là lực hấp dẫn giảm theo tỷ lệ bình thường của khoảng cách.

Bây giờ chúng ta nói đến kinh nghiệm thông thường hàng ngày của chúng ta. Nếu tôi cầm một cục đá, cố sức ném lên trời cho thật cao, việc gì sẽ xảy ra? Chỉ vài giây đồng hồ sau, cục đá sẽ rơi xuống đất trở lại. Lực hấp dẫn của trái đất đã kéo nó trở lại đó. Thí dụ nếu tôi muốn làm cho cục đá đó bay đi luôn, không rớt trở lại nữa thì sao?

À, cái đó cũng có thể được, miễn là bạn có đủ sức mạnh ghê gớm để ném nó đi luôn, nghĩa là khi cục đá rời khỏi tay bạn nó phải có một vận tốc mạnh đến độ thắng được sức mạnh của Lực hấp dẫn trái đất.

Trong ngành khoa học không gian, người ta gọi đó là vận tốc thoát (*escape velocity*), tức là vận tốc đủ mạnh để thoát ra khỏi sức hút của trái đất và bay đi luôn. Trong ngành phi hành không gian từ lâu rồi, người ta đã tính được vận tốc thoát đó là 11 cây số một giây đồng hồ. Có một vận tốc kém hơn đôi chút 8 cây số một giây đồng hồ thôi. Đây là vận tốc "lưng chừng" hay nói cho đúng hơn là vận tốc quỹ đạo. Một vật phóng

lên trời với vận tốc 8 cây số một giây đồng hồ thì nó bị "lưng chừng", nghĩa là nó không bị hút trở lại trái đất nữa, nhưng lại vẫn không đủ sức thoát ly hẳn ra ngoài trường thế hấp dẫn của trái đất, thành ra nó đành phải bay vòng quanh trái đất theo một quỹ đạo nào đó. Bởi thế, khi phóng vệ tinh nhân tạo, người ta chỉ cần đạt đến tốc độ 8 cây số một giây đồng hồ cũng đủ rồi.

Chúng ta vừa nói đến vật càng lớn sức hút của nó càng mạnh. Trên đây chỉ là nói đến vật lớn bằng quả địa cầu. Vậy lớn hơn thì sao? Thí dụ có một phi thuyền không gian muốn bay ra khỏi Thái dương hệ, nó phải làm thế nào. Nên nhớ Thái dương hệ là gồm cả Mặt trời và chín hành tinh cùng một loạt những hộ tinh khác. Tổng cộng Thái dương hệ có một khối lượng rất lớn, thành ra sức hút tổng hợp đó mạnh hơn sức hút của Trái đất rất nhiều. Tuy nhiên khi đã ra đến vành ngoài của Thái dương hệ rồi, khoảng 1.5 tỷ cây số thì cũng đã khá xa trung tâm lực hút là mặt trời, nên chỉ cần một vận tốc tiên khởi là 8 cây số một sao đồng hồ cũng đủ làm nó rời xa được Thái dương hệ.

Bây giờ chúng ta đã có thể trở lại vấn đề ngừng giãn nở của vũ trụ. Cái gì sẽ làm cho sự giãn nở của vũ trụ phải ngừng lại? Xin thưa rằng đó là lực hấp dẫn. Khối lượng nào ghê gớm đến độ đủ mạnh làm ngưng sự giãn nở của vũ trụ? Khối lượng tổng hợp của toàn bộ vật chất trong vũ trụ này vậy. Làm thế nào mà biết được toàn bộ vũ trụ có bao nhiêu vật chất để mà tính sức hút tổng hợp đó, trong khi chính các nhà vũ trụ học thường nói là chúng ta mới chỉ nhìn thấy hay nghe thấy một phần của vũ trụ bao quanh chúng ta mà thôi, chớ chưa thể biết vũ trụ rộng lớn bao nhiêu?

Giản dị thôi, người ta đo "mật độ" (*density*) của vật chất trong vũ trụ. Khỏi cần đi vào các chi tiết kỹ thuật, với những con toán phức tạp chỉ tổ làm nhức đầu, chúng ta hãy tìm những hình ảnh tỷ dụ đơn giản. Thí dụ muốn biết mật độ muối trong nước biển là bao nhiêu, người ta chỉ cần múc một ly nước ở biển lên đem vào phòng thí nghiệm mà thử. Kết quả cho thấy là ly nước đó có bao nhiêu phần trăm muối. Như vậy chẳng cần múc cả nước biển trên thế giới này lên mà đo người ta cũng biết đại để toàn bộ các đại dương có mật độ muối như thế nào và từ đó tính sơ sơ cũng biết trên trái đất này có bao nhiêu muối trong biển.

Vấn đề cố nhiên là khi biết được mật độ vật chất trong vũ trụ rồi thì cũng phải ước lượng xem toàn bộ vũ trụ rộng lớn bao nhiêu. Điều này không khó lắm vì vũ trụ đang nổ, dĩ nhiên chúng ta ở bên trong vụ nổ chớ không phải ở vành ngoài của vụ nổ, nhưng điều quan trọng là ta có thể nhìn vào quá khứ hàng tỷ năm trước, cho nên sự ước lượng cũng không phải là không thể có được.

Chúng ta đã biết vũ trụ rộng lớn bao la như thế nào. Vật chất mà ta có thể nhìn thấy trong vũ trụ là các vì sao, các đám tinh vân (*nebulae*), các galaxy, vì đó là những vật khổng lồ quan trọng nhất, còn các vật như địa cầu, hành tinh hay hộ tinh trong tất cả các thái dương hệ trong vũ trụ này chỉ chiếm một tỷ số không đáng kể. Khoảng cách giữa các vì sao lại quá lớn, khoảng cách giữa

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

ĐIỆN TOÁN ĐA NĂNG (MULTI MEDIA)

THY TRANG

Fremont, California

Trong một tương lai gần đây, khi ngồi vào bàn học, thay vì đọc sách, có thể cậu học trò nhỏ sẽ "đọc" máy điện toán. Nhưng lúc ấy trên màn ảnh sẽ không chỉ toàn là những dòng chữ cứng đơ mà sẽ còn có đầy đủ những hình ảnh sống động, âm thanh nổi, và mặt chữ. Ngoài ra còn có cả những hình họa (*graphics*) hợp lại với những tin tức được tham khảo và trình bày theo nhiều cách thức khác nhau. Với sự phối hợp như trên, đối với các cậu học trò nhỏ vẫn thường "dị ứng" với chữ nghĩa, việc học có thể sẽ trở nên thú vị, dễ dàng hơn.

Để thực hiện điều trên, cậu học trò nhỏ đó cần phải sử dụng một hệ thống máy móc điều động được nhiều phương tiện (*media*). Hệ thống đó mang tên *Multimedia.*

Peter Blakeney, quản đốc của phân bộ US Multimedia Operations, IBM, giải thích về lợi điểm của *multimedia* như sau, "Con người chúng ta có khuynh hướng dễ hài hòa với âm thanh và hình ảnh hơn là với mặt chữ (*text*) và dữ kiện (*data*). Mặt chữ và dữ kiện là những tin tức (*information*) được mã hóa (*encoded*), trong khi hình ảnh và âm thanh thì không."

Multimedia là gì?

Theo Len Feldman, một tham vấn viên (consultant) trong kỹ nghệ này, "Multimedia là một kết hợp giữa kỹ thuật về thính thị và điện toán nhằm làm thăng tiến khả năng của cả hai lãnh vực trên trong việc đem lại lợi ích cho người sử dụng."

Nick Arnett, chủ tịch công ty Multimedia Computing Corporation, cho biết, "Chữ đó là một tính tự. Có hơi nguy hiểm khi sử dụng chữ đó như một danh tự. Đó là một lô các kỹ thuật để làm máy điện toán trở nên tốt hơn bằng cách ứng dụng những kỹ thuật *digital.*"

các galaxy còn kinh khủng hơn nữa. Thành ra vũ trụ hầu như rỗng không. Thí dụ trong một căn phòng trống trơn và sạch trơn, có những đám bụi bay tản mát, nếu thu tất cả các bụi đó lại liệu có được hằng một muỗng cà phê hay không?

Thành ra mật độ vật chất trong vũ trụ là một con số quá nhỏ, gần như không có mật độ gì cả. Hiện nay mật độ đo được là khoảng dưới ba nguyên tử khinh khí trong một mã khối (square yard). Thời xưa ở Việt Nam không quen với đơn vị đo lường "yard" cho nên đã tạm dịch là "mã", dài khoảng 90 phân tây. Bạn hãy thử tưởng tượng một cái thùng có một thước khối và trong đó chỉ vỏn vẹn có ba nguyên tử, thì cái thùng đó còn rỗng không hơn là sự rỗng không (vacuum) mà các máy móc hiện đại có thể tạo được trên trái đất này để thí nghiệm.

Vũ trụ hầu như rỗng không như vậy làm sao mà có đủ khối lượng tạo thành sức hấp dẫn để làm ngừng sự giãn nở của vũ trụ? Nên nhớ rằng vũ trụ quá lớn, và tích tiểu thành đại, cho nên dù với mật độ đó, tính chung cho tất cả các vì sao, tất cả các galaxy, tích lũy lại cũng thành một khối lượng kinh khủng.

Nhưng khoảng năm năm trước đây, các nhà khoa học vẫn thở dài bứt rứt. Dù với khối lượng vật chất tích lũy đến độ lớn lao kinh khủng như vậy nhưng so với vận tốc các galaxy đang bắn ra tứ tán trong cái gọi là vụ nổ Big Bang thì vận tốc đó vẫn là vận tốc thoát ly, nghĩa là các galaxy bay quá nhanh, khối lượng vũ trụ không đủ lực mà kéo nó lại. Cũng như một phi thuyền không gian rời khỏi trái đất với tốc độ 18 cây số một sao đồng hồ là nó cứ đi, đi mãi không bao giờ ngừng lại nữa. Vậy vũ trụ bắt buộc trở thành một bãi tha ma lạnh giá hay sao?

Mấy năm gần đây, các nhà bác học đã tìm thấy những dấu hiệu mới lạ và đã có thể khẳng định rằng vũ trụ "đóng" (close), chớ không phải là "mở" (open). Chắc chắn vũ trụ sẽ có ngày ngừng nở rộng.

Cái gì đã làm họ tin tưởng như vậy? Trước hết hãy nói đến một hiện tượng đã quan sát thấy từ lâu.

Như trong bài trước đã trình bày, các phương tiện của khoa học hiện đại đã thấy trong khoảng vũ trụ mà ta nhìn được có đến cả trăm tỷ các giải ngân hà (galaxy). Điều đáng nói là các galaxy này không trải ra đồng đều trong khoảng không bao la của vũ trụ, mà quy tụ lại thành từng nhóm một gọi là *clusters*. Không những thế, các nhóm này cũng tập họp thành những nhóm lớn nữa gọi là "siêu nhóm" *(superclusters)*.

Vấn đề đặt ra là cái gì đã quy tụ các galaxy thành từng tiểu nhóm và đại nhóm như vậy? Lực hấp dẫn của chúng tự hút lấy nhau chăng? Những con tính chính xác nhất của các nhà khoa học đã trả lời: không. Bởi vì tính khối lượng của các galaxy đó, so với khoảng cách của chúng, thì chỉ riêng lực hấp dẫn tương tác với nhau cũng không thể nào giữ chúng lại thành từng nhóm, nữa là thành siêu nhóm, trong khi chúng đang chạy với tốc độ ghê gớm và có khuynh hướng càng ngày càng chạy xa nhau hơn.

Kết luận là phải có một cái gì đó, mà cái đó phải là một khối

---

Hệ thống thực tế *multimedia* gồm một (hoặc nhiều) máy điện toán để chạy *graphical user interfaces*, một hệ thống riêng biệt khác dành riêng để đối ứng với những nhập liệu (input) truyền vào bằng tiếng nói hoặc bút viết; một (hoặc nhiều) máy điện toán hạng nặng (main frames) để truyền tải tiếng động và hình ảnh khi truyền thông trên những khoảng cách xa. Hiện nay, phương tiện để lưu trữ dữ kiện của multimedia là những *compact disks* thường thấy.

Nếu như multimedia gần gũi với cách con người chuyển hóa các tin tức như đã đề cập bên trên và có những công ty nổi tiếng đang ra sức thực hiện, thì tại sao sản phẩm vẫn chưa trình làng, vẫn chưa trở thành phổ thông?

Hay như vậy, sao chưa phổ thông?

Đó là vì trong kỹ nghệ này chưa có một "tiêu chuẩn" nào được công nhận là chính thức. Tình trạng này cũng tương tự như những ngày đầu của các đầu máy VCR và Beta: bên nào cũng cố tranh phần thắng cho sản phẩm của mình để được công nhận là tiêu chuẩn chính thức cho cả kỹ nghệ. Cho đến khi kẻ thắng người bại rõ rệt, thì trên thị trường sẽ còn đầy rẫy những sản phẩm xưng danh là tiêu chuẩn chen vai sát cánh với những sản phẩm khác với những tiêu chuẩn... đối chọi và không tương hợp (*incompatible*). Thiệt thòi đầu tiên vẫn là người tiêu thụ.

Có một điều mà hiện nay đa số các chuyên gia trong ngành đều tiên liệu là sự kết hợp giữa điện tử tại gia (*home electronics*) và máy điện toán sẽ xảy đến rất nhanh chóng. Theo như Peter Blakeney: "Cho đến cuối thập niên này (90) khi hệ thống giải trí tại nhà được thay thế, thì thay vào đó sẽ là một hệ thống mới gồm có TV, máy điện toán và thiết bị cho điện thoại: tất cả sẽ được khiển dụng bằng âm thoại (voice) cũng như bằng tia hồng ngoại."

Tương tự, ngành ấn loát và sách vỡ cũng sẽ đi vào một cuộc cách mạng. Có thể trong tương lai khi đọc, thay vì lật từng trang, chúng ta sẽ lật qua từng màn ảnh của *multimedia*. Hệ quả sẽ là sách vỡ, báo in hiện tại sẽ theo chân chiếc máy đánh chữ để vào "yên nghỉ" tại các bảo tàng viện.

Viễn ảnh của *multimedia* gần như không giới hạn. Tuy nhiên, hiện nay ngành kỹ thuật này còn quá trẻ trung, và vẫn còn khá nhiều trở ngại cần phải khắc phục. Feldman tổng kết bằng một nhận định, "Chúng ta đang ở buổi khởi đầu của *multimedia*. Những ứng dụng kinh khủng và những sản phẩm mới nóng sốt của *multimedia* nằm trong tương lai. Nếu tính chuyện đường dài, thì *multimedia* chắc chắn sẽ là một chân trời rộng lớn với nhiều hứa hẹn."■

(Theo *High Technology Careers* Magazine 6/7/92)

lượng ghê gớm mới hút được các galaxy khổng lồ như vậy. Cũng như các thám tử đi tìm dấu vết có thể đưa đến thủ phạm, các nhà bác học cũng đi tìm, nhưng thấy thiếu một vòng mắt xích nối liền các chứng cớ, nghĩa là còn cần phải có một khối lượng vắng mặt (*missing mass*). Ngay từ lúc đó đã có lý thuyết mới ra đời: vũ trụ chắc chắn còn có những vật chất mà người ta không nhìn thấy, gọi là "vật chất tối" (*dark matter*).

Các nhà toán học thường đưa ra những phương trình toán lắt léo, để rồi đi đến một kết luận kỳ dị. Những gì ta nhìn thấy hay thấy do các bức xạ (*radiation*), những ngôi sao, những sao trung hòa tử còn được gọi là *pulsar*, các giải ngân hà, các đám tinh vân, các *quasar*, v.v... khám phá cho đến nay chỉ là mười phần trăm của vật chất trong vũ trụ, còn chín mươi phần trăm là vật chất tối. Ta không nhìn thấy vật chất tối, nhưng ta đo được ảnh hưởng hấp dẫn mà nó tạo ra cho các vật chất ta nhìn thấy.

Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Hồi tháng Hai năm 1993 này, các nhà thiên văn báo tin: Chắc chắn là có vật chất tối, và số lượng của nó còn nhiều hơn người ta dự tưởng, nghĩa là vật chất tối chiếm đến 99%, chớ không phải 90%. Tóm lại vật chất mà ta thấy chỉ là một số nhỏ đến thảm hại là 1% trong vũ trụ này thôi.

Các nhà thiên văn đã nhìn thấy cái gì? Họ nhìn thấy một galaxy lạ, cách chúng ta chỉ độ vài chục triệu năm ánh sáng, nghĩa là tương đối gần. Như các bạn đã biết, các galaxy là những khối sao xếp lại với nhau, tròn và dẹt như một cái bánh xe. Hình thù của nó có thể hơi khác nhau đôi chút, chẳng hạn có galaxy có hai cánh tay dài vòng ra ngoài, nhưng tất cả đều theo một quy luật nhất định: chúng đang bay và trong khi bay chúng tự xoay tròn theo một tốc độ vừa phải. Thí dụ như galaxy của chúng ta đang ở tự nó xoay tròn cứ 250 triệu năm là được một vòng.

Các galaxy đều có cái lõi ở giữa, tức là nơi quy tụ nhiều sao nhất, mới thoạt trông tưởng như chúng chất đống với nhau. Đó là vì từ ở xa nhìn nên mới tưởng như vậy, thực ra ở cái lõi đó các ngôi sao còn cách xa nhau lắm, nó chỉ gần tương đối so với các sao ở vòng ngoài mà thôi, vì càng ở gần vành bánh xe, các ngôi sao càng thưa thớt.

Một khối sao galaxy như vậy cũng giống như một khối lỏng đặc xệt, vì lực hấp dẫn tác động lẫn nhau. Theo đúng luật cơ động sơ đẳng nhất của vật lý chất lỏng, cộng thêm với nguyên lý hiển nhiên của luật hấp dẫn, thì khi xoay tròn như vậy, cái lõi phải xoay nhanh nhất, còn các phần tử bên ngoài xoay chậm hơn, càng ở gần lõi thì càng xoay nhanh, càng ở xa lõi thì càng xoay chậm.

Khi quan sát kỹ galaxy nói trên, các nhà thiên văn đo lường được khối lượng cái lõi của nó, lại đo được cả bề rộng từ cái lõi ra đến vành bánh xe, con tính dễ dàng nhất có thể cho thấy ngay rằng nếu cái lõi quay với tốc độ đó, thì luật Vật lý ắt phải cho thấy các lớp vành ngoài quay với tốc độ chậm như thế, như thế... Đàng này, quái dị thay, các nhà thiên văn nhận thấy các vành ngoài quay rất nhanh, cố nhiên không nhanh bằng cái lõi, nhưng nhanh hơn những tính toán thường áp dụng cho các vật xoay tròn như vậy. Chỉ có một kết luận duy nhất khả dĩ, cái lõi đó rất nặng, nặng đến độ đủ sức tạo ra hấp dẫn mạnh và kéo luôn các lớp vành ngoài bánh xe galaxy chạy đi vun vút.

Cái lõi chỉ nhìn thấy có thế mà sao nặng quá vậy? Câu trả lời hiển nhiên là nó có những vật mà ta không thể nhìn thấy, tức là vật chất tối vậy. Trước đây người ta tính được vật chất tối là vì dự liệu rằng nó phải ở những khoảng cách giữa các galaxy hay giữa các nhóm galaxy. Bây giờ té ra chính ở trong lõi galaxy cũng có vật chất tối, thì cuộc đời (nói các cụ bác học mà thôi) đâm ra khốn nạn mất rồi. Bởi lẽ galaxy nhiều vô kể, và con số 99% vật chất tối dự đoán trong vũ trụ e rằng cũng hơi khiêm tốn.

Chúng ta hãy tạm bỏ qua đề tài đang làm sôi nổi giới vũ trụ học hiện nay là câu hỏi: Vật chất tối thực ra là chất gì. Nó có giống như vật chất mà ta thấy, nghĩa là cũng bằng các nguyên tử, phân tử mà ta biết, tạo thành hay không? Nếu là vật chất quen thuộc, tại sao nó lại tối, nghĩa là không bức xạ.

Chúng ta hãy trở lại với đề tài của chúng ta: vũ trụ sụp đổ. Nếu khối lượng vũ trụ bao gồm cả vật chất tối thì dĩ nhiên nó có đủ sức hấp dẫn để một ngày kia (?) thắng được cái đà nở rộng của vũ trụ. Nhưng thắng lại rồi thì sao nữa?

Chúng ta đã nói đến thí dụ cầm một viên đá ném lên trên không. Viên đá bay cao đến độ nào đó, rồi lực hấp dẫn thắng vận tốc của nó, làm nó không bay lên được nữa. Nhưng đâu có phải sau đó viên đá cứ nằm im một chỗ trên không. Dĩ nhiên nó lại bắt đầu rớt xuống, trước còn từ từ, rồi về sau càng nhanh. Đó là hiện tượng dễ hiểu.

Sự bùng nổ của vũ trụ cũng vậy. Sau khi khối lượng tổng hợp của vũ trụ thắng được vận tốc nở rộng rồi thì tự nhiên, các galaxy bị kéo ngược trở lại... về nguyên thủy.

Nghĩa là vũ trụ bắt đầu "teo." Có lúc nó căng phồng cứng lên, thì cũng có lúc nó phải teo lại, cái luật này thì chúng ta ai cũng biết, chẳng cần phải học môn vật lý.

Vũ trụ teo, nghĩa là vũ trụ bị bẹp dúm, xẹp lại, và các galaxy bị kéo ngược trở lại. Càng lúc lực hấp dẫn càng tác động mạnh, vì các galaxy càng ở gần nhau, càng hút nhau mạnh. Kết quả là vũ trụ gom lại thành một đống như lúc khởi thủy. Bao nhiêu galaxy, bao nhiêu vì sao, bao nhiêu trái đất, hành tinh tan ra hết (*Big Crunch*).

Đó chính là vũ trụ sụp đổ, vạn vật tiêu tan, tất cả đều trở về số không, hay nói cho đúng hơn trở lại cái lỗ đen khổng lồ nguyên thủy. Không gian, thời gian xoắn vào và biến tiêu luôn, để rồi có thể là khoảnh khắc sau hay cả chục ngàn tỷ năm sau cũng vậy thôi, lại "đoàng" (big bang) một phát khủng khiếp, một chu kỳ mới lại bắt đầu.

Vũ trụ sụp đổ, như vậy là chết hết cả hay sao? Các bạn cứ yên tâm; còn cả hàng mấy chục ngàn triệu năm nữa mới có sự teo này. Trong khi chờ đợi, bạn vẫn có thể an tâm vui và chơi với cái "một trăm năm" của bạn.■

KỂ TỪ NGÀY MAI... KHÔNG CHỖ NÀO ĐƯỢC COI TRỌNG VẬT CHẤT NỮA

LÊ HOÀNG

(Trích báo Tuổi Trẻ Cười)

LTS: Truyện ngắn Linh Nghiệm trên báo Văn Nghệ (4-7-92) gây sôi nổi (và tai họa cho tác giả cùng tòa báo) vì nói đến Hồ Chí Minh đi tìm ảo tưởng và lôi cả nước đi tìm bánh vẽ. Nhưng trước đó đã có rất nhiều bài báo chế riễu hiện tượng sống trong ảo tưởng của chế độ CSVN. Các bài đó không gây nên chấn động vì không đụng tới thủ phạm chính, mà chỉ nói tới hiện tượng. Xin mời bạn đọc bài này.

Ai cũng biết bản chất con người là cái tốt. Cái làm cho họ hư hỏng là xà bông bột, kem đánh răng, chổi quét nhà, dao cạo râu, dầu chải tóc, bịch ni lông, bao đựng kẹo, keo hàn nồi... tóm lại là tất cả những thứ thuộc về vật chất.

Cho nên mới có chỉ thị:

"Kể từ ngày mai, không chỗ nào được coi trọng vật chất nữa. Mọi sự mua bán, trao đổi, ký gửi, hưởng thụ đều được tiến hành trên cơ sở tinh thần. Mọi sự chuyển nhượng, thừa kế, thuê sang đều phải được thực hiện bằng những giá trị thiêng liêng phi vật chất. Mọi vàng bạc, tư trang, đồ ăn, thức dùng đều phải thay thế bằng những thứ không cụ thể, nhưng bảo đảm, trong sạch, mới mẻ, bổ dưỡng và thích hợp với mọi lứa tuổi."

Một thời đại mới bắt đầu, lợi ích của nó thật không sao kể xiết.

-- Ở cơ quan, người ta ăn điểm tâm bằng một lời hứa, dùng bữa trưa với một bản nhạc và lĩnh lương bằng một bài diễn văn.

-- Ở trong nhà, bố ngủ trên những dòng xã luận, mẹ trang điểm bằng quyết tâm thư, còn con trai diện chiếc áo may bằng những bài hội thảo.

-- Ở ngoài đường, quán cà phê biến thành phòng họp, bà bán xôi chè chuyển sang buôn tên tuổi, bác kẹo kéo bán lẻ danh hiệu, còn chị bún bò phân phát quyết tâm.

-- Ở chợ, người ta đã quen với những từ: cho tôi mua 1kg đạo đức, ba bịch tương lai, hai trăm gờ-ram quá khứ, bốn đĩa tình yêu, năm tô kiên quyết.

-- Bếp núc, xoong nồi ai cũng sạch sẽ, không cần chùi rửa mà vẫn sáng choang. Để xơi một bài ca ngợi, đâu việc gì phải nấu chín, còn để chén một bản tổng kết, chẳng cần ai xắt mỏng cho lôi thôi.

-- Mùa trung thu, các em nhỏ được dắt vào bảo tàng viện, còn đêm giao thừa, các gia đình đi xem triển lãm.

Không khí lành mạnh, vui tươi, phấn khởi tràn lan khắp nơi. Nhưng thật đáng căm phẫn, một số bọn còn luyến tiếc cái cũ thời kỳ vật chất. Chúng liên kết với nhau bắt đầu tổ chức phá hoại, công khai hay ngấm ngầm, chúng muốn phục hồi những tệ nạn ngày xưa.

Đầu tiên, nạn ăn chơi phung phí, hưởng thụ bừa bãi lại sống lại. Ai có thể tưởng tượng được, có những đám cưới xài tới hai chục câu khẩu hiệu, lại còn kèm theo mười lăm phút dặn dò, bốn mươi trang nhắc nhở.

-- Có những sinh nhật mời khách xem tới bảy chương trình thời sự, đọc hết ba bản nhận xét thi đua, và quá quắt hơn nữa, cả bọn sau đó kéo nhau đi dự mít tinh tới sáng.

-- Có những cuộc liên hoan thuê hẳn diễn giả về nói chuyện, có những buổi gặp mặt mà riêng thời giờ đứng vỗ tay đã kéo dài một giờ hai mươi phút rưỡi.

Và cũng hệt như ngày xưa, nạn buôn bán lòng vòng, trao đổi lung tung bắt đầu xuất hiện. Để hy vọng người ta buộc phải bán tình thương, muốn xài ban ơn nhiều nơi xuất kho lòng trung thực.

Bọn cửa quyền quan liêu cũng chui ra nhanh chóng. Ai cần xem ca nhạc phải dự đủ ba buổi họp tổ dân phố, ai gửi tâm hồn vào tín dụng, lúc rút ra phải chứng minh là mình đã ngây thơ tới mười năm.

Chợ đen hình thành. Có những tháng các quán hàng bị mua gom sạch phấn khởi, lại có quý, tìm đâu cũng chẳng thấy một ký lạc quan, cần dùng thì phải đi cửa sau hoặc bằng lòng với giá cắt cổ. Mà đầu cơ để làm gì nếu không nâng giá? Nhiều lúc ba dao dũng cảm chỉ trị giá bằng một chén bâng khuâng.

Nhưng vô lương tâm nhất là bọn làm hàng giả, làm cho nhiều người tiêu dùng nghi ngờ, chẳng biết tin ai. Đã xảy ra trường hợp thô thiển được dán nhãn chân thành, còn trí thông minh đựng trong chai thuốc trừ sâu, bên ngoài đề "không dùng quá liều chỉ định".

Bao nhiêu nỗi khổ đó tưởng đã tới tận cùng, đùng một cái, thêm vấn đề nhập lậu. Tinh thần vọng ngoại tràn lan, lấn át tinh thần nội đủ mọi bề. Mọi sự biết ơn lậu thuế bền và rẻ hơn sự biết ơn trong nước tới ba lần, còn chở một xe văn hóa qua biên giới là đủ mua được hai tạ lòng tự hào đã cơ chế sẵn.

Cho nên mới có chỉ thị:

"Kể từ ngày mai, không chỗ nào được tồn tại vật chất và tinh thần nữa. Mọi sự mua bán, trao đổi, ký gửi đều phải thực hiện trên cơ sở một thứ mà chúng tôi chưa nghĩ ra nhưng sẽ thông báo sau. Mọi sự chuyển nhượng, thừa kế, thuê sang đều phải được thực hiện bằng giá trị thiêng liêng tạm thời chưa tồn tại. Mọi vàng bạc tư trang, đồ ăn thức dùng đều phải thay thế bằng những cái chẳng bao giờ có nhưng cần bảo đảm trong sạch, mới mẻ, bổ dưỡng, phù hợp với xu thế đi lên của thời đại."■

TIẾNG VIỆT ĐÔI BỜ

CHU VIỆT

Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa
Đêm đông sông Đáy lạnh đôi bờ.

"Đôi bờ", thơ QUANG DŨNG

Năm xưa nhà thi sĩ tài hoa của chúng ta ngồi bên bờ sông Đáy tưởng nhớ đến người yêu ở phía bên kia mà cảm khái viết thành bài thơ bất hủ. "Đôi Bờ" từ đó đã tượng trưng cho sự phân ly cách trở giữa những người Việt không cùng chia sẻ một quan niệm sống, một ý thức hệ. Sông Đáy hay những dòng sông khác, những lằn ranh phân định "vùng ta, vùng tề," "bên này, bên kia" của thời kháng chiến chống Pháp đã thực sự là khởi điểm của sự khác biệt ngày càng sâu đậm về tâm lý, xã hội, và văn hóa — trong đó có ngôn ngữ — , đặc biệt kể từ khi hai miền Nam, Bắc trở nên hoàn toàn biệt lập. Gần một nửa thế kỷ đã trôi qua, với thời gian, đã mặc nhiên hình thành hai xã hội gần như riêng rẽ dưới hai thể chế đối nghịch nhau, và người Việt ngày nay đã bắt đầu cảm thấy có khó khăn trong việc tìm hiểu nhau qua đối thoại hay sách vở, báo chí. Dựa trên kinh nghiệm lịch sử của những dân tộc khác, cái hố cách biệt về ngôn ngữ này có nguy cơ sẽ khơi rộng thành vực thẳm giữa đôi bờ đại dương mênh mông.

Giả thử Quang Dũng đến nay vẫn còn sống, và một ngày đẹp trời nào đó gặp lại người yêu cũ. Câu chuyện hàn huyên giữa hai người có thể diễn ra như sau:

QD: "Từng ấy năm mà em chả có *liên hệ* gì với anh, tệ quá."

NY: "Bao giờ em chả là người yêu của anh, sao lại không có liên hệ?"

QD: "Không phải thế, anh muốn nói là *liên lạc*, thư từ cơ... Sau ngày *giải phóng*, nhân chuyến *đi thực tế* ở miền Nam, anh đã *tranh thủ* đi tìm, nhưng em đã đi tản..."

NY: "Trước 75 giữa hai miền làm gì có thông thương. Còn sau khi *mất nước*, ở bên này em bận đi làm nuôi con. À, đi thực tế là cái gì hả anh? Mà đi tìm em, tại sao anh lại phải tranh thủ? Anh tranh thủ cái gì, với ai?"

Một mẩu đối thoại tưởng tượng nhưng cũng không khác với sự thật là bao ở chỗ nó điển hình cho cái ngôn ngữ mà người ta vẫn quen dùng thường ngày nên không có mảy may ý thức về sự khác biệt cả về văn hóa lẫn thái độ chính trị. Cùng một hành động, người thì bảo là liên hệ, người thì nói là liên lạc; cùng một biến cố, người thì gọi là giải phóng, người thì kêu là mất nước. Sự thật, như người ta nói, thường nằm ở giữa, vì ngôn ngữ dẫu sao cũng chỉ là những quy ước.

Tôi có một cô em mới cùng chồng là sĩ quan đi tù cải tạo lâu năm, trở về, sang định cư tại Mỹ. Trong khi chuyện trò cô thường nói "*sau ngày giải phóng*..." một cách thoải mái, làm như xưa nay cô vẫn đứng trên lập trường của phía bên kia. Một ông anh vợ là nhà văn cũng đã đi tù cải tạo, lại sính dùng trợ từ *thôi* như khi nói "như vậy cũng tốt thôi," một kiểu nói khá lạ tai đối với chúng ta ở đây. Tôi biết, họ nói như vậy chẳng qua là do thói quen mà họ đã tiêm nhiễm một cách vô thức sau khi chung sống nhiều năm với những người cũng nói như vậy.

"Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài," con người xã hội luôn luôn là một sinh vật phải thích ứng, không thể nào làm khác. Thành thử, ngôn ngữ thường phản ánh thói quen sử dụng, và mọi sự khác biệt trong cách thế diễn đạt tư tưởng, nếu không cố tình, chỉ có thể là thói quen sử dụng mà thôi.

Ngôn ngữ, như vậy, là một thực thể sinh động luôn luôn tiến hóa, luôn luôn biến cải theo nhịp với nhu cầu truyền thông của một tập thể nhân loại, và bao giờ cũng phản ánh trung thực nếp sinh hoạt của tập thể đó. Sống biệt lập với miền Bắc, đa số người miền Nam vì thế không hiểu được "đi thực tế" là gì và thường hay ngờ ngợ về ý nghĩa và đối tượng của nhiều sáo ngữ mà người miền Bắc hay dùng như: *tranh thủ, động viên, xây dựng, triển khai, điển hình, đăng ký, cụ thể, v.v...* Ngược lại, tôi tin rằng phần lớn người miền Bắc cũng chỉ có thể hiểu được lơ mơ ý nghĩa những từ ngữ đặc thù của miền Nam như "ấp chiến lược", "nhân vị", "chỉnh lý", "hoán bổ", "chỉnh hình", "chung sự", v.v... Cứ như thế, mỗi miền đều tạo cho mình một sắc thái văn hóa riêng biệt thể hiện qua ngôn ngữ.

Trong suốt hai cuộc chiến, do

nhu cầu huy động quần chúng, ngôn ngữ của phe xã hội chủ nghĩa trước hết là "ngôn ngữ khẩu hiệu." Ngắn, gọn, hàm súc, dễ hiểu, dễ nhớ là những đặc tính của khẩu hiệu mà mục đích chủ yếu là gây một ấn tượng tâm lý mạnh mẽ, do đó nó thường được dùng để cổ võ hay tuyên truyền. Về mặt này, ta có thể thấy ảnh hưởng trực tiếp của Trung Cộng trong những năm kháng chiến chống Pháp. Những phương châm cách mạng của Mao Trạch Đông như "*Bài phong phản đế*" rồi "*Bài phong đả thực*," hay "*Diệt cá đấu gian*," và những ý niệm chiến thuật, chiến lược học được ở người cố vấn như "*Nhất điểm lưỡng diện*," "*Công đồn đả viện*," "*Tứ khoái nhất mạn*," v.v... hiển nhiên là khởi điểm và đã trở thành mô thức cho những khẩu hiệu dùng trong thời kháng chiến và sau này. "*Ba xây ba chống*," "*Chống càn nhổ bót*," "*Chỉnh cán rèn quân*," "*Tiến chậm tiến chắc*," "*Đi sâu đi sát*," và gần đây hơn cả, "*Xóa đói giảm nghèo*," là một vài thí dụ. Đa số những cụm từ khẩu hiệu này gồm bốn chữ kết hợp hai vế bổ túc và được sáng tác phỏng theo tiết điệu của cách ngôn, tục ngữ cho nên, phải công nhận, nó rất dễ phổ biến và có tác dụng mạnh. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, do đó, đã xây dựng cả một nền văn học tuyên truyền bằng thứ ngôn ngữ khẩu hiệu này. Chỉ việc nhìn qua những tiêu đề như "*Tăng cường tính đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa*" (báo cáo của Trường Chinh), hay "*Nhiệt liệt hưởng ứng những việc cần làm ngay*" (thơ Thanh Tịnh), hay "*Đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, nâng cao nhiệt tình cách mạng và tính chiến đấu trong văn nghệ*" (bài viết của Tố Hữu), thì ta cũng đủ biết nội dung đại khái như thế nào. Đúng như tiêu đề đã dự báo, văn chương thơ phú chỉ còn là những khẩu hiệu kéo dài để chuyên chở những ý tưởng đóng khuôn và lập đi lập lại đến độ nhàm chán, không có gì hơn.

Với một quân đội phôi thai nhất nhất đều phải học của người, từ vũ khí cho đến binh thư, binh thuyết, ta không lấy làm lạ khi thấy trong từ ngữ quân sự của phe cộng sản đầy rẫy những danh từ như: *địa lôi* (mìn), *cự ly* (khoảng cách), *lựu pháo* (howitzer), *quân hàm* (cấp bậc), *thượng tướng/tá/úy, hiệp đồng tác chiến* (hành quân phối hợp quân binh chủng), *Thủ trưởng* (đơn vị trưởng), *cường tập pháo* hay *cấp tập pháo* (bắn tập trung), v.v... là những ý niệm mượn của Hồng quân Trung Hoa. Cũng như trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa trước đây, dĩ nhiên cũng có vô số danh từ mượn hay dịch của quân đội Pháp như: biệt kích (*commando*), phụ lực quân (*force supplétive*), mìn (*mine*), lon (*galon*), chuẩn úy (*aspirant*), tiểu đoàn khinh quân (*bataillon léger*), liên đoàn lưu động (*groupement mobile*), tiếng hô "Vào hàng, phắc!" (*à vos rangs, fixe!*) chẳng hạn, và sau này là những ý niệm về tổ chức và chiến thuật được phiên dịch hay mô phỏng theo quân đội Mỹ, thí dụ: chuyên nghiệp quân sự (*MOS*), bảng cấp số (*TOE*), hành quân lùng diệt địch (*search and destroy operation*), Biệt Động Quân (*Rangers*), căn cứ yểm trợ hỏa lực (*fire sup-*

port base), tiếp vận (*logistics*), lãnh đạo (*leadership*), siêu tần số (*VHD*), v.v...

Vay mượn trong ngôn ngữ là chuyện thông thường nhưng có tính cách hạn chế. Muốn theo kịp đà tiến triển của văn minh hiện đại, dĩ nhiên cần phải sáng tác những từ ngữ mới. Sự sáng tác đôi khi có tính cách tùy tiện vì nhu cầu cấp bách nhưng đại để thường nằm trong khuôn khổ một công trình nghiên cứu lâu dài và có hệ thống. Cuốn "Danh Từ Khoa Học" của Hoàng Xuân Hãn là một nỗ lực đi tiên phong trong chiều hướng này; nó đã đề ra những nguyên tắc căn bản cho việc cấu thành những từ ngữ mới sau này, đặc biệt là những từ ngữ Hán-Việt, mà đa số học giả và các nhà ngữ học của miền Nam đã chấp nhận như kim chỉ nam trong Đại Hội về Danh Từ Chuyên Môn năm 1956. Từ đó, tiếc thay, miền Nam không có một nỗ lực quy mô nào đáng ghi nhận ngoại trừ những sáng tác cục bộ, rời rạc. Kết quả là mạnh ai người nấy đặt, mạnh ai người nấy dùng. Phe xã hội chủ nghĩa thì có Viện Ngôn Ngữ Học thuộc Ủy Ban Khoa Học Xã Hội của nhà nước phụ trách những vấn đề tu từ, nghiên cứu, biên khảo về ngôn ngữ. Gần đây (1988), Viện này đã hoàn tất cuốn "Từ Điển Tiếng Việt" đầu tiên, một công trình tu từ hữu ích quy tụ được một số từ ngữ mới đáng kể.

Hai mươi năm cách biệt giữa hai miền Nam-Bắc đã tạo nên hai hệ thống văn hóa xã hội khác nhau bởi nền tảng ý thức hệ và nhu cầu kiến tạo quốc gia dưới thể chế đã lựa chọn. Ngôn ngữ của hai bên, do đó, đã phát triển theo hai hướng khác nhau nếu không nói là đối nghịch.

Điển hình nhất là những nhân danh, địa danh. Trong khi miền Nam vẫn theo khuôn sáo Hán-Việt, thí dụ như Mạc-tư-khoa, Hoa-thịnh-đốn, Mễ-tây-cơ chẳng hạn, thì miền Bắc lại phiên âm trực tiếp từ tiếng gốc thành *Mát-xcơ-va, Oa-sinh-tơn, Mê-hi-cô*, tuy không tuân theo nguyên tắc nào một cách tuyệt đối. Cái đó cũng dễ hiểu, vì với những danh từ quen dùng từ lâu đời như Anh, Pháp, Mỹ thì chẳng ai dại gì mà đổi thành Inh-gơ-lân, Fơ-răng-xơ, Uy-nai-tớt-xtết-óp-a-mê-ri-ka. Đã quen nói "kháng chiến chống Pháp", bây giờ chả lẽ lại đổi thành "kháng chiến chống Fơ-răng-xơ"? Gọi chính quyền miền Nam là *"bọn Mỹ-Ngụy"* vẫn tiện hơn là *"bọn Uy-nai-tớt...-Ngụy"*, nói *"giặc lái Mỹ"* chắc là gọn hơn *"giặc lái Uy-nai-ớt ..."*! Nhưng mà, ô kìa, ta lại thấy nước Úc quen thuộc biến thành *Ô-xtrây-li-a*, nước Ý được trịnh trọng kêu bằng *I-ta-li-a*, trong khi nước Nhật vẫn còn là nước Nhật, chứ không phải *Níp-pon*, như người Nhật vẫn gọi quốc gia họ. Như vậy ta phải hiểu như thế nào? Đó là vì tự ái dân tộc, nhu cầu tiến bộ, hay tính ưu việt của xã hội chủ nghĩa? Gần đây cũng thấy một vài nhà văn "phe ta" bắt chước kiểu phiên âm này, thí dụ gọi thủ đô nước Ba-lan là *Vác-xa-va* thay vì Warsaw hay Varsovie.

Với danh từ riêng thì miền Bắc xã hội chủ nghĩa có vẻ thống nhất và nguyên tắc hơn. Ở miền Nam, trong sách vở báo chí ta có thói quen cứ để nguyên tên theo chính tả ngoại ngữ, thí dụ: de Gaulle, Stalin, Johnson, Mitterrand. Đối với độc giả biết ngoại ngữ thì không sao, nhưng đối với ông già bà cả chỉ biết viết biết đọc tiếng Việt thì kể ra có hơi bất công. Miền Bắc giải quyết vấn đề bằng cách đánh vần nguyên văn ngoại ngữ để người dân ai cũng đọc được: *đờ-Gôn, Xta-lin, Giôn-sơn, Mít-tơ-răng*, mặc dầu trong tiếng Việt không có những nhị trùng âm như "xt" hay "xk." Có điều phiền toái là những tên hay địa danh đánh vần như vậy thường dài lòng thòng vì phải phiên ra những âm không có trong tiếng Việt, cho nên có khi đọc đến vần cuối thì đã quên mất vần đầu. Ta hãy thử tưởng tượng phải đánh vần ra tiếng Việt những địa danh như Sainte-Église-les-deux-Mères (Pháp), Osterholz-Scharmbeck (Đức), hay Mechanicsville ở ngay tại miền Đông nước Mỹ này.

Trong một số tác phẩm văn học của cộng sản, ta thường thấy tác giả nhắc đến những văn, thi sĩ của Nga bằng những tên đánh vần như: *Mai-a-cốp-xki, Ê-tê-ka-ri-na Ê-rin-bua, Ép-giê-ni Ép-túp-chen-cô*, v.v... Đối với những người có học thức cao thì chẳng cần đánh vần cũng vẫn biết là ai, nhưng những tên này, cho dù có đọc được, liệu có gây được ấn tượng gì đối với những thím Ba, thím Tư ở dưới miệt vườn? Đối với các thím thì đọc những tên này lên có khác chi ê a những câu kệ như "Tu-lị, tu-lị, Ma-ha-tu-lị, Ma-ha-tát-sa-bà-ha" ở chùa những ngày rằm lễ Phật?

Trong sự phát triển ngôn ngữ của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, trong một giai đoạn nào đó, ta thấy rõ ràng có khuynh hướng dùng tiếng nôm thay cho Hán Việt, ý chừng với mục đích tạo cho tiếng Việt một phong cách dân tộc riêng biệt như ông Hồ đã từng chủ trương. Họ dùng *vùng trời* hay *vùng biển* thay cho không phận hay hải phận, *máy bay lên thẳng* thay cho trực thăng, *lính thủy đánh bộ* thay cho thủy quân lục chiến, *tên lửa* thay cho hỏa tiễn, *Lầu Năm Góc* thay cho Ngũ Giác Đài. *tòa Nhà Trắng* thay cho tòa Bạch Ốc, *bóng đá* thay cho túc cầu, v.v... Nỗ lực này có thể là đáng khen nếu tạo thành một hệ thống từ ngữ qui củ, liên tục. Trên thực tế đó chỉ là chuyện đánh trống bỏ dùi, vì càng ngày ta càng thấy khuynh hướng dùng tiếng Hán-Việt, đặc biệt là những từ du nhập từ Trung Cộng, lấn át tiếng nôm.

Người miền Nam tự hỏi: Tại sao cứ phải *đăng ký* trong khi có thể nói ghi tên? Sổ gia đình không được hay sao mà phải dùng *sổ hộ khẩu*. *Căn hộ* thì có gì siêu việt hơn căn nhà? Thăm viếng nghe có vẻ nôm na biết bao, sao lại phải *tham quan*? Giấy thông hành đã có từ lâu sao không dùng mà cứ phải *hộ chiếu*?

Còn nhiều, rất nhiều thí dụ thông thường khác như *hải quan* (quan thuế), *xuất khẩu* (xuất cảng), *biên chế* (quy chế), *vật tư* (vật liệu), *tư liệu* (tài liệu), *yêu cầu* (đòi hỏi), *phương án* (dự án), *nhân tố* (yếu tố) v.v... Vấn đề đặt ra là: những danh từ thông dụng như vậy hầu hết đã có sẵn, tại sao lại phải du nhập thêm một hệ thống từ ngữ mới? Nếu là công trình sáng tạo hay mô phỏng có mục đích làm cho tiếng Việt được chính xác hay khoa học hơn thì

cũng tạm cho là có ích đi mặc dầu nó dễ gây ra ngộ nhận. Nhưng nhìn kỹ thì thấy toàn là những danh từ hiện đại của người Trung Hoa thường dùng. Thì ra cả về phương diện ngôn ngữ, miền Bắc cũng thấy gần gũi với "người anh em xã hội chủ nghĩa" phương Bắc hơn là người anh em ruột thịt miền Nam. Ý chừng họ nghĩ: Nếu đã phải đi mượn thì thà đi mượn của đàn anh chính gốc còn hơn là mượn của của bọn "Ngụy" lai căng. Thành thử, ta có cảm tưởng họ làm khác chỉ vì muốn cho nó khác chứ chẳng nhằm mục đích lợi ích hay cao siêu nào mà ta có thể nhận biết. Cũng may là họ chưa đến nỗi nói "xin bảo trọng" khi từ giã nhau "tân niên khoái lạc" hay chúc nhau vào dịp Tết.

Trong số các danh từ mới mà miền Bắc xã hội chủ nghĩa mượn của Trung Hoa, ta thấy có một vài danh từ có ích dụng thực tiễn mà miền Nam không có, chẳng hạn như "thủ trưởng." Ban đầu nghe có thể lạ tai nhưng nếu dùng quen, ta thấy nó có thể thay thế cho nhiều cách thế xưng hô trong nhiều tình huống khác nhau. "Thưa xếp" nghe có vẻ hèn hạ và lạc hậu cho nên khi thưa gửi cấp trên chúng ta thường phải thưa gửi chính cá nhân đó, thí dụ "thưa ông Tổng trưởng," "thưa Trung tướng," "thưa Đại úy," v.v... chứ không xưng danh chức vụ một cách trống không như "thưa Tư lệnh," "thưa sư đoàn trưởng," hay "thưa chủ sự." Nhưng, "thưa thủ trưởng" đã giải tỏa được sự phiền toái này, nghe vừa gọn, vừa tiện, vừa thân mật mà có thể dùng để thưa gửi bất cứ cấp trên nào. Trên thực tế, sự thưa gửi này hình như chỉ hạn chế ở những đẳng cấp dưới mà thôi vì ta chưa thấy cán bộ cộng sản nào kêu đồng chí Võ Văn Kiệt bằng "thủ trưởng" cả.

Ngoài vay mượn, miền Bắc xã hội chủ nghĩa còn sáng tác từ mới như đã nói ở trên, hoặc dùng tiếng Nôm hoặc dùng Hán-Việt, nhưng, như ta đã thấy, hầu như họ không theo một nguyên tắc đồng nhất nào. Trái lại, đôi khi họ dùng lẫn lộn cả hai, pha chế Hán-Nôm một cách tùy tiện để đẻ ra những quái thai như *cửa hàng trưởng, tài trưởng, buồng máy trưởng*, v.v... Bạn không tin? Thì cứ đi tra cuốn "Từ Điển Tiếng Việt" của Viện Ngôn Ngữ Học Hà Nội hay đọc tiểu thuyết Dương Thu Hương mà coi. Tại sao lại có sự gán ghép chéo cẳng ngổng như vậy? Cái đó, theo tôi, cũng dễ hiểu: trong kinh tế xã hội chủ nghĩa không có khu vực tư nhân nên ta không thể có những ông bà chủ tiệm, chủ tàu, chủ đò, mà chỉ có những "chức vụ" của nhà nước. Quản lý cửa hàng quốc doanh hay điều khiển tàu bè là một chức vụ của nhà nước cho nên người cán bộ phụ trách được ban cho chức "trưởng." Nhưng mà, trưởng gì đây? Nếu muốn Việt-hóa, ta có thể theo thứ tự ngữ vị (word order) mà kêu "trưởng cửa hàng" hay "trưởng tàu" tương tự như ta đã có "trưởng họ," "trưởng phòng," "trưởng nhiệm sở," thì nghe cũng tạm xuôi tai. Nhưng muốn theo Hán-Việt thì hơi kẹt đấy, bởi vì lại phải theo vết Ngụy mà dùng "thuyền trưởng," "hạm trưởng" của nó. Còn cửa hàng thì, nếu dùng "thương điếm" hay "bách hóa điếm" của người Trung Hoa mà đặt ra chức "thương điếm trưởng" hay "bách hóa điếm trưởng" thì bạn đọc thấy thế nào? Tôi thì tôi thấy nó "tàu" thế nào ấy. Chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa cũng *nhất trí* (đồng ý) như vậy cho nên, thôi đành, đầu gà đuôi vịt cũng chả sao, đâu đã chết ai mà sợ. Đã có "chung cư" rồi thì "cửa hàng trưởng" hay "buồng máy trưởng" có sao?

Đọc báo chí và tiểu thuyết xuất bản tại Việt Nam những năm gần đây, ta có thể nhận thấy đó đây một hiện tượng mà tôi tạm gọi là "thẩm thấu văn hóa." Ảnh hưởng qua lại của hai dòng văn hóa Bắc-Nam sau khi thống nhất đã được thể hiện qua sự dung hợp không những của phương ngữ Bắc-Nam mà còn cả trong khẩu

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa, có "Nàng" Tô Thị...

Tình cờ đọc lại bài ca dao ru trẻ "*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa, có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh...*" trên tạp chí *Văn* cách đây vài tháng, tôi muốn trở lại một câu hỏi rất giáo khoa về những địa danh của bài ca dao. Có phải câu ca dao này, trong nguyên thủy, là "Đồng Đăng có Phố Kỳ Lừa, có *làng* Tô Thị, có chùa Tam Thanh"?

Bài ca dao nói đến ba địa danh chúng ta có thể kiểm chứng được, là Kỳ Lừa, Đồng Đăng, và chùa Tam Thanh. Nàng Tô Thị chờ chồng có liên hệ đến Hòn Vọng Phu, nhưng có liên hệ đến câu thơ không? Rõ ràng, câu thơ đang nói đến những địa danh - phố, làng, và chùa. Có thể nào, khi bài ca dao được truyền tụng, một số ít người Bắc - vẫn có thói quen phát âm chữ L thành chữ N - đã đọc "*có làng Thô Thị*" thành "*có nàng Tô Thị*"? Một học giả tăm tiếng quá cố đã xác nhận điều đó: "có làng Tô Thị" đã bị phát âm trật thành "có nàng Tô Thị".

Cụ Hoàng Văn Chí, tác giả của quyển *Từ Thực Dân Đến Cộng Sản*, lúc sinh thời đã nhiều lần (nhấn mạnh *nhiều lần*) nói về giai thoại của bài ca dao này. Cụ kể rằng, lúc còn theo kháng chiến chống Pháp ở những chiến khu đầu tiên của Việt Minh trên đường số 4, cụ đã đặt chân đến hầu hết những làng, xã ở Cao Bằng, Lạng Sơn. Cụ nói rằng ở Đồng Đăng có một ngôi làng tên là Tô Thị. Và cụ đã khẳng định, có những người ở vùng đó nói câu ca dao nguyên thủy là "có làng Tô Thị" chứ không phải là "nàng Tô Thị".

"Có nàng Tô Thị", hay "có làng Tô Thị"? Mục *Chữ và Nghĩa* mời độc giả nào có điển tích hay chứng cớ về tung tích của bài ca dao này xin cho biết.

Tạp chí *Thế Kỷ 21* sẽ biếu một năm báo cho độc giả đầu tiên gởi đến tòa soạn một giải thích lý thú nhất về hai câu ca dao trên. (*Nguyễn K. Phong*) ■

ngữ đặc thù của chế độ xã hội. Nói cách khác, đã có sự hòa đồng giữa tiếng Việt của hai miền, cũng như trước 75 điều này đã xảy ra tại miền Nam đối với cộng đồng người Bắc di cư. Nhà văn nhà báo miền Bắc đã bắt đầu dùng "thịt heo" thay cho "thịt lợn," "trái cây" thay cho "hoa quả,, "bồ bịch" thay cho "người yêu," "ly nước" thay cho "cốc nước," "có bầu" thay cho "có chửa," "sắp nhỏ" thay cho "con cái," và những phụ từ như "dặng," "vô," v.v... thậm chí đã dùng cả những tiếng lóng đặc thù của xã hội miền Nam trước 75 như "hết xẩy," "một cây," "bia ôm," "bốc thơm," "bụi đời," "mát dây," chẳng hạn. Ngược lại, người miền Nam cũng đã *"hồ hởi"* sử dụng những từ của miền Bắc xã hội chủ nghĩa như *khâu, vụ, việc, ngành nghề, mánh mung, móc ngoặc, phản ánh, tư duy, chí ít,* v.v... một cách tự nhiên, thoải mái. Tại hải ngoại, cũng có một số nhà văn nhà báo — đặc biệt là những người đã ở lại trong nước nhiều năm — sử dụng ngôn ngữ của phe cộng sản. Có người bảo thủ cực đoan cho như thế là "đón gió" hay "trở cờ." Về phương diện ngôn ngữ, tôi không nghĩ như vậy. Tôi cho đó là kết quả tự nhiên của quá trình thẩm thấu qua lại khi hai dòng văn hóa biệt lập có cơ hội giao tiếp với nhau. Gia dĩ sự vay mượn hay mô phỏng trong ngôn ngữ vốn đã là một hiện tượng tự nhiên góp phần làm cho tiếng nói dân tộc ngày một chính xác và phong phú thêm. Thấy hay, đúng, gọn, bèn dùng thử, một người dùng, mười người dùng, lâu ngày thành quen và được đa số chấp nhận, thế là đủ để danh từ trở thành vốn liếng ngữ vựng. Trên phương diện này, dường như nhà văn miền Nam có vẻ cởi mở và phóng khoáng hơn là nhà văn miền Bắc dù cho họ đã được "cởi trói."

Sự thẩm thấu ngôn ngữ Nam-Bắc, về mặt văn tự, đã mặc nhiên khiến cho lời văn có vẻ thuần hậu, êm dịu, và khả ái hơn. So sánh ngôn ngữ một số tiểu thuyết miền Bắc xã hội chủ nghĩa trước và sau 75, đặc biệt là sau vụ "cởi trói," ta hẳn thấy điều này. Về mặt tiếng nói cũng vậy, người miền Bắc sau khi đã sinh sống lâu ở miền Nam, thường nghe giọng Nam có vẻ quen thuộc hơn, quen thuộc đến nỗi không còn nhận biết sự khác biệt Bắc-Nam trong giọng nói, và khi nói thì giọng Bắc cũng như ngôn từ miền Bắc cũng đã Nam hóa đi ít nhiều. Tôi là người sinh trưởng ở miền Bắc nhưng sao khi nghe giọng Bắc "ròng" gần đây của người Hà Nội tôi thấy nó đỏng đảnh và chát chúa làm sao, và không khỏi không có cảm giác tha hóa. Thì ra cũng chỉ vì lâu ngày không quen nghe nên thấy lạ tai. Ấy là chỉ mới có vài chục

VÀI SUY NGHĨ VỀ MỘT NHU CẦU THÔNG TIN MỚI:

TIN TỨC VỀ THỊ TRƯỜNG SÁCH VỞ

TÒA SOẠN THẾ KỶ 21

Sách đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của chúng ta, vì nó là sản phẩm trí tuệ hùng hậu nhất của nhân loại. Từ hàng ngàn năm trước được viết trên mảnh gốm, trên da thú, trên tre, trên lá, cho đến trên giấy, rồi ngày nay đang đi vào đĩa điện tử, sách luôn luôn là phương tiện diễn đạt quan trọng và nhiều năng lực nhất, có khả năng nối chúng ta với quá khứ xa thẳm, phục vụ cho đời sống hiện tại và mở đường cho chúng ta vào tương lai.

Ngày nay giữa vô vàn phương tiện truyền thông nhanh chóng và ồ ạt, sách vẫn tiếp tục giữ vai trò quan trọng nhờ đặc tính lưu trữ và cách sử dụng đơn giản quen thuộc của nó. Sách vẫn là phương tiện chính yếu cho cả nhân loại cho việc giải trí, tìm kiếm kiến thức phổ thông, việc giáo dục cho đến các lãnh vực tư tưởng và khoa học cao cấp. Nó phản ảnh mọi mặt của đời sống con người, mà ngày nay đời sống của con người quá phong phú nên khối lượng sách ngày càng trở nên khổng lồ.

Chỉ nói về sách Việt ngữ của người Việt hải ngoại xuất bản, thậm chí chỉ ở Hoa Kỳ không thôi, số lượng và thể loại cũng đã rất đáng kể rồi. Điều đó cho biết rằng nhu cầu đọc tiếng Việt — giải trí, nghiên cứu, học hỏi — của chúng ta, người Việt Nam định cư trên những miền ngôn ngữ xa lạ, vẫn tồn tại và phát triển, như một thúc bách đáp ứng các nhu cầu tình cảm, trí tuệ và gìn giữ cái gốc văn hóa của mình. Lịch sử Việt Nam cho thấy sức sống của dân tộc Việt Nam rất mạnh, không những giữ vững được nòi giống ở vùng châu thổ sông Hồng mà còn hoàn tất vẻ vang một cuộc nam tiến, cọ xát đấu tranh với ít nhất hai dân tộc có hai ngôn ngữ khác là Chàm và Khơme, mà vẫn giữ được tiếng Việt thống nhất, một nền văn hóa thống nhất. Cuộc ra đi vào phần tư cuối thế kỷ 20 của dân Việt Nam ra khắp thế giới là một thử thách mới, chắc chắn là gay go hơn nhiều, và các cộng đồng người Việt hải ngoại đang chứng tỏ các cố gắng tự bảo tồn của mình, biểu hiện "sức sống mạnh" cố hữu của mình như thế nào.

Sách là một biểu hiện sức sống ấy — một biểu hiện điển hình nhất, có ý nghĩa nhất. Thể loại phong phú, nội dung sách hay và bổ ích khiến ta vui mừng. Số người đọc sách đông đảo khiến ta vui mừng.

năm.

Những sự khác biệt về ngôn ngữ giữa người Việt trong nước và người Việt hải ngoại, nếu được duy trì qua sự cô lập lâu dài, chắc chắn sẽ càng ngày càng trở nên sâu đậm hơn. Mới có mấy chục năm mà đã "ông nói gà bà nói vịt" thì thử hỏi mấy chục năm sau sẽ ra sao. Trông cái gương "tiếng Tây Gia-nã-đại" ngày nay, người Việt hải ngoại không khỏi không lo ngại cái thứ tiếng Việt của mình đang nói và viết hôm nay một ngày nào đó sẽ trở thành một cổ ngữ vì người Việt chính quốc không còn nói hay viết như thế nữa. Đã có một nhà văn chủ trương sửa đổi cách nói và viết theo tiếng Việt chính quốc, nghĩa là dùng ngôn ngữ của người Việt cộng sản. Cũng có một số nhà văn khác muốn khơi lên phong trào "giao lưu" hay "hợp lưu" văn hóa gì đó, với ý hướng trao đổi, đối thoại để gây thông cảm và giảm thiểu những sự khác biệt về văn hóa — và ngôn ngữ — giữa người Việt hải ngoại (quốc gia) và người Việt chính gốc (cộng sản). Đó là những ý kiến có mục đích xây dựng đáng hoan nghênh. Thế nhưng, dựa theo kinh nghiệm lịch sử của nhiều dân tộc, nếu cứ tiếp tục cô lập về địa lý hay chính trị như hiện nay, mỗi dòng văn hóa hay ngôn ngữ đều có cái đà tiến hóa hay quán tính riêng của nó, không có thế lực khách quan hay chủ quan nào ngăn cản nổi. Cho nên, điều có thể làm và nên làm là xóa bỏ những điều kiện đã gây ra sự cách biệt văn hóa hay ngôn ngữ đó. Nói cách khác, phải có sự hòa hợp dân tộc trên mọi phương diện, ưu tiên là chính trị.

Nhà nước cộng sản vẫn thường kêu gọi "hòa giải dân tộc." Đó là điều kiện tiên quyết để tiến tới hòa hợp dân tộc, điều mà ai cũng mong muốn. Nhưng tôi nghĩ cộng đồng người Việt hải ngoại sẽ khó lòng chấp nhận một cuộc hòa giải có tính cách "chiêu hồi," bao lâu đảng cộng sản còn nắm quyền thống trị. Muốn hòa giải? Cũng không khó khăn gì nếu thật lòng có thiện chí. Người có ưu thế, theo ý tôi, cần phải đi bước trước. Hãy chứng tỏ bằng những hành động cụ thể. Trước mắt là trên phương diện ngôn ngữ, hãy xóa bỏ những luận điệu hàm hồ, những từ ngữ miệt thị nhau kiểu "Mỹ-ngụy" chẳng hạn. Hãy giải thể đảng cộng sản, hãy cởi mở tự do thực sự, hãy trả lại ruộng đất cho nông dân, hãy xây dựng nền tảng cho một thể chế dân chủ pháp trị đích thực. Hãy làm tất cả những thứ đó đi thì chẳng cần kêu gọi hay mời chào cũng có hòa hợp dân tộc, và khi ấy, tôi tin chắc tiếng Việt ở hai bên bờ đại dương chỉ sẽ một.■

Nhưng hình như vẫn còn thiếu một cái gì. Sách, đối với con người, vẫn là một phương tiện. Như mọi loại phương tiện khác, nó vẫn cần phân loại, thống kê, giới thiệu, bình phẩm để sự sử dụng được hữu hiệu và an toàn hơn, nhưng khác với nhiều loại phương tiện khác, sách tác động chủ yếu vào tinh thần con người, nó là món ăn tinh thần. Nếu người ta kiểm soát chặt chẽ về phương diện vệ sinh và bổ dưỡng của các thức ăn thể chất thì là vì nó liên quan mật thiết đến sức khỏe của chúng ta. Nhưng lãnh vực tinh thần thì không cụ thể như thể chất, và vì tự do, không ai kiểm soát hộ cho ta được. Cùng lắm là sắp xếp, phân loại, giới thiệu, góp ý kiến, đề nghị...

Dù là một lãnh vực cần được tự do, tinh thần vẫn có sức khỏe của nó, và sức khỏe ấy cũng tùy thuộc nhiều vào thức ăn mà nó thu nạp. Nếu có một ai đó tình nguyện xem xét một phần nào các thức ăn tinh thần và góp ý kiến rằng món này ngon, món kia dở, hoặc đơn giản chỉ giới thiệu, rằng hiện nay trên thị trường đang có món nọ món kia, thứ này được nhiều người thích, thứ khác lắm người chê v.v... thì thiết tưởng đó cũng là một công việc có ích và đáng được ủng hộ. Nhất là giữa lúc sản phẩm, tức là sách, báo, quá nhiều, người đọc bình thường vốn đã bận bịu công việc hàng ngày, có thể rất bối rối không biết nên đọc cuốn nào cho hợp với sở thích, trình độ, nhu cầu của mình.

Nếu mỗi tháng một lần, độc giả ấy có trên tay một bảng chỉ dẫn dù là tổng quát về tình hình sách báo trong ba mươi ngày vừa qua thì thật là tiện lợi: có bao nhiêu cuốn sách (hoặc tờ báo) mới ra lò, tác giả là ai, đại khái trong ấy viết cái gì, xuất bản ở đâu, có thể tìm mua ở đâu, với giá bao nhiêu...; người ấy có thể còn biết thêm cuốn nào đang bán chạy nhất, cuốn nào đang gây tiếng vang; cũng có thể đọc ý kiến hoặc lời phê bình của một cây bút có uy tín về một cuốn tiêu biểu nào đấy. Nói chung, đó là một Bản Tin về Sách. Một bản tin như mọi bản tin, với "Ở đâu, Tại sao, Ai, Thế nào" nhưng không giống các bản tin khác ở chỗ nó chỉ nói về một sản phẩm, một thị trường, một lãnh vực, đó là *chữ nghĩa* — và đó cũng là Tinh Thần, Trí Tuệ, Trí Khôn, Tình Cảm... Vậy thì ngoài tính cách là một phương tiện thông tin, nó còn là một thông điệp, giữa tâm hồn này với tâm hồn khác.

Tạp chí *Thế Kỷ 21*, với các suy nghĩ trên đây, quyết định mở thêm một mục mới, đó là mục TIN SÁCH. Đây sẽ là một nhịp cầu nho nhỏ trong thế giới chữ nghĩa của chúng ta. Qua đó người viết, người đọc, người xuất bản sẽ hiểu nhau và hiểu tình hình sách vở hơn. Chúng tôi cũng sẽ cố gắng thực hiện, hoặc mời những nhà có thẩm quyền, viết những bài nhận xét, phê bình các tác phẩm đáng lưu ý để một phần nào đề nghị một cách nhìn và một định hướng thẩm mỹ nơi người đọc. Ngoài phần thời sự về sách vở, chúng tôi sẽ có phần dành cho các kiến thức về sách nói chung, như cách bảo quản sách, cách tổ chức một thư viện gia đình, các chuyện hay lạ liên quan đến chữ nghĩa, sách vở kim cổ đông tây... Khi tình hình cho phép chúng tôi sẽ tiến tới tìm hiểu tình hình viết sách, xuất bản và đọc sách tại Việt Nam hiện nay, vì dù thế nào đó cũng là một thị trường sách tiếng Việt lớn nhất. Nó không thể hoàn toàn biệt lập mà thế nào cũng có những mối liên quan tinh thần nào đấy với các cộng đồng người Việt khác trên thế giới. Ngoài ra không thể không có các thông tin về tình hình sách vở tại các trung tâm văn hóa ở các nước khác.

Chúng tôi hy vọng mục mới này sẽ đem lại một số lợi ích cho bạn đọc. Điều tối thiểu mà chúng tôi ước mong là nó sẽ hướng dẫn một phần nào các bạn đến cái sẽ đọc, và giúp suy ngẫm lại những gì đã đọc.■

Bộ Chữ Việt Nam

Do VNLabs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Việt Nam và Bộ Chữ Quốc Tế

Giám Đốc: Nguyễn Nam Việt
Cố Vấn Nga : Vadimir Ouzdin

Hệ Thống Computer Ngoại Ngữ tối tân nhất thị trường

Bộ Chữ duy nhất có khả năng dùng tiếng Việt trong nhiều Software sẵn có trên thị trường(DOS $ WINDOWS), kể cả PageMaker, Ventura Publisher, CorelDraw, WordPerfect, Ami Pro, Windows Word, Excel, Dbase, spreadsheets, vv..

Bộ Chữ Việt Nam do VNLabs hiện đang được sử dụng tại nhiều cơ quan Quốc Tế và hiện là Bộ Chữ căn bản dùng tại đa số các nhà in tại Hải Ngoại, cùng các cơ quan tình báo và quân sự Hoa Kỳ.

Bộ Chữ Liên Sô do VNLabs hiện là software thông dụng nhất tại Nga Sô.

VNLabs là nơi sản xuất trên 30 Software Ngoại Ngữ từ 1984.

Các kiểu chữ tiếng Việt trong Bộ VN Windows (PostScript & TrueType)

Dùng trong Windows (V3.0 & V3.1), các fonts PostScript và TrueType này có thể in trên bất cứ loại printer nào được Windows support (dot matrix, Bubblejet, Inkjet, Deskjet, Laserjet, Paintjet, PostScript printers, vv..).

VN Aristote Bộ Chữ Việt Nam

VN Avant Garde Bộ Chữ Việt Nam

VN Bodoni Bộ Chữ Việt Nam

VN Brush Bộ Chữ Việt Nam

VN Century Bộ Chữ Việt Nam

VN Chancery Bộ Chữ Việt Nam

VN Cooper Bộ Chữ Việt Nam

VN FreeStyle Bộ Chữ Việt Nam

VN Friz Bộ Chữ Việt Nam

VN Goth Bộ Chữ Việt Nam

VN Helvetica Bộ Chữ Việt Nam

VN Helvetica Insera Bộ Chữ Việt Nam

VN Hobo Bộ Chữ Việt Nam

VN Merlin Bộ Chữ Việt Nam

VN Palatino Bộ Chữ Việt Nam

VN Park Avenue Bộ Chữ Việt Nam

VN Present Bộ Chữ Việt Nam

VN Revue Bộ Chữ Việt Nam

VN Teknika Bộ Chữ Việt Nam

VN Tiffany Bộ Chữ Việt Nam

VN Times Bộ Chữ Việt Nam

VN University Bộ Chữ Việt Nam

VN Vogue Bộ Chữ Việt Nam

ДИПЛОМАТ

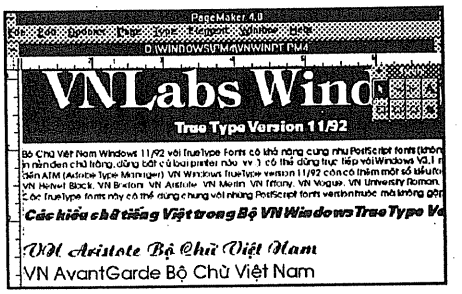

Bộ Chữ Việt Nam trên PageMaker V4

Bộ Chữ Việt Nam trên CorelDraw V3

INTERNATIONAL DESKTOP

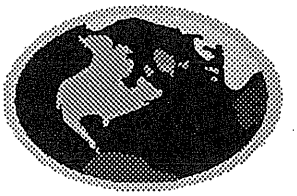

VNLabs
3700 Campus Dr., Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

1984 - 1992

Trung Tâm Băng Nhạc Hải Âu
đã phát hành

Hải Âu 57

Mỹ Huyền: *Giọng ca nhẹ nhàng mang màu sắc quê hương*
Randy: *người con trai Mỹ với tiếng hát và con tim Việt Nam*

9842 Bolsa Ave., # 103, Westminster, CA 92683
(714) 531-8119
Hỏi mua tại các tiệm sách và băng nhạc.
Chú ý: Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 và hội viên Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ được bớt 10%

Luật Sư
ĐÀM QUANG LÂM, J.D.

* *Nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Sàigòn.*
* *Hội Viên Luật Sư Đoàn Pennsylvania, New Jersey và Hội Luật Sư Di Tru Hoa Kỳ (AILA)*

ĐẢM NHẬN CÁC DỊCH VỤ DI TRÚ:

* **Bảo lãnh gia đình từ Việt Nam và các nước khác, bảo lãnh hôn thê và hôn phu.**
* **Di trú vào Mỹ vì lý do nghề nghiệp, tôn giáo, đầu tư...**
* **Tỵ nạn chính trị, du học.**
* **Điều chỉnh tình trạng di trú.**

518 South Third Street
Philadelphia, PA 19147
Điện thoại: (215) 925-0230
Ngoài giờ: (215) 629-4939

TẬN TÂM - ĐỨNG ĐẮN - KẾT QUẢ

TỬ VI THIÊN CƠ
ÔNG PHẠM ĐÌNH MAI

8742 Westminster Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 891-3429
Fax: (714) 891-4584

1. Giải đoán Tử Vi trọn đời có thu băng cassette.
2. Xem địa lý, phương hướng nơi cư trú và cơ sở thương mại.

* Ở xa, gởi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ - kèm Money Order 32 Mỹ kim; Làm thật gấp là 40 Mỹ kim - Sẽ nhận được Lá Số Tử Vi chấm bằng computer kèm tape thu lời giải dùng trọn đời.

MỜI CÁC BẠN
CÙNG VIẾT!

Thế Kỷ 21 hoan nghênh mọi đóng góp của thân hữu và bạn đọc khắp nơi.

Xin đừng chờ xây dựng và hoàn tất một "công trình văn học hoặc báo chí" rồi mới gửi cho *TK21*.

THẾ KỶ 21

The Company You Keep®

Ngô Văn Trình

17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 Ext. 12
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-291-239-9223
• BẢO HIỂM NHÂN THỌ
Đại diện chính thức cho New York Life
• BẢO HIỂM SỨC KHOẺ
Cá nhân, Gia đình và Nhóm
Đại diện nhiều hãng Bảo Hiểm uy tín

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún bung
6. Bún riêu
7. Bún giả cầy
8. Bún thang
9. Bún mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún ốc
12. Bánh đúc đậu rán
13. Đu đủ bò khô "Viễn Đông"
14. Miến gà
15. Miến lươn
16. Chả giò

ĐẶC BIỆT:
CHẢ CÁ THĂNG LONG,
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - Nghỉ ngày thứ Ba

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County
(OC Society of OB-Gyn)

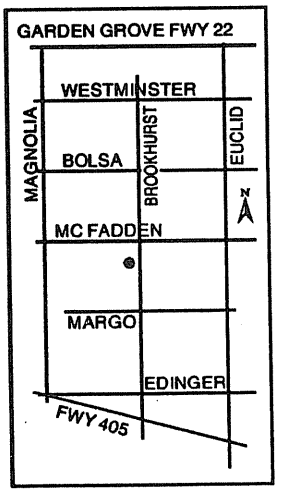

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

HOME LOANS

CẦN VAY TIỀN

14351 EUCLID ST. # 1T
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-1127

GIÀU ĐẶNG
President
Pager: **(714) 565-9809**

MUA NHÀ | **APARTMENT**
CONDO | **COMMERCIAL**

JEANNIE YẾN NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 648-8254	JAN TRANG LÊ LOAN OFFICER PAGER: (714) 239-9374
TIẾN "TIM" NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 568-4098	MINH T. TRAN LOAN OFFICER PAGER: (714) 291-0543
THANH PHẠM VĂN LOAN CONSULTANT TEL: (714) 531-7258	JENNIFER LE LOAN OFFICER PAGER: (714) 565-9500

TIỀN LỜI THẤP CHO: REFINANCE

8.00% (30 years) ⟵ FIXED ⟶ **7.50%** (15 years)

(RATES SUBJECT TO CHANGE WITHOUT NOTICE)

GIỜ LÀM VIỆC:
7 ngày một tuần:
9 AM - 6 PM

ĐẶC BIỆT:

BAD CREDIT - BANKCRUPTCY - FORECLOSURE VẪN ĐƯỢC VAY TIỀN

* REFINANCE TRẢ NỢ CŨ
* TU SỬA NHÀ VAY: $17,500
* EQUITY LOANS (CASH OUT) ĐẾN 100%
* FOURPLEX TRỞ LÊN VAY; $43,750

Có nhiều chuyên viên kinh nghiệm đến tận nơi làm thủ tục vay mượn choquý khách
Công việc làm nhanh chóng - Uy tín

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHONG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Lise Dieutrang Vo

Agent

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714 962-4440 #13
Fax: 714 964-0545
Pager: 714 291-4222

HOÀNG OANH

MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc compact disc và video:

- **Băng nhạc quê hương**
- **Ngâm thơ**
- **Thánh ca**

P.O. Box 10553, Santa Ana, CA 92711

(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103

640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O. BOX 2228-260, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name: . . . . . .

Địa chỉ / Address: . . . . . .

. . . . . .

Điện thoại / Telephone: . . . . . .

Tôi đặt mua Thế Kỷ 21 / I would like The Ky 21 delivered to me:

☐ 06 số / issues ☐ 12 số / issues ☐ 24 số / issues

Bắt đầu từ số / Starting from issue:. . . . . .

Kèm theo đây là chi phiếu/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of:
(NB: From other countries, please send only USD International Money Order).

Giá dài hạn	Bulk rate (Mỹ)	1st class (Mỹ)	Canada	Pháp	Đức	Bỉ	Úc	Nhật	Phi Châu
1 issue (100%):	US$ 3.	US$ 4.50	CS 5.	32 FF	7 DM	220 FB	A $8.	800 Y	US $7.
6 issues (-17%):	US$ 15.	US$ 22.	C$ 26.	159 FF	35 DM	1095 FB	A $39.	3984 Y	US $35.
12 issues (-20%)	US$ 28.	US$ 43.	CS 48.	307 FF	67 DM	2112 FB	A $76.	7680 Y	US $67.
24 issues (-25%)	US$ 54.	US$ 81.	CS 90.	576 FF	126 DM	3960 FB	A $144.	14400 Y	US $126.

DINH DƯỠNG TRỊ LIỆU

Quyển sách biên khảo quan trọng nhất
trong năm đã phát hành:

MÓN QUÀ VÔ GIÁ GỞI VỀ VIỆT NAM CHO THÂN NHÂN

Lần đầu tiên từ 17 năm qua, một quyển sách y học bằng Việt ngữ chỉ dẫn cặn kẻ những phương thức trị bệnh bằng dinh dưỡng, ngừa bệnh bằng dinh dưỡng và tạo dựng một thế hệ trẻ, khỏe, sống lâu hơn. Một quyển sách mà tất cả mọi gia đình đều phải có để có thể tham khảo trong mọi trường hợp. Sách thực hiện thật công phu và tốn kém gồm:

- Trình bày những chất căn bản để nuôi sống con người
- Trình bày những nguyên lý biến sinh trong cơ thể
- Trình bày những bất bình thường trong sự dinh dưỡng cho khoảng gần 100 loại bệnh.
- Sách dày 928 trang, khổ lớn (8.1/2" x 11"), bìa cứng, giấy láng, gồm 264 hình ảnh và hình vẽ cùng 6 phụ bản màu (full color)
- Sách tham khảo về dinh dưỡng cho các Bác sĩ và Đông y sĩ
- Sách phát hành đúng ngày mồng 4 tháng 1 năm 1993.

Tác giả:

Bác Sĩ NGUYỄN THẾ THỨ

Bác Sĩ Chiropratic
Thạc Sĩ Dinh Dưỡng
Thạc Sĩ Chỉnh Hình

Mọi chi tiết xin liên lạc:

Bà NGÔ XUÂN PHƯƠNG
7891 Westminster Blvd
Westminster, CA 92683
(714) 891-7775
Fax: (714) 891-2596

Sách bán duy nhất tại:
Phòng mạch Bác Sĩ Nguyễn Thế Thứ
7891 Westminster Blvd., Westminster, CA 92683 * (714) 891-7775
Giá: $79 chưa kể thuế và cước phí

BÁC SĨ TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Tốt Nghiệp Y Khoa Tổng Quát và Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y KHOA TỔNG QUÁT**
- **CHUYÊN TRỊ PHỤC HỒI**
  - ** Bịnh kinh niên bô lão*
  - ** Bịnh đau cấp tính và kinh niên*
  - ** Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp*
  - ** Bịnh trẻ em tàn tật*
  - ** Y Khoa gia đình*
- **CHÂM CỨU**
  Với sự cộng tác của Bác sĩ Nguyễn Duy, tốt nghiệp Y Khoa gia đình tại Đại Học Galveston, Texas

NHẬN MEDICARE – MEDICAID – BẢO HIỂM

PHÒNG MẠCH:
5101 Ross Ave., Dallas, TX 75206
(cạnh Dallas Memorial Hospital)
(214) 824-1230

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Tư - Thứ Sáu:
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

PHÒNG MẠCH:
3602 W. Walnut, Garland, TX 75042
(214) 272-0186

Bắt đầu 1 tháng 2 năm 1993

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Ba:
Từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Thứ Tư: 10 giờ sáng đến 8 giờ chiều
Thứ Sáu: 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Chủ Nhật: 10 giờ sáng đến 12 giờ

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE Certified — Automotive Service Excellence

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK
$19.00 + 67 CERT.
VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-TII CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bớt tiền mà sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chuẩn dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESTNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

DAVID NGUYỄN (BODY SHOP MANAGER)
(714) 373-3344
Beeper: 262-8098

AIR CONDITIONING SPECIALIST

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 — VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE
$40.00
EVACUATE EXTRA

THANH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

- *Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- *Máy lạnh thổi không ra hơi*
- *Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- *Hệ thống lạnh bị xì*
- *Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- *Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

Bác Sĩ Y Khoa

TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

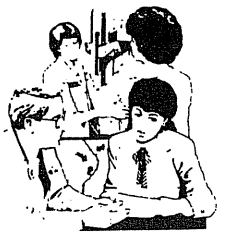

- DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
- VĂN BẰNGCHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNGQUÁT HOA KỲ
- NGUYÊN GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON
- NGUYÊN GIÁO SƯ MÔN NỘI KHOA ĐẠI HỌC Y KHOA OKLAHOMA
- NGUYÊN PHÓ GIÁM ĐỐC OKLAHOMA CITY V.A. MEDICAL CENTER

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM

Chuyên Trị:

BỆNH NỘI KHOA & BỆNH NGOÀI DA:

- **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đai, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàng nhan, mụn cóc, lang ben
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp xương, đau nhức kinh niên
- **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh
- **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT:** Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ
- **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu
- **BỆNH TIM:** Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp
- **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi
- **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu thận suy

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não
- Bệnh tê liệt, bại xuội

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư, máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh thử máu trước khi lập gia đình

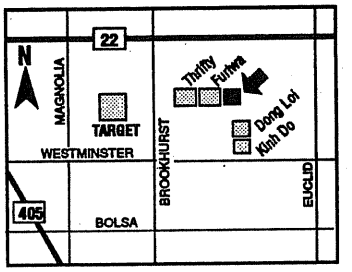

13832 BROOKHURST ST.
GARDEN GROVE, CA 92643
(Góc Brookhurst &Westminster trong khu chợ Kinh Đô cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Ba - Thứ Sáu
1:30PM - 7:30PM
Thứ Bãy
9:30AM - 6PM
Thứ Hai THEO HẸN

Chủ Nhật: nghỉ

Xin Gọi Trước Để Lấy Hẹn

ĐÀM THOẠI VỀ MỘT HOÀN CẢNH MỚI CHO SÁNG TÁC VĂN NGHỆ KỲ II

SÁCH VÀ NHÀ

VÕ PHIẾN và NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG - Ông Võ Phiến, lần trước chúng ta bắt đầu bằng câu chuyện hô bài chòi của những người dân quê tại một làng hẻo lánh nghèo nàn ở miền Trung nước ta. Lần này...

VÕ PHIẾN - Lần này, xin đề nghị bắt đầu bằng câu chuyện một đại trí thức ở Paris, kinh đô ánh sáng của nước Pháp. Nên chăng?

NXH - Sao to chuyện thế! Ông định nói về nhà đại trí thức nào vậy?

VP - Jean-Paul Sartre.

NXH - Ối!

VP - Tôi biết mà: Ông ngấy tận cổ. Đã có một thời, ở Sàigòn ta, giới văn nghệ hễ mở miệng là toàn Sartre với Camus. Ông lại là giáo sư, dạy triết, sớm chiều đụng đầu mấy ông này hàng ngày, chán là phải. Nhưng xin nói ngay là những điều tôi sắp đưa ra không liên quan gì đến triết học với văn chương cả. Chẳng qua là chuyện đời sống.

Như ông đã biết, cha mất sớm, Sartre với mẹ về ở nhà ngoại. Ông ngoại là nhà giáo dạy Đức ngữ, cũng có soạn một cuốn sách giáo khoa được in đi in lại. Vậy, ngoại là một tác giả, một hãnh diện của gia đình. Tác giả tất nhiên có tủ sách gia đình. Cậu bé Sartre từ nhỏ đã lân la vào phòng sách của ngoại, và sống những giờ mê tơi. Về già, lúc gần tuổi sáu mươi, trong cuốn *Les Mots*, ông viết: "Tôi đã bắt đầu và chắc chắn rồi cũng sẽ kết thúc cuộc đời mình giữa các cuốn sách." (J'ai commencé ma vie comme je la finirai sans doute: au milieu des livres.)

Sống và chết giữa các cuốn sách không giống như sống và chết giữa vựa lúa của một nhà nông, hay giữa kho hàng của một nhà buôn, hay giữa bàn ghế trong công thự của một viên quan lại nào đó trong guồng máy cai trị của các chế độ. Sách là thứ lạ lùng hơn nhiều. Ở một đoạn khác của tác phẩm vừa kể, ông viết: "Tôi đã tìm ra cái tôn giáo của tôi: tôi thấy không có gì quan trọng hơn là một cuốn sách. Cái phòng sách, tôi xem nó như một ngôi đền." (J'avais trouvé ma religion: rien ne me parut plus important qu'un livre. La bibliothèque, j'y voyais un temple.)

NXH - Ý ông muốn nhấn mạnh đến vai trò của phòng đọc sách gia đình chứ gì? đến vai trò lớn lao của nó trong việc đào tạo nên những nhà trí thức, nhà văn hóa v.v... chứ gì? Tôi nhận thấy ở nước ta, trong những gia đình đời đời danh tiếng, suốt mấy trăm năm đã cống hiến cho dân tộc bao nhiêu là danh nho danh sĩ, như dòng họ Lê (quí Đôn), họ Nguyễn (Du), họ Ngô (thời Sĩ), họ Phan (huy Vịnh), v.v..., đâu thấy nói tới một phòng sách nào?

VP - Ông vừa động đến một đặc điểm văn hóa của Đông phương. Ở ta, cũng như ở Tàu xưa kia, cá nhân không có vai trò, cá nhân bị xóa nhòa trong cuộc sống đại gia đình. Không ai có phòng riêng, có một khu vực sinh hoạt riêng tư cả. Trong một đại gia đình đông đảo nườm nượp, sự ngăn chia phòng ốc riêng biệt là không thực tế. Bởi vậy lúc bấy giờ không phải chỉ vắng mặt một cái phòng sách, mà vắng thiếu tất cả. Bấy giờ trong nhà không hề có phòng ngủ, mặc dù ai nấy đều có lúc ngủ; không có phòng ăn, mặc dù gia đình nào cũng ăn; không có phòng tắm phòng vệ sinh, mặc dù không có ai nhịn...

Nhà không chia phòng riêng, như vậy trên một bộ phản, nếu vất lên đó mấy chiếc gối thì đó là phòng ngủ. Nếu bày lên đó mâm bát, hay bộ đồ trà thì đó là phòng ăn. Nếu đặt ra cái án thư thì đó là phòng sách... Chiếc án thư đã xa lạc chúng ta lâu ngày quá, đến nỗi thế hệ ngày nay lắm người phân vân không biết viết tên nó ra sao: *án* hay là *áng!*

Xưa có, giờ không, là thế.

NXH - Ông bảo ta mất cái án thư đã lâu quá, thế nghĩa là ở ta việc đọc sách chấm dứt từ những bao giờ, chứ đâu phải chờ đến cuối thế kỷ này?

VP - Sau chiếc án thư của nền văn hóa cũ, ta chịu ảnh hưởng Tây phương, và trong nhà chúng ta liền có những phòng sách hẳn hoi.

NXH - Ông nghĩ vậy sao? Tôi thấy hiếm.

VP - Chắc là hiếm. Ngay ở Pháp có lẽ những nhà có thư phòng như nhà ông ngoại của Sartre cũng không nhiều lắm đâu. Nhưng ở ta vẫn có. Xem nào. Ông còn nhớ vở kịch của Trần Lê Nguyễn viết hồi 1970, đăng ở tạp chí *Thời Tập* chứ? Vở kịch mang tên là *Ngôi nhà trên đồi thông*. Trong ngôi nhà ấy có một phòng sách. Tác phẩm là một hư cấu, nhưng đoạn kịch này Trần Lê Nguyễn ám chỉ một nhân vật lịch sử rất gần, bác sĩ Nguyễn Văn Thinh. Nhân vật có thực, hi vọng là nhà cũng thực.

Có thể ông chê rằng tôi dẫn một nhân vật đặc biệt quá. Vậy xin kể một nhân vật khác không đặc biệt. Nhân vật tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, sống ở miền quê

BÙI NGỌC TÔ & HUỆ THU

ĐÔI NGƯỜI TRI KỶ

Bệnh với ta liền như tứ chi!
tay ta chưa rã, bệnh chưa lìa
chân ta còn dính, chưa rời bệnh
với trái tim mòn, bệnh cũng chia!

Tim ta với bệnh đã chia đều
lá phổi héo xèo, bệnh vẫn yêu!
đến nỗi lá gan bầm tím mật
bệnh không hề sợ, cứ đi theo!

Ôi bệnh và ta nợ mấy đời?
mà sao cắn chặt tựa răng môi!
nếu môi là bệnh, ra không thể
nói chuyện cùng ai với nụ cười!

Nếu răng là bệnh, môi trông thảm
méo xẹo, xem kìa, dễ ghét chưa!
ta đứng soi gương nhìn thấy bệnh
chỉ mong ta khóc để gương mờ!

Nghĩ bệnh và ta hẳn có duyên
nên ta với bệnh chẳng ai phiền!
ta bao nhiêu tuổi bao nhiêu bệnh
bệnh với ta từ lạ hóa quen!

Bởi lạ thành quen, hết chuyện rồi!
cái hình cái bóng chẳng chia đôi
thì ta với bệnh là tri kỷ
sống chết kề bên... hai đứa vui!

Nam phần, ở miệt vườn...

NXH - Ông bảo là... Hồ Biểu Chánh? Thời cụ Hồ Biểu Chánh văn chương quốc âm đã có mấy, sách được bao nhiêu cuốn mà đòi làm phòng sách? Rồi mua sách chữ nho xếp vào tủ sao? Miệt vườn thời ấy có nhiều người thông hán học không?

VP - Ấy, tôi không dám bảo! Thực ra là Sơn Nam bảo. Ở xứ này xa quê hương quá, muốn tiêu sầu thực khó tìm được những cuốn truyện của Hồ Biểu Chánh để đọc chơi. Sơn Nam khảo về nếp sống miệt vườn, kể rằng trong tiểu thuyết của Hồ tiên sinh có cậu Bác Ái từng học ở Sàigòn rồi về quê tại cù lao Ông Chưởng dưới Long Xuyên. Cậu muốn đi Tây du học, nhưng cha cậu là ông hội đồng Thời không muốn cho cậu đi xa. Cậu bèn xin tiền mẹ gửi lên Sàigòn mua bốn năm nhựt báo mà xem, lại còn "gởi qua Tây mua sách, nhứt là mấy bộ tiểu thuyết hay để dành mà đọc. Anh ta lại xin phép cha rồi dọn trọn một cái chái nhà phía trên để làm thơ phòng". Hồ Biểu Chánh gọi nhân vật Bác Ái là "anh ta". Còn Sơn Nam thì mách thêm: "Cái thơ phòng ấy được mô tả tỉ mỉ, trong tiểu thuyết *Một chữ tình*" cũng của Hồ Biểu Chánh, nên chú ý là tiểu thuyết này "viết xong hồi tháng 10 năm 1923."

Tôi chú ý lắm. Cách đây bảy mươi năm, nhà ở miền quê dưới Long Xuyên có phòng sách! Chỉ tiếc không có được cuốn *Một chữ tình* để xem cho kỹ cái phòng.

Chắc chắn phòng sách cậu Bác Ái ở Long Xuyên hồi đầu thế kỷ thua xa phòng sách miền Alsace-Lorraine của ông ngoại cụ Sartre. Dù sao, vẫn hơn ngôi nhà Mỹ của chúng ta hiện nay, vào cuối thế kỷ.

NXH - Theo tôi nhận thấy, nội dung tủ sách của cậu Bác Ái, như đã kể, cũng khá nghèo nàn: một số nhựt báo, mấy bộ tiểu thuyết.

VP - Ý tôi muốn nói về cái phòng. Cái phòng chẳng qua là cái vỏ, không phải là nội dung. Tuy nhiên nó có ý nghĩa quan trọng của nó, ông ạ.

Hiện nay ở Mỹ chúng ta mua nhà hay thuê nhà, loàng xoàng thì một vài phòng, khá hơn thì ba bốn phòng. Có phòng nào gọi là phòng sách không? Ông nghĩ coi: Phòng ngủ, có. Phòng ăn, có. Phòng bài tiết: có. Ngoài ra nào là *T.V. room, family room, living room* v.v... Cái phòng sách, nó ở đâu? Nó mất biến từ hồi nào? Mất ngôi đền, mất cả tôn giáo của ông Sartre rồi.

Thành thử cái sự kiện con người xa sách, nó không phải chuyện bất thường, tạm bợ, ngẫu nhiên. Xa này là xa hẳn, là dứt khoát. Sự xa rời ấy đã ăn vào nếp sống, vào tập tục ngày nay, nó âm thầm ảnh hưởng tới quan niệm của ngành kiến trúc mới lúc nào không ai hay. Cái sự mất đi phòng sách là sự quan trọng: Mất phòng là mất đền, mất đạo. Bất luận cái phòng ấy chứa đựng một nội dung phong phú hay nghèo nàn, nó tiêu biểu một nhu cầu. Không còn nó nữa là không còn một nhu cầu. Thật vậy: mỗi ngày chỉ còn 11 phút đọc sách thì phòng phiếc làm chi cho lố bịch hả ông?

Sự thiếu phòng hiện nay không giống như sự thiếu phòng ở Đông phương ngày xưa. Ở Mỹ bây giờ thỉnh thoảng bên mép bồn tắm có tờ tạp chí đặt úp mặt xuống để làm dấu một trang đang đọc lở dở, thỉnh thoảng trên nắp thùng nước ở cầu tiêu cũng có cuốn sách bị bẻ gấp một trang đánh dấu đang đọc v.v... Những cuốn sách tờ báo ấy không có khả năng biến cái bồn tắm hay cầu

TRẦN VẤN LỆ

TÌNH SI

Chiều qua mình hẹn
năm giờ rưỡi
mình gặp nhau rồi
em nói chi?

Em đã quên rồi
câu đã hứa
sáng nay buồn quá
bước không đi!

Anh chờ điện thoại
em không nhấc
thì tiếng chuông nào
đâu đã reo!

Mình ở xa nhau
ngàn dặm khuất
một đời chờ đợi
cứ buồn hiu...

Em không thể gọi
em sao vậy?
bận hả? Buồn chăng?
giận dỗi gì?

Buổi sáng tiếc ơi
chiều đã mất!
hẹn hò em hứa
để làm chi?

tiêu nọ thành ra thư phòng (như cái án thư đã biến bộ phản thành thư phòng xưa kia).

NXH - Muốn nói cho có sách mách có chứng thì nói vậy, thực ra không cần phải đi tìm cái phòng sách trong cuốn kịch nọ cuốn truyện kia. Hồi ở Sàigòn, chung quanh chúng ta cũng không thiếu những bạn bè nhà có phòng sách; sau tháng 4-75 chạy đi không mang sách theo được, nghe tin bị tịch thu kêu trời như bọng. Nhưng cái phòng sách ở cù lao Ông Chưởng thì sớm thật... Tội nghiệp cậu Bác Ái... ít sách quá, sơ sài quá.

VP - Xem bộ ông băn khoăn mãi về cái "nội dung". Không hề gì, ông ơi. Phòng sách không phải là kho sách. Kho sách là nơi chứa sách: cốt nhiều. Phòng sách là nơi để đọc sách: cốt ta tìm thấy hứng thú say mê ở trong đó hơn 11 phút mỗi ngày.

Tủ sách của ông ngoại có thể đồ sộ, nhưng cậu bé Jean-Paul Sartre lúc bấy giờ tôi e không đọc được mấy đâu. Đêm đêm cu cậu ôm vào giường cuốn *Sans famille* của Hector Malot đã thuộc làu. Lớn hơn chút nữa, cậu đọc đi đọc lại hoài đoạn cuối của cuốn *Madame Bovary* đến nỗi thuộc từng đoạn dài, cậu thắc mắc mãi về chuyện anh chồng mất vợ vừa tìm ra được mấy lá thư và râu anh ta mọc tùm lum: tại sao vậy cà? có phải râu mọc vì thư tình không nhỉ? về cái vụ anh chồng nhìn Rodolphe cách ai oán: ai oán cái gì vậy cà? v.v... Cậu bé loay hoay mãi về những đoạn văn mình hiểu mà vẫn không hiểu, cậu mê tơi về cái hấp dẫn của cuộc sống bí ẩn, hàm hồ... Về già, Jean-Paul Sartre viết mấy nghìn trang về Gustave Flaubert. Có phải mấy nghìn trang nọ đã bắt nguồn mãi tận những ngày lẩn quẩn trong cái phòng sách thời thơ ấu?

Cái hang động của trầm tư ấy mất tích rồi. Bây giờ, *ti-vi room*, cái giang sơn của gã mặt vuông náo nhiệt quá trời.

NXH - Thưa ông, cái chính yếu là cái đọc, không phải là cái phòng. Có thật chắc chắn bây giờ người ta ít đọc hơn xưa không? Chúng ta đã nói rằng quần chúng ngày nay ít kiến thức sách vở hơn "kiến thức ti-vi", rằng ngày nay không có nơi đọc sách như ngày xưa, rằng học sinh ngày ngày dành ít thì giờ cho cuốn sách hơn cho ti-vi v.v... Nhưng sự thực thế nào? Có bằng cứ gì rõ ràng chứng tỏ sự sút giảm không? Trên thị trường sách báo vẫn bán được, số lượng ấn hành không sút giảm, các nhà xuất bản vẫn phát đạt v.v... Chúng ta cần những số liệu cụ thể, những tang chứng có thể tin cậy hơn.

VP - Ông nói phải quá. Nên tìm chứng cứ. Nên lắm.

Trên tạp chí *Văn nghệ* số 1730, xuất bản vào tháng 3-1993 ở Hà Nội, trong bài "Đổi mới và tự do sáng tạo", ông Hữu Mai hân hoan mở đầu: "Công cuộc Đổi Mới đã mở ra trước nhà văn một chân trời sáng tạo rộng lớn về đề tài cũng như chủ đề, hình thức cũng như nội dung". Sau đó tấm dòng, ông nêu lên mấy số liệu cụ thể: "Người đọc bỏ rơi chúng ta. Số lượng in trung bình một cuốn tiểu thuyết trước khi có đổi mới là một, hai vạn cuốn, nay còn lại... một ngàn! (có lúc 500!)".

Chân trời sáng tạo nó mở ra rộng lớn một cách oái oăm quá. Vì vậy ông Huỳnh Bảo Trân không tưng bừng hân hoan như ông Hữu Mai.

Trên tờ *Văn nghệ quân đội*, số xuất bản tháng 2-93 ở trong nước, ông Huỳnh có giọng buồn rầu: "Nhiều người viết hiện nay đã khá mệt mỏi, vì danh không có mà lợi cũng không. Nếu viết không đúng thị hiếu thì không những không được nhuận bút, mà còn phải bỏ tiền ra để tự xuất bản, nhiều khi lỗ vốn to. Sách in

ra có khi chỉ vài ba trăm cuốn, nộp lưu chiểu, tặng bạn bè đã gần hết, số còn lại nhiều khi lăn lóc mãi chẳng có người mua. Thế là không có người đọc, hoặc rất ít người đọc, vậy thì làm gì có danh? Nhiều tác giả được bạn bè chúc mừng vì có sách mới, thường chép miệng một cách buồn bã: "Thôi thì cũng gọi là có thêm một đầu sách!"

Sách in ra vài ba trăm cuốn! Ông thử nghĩ: Hồi tiền chiến đâu có vậy? mà hồi thời các ông Trương Vĩnh Ký, Huỳnh tịnh Của cũng không đến nỗi thế. E thời cụ Lê quí Đôn, thời Ngô Sĩ Liên, thời Lê Văn Hưu cũng khá hơn.

NXH - Tôi nghĩ ông Huỳnh Bảo Trân cố tình nêu ra trường hợp tệ nhất.

VP - Chắc thế. Hãy nói đến các trường hợp tốt, trường hợp những tác giả thượng thặng, có danh tiếng lớn trong nước: Chẳng hạn Nguyễn Khải. Năm 1985 cuốn *Gặp gỡ cuối năm* in lần thứ hai mà in những 30,000 bản. Năm 1987 cuốn *Vòng sóng đến vô cùng* in lần đầu 15,000 bản. Đến năm 1989 cuốn *Một cõi nhân gian bé tí* in 7,150 bản. Lại chẳng hạn trường hợp Nguyễn huy Thiệp. Năm 1988 cuốn *Tướng về hưu* in 30,500 bản. Năm 1991 cuốn *Con gái Thủy thần* in 2,000 bản.

NXH - Sự cách biệt thật quá xa. Chính vì chỗ quá đáng ấy mà tôi thấy không thể giải thích bằng lý do người đọc chán sách. Khó tưởng tượng người ta chán một cách đột ngột, nhanh chóng đến thế.

Có một lý do khác, tôi cho là quan trọng. Trước, sách in ra không căn cứ theo nhu cầu: cứ in theo "kế hoạch", cơ quan xuất bản tự ấn định lấy số lượng ấn hành, rồi sách được phân phối xuống các thư viện, các cơ quan, các tủ sách tỉnh, huyện, xã v.v... cứ tống bừa xuống cho đến hết sách thì thôi. Sau này, sách đưa ra bày bán tự do, ai muốn đọc thì mua, thế là hốc hác ngay. Nhu cầu thực sự chẳng là bao. Đây là câu chuyện chế độ kinh tế đổi thay, không phải sở thích của con người đổi thay.

VP - Lý do ông đưa ra đúng là lý do quan trọng. Lý do thay đổi sở thích không quan trọng bằng, nhưng nó liên quan đến vấn đề chúng ta đang nói. Tôi cho rằng không thể bỏ qua nó, coi nhẹ nó. Năm 1963 cuốn *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam* của Trương văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, in 2,000 bản; năm 1991 cuốn *Tiếng Việt, sơ thảo ngữ pháp chức năng*, quyển 1, của Cao Xuân Hạo in 700 bản. Năm 1970 cuốn *Sử ký của Tư Mã Thiên*, do Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê viết, in 3,000 bản (bán hết trong vòng sáu tháng, và in lại 2,000 bản). Năm 1990 cuốn *Đỗ Phủ, nhà thơ dân đen*, quyển thượng, của Phan Ngọc viết in 2,500 bản. Những tác phẩm nọ cùng là sách biên khảo, hoặc cùng thuộc về ngữ pháp Việt Nam, hoặc cùng về văn học Trung Hoa, nghĩa là cùng loại. Các cuốn trước in ở miền Nam lúc bấy giờ khoảng hai chục triệu dân; các cuốn sau phát hành toàn quốc với dân số trên bảy chục triệu. Cùng chế độ kinh tế thị trường cả. Ông nghĩ sao?

NXH - Ở Việt Nam ta trong những năm gần đây tình hình gặp bế tắc, suy sụp. Ở Âu Mỹ, nơi những nước ổn định...

VP - Ổn định và thịnh vượng như Hoa Kỳ là nhất chứ gì? Thế nhưng ở đây người đọc cũng bỏ rơi sách dữ lắm, ông ơi.

Thoạt trông qua, việc làm ăn của giới xuất bản vẫn tấp nập như thường: Trong vòng 5 năm, từ 1985 đến 1990 số bán tăng lên 11%. Tuy vậy, chuyện không đơn giản đâu. Theo kết quả điều tra của viện Gallup thì từ 1978 đến 1990 số người Mỹ "không đọc một cuốn sách nào trong suốt năm qua" tăng gấp đôi: Năm 1978 là 8%, năm 1990 là 16%. Trong khi ấy, số người được học hành vẫn tăng cao. Từ 1940 đến 1990, số người Mỹ học xong bốn năm trung học tăng gấp ba, số người học xong bốn năm đại học tăng hơn bốn lần.

Ua, vậy sách in ra bán cho ai mà vẫn bán? Số thống kê của Hiệp hội các thư quán Hoa Kỳ (American Booksellers Assn.) cho biết hơn một phần tư tổng số sách bán được là vào khoảng hai tháng 11 và 12 mỗi năm: À, hóa ra sách cũng như cà vạt! mua để làm quà Giáng sinh. Thảo nào. Sách do mình bỏ tiền ra mua còn không chịu đọc, huống hồ là sách người ta biếu không! Sách để chưng. Sách vất đấy, thỉnh thoảng có dịp nghe thiên hạ nói nhiều thì bốc lên, lướt nhanh qua mấy trang cho biết đại khái v.v...

Những con số thống kê, điều tra nọ kia tôi vừa dẫn ra là nhặt từ trong một bài báo của ông Mitchell Stephens, giáo sư đại học ở New York. Bài báo có cái tên nghe rất... trẹ: "The death of Reading". Chết rồi. Cái đọc là cái chết ngỏm từ khuya ở Mỹ rồi nhé. Không còn là chuyện để lo lắng gì nữa. Xong rồi. Đây là một thời đại khác, của cái khác.

NXH - Ông lại muốn gầm gừ với chiếc ti-vi chứ gì?

VP - Thì đấy. Tiêu biểu của trí thức trước đây là con mọt sách (bookworm). Tiêu biểu của thời nay là cái củ khoai.

NXH - Củ khoai?

VP - Vâng. Là cái củ khoai nằm chình ình giữa đi văng. Tiếng *couch potato* xuất hiện lần đầu tiên trong Anh ngữ là vào khoảng 1986. Đấng anh hùng thời đại xuất thế cũng chưa lâu mấy. Vậy mà tình thế đã đủ đảo điên. Trong gia đình Mỹ bây giờ mỗi ngày trung bình ti-vi mở bảy tiếng đồng hồ: trai, gái, già, trẻ xúm nhau chia hưởng quãng thời gian ấy.

NXH - Tôi e chúng ta đi xa trọng tâm vấn đề rồi chăng? Nếu củ khoai có đè bẹp con mọt, ti-vi có lấn cuốn sách thì chẳng qua là anh hàng sách, ông nhà văn bị nghèo đi, so với cửa hàng ti-vi, việc ấy có dính líu gì đến chuyện đường hướng sáng tác đâu? Vì một chuyện cạnh tranh làm ăn mà đâm cay cú với gã mặt vuông thì hổng được... quân tử. Chúng ta đang nói chuyện văn nghệ, chuyện văn hóa mà ông.

VP - Tôi nào dám quên. Nhưng xin từ từ. Tôi đề nghị thế này: Trước tiên, chúng ta nêu ra một số dữ kiện đặc biệt của hoàn cảnh mới. Như vụ bỏ rơi sách vừa rồi chẳng hạn. Sau đó, chúng ta sẽ lần lần tìm hiểu ảnh hưởng của những đặc điểm hoàn cảnh ấy đối với việc sáng tác văn nghệ. Chuyện tìm hiểu, hãy thong thả. Kỳ sau, chúng ta lại thử nêu một đặc điểm nữa.■

Tháng 3, 1993

HỌA SĨ DUY LIÊM

NHẤT UYÊN

Họa sĩ Duy Liêm (góc dưới), tại Saigon, 1992. Tranh bìa một nhạc phẩm, do Duy Liêm vẽ.

Thời niên thiếu, thú tiêu khiển của tôi là vẽ lại những hình bìa các bản nhạc. Tôi say sưa sưu tầm những bản nhạc không vì nhạc mà vì những bức họa bìa nhạc của Họa sĩ Duy Liêm.

Rồi lên đường du học, duyên tiền định, người tôi yêu lại là trưởng nữ họa sĩ Duy Liêm. Duy Nga tâm lý gia đã cho tôi ba đứa con gái thông minh xinh đẹp. Nhờ Duy Nga, tôi có được một bộ sưu tập tranh lụa, tranh sơn mài, tranh sơn dầu, sơn khắc, kim nhũ, bìa nhạc, bìa sách khá phong phú của Họa sĩ Duy Liêm.

Họa sĩ Duy Liêm, sinh năm 1914 tại Phan Thiết năm nay đã 79 tuổi, hai mắt đã mù, bị suyễn kinh niên, hiện còn ở Việt Nam. Bình sinh ông ít thích ai viết về ông, mỗi lần có ký giả đến gặp là ông bỏ đi mất, ông vẫn đùa "hữu xạ tự nhiên hương, hà tất phải bôi bù xít." Nhưng bây giờ thì ông không thoát vì người viết là con rể trong nhà và có lẽ tôi là người có được nhiều nhất các tác phẩm của ông.

Tôi muốn so sánh ông với Katsushika Hokusai, một họa sĩ trứ danh Nhật Bản đã ảnh hưởng đến đời sống mỹ thuật của người Nhật từ thế kỷ 19 đến nay. Với sự nghiệp sáng tác đồ sộ, Họa sĩ Duy Liêm xứng đáng với sự so sánh ấy.

Họa phẩm của ông đi vào đời sống người Việt hàng ngày. Ai cũng nhớ đến những màu sắc vui tươi, những đường cong, nét gẫy hình khối, từ tờ giấy bạc thời Việt Minh, đến áo dài bà Ngô Đình Nhu, bức tranh Nhạc Sầu đoạt giải nhất Đông Nam Á hiện còn trang hoàng nơi phòng khách vị thủ tướng Mã Lai, đến bìa nhạc, bìa sách từ 1954 đến 1990, đến tranh sơn mài Thành Lễ, Lam Sơn, đồ gốm Biên Hòa, tranh thêu Thu Hà, thảm, đồ thủ công, bìa sơn mài, hộp sơn mài... và hàng trăm tấm tranh lụa, sơn dầu đã được bán ra ngoại quốc.

Tranh Thành Lễ được sao đi sao lại hàng trăm, hàng nghìn bản mỗi mẫu từ mấy chục năm nay, tranh sơn mài Thành Lễ hiện diện trong mỗi gia đình Việt Nam từ trong nước ra đến hải ngoại nhưng ít ai biết đến tác giả các bức tranh ấy là Họa sĩ Duy Liêm.

Thành Lễ và Duy Liêm cùng học trường Mỹ Thuật Trang Trí Gia Định. (Ecole d'Art decoratif de Gia Định). Thành Lễ ngừng học từ năm thứ hai, ra đời kinh doanh ngành sơn mài và Duy Liêm tốt nghiệp năm 1937 là họa sĩ chính của Thành Lễ từ đó. Tài kinh doanh của Thành Lễ và nghệ thuật của Duy Liêm đã đưa nghệ thuật sơn mài từ một tiểu công nghệ bản xứ qua những lần huy chương vàng Hội chợ Paris và các hội chợ Quốc Tế khác, thế giới đã biết đến sơn mài Việt Nam. Các tác phẩm của Duy Liêm đã tạo nên công ăn việc làm cho hàng ngàn người các ngành sơn mài, đồ gốm, thảm thêu và các nghệ nhân miền Nam vẫn kính trọng ông là bậc thầy của nền tiểu công nghệ

Việt Nam.

Nhiều bức sơn mài đã trải qua "tam sao thất bản," nhiều bức trải qua các tay thợ vụng về đã làm sai lạc rất nhiều so với bản chính. Các hãng sơn mài trong nước, cũng như các hãng Thành Lễ của Hoàng Đình Tuyên (con rể Thành Lễ) của Nguyễn Thành Vinh (con ruột Thành Lễ) đã sửa đổi thêm thắt làm sai lạc và mất vẻ thẩm mỹ rất nhiều so với bản chính. Đó là lý do sự sa sút của ngành sơn mài những năm gần đây.

Những tác phẩm đắc ý nhất của ông là tranh lụa, tôi được may mắn có những tác phẩm đắc ý của ông.

Giấc hè một thiếu phụ cho con bú ngủ quên trên võng trưa, con ngủ, mẹ còn lộ bộ ngực trần.

Du Xuân hai thiếu nữ đi giữa vườn hoa xuân.

Suối tóc bộ tranh thiếu nữ ngồi chải tóc trên giường tre bên bụi chuối đong đưa ngoài vườn.

Hái sen thiếu nữ hái sen bờ ao.

Đề tài tranh ông rất phong phú đa dạng từ cảnh chài lưới Phan Thiết đến đền Angkor, vinh quy bái tổ, cảnh ghe thuyền trên sông, cung điện Huế và đề tài ông thường vẽ nhất có lẽ là thiếu nữ Việt Nam.

Sơn dầu, ông vẽ nhiều nhất tranh lập thể và lõa thể.

Các nhạc sĩ miền Nam ngày trước, muốn nhạc phẩm mình ăn khách, theo lời khuyên nhà xuất bản Tinh Hoa Miền Nam, Diên Hồng, Sống Mới... là phải có cho được bìa của Duy Liêm vẽ, vì thế mỗi bản nhạc viết xong là các nhạc sĩ thường phải xách đàn dẫn ca sĩ đến hát cho Duy Liêm nghe để vẽ bìa. Nhạc hay, Duy Liêm có hứng sẽ vẽ bìa đẹp, còn nhạc dở thì dù có năn nỉ, đắt tiền gấp đôi, nhạc vẫn bù trớt. Vì thế, giới nhạc sĩ miền Nam, từ Hoàng Thi Thơ, Phạm Đình Chương, Lam Phương, Trúc Phương, Trần Thiện Thanh, Hoàng Trọng, Nguyễn Hữu Thiết... đều rất thân thiết với Duy Liêm và qua ông đã đưa lên danh vọng người cháu gái là ca sĩ Thanh Thúy.

Bây giờ thì Họa sĩ Duy Liêm đã mù, không còn sáng tác được nữa. Những năm sau này mắt còn lờ mờ thì các con vẽ theo ý ông và ông sửa chữa, bây giờ thì các con đã trở thành các họa sĩ. Duy Sĩ, họa sĩ một hãng phim hoạt họa ở Portland (Mỹ), đã từng được giải thưởng lớn truyền hình Mỹ. Quốc Hoàng, họa sĩ chính các hãng sơn mài, thay thế ông. Họa sĩ Vẹt (Hồ Đắc Vũ) con rể (Canada).

Đây là lúc để tổng kết lại một đời sáng tác của một họa sĩ đa tài, đa tình, đã để lại cho đời một khối lượng tác phẩm đồ sộ về lượng cũng như về phẩm, để lại bao nhiêu mối tình và ba mươi người con từ trong nước ra đến ngoài nước. Đó là điều hiếm có đối với một họa sĩ một nước nghèo, nghệ thuật hội họa chưa được trân trọng như các nước tiên tiến.

Tôi mơ ước mai sau sẽ xây dựng một viện bảo tàng hội họa Duy Liêm ở Phan Thiết, quê hương ông, hay ở Gò Vấp, nơi ông sống và sáng tác, để sưu tầm toàn bộ sự nghiệp của ông ước lượng 40,000 hay 50,000 tác phẩm, từ sơn mài, sơn dầu, tranh lụa, bình, hộp, thảm, sứ... những tác phẩm đã nâng cao nghệ thuật sơn mài Việt Nam lên tầm quốc tế, một sự nghiệp đồ sộ -- tôi nghĩ không kém gì các họa sĩ tiếng tăm trên thế giới.■

Tranh bìa nhạc phẩm do Duy Liêm vẽ.

VỀ MỘT BẢN HOA DI DỊCH NGỮ (KỲ II)

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

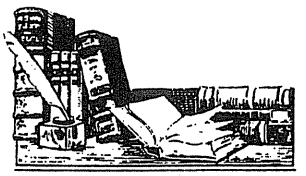

Trong một kỳ báo trước (*Thế kỷ 21* — số Xuân) bàn về bản AN NAM DI DỊCH NGỮ đời Minh, tôi có đề cập đến việc học tiếng Hoa ở nước ta, lúc chưa thuộc Pháp.

Từ thế kỷ 19 trở về trước, lúc còn độc lập các nhà Nho ở nước ta có học tiếng Hoa và có biết đến các bản dịch ngữ ở Trung Hoa hay không? — Nếu có và đã biết đến các bản Di dịch ngữ thì việc học và biết ấy có thể có liên hệ gì đến việc chế tác ra chữ Nôm không? Tôi thiết nghĩ đó là một vấn đề cần nghiên cứu để làm sáng tỏ thêm nguồn gốc chữ Nôm.

Trước tiên nói đến việc học tiếng Hoa. Vấn đề đặt ra có vẻ nghịch lý vì ngày xưa có học sinh nào đến trường mà không bắt đầu ê a mấy câu Tam tự kinh là sách vỡ lòng của Tàu. Rồi lớn lên, nếu tiếp tục học, lại không đọc Tứ Thư và Ngũ Kinh? — Thi cử, kinh nghĩa, văn sách, thi phú... nhất nhất theo mẫu mực của Tàu. Nhưng học như vậy không phải là học tiếng Hoa. Đó chỉ là học một tử ngữ, học chữ Hán đọc theo âm Việt hay là tiếng Hán Việt. Biết Hán Việt có thể đọc và hiểu văn, thơ Trung Quốc, nhưng lúc nghe người Tàu nói thì chẳng hiểu gì ráo rốt. Học tiếng Hoa theo tôi quan niệm là học một ngữ nào đó ở Trung Quốc như Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu hay Bắc Kinh... để có thể trực tiếp giao thiệp, nói chuyện với người Hoa.

Dù ngày nay chưa thấy một tài liệu nào còn lưu lại nói về việc học này nhưng theo tôi nghĩ là nhất định phải có. Ngoài sự học tự phát trong dân chúng vì nhu cầu buôn bán hay giao thiệp và một số học sinh người Nam như Trương Trọng, Lý Tiến, Lý Cầm sang Trung Quốc du học thì các nhà Nho trong nước cũng đã học nói tiếng Hoa.

Người Hoa vốn có một ngôn ngữ viết thống nhất nhưng không có chung một ngôn ngữ nói. Người Triều Châu nói với người Phúc Kiến, người Quảng Đông nói với người Bắc Kinh... thì cũng chẳng khác gì lúc họ nói với người Việt mình. Ngày xưa và có lẽ đến cả ngày nay đã có nhiều quan lại hay cán bộ Trung Hoa đến lãnh nhiệm ở một địa phương nhưng lại không biết nói và hiểu tiếng địa phương. Để điều hành công việc họ đã phải học tiếng Bắc Kinh, một phương ngữ được hầu hết các người có học vấn cao trong nước biết. Thông qua lớp trí thức địa phương biết tiếng Bắc Kinh, các quan lại, dù không biết tiếng địa phương, vẫn có thể điều hành việc cai trị. Các bậc tiền bối của chúng ta hẳn biết việc ấy và chắc rằng cũng như trí thức Trung Hoa, họ đã học tiếng Bắc Kinh để giao thiệp với Bắc Kinh trong các dịp đi sứ, hay tiếng Quảng để giao thiệp với quan lại ở lưỡng Quảng, ngoài việc dùng thông dịch viên.

Nhiều sự kiện lịch sử cho chúng ta thấy ở các sứ giả trong các phái bộ đi sứ Trung Hoa phần đông đều thông hiểu tiếng Hoa. Lãng Nhân trong Giai thoại làng Nho đã kể chuyện Mạc Đĩnh Chi, Phùng Khắc Khoan... đối đáp nhanh chóng ở triều đình Trung Quốc và chuyện Lương Như Học nhờ biết tiếng Hoa và giao thiệp khôn khéo nên đã học được nghề điêu khắc mộc bản của Trung Hoa. Xin trích một đoạn để minh chứng: "Khi đến Bắc Kinh tuy bị giam lỏng nhưng sau ông (Lương Như Học) cũng mua chuộc được lính canh, ngày ngày xin ra ngoài thành du ngoạn rồi tiện bước đến Sở Khâm-thiên-giám cùng mấy ngôi chùa có thợ khắc làm việc, xem cách thức khắc bản thế nào. Lần hồi làm quen với mấy người thợ giỏi, ông để ý nhìn nhận rất kỹ, lại khéo lựa lời dò dẫm khiến họ không ngờ mà đã truyền nghề cho ông." (trang 32 — Nam Chi Tùng Thư)

Ông Phạm Văn Sơn trong Việt Sử Toàn Thư ở trang 242 có nêu ra một số chi tiết đáng chú ý về chủ trương học tiếng nói của các sắc dân thiểu số đời nhà Trần: "Nhà Trần lại cho nghiên cứu và học tập cả tiếng Mán, tiếng Thổ, tiếng Phiên. Các người đương thời như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật rất thông hiểu các thứ tiếng này" (trang 242). Đối với các sắc dân thiểu số triều đình đã có chủ trương như vậy huống hồ là với Trung Quốc, một nước lớn và triều đình lại thường giao tiếp.

Trong truyền thuyết dân gian lại còn có những chuyện Trạng Quỳnh hay Hồ Xuân Hương lỡm sứ Tàu. Không biết tiếng thì làm sao trêu chọc được. Nếu cả hai

bên không hiểu tiếng của nhau thì việc đối đáp chỉ là một cuộc đối đáp giữa hai người điếc.

Nếu như giả thuyết vừa nói là đúng thì việc học tiếng Hoa đã có thể có những ảnh hưởng gì, đặc biệt trong việc sáng chế ra chữ Nôm?

Tuy chưa có gì làm bằng chứng nhưng cứ như suy luận thì việc học tiếng Hoa theo tôi nghĩ là một trong những đầu mối trong việc sáng tạo ra chữ Nôm. Học một ngoại ngữ thì ít nhiều phải ghi âm để nhớ; và để ghi tất nhiên các cụ phải pha chế, biến đổi các chữ Hán cho hợp với âm Việt. Những cách ghi rời rạc lúc khởi đầu, chắc dần dần đã được hệ thống hóa lại về sau giúp cho việc hình thành chữ Nôm. Đây tuy chỉ là một điều suy luận nhưng tôi nghĩ không có gì quá đáng vì như chữ quốc ngữ của chúng ta hiện nay cũng đã hình thành từ nhu cầu học tập tiếng Việt của các nhà truyền giáo và nhà buôn phương Tây. Việc các nhà ngữ học hệ thống cách viết quốc ngữ nhất định phải xảy ra sau lúc những nhà truyền giáo và các con buôn Tây phương đã tự động dùng mẫu tự La tinh để âm những tiếng Việt thông dụng dùng để giao tiếp với người Việt ngay lúc ban đầu. Việc sáng chế ra lối viết *fira kana* và *kata kana* tức là những lối viết tiếng Nhật bằng cách giản lược một số chữ Hán thành chữ cái biểu thị các âm trong tiếng Nhật cũng đã qua một quá trình hình thành tương tự.

Tôi lại nghĩ thêm rằng các cụ ta ngày trước hẳn cũng đã biết việc người Hoa học tiếng Việt và họ đã dùng chữ Hán để ghi âm tiếng Việt như thế nào. Cũng có thể các cụ đã biết được các bản Hoa Di Dịch Ngữ và đặc biệt bản An Nam Dịch Ngữ. Giữa bản An Nam Dịch Ngữ và việc sáng chế ra chữ Nôm có liên hệ gì không? Hiện cũng chưa thấy tài liệu còn lưu lại nói về việc ấy nhưng việc dân chúng tin tưởng Hàn Thuyên là người sáng chế ra chữ Nôm cũng là một điều nên suy nghĩ. Thời gian từ bản Dịch ngữ cho đến Hàn Thuyên chẳng cách xa nhau là mấy và biết đâu bản dịch ngữ đã gợi ý cho Hàn Thuyên sáng tạo ra chữ Nôm. Một người đã có biệt tài đem âm luật Đường vào thi ca Việt Nam thì hẳn cũng là một người đã biết chú ý đến những mặt khác của tiếng Việt. Chẳng lẽ đặt ra luật thơ bằng trắc mà không viết được tiếng Việt tức chữ Nôm một cách có hệ thống. Sự tin tưởng Hàn Thuyên là người sáng chế ra chữ Nôm không phải là không có duyên cớ như giáo sư Dương Quảng Hàm đã quan niệm trong quyển Việt Nam Văn Học Sử Yếu của ông.

Ngoài ra nếu đem so sánh lối viết chữ Nôm với những từ Hoa chúng ta sẽ thấy có nhiều điểm cần chú ý. Tiếng Hoa vốn không có âm đầu R nên người Hoa đã dùng L để phiên âm R khởi đầu của tiếng nước ngoài. Ví dụ "Rousseau" đã được âm là "Lũ thoa." Vì nhược điểm ấy của tiếng Hoa nên khi viết các tiếng bắt đầu bằng R, Nôm thường mượn âm L giống như tiếng Hoa hay Hán Việt. Ví dụ: "Rả" trong "rả rích" thì Nôm viết là: 呂 tức là Lã của Hán Việt hay "Lữ" của tiếng Hoa. "Rai" trong "lai rai" thì viết là: 淶 , dựa theo Hán Việt là "Lai" và Hoa là "Lài". Tuy nhiên "Rầm" hay "giầm" trong "mưa giầm" thì Nôm viết là: 霪 dùng âm Dâm của Hán việt hay Yín của Hoa vì Rầm chỉ là biến thanh của Giầm. Cũng nên chú ý có nhiều tiếng Nôm viết theo lối hài thanh nhưng giữa thanh hài và tiếng Nôm xem ra như chẳng ăn nhập gì với nhau. Ví dụ "Giàu" viết theo hài thanh là 朝 (Trào). "Trào" phiên âm theo Quan thoại là "zháo", "zh" đọc gần giống với "tr" của ta nhưng sát hơn, nghe gần như "j". Nếu so sánh cách đọc "trào" theo quan thoại với cách đọc "giầu" theo giọng Bắc, nghe không hẳn là "giàu" mà cũng chẳng phải là "jàu" ta sẽ thấy việc hài thanh trên là đúng, nói cách khác là có một liên hệ nào đó giữa cách đọc tiếng Hoa và cách hài thanh của Nôm.

Lại nếu đem so sánh bản Hoa Di Dịch Ngữ đời Minh với cách viết chữ Nôm ta còn thấy những tương đồng lý thú. Sau đây là một số ví dụ:

Việt	Hoa Di	Nôm
Nước	匿	渚
Một	沒	沒
Hai	哈	𠀧
Ba	巴	巴
Mau	毛	毛
Rộng	弄	穵

Tôi nghĩ rằng những sự giống nhau đó không phải là hoàn toàn ngẫu nhiên.

Tôi chẳng phải là một nhà ngữ học chuyên môn, cũng chẳng chuyên về Hán Việt, Quan Thoại hay Nôm, vì thế mà chẳng chắc chắn được điều gì và thường có nhiều điều nghi hoặc. Duy có một điều tôi tin chắc và cũng chẳng nghi hoặc gì là mong ước học hỏi thêm. Nêu lên một số khía cạnh trong một vấn đề rộng lớn: vai trò của ngôn ngữ nói trong bang giao Hoa Việt; việc học tiếng Việt của người Hoa và việc học tiếng Hoa của người Việt có liên hệ gì đến việc sáng chế ra chữ Nôm... tôi chỉ bày tỏ một ý hướng học hỏi. Từ điểm ấy tôi lại mong ước hiểu thêm về con đường dẫn tiếng Hoa đến tiếng Hán Việt, một thứ tử ngữ mà người Việt dân dã cũng như người Hoa đều chẳng hiểu. Sự biến chuyển từ Hoa ra Hán Việt, từ Hán Việt ra Nôm..., những chuyển biến ấy có liên quan gì với nhau? Gốc gác của Hán Việt là ở đâu, từ Quảng Đông hay Bắc Kinh hay là một phương ngữ nào khác ở Trung Quốc? Tôi khẩn thiết được các bậc thức giả dẫn giải.■

THÔNG BÁO

ĐỔI HỘP THƯ

Từ 1 tháng Năm 1993
mọi thư từ
xin gửi về:

THẾ KỶ 21
P.O. Box 2054-H39
WESTMINSTER,
CA 92684

THÀNH HÌNH VÀ PHÁT TRIỂN (1919 - 1936)

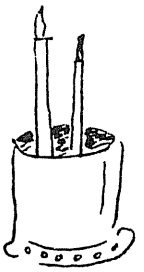

THANG MA

Cuối năm 92 tôi nhận được thơ của một vị thầy dạy học cũ ở Võ Trường Toản xa xưa Sàigòn là nhà văn Thế Uyên, hiện ở tại Washington State. Ông có đề nghị tôi nhân sống ở Trung Quốc, viết một bài về hiện tình văn học Trung Quốc. Đề nghị khiến tôi suy nghĩ: viết cái gì? Viết thẳng vào tình trạng đang xảy ra bây giờ thì làm các độc giả không thông hiểu nước Tàu bối rối. Như vậy thà dịch một vài truyện ngắn của Hoa Lục còn hơn. Trái lại nếu muốn độc giả có một hình thù khái quát về đề tài thì phải đi ngược về những năm đầu Trung Hoa Dân Quốc, sau cách mạng Tân Hợi 1911 lật đổ triều đình Mãn Thanh. Như thế thì dài mà lại chi tiết, cần phải nghiên cứu tỉ mỉ. Văn học Trung Quốc, cổ lẫn hiện đại, có những thành tựu to lớn về phẩm và lượng. Riêng phần hiện đại, tính từ năm 1919, có nhiều tác giả và tác phẩm mang đại biểu tính các phe phái văn học và sự hỗn tạp của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Tàu thời Dân Quốc đại lục (1911 - 1949). Học giả Nguyễn Hiến Lê hồi thập niên 60 có xuất bản bộ "Văn Học Trung Quốc Hiện Đại" trong phần này tốn hơn vài trăm trang giấy mà chỉ đại lược. Khi Mao Trạch Đông hất chân Tưởng Giới Thạch năm 1949, Trung Hoa Dân Quốc chỉ còn Đài Loan và vài hòn đảo nhỏ, văn học Trung Quốc bước qua giai đoạn mới của nền văn học vô sản có lãnh đạo, tổ chức, đường lối theo "chủ nghĩa Mác-Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông." Đồng thời nền văn học tự do nhưng phản Cộng tiếp tục phát triển ở Đài Loan và những nơi đông đảo Hoa Kiều quanh vùng Đông Nam Á chịu ảnh hưởng Đài Loan. Riêng Hồng Kông (Hương Cảng) và Macao (Áo Môn), các văn gia học giả tự do sáng tác, không phản mà cũng chẳng thân Cộng. Đại khái là thế. Văn học Trung Quốc hiện đại mang nhiều điểm tương đồng na ná như Việt Nam. Tuy nhiên, muốn chấm phá vài nét theo kiểu Tạ Tỵ họa chân dung, hay vẽ như ông Khánh Trường ở Hợp Lưu về đề tài này trong vài trang giấy thì khó quá. Mong các độc giả nghiêm túc bỏ qua, vì tôi nghĩ sao biết gì viết vậy, không mang tính chất nghiên cứu học thuật.

Văn chương không thoát khỏi văn tự chữ viết. Từ mấy ngàn năm, nước Tàu phát huy văn hóa ảnh hưởng qua Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản, khiến cả bốn quốc gia dùng chung Hán tự để viết, theo các qui luật văn phạm giống nhau, mặc dù ngôn ngữ nói bất đồng. Điều này khiến miền Đông Á có một nền văn chương "đẽo gọt" Hán tự vô cùng phong phú. Ta gọi thứ văn đó là "văn ngôn văn" (1). Ở Trung Quốc, vào khoảng 1900 - 1915, nhiều bậc thức giả kêu gọi dân chúng bỏ thứ văn này mà dùng "Bạch Thoại" để viết. Bạch thoại là ngôn ngữ nói hằng ngày, nói sao viết vậy. Văn ngôn chỉ ai có học thì mới hiểu, còn người Tàu bình thường nghe cũng chẳng hiểu gì. Trong số các vị thức giả đó, đáng kể là Trần Độc Tú (2) và Hồ Thích (3). Hai ông cho rằng văn ngôn làm cho bậc trí thức chỉ lo "giũa gọt" câu văn cho đẹp, bóng bẩy mà mất đi cái thực dụng của sự học. Do đó khiến cho Trung Quốc thua kém Tây Phương và Nhật Bản. Năm 1915, Trần Độc Tú chủ biên tạp chí *Tân Thanh Niên* (4), đăng nhiều bài giới thiệu văn học Âu Châu. Đến 1917, Hồ Thích lúc đó chỉ 26 tuổi, vừa tốt nghiệp Ph.D Triết học tại Đại học Columbia, N.Y., cho đăng bài "*Văn học cải lương sô nghị*" (Đề nghị khiêm nhường cải cách văn học) trên báo *Tân Thanh Niên*. Trần Độc Tú hưởng ứng theo trong bài "*Văn học cách mạng luận*." Từ đó được sự ủng hộ của một số văn gia lúc bấy giờ, hai ông nêu cao ngọn cờ cải cách đòi đánh đổ cả một nền văn học mấy ngàn năm. Việc Hồ, Trần gióng tiếng chuông có người theo chẳng qua vì thời thế lúc bấy giờ quá hỗn độn. Lòng dân chán nản khi nhìn quốc gia bị xâu xé bởi nạn quân phiệt, lại còn thêm các nước Âu Mỹ, Nhật Bản chia sẻ quyền lợi Trung Hoa, chiếm đóng các thành phố lớn như Thiên Tân, Đại Liên, Thượng Hải, Ninh Ba... biến Trung Quốc thành một thứ bán thuộc địa. Tuy nhiên, sự cải cách nào mà không có phản ứng. Hai họ Hồ, Trần cũng phải trải qua mấy cuộc bút chiến. Kiểu như Trần Trọng Kim và Phan

ĐỊNH NGUYÊN

CÕI TÌNH

NHỚ

Ta buồn đứng giữa nhân gian
Mênh mông son phấn, bạt ngàn điêu ngoa
Nhớ em giọt lệ vỡ òa
Trong ghê gai ấy có da thịt người

LÁ

Lang thang chim đậu nhánh đời
Hót câu cổ tích thành lời ca dao
Nhánh đời có lá chiêm bao
Chim tha làm tổ lá nào cũng rơi

CƯỜI

Vì môi cố giấu nụ cười
Nên môi chỉ biết nói lời buồn tênh
Ví dầu anh được yêu em
Cuộc vui suốt sáng, thâu đêm trận cười

MƯA

Em về có ở lại tôi
Hay như mưa gió ngậm ngùi rồi bay?
Quạnh hiu nệm ố, giường gầy
Gối ôm ẩm lạnh, vòng tay bơ phờ

GIÓ

Hôm qua có gió sang mùa
Hơi Xuân căng một giòng thơ điên cuồng
Trăm năm em nhớ anh không?
Hạ Xuân chẳng hẹn, Thu Đông bắt chờ

ÁO

Thì thôi thà chịu dại khờ
Từ khi mình trót làm thơ lần đầu
Dẫu rằng chẳng được yêu nhau
Vẫn tin áo lụa qua cầu gió bay

BÓNG

Ngả nghiêng lại trách mình say
Gọi đêm, đêm gió, gọi ngày, ngày mưa
Gọi em chẳng vọng âm thừa
Bóng in tường lạnh thiên thu một mình.

Khôi tranh luận về cuốn "Nho Giáo" ở Việt Nam thời tiền chiến.

Phải đến "Ngũ Tứ Vận Động" (5) thì việc dùng "Bạch thoại" trong văn chương và học đường mới được bành trướng. Ngày 4 tháng Năm năm 1919, mấy ngàn sinh viên ở Bắc Kinh xuống đường phản đối chính phủ thừa nhận việc Nhật Bản hưởng các tô giới của Đức ở Sơn Đông, vì nước Đức thua Thế chiến thứ nhất. Cuộc phản đối bãi khóa vô cùng rầm rộ lan tràn toàn quốc y như vụ biến động Thiên An Môn tháng Sáu, 1989. Ngũ Tứ Vận Động mang lại phần nào kết quả nên Nhật trả cho Trung Hoa một số quyền lợi. Bắt đầu chỉ là một cuộc vận động chính trị phản đế phản phong, vì cốt muốn thường dân hiểu thời sự nên báo chí khắp nơi dùng bạch thoại thay văn ngôn, tạo thành một phong trào văn hóa mới. Trong vòng ba năm 1919 - 1922, bạch thoại hoàn toàn thay thế văn ngôn. Vì vậy, đa số văn gia học giả Trung Hoa chấp nhận cái mốc 1919 của Ngũ Tứ Vận Động là khởi điểm của nền văn học Trung Quốc hiện đại, nhất là các nhà phê bình văn học cộng sản.

Hồ Thích chỉ vì quyền lợi quốc dân mà hô hào việc dùng bạch thoại, chứ ông không khích bác nền cổ học quốc hồn quốc túy của Tàu. Chính ông là một học giả lỗi lạc đã có công cô đọng thành hệ thống, nghiên cứu triết học và văn học cổ Trung Quốc theo phương pháp khoa học, trứ tác những bộ sách giá trị, tên tuổi vang danh cả Âu Mỹ. Một người rất ôn hòa, thực tế, chỉ thích trình bày mà không ưa tranh cãi nhiều. Ngoài ra, Hồ Thích còn là một nhà văn, nhà thơ, triết gia lớn Trung Hoa. Thập niên 20, 30 các nhà văn Marxist lo lôi cuốn toàn dân vào con đường cộng sản. Phe phái, báo chí đua nhau tranh cãi, lý luận về chủ nghĩa. Hồ thường phản đối chủ nghĩa Mác và đưa ra chủ trương: "nói ít chủ nghĩa, mà bàn nhiều vấn đề," ý mong chú trong việc thực dụng. Vì vậy đảng cộng sản xem ông là kẻ thù số một, "tay làm văn hóa cực kỳ phản động." Thời Mao Trạch Đông cai trị Hoa lục, không ai dám nhắc đến tên Hồ Thích.

Trở lại sức phản động ngay

sau Ngũ Tứ Vận Động thì xuất hiện một cây bút nóng nảy, muốn canh cải đả phá hoàn toàn những gì phong kiến, mạt sát toàn bộ. Đó là đại văn hào Lỗ Tấn (1881 - 1936). Ông là nhà văn được cả hai phe quốc cộng ưa thích, nhất là phe cộng. Ngay Mao Trạch Đông cũng từng ca ngợi ông hết lời.

Từ năm 1918 đến 1936, Lỗ Tấn trước tác khá nhiều từ truyện ngắn, dịch văn, tản văn, thơ, sách giáo khoa đại học về văn chương Trung Quốc. Từng ngồi ghế giáo sư văn chương đại học Bắc Kinh. Chẳng học hành gì ở đại học đến nơi đến chốn. Chỉ mỗi tài văn chương hiển hách. Sách giáo khoa ngữ văn Trung Quốc bắt học sinh trung học đọc Lỗ Tấn từ lớp 7 đến lớp 12. Lên đại học năm đầu, không phải chỉ sinh viên văn khoa, cũng còn bị hồn ma Lỗ Tấn ám ảnh.

Ông là một "tư tưởng gia, cách mạng gia, văn học gia vĩ đại, ngôi sao bắc đẩu của văn học Trung Quốc hiện đại," nói theo giới chức thẩm quyền văn học ở Hoa lục. Tên tuổi hình ảnh Lỗ Tấn làm lu mờ các nhà văn đồng thời nổi tiếng khác như Quách Mạt Nhược, Ba Kim, Mao Thuẫn, Lương Thực Thu, Lão Xá, Từ Chí Ma... Sách viết về văn học hiện đại của Tàu không những không thiếu Lỗ Tấn, mà còn tốn rất nhiều bút mực để ca tụng ông.

Thú thực, kẻ viết bài khi đọc Lỗ Tấn lần đầu không thích lắm. Vì văn họ Lỗ rất thẳng thừng, mạt sát, châm biếm cay độc, cái gì cũng muốn phá, muốn đập. Có lẽ do đó mà cộng sản thích. Sau này khi đọc quen rồi thì tôi mến ông hơn. Ngày nay, Nhân dân Văn học Xuất bản xã ở Bắc Kinh cho in "Lỗ Tấn Toàn Tập" gồm 16 cuốn (6). Đây không phải lần đầu tiên. Ngay sau khi ông mất vài năm đã có "Lỗ Tấn Toàn Tập," và liên tiếp tái bản từ đó. Năm 1918 ông đăng truyện *"Cuồng nhân nhật ký"* (Nhật ký người điên) làm nhiều người chú ý. Đến truyện *"Ah-Q chính chuyện"* (7) thì tên ông đã vững trên văn đàn.

Đầu thập niên 20 bắt đầu có vài rạn nứt trong văn giới. Nhìn thấy trước cái họa cộng sản, Hồ Thích biết chủ nghĩa Mác không hợp với Trung Quốc nên đề xướng "ít nói chủ nghĩa, bàn nhiều vấn đề." Phe nhóm Marxist chống đối lại ngay. Lý Đại Chiêu (8) cho rằng "chủ nghĩa" và "vấn đề" không thể tách rời. Lý Đại Chiêu là giáo sư đại học Bắc Kinh, viết trên tờ *Tân Thanh Niên* sự thán phục về chiến thắng của cách mạng Bôn-sơ-vích Nga. Ông là một thành viên sáng lập đảng Cộng Sản Trung Quốc cùng với Trần Độc Tú. Lỗ Tấn về hùa với Đại Chiêu tấn công Hồ Thích, cho rằng Hồ Thích thủ cựu. Thế là mấy tay cao thủ văn học thời đó chia thành phe tả và hữu. Lỗ Tấn nghiêng về phía tả, có nghiên cứu chủ nghĩa Mác, nhưng không theo cộng. Hồ Thích hợp cùng các bạn văn đồng chí hướng ra báo, sáng tác và nghiên cứu các đề tài thuần văn học hơn. Đa số các văn hữu này đều có học từ đại học Mỹ trở về.

Ở trên, người viết điểm qua mấy nét chính trong giai đoạn 1915 - 1927. Lúc đó có một cây bút không mấy nổi tiếng là Quách Mạt Nhược cho ra tờ *Sáng Tạo quý san* chủ trương thuần túy văn nghệ, nhưng sau chịu ảnh hưởng cộng sản. Họ Quách bị Quốc Dân Đảng truy lùng, bỏ trốn sang Nhật năm 1925. Nghiên cứu văn tự và lịch sử Trung Quốc qua quan điểm Marxist. Vì nghiên cứu sử mà sau này ông làm Viện trưởng viện khoa học cho Trung Cộng (9).

Tư tưởng về sử của Quách Mạt Nhược hơi kỳ cục. Ai cũng biết dân Tàu mê đọc Tam Quốc Diễn Nghĩa, và nhân vật Tào Tháo là một tay gian hùng không mấy ai thích. Thế mà ông lại ngược, khuyên mọi người ca tụng Tào Tháo là anh hùng, kể cả Mao Trạch Đông cũng thích ý ông. Có một đạo Trung Cộng xem Tào Tháo thật là một nhân vật chính nghĩa biết thời hành động, khen tứ tung. Nhưng Tào Tháo vẫn là Tào Tháo, dân thường đâu ai nghe theo. Họ Quách nổi tiếng với vở kịch *"Khuất Nguyên."* Dầu sao ông cũng thu hút một số nhà văn theo nhóm *Sáng Tạo*, tạo được tiếng vang một thời.

Người Tàu làm thơ, như người Việt, ưa thích vần điệu niêm luật. Nhưng kể từ 1918, nhiều nhà làm thơ mới bằng bạch thoại. Năm 1925 xuất hiện nhóm Thi Thuyên mà trong đó có hai thi sĩ nổi tiếng: Từ Chí Ma và Văn Nhất Đa. Cả hai ông đều tốt nghiệp từ đại học Anh Mỹ, có tài nhưng mất sớm. Phe cộng không ưa gì Từ Chí Ma. Văn ông bị cấm ở Hoa lục trong một thời gian dài.

Bước qua giai đoạn 1928 - 1936, hai phe tả hữu công kích nhau dữ dội. Đây cũng là giai đoạn mà phe hữu tạo được những thành quả lớn về phẩm cũng như lượng. Tuy nhiên, về mặt lý luận thì cãi không qua phe tả. Lúc này xuất hiện hội Tả Liên liên kết các nhà văn thiên tả chống Quốc Dân Đảng thành một khối do Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược, Mao Thuẫn lãnh đạo. Nhưng kỳ thực, cả ba đều giữ tinh thần độc lập tư tưởng, không để cộng sản chi phối. Cộng sản dùng họ chỉ vì uy tín tên tuổi. Người cương cường như Lỗ Tấn ai sai khiến nổi. May mà Lỗ Tấn chết sớm, nếu không về sau cũng bị cộng sản lên án phê bình, hoặc thanh trừng. Người thực sự vạch đường lối cho hội Tả Liên là Cù Thu Bạch, một đảng viên cộng sản từ Nga về. Tả Liên đề xướng việc dùng mẫu tự La-tinh để viết tiếng Tàu thay Hán tự, nhưng không thành công.

Nhìn về phía quốc gia có hai phe hữu: một của chính quyền Quốc Dân Đảng, không đáng kể. Nhóm thứ nhì có uy tín tức nhóm *Tân nguyệt* do Hồ Thích, Lương Thực Thu, Từ Chí Ma đứng đầu. Lỗ Tấn tấn công Hồ, Lương kịch liệt về vấn đề giai cấp tính trong văn học. Sinh thời, Lỗ Tấn dùng ngòi bút gây thù kết oán cũng nhiều, đánh đấm lung tung. Cá nhân người viết thích tư tưởng Lương Thực Thu hơn. Lý thuyết gia cho *Tân nguyệt*, họ Lương tốt nghiệp Harvard, về nước làm giáo sư Anh ngữ, tài hoa, tư tưởng tự do. Sau này ở Đài Loan, Lương giữ nhiều chức quan trọng về giáo dục và văn học. Năm 1964, ông đã trên 60 mà vẫn lấy được một cô vợ trẻ hơn mình ba mươi tuổi. Khi bị nhà báo phỏng vấn, cô vợ trả lời rằng mê cái tài hoa của Lương. Chắc ít có nhà văn nào được như vậy.

Nhà văn Trung Hoa được nhiều người Việt Nam cũng như ngoại quốc nghe tiếng có lẽ là

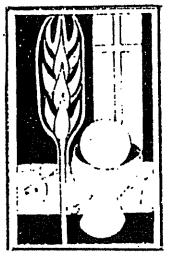

PHẠM KIM KHÔI

RƯỢU NÓI

Nhớ bạn bè ôm vò tới thăm
Dở ương một đám cười nhe răng
Chưa năm mươi tuổi không còn vợ
Đã quá năm mươi lại sắp lầm

Có chút gì trong đời chúng ta
Mà trong men rượu thường hay pha
Nghe cay tay trắng canh bài lận
Nghe đắng tâm sầu cơn xót xa

Uống nữa vào cho lòng dễ quên
Tha phương say cũng chỉ thêm buồn
Ngu ngơ lẫn lộn hư và thực
Có phải ta còn một cố hương

Đất nước nào sinh ra lũ say
Vắt chân lên cổ chạy qua đây
Những tên thất quốc đi tìm bạn
Bèo bọt trôi dài lạc cuối mây

Gặp nhau rồi ngồi ôn cố nhi
Không tri tân cũng chẳng tri chi
Tề gia chưa nổi thân còn nợ
Trị quốc bình thiên hạ nỗi gì

Lúc mạt thời trông trời ngó sao
Ngũ thập tri thiên mệnh thế nào
Quay đi đã bạc mầu râu tóc
Quay lại điêu tàn bước thấp cao

Nhớ bạn bè ôm vò tới thăm
Rượu chưa vơi ngã ngửa lăn đùng
Hỡi ôi thế sự còn hay mất
Muôn nẻo qui hồi một cõi không

Palm Desert 2/93

Lâm Ngữ Đường, người sáng lập ra tạp chí *Luận Ngữ* năm 1932, thu hút được nhiều văn gia học giả tên tuổi một thời, uy tín không thua gì *Tân nguyệt*. Ngoài tài viết truyện, Lâm còn nghiên cứu cổ học và văn minh Trung Quốc. Để lại nhiều bộ tạp bút, luận thuyết rất hay như: *"Tự ngã đích thoại"* (Tiếng lòng tôi), *"Đại Hoang Tập"*... Ông cũng viết nhiều bộ sách bằng Anh ngữ, học giả Nguyễn Hiến Lê đã dịch ra cuốn "Sống Đẹp" (The Importance of Living). Văn họ Lâm dí dỏm, bay bướm, được biệt danh là "U mặc đại vương" (10) (Vua khôi hài). Ôn hòa, độc lập, văn lại nhẹ nhàng nên Tả Liên khó mà khích bác. Lâm kéo về phía mình người em của Lỗ Tấn là Chu Tác Nhân, một tay cự phách về tản văn, giáo sư văn khoa đại học Bắc Kinh. Một thời nằm tù về tội Hán gian theo Nhật. Thỉnh thoảng tôi la cà ở mấy tiệm sách, thấy văn ông cho in lại năm bảy bộ dầy cộm, nhưng bán không chạy bằng Lâm Ngữ Đường, ra là hết sạch trong vài tuần. Lâm, Chu... được liệt vào phái độc lập không theo ai, gọi chung là nhóm *Luận Ngữ*.

Khái quát, tình trạng văn học Trung Quốc của 17 năm (1919 - 1936) phát triển thật phồn thịnh, phong phú trên nhiều phương diện, trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng. Trong phạm vi ngắn, người viết chỉ có thể điểm qua vài nét chính với một số tác giả trọng yếu. Ngoài ra, còn nhiều vị khác tôi bỏ qua không đề cập đến vì thấy không cần thiết lắm, sẽ nhắc đến sau trong lần viết tới, như Ba Kim, Mao Thuẫn, Lão Xá... mà tên tuổi đã chiếm chỗ đứng chắc chắn trên văn đàn Tàu. Thể tài cũng đa dạng, truyện ngắn, truyện dài, tản văn, luận thuyết, nghiên cứu, thi ca, kịch... Nhắc lại Lỗ Tấn (11), ông chỉ nổi tiếng qua một số truyện ngắn tiêu biểu, bao gồm trong hai tuyển tập *Niệt Hàm* (12) và *"Bàng Hoàng"*. Còn truyện dài và thơ, ông không thành công. Truyện dài khó ai qua mặt Ba Kim, Lão Xá. Năm 1936 đánh dấu sự giải tán của hội Tả Liên, và các phe phái cũng ít công kích nhau. Nguyên nhân vì toàn quốc chuẩn bị bước sang giai đoạn quốc cộng hợp tác kháng chiến chống Nhật 1937 - 1945.

Lúc khởi đầu, tôi muốn viết một mạch đề tài này từ 1919 cho đến 1949. Nhưng tới đây thấy dài rồi, viết nữa thì dài quá, không thích hợp đăng nguyệt san. Vả lại sợ bạn đọc nhàm chán, nên tạm ngừng. Có dịp hy vọng được tiếp tục hầu độc giả về đề tài văn học Trung Quốc cho đến thập niên 80.

Phụ chú:
Bản thân người viết rất ghét đọc văn có phụ chú dài dòng, nhưng sợ nếu bao gồm chi tiết li ti trong bài, sẽ mất đi tính liên tục bao quát làm độc giả không thấy cái sườn. Thôi thì những gì muốn kể lể tôi để ở đây.

(1) *Văn ngôn văn*: Hán ngữ cổ đại, không phải là tiếng Tàu hiện nay. Các cụ đồ nho Việt Nam, Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản đều dùng chung; nhưng đọc khác nhau. Nhờ vậy mà vào hồi đầu thế kỷ, học sinh Việt Nam đông du sang Nhật không cần phải học khóa Nhật ngữ, cứ dùng thẳng "văn ngôn" bút đàm là được. Vào những năm Tiền Chiến, các nhà cách mạng Việt, quốc lẫn cộng, bôn ba bên Tàu mà vẫn ung dung, dù không biết nói Hoa ngữ, là nhờ có căn bản "văn ngôn." Thứ ngôn ngữ này quả là một thứ "La-tinh" của Đông Á. Ngày nay cả bốn quốc gia chẳng còn mấy ai học, trừ chương trình giáo khoa cổ văn. Nhất là Việt Nam, vì dùng chữ Quốc Ngữ, nên "văn ngôn" thành "tiếng Tàu," còn mấy ai hiểu trăm năm trước là chữ viết của giới trí thức Việt. Nam Hàn khá chú trọng việc dạy cổ văn bằng Hán tự như Trung Hoa, nên đa số họ còn đọc được. Tôi nhớ lúc lính Đại Hàn ở quanh Cam Ranh, giúp đỡ dân trong vùng xây trường học. Khi khánh thành, mấy vị sĩ quan Đại Hàn làm câu đối bằng "văn ngôn" tặng dân ta. Khốn nỗi cả ông hiệu trưởng cũng không đọc được, phải phiên âm sang Hán Việt. Cán bộ cao cấp cộng sản Hà Nội Hoàng Văn Hoan rất giỏi chữ Hán. Một lần tôi tìm trong tiệm sách tập bút ký của ông Hoan, đưa cho một bạn Trung Quốc làm giáo sư ngữ văn đọc. Xong, anh bạn phê "văn sao mà cổ thế, y như hồi đầu Dân Quốc thời kỳ."

(2) *Trần Độc Tú*: (1880-1942) quê tỉnh An Huy. Hồi trẻ du học Nhật. Năm 1918 ra thêm tờ *Mỗi chu bình luận* (Bình luận hằng tuần). Một lãnh tụ "Ngũ Tứ Vận Động," một sáng lập viên đảng Cộng Sản Trung Quốc. Sau trở nên bi quan tình hình cách mạng nên bị khai trừ khỏi đảng. Bị cả quốc lẫn cộng ghét. Thời "Cách Mạng Văn Hóa" (1966-1976) bị phê bình thậm tệ nhất, phủ nhận toàn bộ công lao của ông với văn học, với đảng. Sách mới nhất 1992 "*phải công nhận những thành tựu nhất định của Trần Độc Tú, có công lao lớn với văn học và đảng.*"

(3) *Hồ Thích:* (1891-1962) quê tỉnh An Huy. Năm 1919 đăng bài báo "*Đa nguyên cứu tá vấn đề, thiểu đàm tá chủ nghĩa*" (nghiên cứu nhiều các vấn đề, nói ít các chủ nghĩa) gây tranh luận sôi nổi. Từng làm đại sứ cho Trung Hoa Dân Quốc ở Mỹ. Bịnh mất ở Đài Loan. Để lại trứ tác: "*Trung Quốc Triết Học Sử Cương Yếu,*" "*Bạch Thoại Văn Học Sử,*" "*Hồ Thích Văn Tồn*"... Bây giờ tên tuổi công lao ông được phục hồi ở Trung Cộng. Sách ông đều được in lại. Chỉ vài năm trước không ai dám nhắc tên ở đại lục, vì thành phần trí thức phản động tư sản. Trường Đảng Trung Ương Bắc Kinh năm 1992 cho xuất bản cuốn "Trung Quốc Hiện Đại Triết Gia," Hồ Thích chiếm một chương dày, "*... thành tựu và công lao của Hồ Thích thật đáng kể với nền văn học mới và có những đóng góp to lớn cho nền triết học Trung Quốc phản Mác chủ nghĩa...*"

(4) *Tân Thanh Niên:* Tờ nguyệt san có ảnh hưởng lớn đến sự thành hình văn học Trung Quốc hiện đại. Bao gồm nhiều cây bút nổi tiếng: Trần Độc Tú, Hồ Thích, Lý Đại Chiêu, Lỗ Tấn... Báo mang nhiều màu sắc giới thiệu văn học tư sản Tây phương, chủ nghĩa Mác, đề xướng dân chủ, tự do, khoa học. Sau khi đảng cộng sản thành lập năm 1921, *Tân Thanh Niên* biến thành tờ báo cơ quan của đảng.

(5) *Ngũ Tứ Vận Động:* Có khuynh hướng thiên tả, vì lúc bấy giờ nhiều thanh niên nam nữ để ý đến cách mạng tháng Mười Nga. Một số người phe quốc gia và Tây phương không xem đó là mốc khởi điểm của nền văn học mới Tàu. Xin lưu ý, người Trung Hoa viết Năm, Tháng, Ngày ngược với người Việt và Âu. Do đó, Ngũ Tứ có nghĩa là tháng Năm, ngày 4. Thí dụ năm 1989, ngày 4 tháng Sáu vụ biến động Thiên An Môn bắn giết sinh viên, Trung Quốc gọi là "Lục Tứ sự kiện."

(6) *Lỗ Tấn toàn tập*: Ông anh vợ tôi học hành không bao nhiêu, rất ham mê viết lách mà chẳng báo nào chịu đăng tiểu thuyết trinh thám của ông. Trước đi bộ đội đóng tại Thiểm Tây, lúc bấy giờ khoảng năm 80-81, được giao cho coi kho sách thư viện. Thế là ổng "chôm" cả chục ba lô sách gởi về cho vợ cất giữ ở nguyên quán. Thường than "nghèo quá có gì ăn nấy," tình trạng chung Hoa lục là vậy. Năm trước, tôi đi thăm mấy tiệm sách quen, thấy trưng bộ "Lỗ Tấn Toàn Tập" 16 quyển. Không mua lẻ được, toàn bộ thì mắc. Về bàn với vợ. Ông anh nghe được lẳng lặng đem tặng tôi trọn bộ Lỗ Tấn Toàn Tập 10 cuốn, xuất bản năm 1957 cũ mèm, có dấu đóng thư viện. Tôi quí lắm. Bộ này lúc thì 10, lúc 16, chả biết người ta có thêm bớt gì không.

(7) *Ah-Q Chính Truyện:* Đọc "A Kiu", không phải Ả Q (Cu) như một số dịch giả Việt Nam dịch. Chữ Ả nghe tưởng đàn bà con gái như "ả đào." Thật ra nhân vật chính Ah-Q là đàn ông. Người Tàu thường hay đệm chữ A trước tên gọi, nhất là miền Nam Trung Quốc. A Hùng, A Trương... Ở Chợ Lớn - Sài Gòn xưa, người Việt thường gọi tiếng lóng mấy cô gái Tàu là "A Muối." Chữ "muối" từ chữ "muội" (em gái) mà ra. Các vị dịch giả đó đều là bậc túc nho, nhưng có lẽ không am tường âm đọc theo người Tàu.

(8) *Lý Đại Chiêu:* (1889-1927) Người Marxist đầu tiên của Trung Quốc, một sáng lập viên đảng Cộng Sản Tàu. Du học Nhật Bản. Tổ chức "Thần Châu Học Xã" (Thần Châu có nghĩa là Trung Hoa). Nổi tiếng với những bài báo "*Thứ dân đích thắng lợi*" (Thắng lợi của người dân), "*Bố Nhĩ Thâm Duy chủ nghĩa đích thắng lợi*" (Thắng lợi của chủ nghĩa Bôn-sơ-vích), đả phá Hồ Thích với bài "*Chủ nghĩa dữ vấn đề*" (dữ = và)... Giúp Tôn Trung Sơn liên Nga liên Cộng. Hô hào dân chúng chống nạn quân phiệt nên bị thanh toán ở Bắc Kinh.

(9) *Trung Cộng*: Người Việt Nam dùng hai chữ này gọi Trung Quốc Cộng Sản. Thực ra ở Tàu "Trung Cộng" có nghĩa *đảng* Cộng Sản Trung Quốc. (*Trung* Quốc *Cộng* Sản đảng). Nam Hàn cũng dùng "Trung Cộng" theo kiểu Việt Nam, nên sau khi bang giao với Đại Hàn Dân Quốc, một số cán bộ cao cấp Trung Quốc nói dân Đại Hàn dùng sai chữ. Đại Hàn biết sai nhưng cãi là dùng rất đúng để gọi Trung Quốc vì "*Trung* Hoa Nhân Dân *Cộng* Hòa quốc" mà! Tàu chịu luôn. Nói thêm, hình ảnh Nam Hàn trong mắt dân Tàu rất le lói, một quốc gia giàu có hùng mạnh, không còn thù địch nữa. Nam Hàn rất được hoan nghênh. Mới đây đài TV Đại Hàn sang Bắc Kinh cùng đài TV Trung Ương thực hiện bộ phim tuồng "Tam Quốc" cho cả hai xứ, đài thọ Đại Hàn chịu hết. Chỉ hơn một năm trước, Nam Hàn bị gọi là Nam Triều Tiên còn Bắc Triều Tiên là Triều Tiên. Bây giờ thì Đại Hàn Dân Quốc, gọi tắt Hàn Quốc, còn Bắc Hàn vẫn là Triều Tiên. Chắc ở Việt Nam giờ cũng vậy. Dân Hoa lục rất xem thường dân Bắc Hàn cho là quê

mùa, lạc hậu, "độc tài." Ở nhiều thành phố lớn, tiền Nam Hàn mang đổi chợ đen cũng rất được giá, tuy không bằng tiền đô. Hoa lục rất kính trọng Nam Hàn và Nhật Bản vì hai nước này còn gìn giữ nhiều nét văn hóa truyền thống Khổng Mạnh mà họ đã lỗi lầm đánh đổ một thời, phong trào phục hưng truyền thống cũ hiện nay nổi lên rất mạnh, càng lúc càng trở về quốc hồn quốc túy. Các sách quốc học xuất bản hàng loạt khắp nơi nghiên cứu lại toàn bộ văn minh Trung Quốc không dựa trên quan điểm chủ nghĩa nào. Thật "Trăm Hoa Đua Nở," rất đáng mừng! Hình ảnh Mao Trạch Đông không còn như xưa. Một số dân Việt ta ở Mỹ có tiền sang du lịch Trung Quốc chắc rất ngạc nhiên khi thấy hình Mao treo trên các xe tắc xi, xe đò, hàng quán... cứ tưởng cộng sản lại nổi lên rồi. Nhưng không! Họ treo hình Mao để trừ ma yểm quỉ đó! Cái tục này xuất phát ở Quảng Châu. Được làm ăn buôn bán tự do thì phải thờ thần tài, còn thần giữ cửa giữ xe cho an toàn trên xa lộ thì không thần nào bằng thần "Mao Trạch Đông." Họ lý luận Mao là một hoàng đế dữ dằn thì treo hình được yên tâm. Như dân Việt thờ Tả quân Lê Văn Duyệt hay Đức Thánh Trần vậy. Ngay dân ngụy thứ thiệt như tôi cũng treo hình Mao ngoài cửa cho ngài giữ nhà. Mê tín dị đoan mà!

10- *Lâm Ngữ Đường* (1895-1976) nhiều người gọi ông "U mặc đại vương". Viết báo, viết văn, làm giáo sư đại học. Có tài trứ tác bằng Anh ngữ. Tôi vẫn còn một bộ "Văn Phạm Anh Văn" của ông phân tích sự khác biệt tiếng Anh tiếng Hoa rất tinh tường. Sách gối đầu giường của nhiều người Tàu học Anh ngữ. Sau năm 1949, ông có sang sống ở Mỹ một thời gian, rồi về Đài Loan. Cuối cùng mất ở Hồng Kông. Nhớ có lần đọc cuốn "Cái cười của Thánh nhân" của Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Ông Thu Giang cứ viết hoài hai chữ "U Mặc" như: *"đoạn văn này rất u mặc", "cái u mặc ở đây là...", "thật là u mặc"*. Sách tuy rất hay nhưng đọc bực mình quá. Hai chữ "u mặc" người Hoa dùng dịch âm từ chữ "humor" (khôi hài, dí dỏm, tếu...) mà ra. Nhiều bậc túc nho ta dùng chữ Hán vay mượn quá máy móc. Chẳng hạn "Hoa Thịnh Đốn" (Washington), danh từ này người Hoa đọc âm (Hoa-shâng-tuân) gần với âm Washington, mà mình lại lấy phiên âm Hán Việt thì chẳng ra sao cả. Thà dùng theo kiểu Hà Nội hợp lô-gích hơn, nghe thuận hơn: "Oa-sinh-tân"! Chẳng biết sao cứ mỗi lần nhắc tới "U mặc đại vương" tôi nhớ ông Thu Giang chứ không nhớ Lâm Ngữ Đường.

(11) Theo thiển ý tôi, Lỗ Tấn được tôn sùng quá mức. Một người rất cương ngạnh, nhưng lững lờ, chẳng theo phe nào quốc cũng như cộng. Mà ông rất tự ái. Đọc qua một số bài báo hay tản văn ông viết, cá nhân tôi rất bực mình. Nếu ông theo hẳn quốc thì chắc cũng không hơn gì mấy văn hào thời đó, và cộng sản có lẽ đã phê bình chửi bới ông rồi. Còn nếu theo hẳn phe cộng, biết đâu đó ông đã bị thanh trừng vì cái tính bướng không ưa nghe lệnh đảng. Tôi không phủ nhận Lỗ Tấn là một đại văn hào Trung Quốc, mà chỉ cảm thấy người ta thần thánh ông quá vậy thôi. Nhưng cái làm Lỗ Tấn bất diệt, có lẽ là ông "biết" từ giã cõi đời đúng lúc năm 1936. Khoảng đầu thập niên 30, văn ông đã cằn cỗi, thiếu nhựa sống, và hay càu nhàu. Vài tháng trước khi ông mất, cộng sản đã bắt đầu bực tức vì thấy ông cá nhân quá, muốn nổi trội hơn đảng và trở nên "dễ ghét." Lỗ Tấn mất là một cái thở dài nhẹ nhõm cho cộng sản vì không còn bị cãi lệnh, và cũng là bớt nỗi bực mình cho Quốc Dân Đảng vì không còn bị đào bới, châm chọc, chửi móc nữa. Ông đi rồi, quốc ca tụng ông là người cương quyết không theo cộng, còn cộng khen ngợi ông một chiến sĩ Marxist độc lập. Lỗ Tấn chết, nhưng "bất tử" là vậy.

(12) *"Niệt Hàm"* là tiếng hét khi lâm trận đấu võ, cũng như tiếng "Hự!" khi chuẩn bị song đấu Thái cực đạo, hay tiếng "ki-ai..." khi dùng tay không đấm gỗ của mấy võ sư. *"Niệt Hàm"* là tập truyện ngắn nổi tiếng nhất của Lỗ Tấn. Tên tuổi ông đều nhờ cuốn này. Bao gồm các truyện ngắn nổi tiếng như "Cuồng Nhân Nhật Ký," "Dược," "Khổng Ất Kỷ," "Cố Hương," "Ah-Q Chính Truyện" (tương đối dài)... Không có truyện nào mang tên "Niệt Hàm." Đó là tên chung cho toàn tập. Ông lựa tên này như là tiếng hét lâm trận đánh nhau với nền văn học cổ và phong kiến Trung Quốc.■

Sách tham khảo: Vài cuốn giáo khoa Văn Học của Trung Quốc và Hồng Kông. Xin miễn liệt kê.

Nhà xuất bản Trình bày

THƠ MỚI BA LAN TƯỜNG TRÌNH TỪ MỘT THÀNH PHỐ BỊ BAO VÂY

Hoàng Ngọc Biên giới thiệu & chuyển ngữ

STANISLAW BARANCZAK ADAM WAZYK
MIRON BIALOSZEWSKI CZESLAW MILOSZ
ERNEST BRYLL TYMOTEUSZ KARPOWICZ
BOGDAN CZAYKOWSKI LEOPOLD STAFF
ADAM CZERNIAWSKI BRONISLAW MAJ
JERZY FICOWSKI JERZY HARASYMOWICZ
STANISLAW GROCHOWIAK EWA LIPSKA
JULIA HARTWIG WISLAWA SZYMBORSKA
ALEKSANDER WAT ARTUR MIEDZYRZECKI

CHIỀU THƠ NHẠC HOÀNG CẦM

Chiều Thứ Bẩy 27 tháng Ba, 1993, tại phòng sinh Hoạt VAALA (Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ) đường Moran, Westminster, đã có một buổi trình diễn thơ nhạc đặc biệt với chủ đề là Hoàng Cầm, tác giả những bài thơ nổi tiếng như "Bên Kia Sông Đuống," "Đêm Liên Hoan," của giai đoạn toàn dân kháng chiến chống Pháp giữa thập niên 1940, và những bài thơ gợi hứng cho nhạc sĩ Phạm Duy làm những bài "Hoàng Cầm Ca" cuối thập niên 1980.

Chương trình có nhiều tiết mục, như nhà văn Nguyễn Thạch Kiên giới thiệu Hoàng Cầm, nhạc sĩ Phạm Duy giới thiệu vở kịch, các nghệ sĩ trình diễn thơ, nhạc, kịch: Kiều Loan, Sao Biển, Quốc Chính, Ngọc Dung, Diệp Mỹ Linh, Mai Quỳnh Giao, v.v...

Hoàng Cầm còn là một kịch tác gia. Vở kịch thơ "Kiều Loan" của ông, được nhắc đến nhiều trong văn học hiện đại, thực ra chỉ mới được công diễn một lần ở Hà Nội, năm 1946, và chưa hề được in thành sách.

Mãi đến gần đây, con gái Hoàng Cầm là Kiều Loan (trùng tên với nhân vật chính của vở kịch), và một số người yêu thơ Hoàng Cầm, đã tổ chức một đêm trình diễn vở kịch này, ở San Jose, rất thành công, và in được toàn bộ vở kịch thơ, với kỹ thuật ấn loát công phu.

Vở kịch thơ "Kiều Loan" ra mắt bà con trong buổi sinh hoạt vừa qua chỉ một màn, vì chưa đủ điều kiện dựng cả vở — với Kiều Loan đóng vai... Kiều Loan, đã được khán giả nhiệt liệt tán thưởng.

Kiều Loan đã cùng thân mẫu di cư vào miền Nam năm 1954. Một thính giả đã thắc mắc hỏi về việc tại sao Hoàng Cầm còn ở lại miền Bắc. Theo lời Kiều Loan, mặc dầu Hoàng Cầm nay đã lớn tuổi, nếu điều kiện cho phép, ông có thể một ngày kia qua thăm gia đình, nhưng chắc chắn nơi ông chọn lựa sống vẫn là Việt Nam. ■

Màn I, kịch thơ "Kiều Loan," với SaoBiển, Kiều Loan và Quốc Chính, trên sân khấu bỏ túi của câu lạc bộ VAALA.

TIẾNG VỌNG TỪ BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG

BÍCH HUYỀN

Khi tôi đến phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ, hội trường đã chật kín người. Không còn một chỗ len chân. Hình như bên ngoài có nhiều khán giả phải ra về... Nhiều vị khán giả mái tóc bạc phơ tuổi đời có lẽ bằng thi sĩ Hoàng Cầm. Có thể đó là bạn hữu của nhà thơ, có thể là những người cùng thời ái mộ. Bên cạnh là những mái đầu muối tiêu, mái đầu xanh xanh mướt... Họ đến đây để được nghe lại tiếng thơ của Hoàng Cầm và cũng để nhìn thấy Kiều Loan, con gái của nhà thơ diễn ngâm những lời thơ nồng nàn yêu nước.

Tôi như lặng người trước giọng ngâm truyền cảm của Quốc Chính, Kiều Loan, Sao Biển. Tôi bị lôi cuốn bởi cách diễn tả một bài thơ của nhạc sĩ Phạm Duy. Rồi tiếng đàn dương cầm trẻ trung của Mỹ Linh, Thụy Khanh, tiếng đàn tranh điêu luyện của Ngọc Dung, tiếng hát Mai Quỳnh Giao nhẹ nhàng, Anh Dũng đầm ấm... Tất cả là một chuỗi âm thanh tình yêu êm đềm như một dòng sông.

Tôi như choáng ngợp bởi màu xanh của sông, của núi, của cánh đồng lá mạ, của bầu trời, của cây cối... Có cả một không gian bát ngát màu xanh trong bức tranh rộng lớn làm nền cho sân khấu. Cây đa đầu làng, con đường đất len lỏi, hàng dậu thưa... Những cảnh vật quen thuộc của quê hương miền Bắc đã được những người tổ chức "chiều thơ nhạc Hoàng Cầm" đem lại hình ảnh quê xưa gợi bao nỗi niềm hoài hương tha thiết...

"Anh sẽ đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì
Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh..."

Những người trẻ tuổi năm xưa ấy là những người nặng lòng với núi sông, những người thanh niên của thế hệ 1940. Hình ảnh của các anh Vệ quốc quân oai hùng tươi trẻ trong "Đêm liên hoan" của Hoàng Cầm, hình ảnh anh bộ đội lịch sự, hào hoa, trí thức trong "Bên kia sông Đuống," trong "Nhà tôi" của Yên Thao. Không phải là những chú bộ đội ngớ ngẩn đáng thương "chống Mỹ cứu nước" của những người Việt Minh trở thành Việt Cộng 1975 "giải phóng miền Nam." Những người thanh niên năm xưa ấy rộn rã lên đường với một lý tưởng cao đẹp: đánh đuổi giặc thù ra khỏi bờ cõi; với một hoài bão: Cho mãi mãi quê hương "xanh xanh bãi mía vườn dâu," cho mãi mãi "ngô khoai xanh biếc," cho mãi mãi "Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong." Đất nước thanh bình đó chỉ còn là hình ảnh trong mơ của Hoàng Cầm bên kia sông Đuống. Sự thật quá phũ phàng:

"Bên kia sông Đuống
Ta có đàn con thơ
Ngày tranh nhau cơm trộn bắp ngô
Đêm lúi rúi chui gầm giường tránh đạn."

Bao nhiêu xương thịt đã đổ xuống? Bao nhiêu *nước mắt, bao nhiêu mồ hôi, bao nhiêu bóng tối đã đổ xuống bao nhiêu cuộc đời?* Xương chất thành núi, máu chảy thành sông. Đời cha rồi lại đời con kéo dài triền miên đau khổ. Chiến tranh Việt Nam. Ôi! Bi thảm.

Lời thơ của Hoàng Cầm chiều nay tại vùng trời hải ngoại làm rung động biết bao người. Kiều Loan, Quốc Chính, Sao Biển diễn tả tuyệt vời. Sao Biển làm chúng ta cảm thông với nỗi thất vọng đớn đau, Quốc Chính cho chúng ta nghe thấy tiếng hùng thiêng sông núi, Kiều Loan cho chúng ta nhìn thấy "mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên" để rồi trong khoảnh khắc tơi bời tan nát: "Giặc kéo lên hừng hực lửa hung tàn." Người chiến sĩ ra đi nhưng lòng nào không bịn rịn:

"Có con cò trắng bay vùn vụt
Lướt ngang dòng sông Đuống, về đâu?
Mẹ ta lòng đói dạ sầu
Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ."

Lời thơ ấy đã qua một nửa thế kỷ rồi, đến hôm nay Việt Nam có khác gì không? Vẫn còn nhiều, nhiều lắm những trẻ mồ côi vô tội lang thang, những mẹ già còng lưng xách bị ngoài đường, những thương phế binh, người tàn tật lê lết ăn xin. Cuộc sống của đại đa số dân chúng hiện nay còn lầm than cơ cực lắm.

Bởi vì đâu?

"Anh đi hỏi núi, anh về hỏi cây
Anh hỏi biển rộng, anh hỏi sông dài..."

Những câu hỏi vang vang, trải dài suốt hai bờ đại dương. Những người có thể trả lời, ở vị trí phải trả lời, đã không trả lời.

Từ 1940 đến 1990, gần ba thế hệ trôi qua, những lớp tuổi trẻ nồng nàn yêu nước theo nhau "lạc đường vào lịch sử..."

Tôi nghe thơ Hoàng Cầm — tiếng thét, tiếng thở dài, tiếng tỏ tình của tuổi trẻ 1940 — mà xót xa: tiếng thơ ấy đã như ngọn gió thổi bùng lửa yêu nước của lớp các anh tôi, lớp chúng tôi. Năm mươi năm sau, tiếng thơ ấy, ở đồng đất nước người, thấm vào trong tôi những tiếng nấc nghẹn ngào... ■

HỘI LUẬN VỀ VĂN CHƯƠNG PHẢN KHÁNG

Buổi họp mặt thường niên Hiệp Hội Nghiên Cứu Á Châu (Association for Asian Studies, AAS) năm nay (1993) được tổ chức tại khách sạn Bonaventure, Los Angeles, California, trong bốn ngày 25, 26, 27 và 28 tháng Ba. Hàng trăm phái đoàn ở Mỹ và nhiều nước trên thế giới đã đến Los Angeles để tham dự những luận hội về đề tài có liên quan tới Á Châu trên các mặt chính trị, lịch sử, văn hóa, luật pháp, kinh tế, văn chương...

Vào chiều thứ Sáu 26 tháng Ba, Nhóm Nghiên Cứu về Việt Nam đã hội luận về đề tài "Sự Bất Đồng Chính Kiến và Cảm thức Hậu hiện đại trong Tiểu thuyết Đương Đại ở Việt Nam" (*Political Dissent and Post-modern Sensibilities in Contemporary Vietnamese Fiction*). Hội luận viên gồm có Tiến sĩ Huệ Tâm Hồ Tài (Harvard), Giáo sư Trần Quí Phiệt (DH Schnreider), Lý luận Phê bình Văn học Đào Trung Đạo (Độc Lập), Giáo sư Chung Hoàng Chương (UC San Francisco), Nhà văn Trương Vũ (NASA), và nghiên cứu sinh Peter Zinoman (Cornell).

Nhà văn Trương Vũ bắt đầu hội luận với đề tài "Phản Kháng: *Literature in the Making of a Vietnamese Intellectual Revolution.*" Theo diễn giả, Văn chương Phản Kháng không phải chỉ là hậu quả của chính sách cởi trói, đổi mới do Cộng Sản ở Việt Nam chủ trương và lãnh đạo, mà đã manh nha từ trước đó với những tham luận của Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến (1979), rồi sau đó cả một thế hệ những nhà văn trẻ như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài... đã đổi mới văn chương, thổi một làn sinh khí mới vào Văn chương Việt Nam, cùng với các trí thức và văn nghệ ở trong nước làm nên một cuộc cách mạng đòi quyền nói lên sự thật, nhân phẩm, lương thiện và quyền tự do bất đồng ý kiến. Diễn giả cũng phân tích và đánh giá những nỗ lực, thành công và thất bại trong sự cổ vũ phong trào này ở trong cũng như ngoài nước.

Giáo sư Chung Hoàng Chương làm cho thính giả hào hứng với những tài liệu phong phú quanh đề tài "Đối Kháng: *Literature and the Vietnamese American Community*" nhằm phân tích thái độ của cộng đồng Việt ở hải ngoại đối với Văn chương Đối Kháng. Bài phân tích khách quan, dí dỏm, phong phú về các sự kiện và những trích dẫn từ báo chí hải ngoại cho ta thấy tư kiến của giới báo chí, văn nghệ, và trí thức ở ngoài nước chia ra hai cánh: những người nồng nhiệt ủng hộ phong trào, Văn chương Đối Kháng và những người nghi ngờ thực chất của phong trào này.

Giáo sư Trần Quí Phiệt trong bài phân tích công phu tác phẩm "Nỗi buồn Chiến tranh" của Bảo Ninh đã nói về những khía cạnh sáng tạo trong lối viết tiểu thuyết chiến tranh của Bảo Ninh, những cảm thức và nỗi đau khổ cùng tận mang tính nhân bản cũng như nói lên sự thực về thân phận con người trong cuộc nội chiến dài dặc mà từ trước đến nay đã bị che giấu, đã bị tô hồng theo đường lối "văn chương phải đạo" của Đảng và Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa.

Peter Zinoman đặt câu hỏi "Có thể coi Nguyễn Huy Thiệp là nhà văn hậu hiện đại được không?" Để trả lời câu hỏi này, qua những truyện ngắn của NHT, diễn giả đã cố gắng chứng minh những "nét" hậu hiện đại về cả nội dung lẫn kỹ thuật viết truyện của NHT, về mối tương quan xã hội kinh tế với văn hóa trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam hiện nay.

Đào Trung Đạo đã khái lược về trò chơi cút bắt quyền lực giữa chính quyền với chính sách "đổi mới" và những nhà văn thuộc thế hệ trẻ đã lợi dụng ngay chính những điều "đổi mới" chủ trương qua những bộ phận văn hóa được Đảng bồi dưỡng và lãnh đạo để thực hiện những mục tiêu riêng của mỗi người.

Để kết thúc buổi hội luận, Giáo sư Huệ Tâm phát biểu ý kiến đúc kết: các hội thảo viên đã nói đến rất nhiều khía cạnh của vấn đề được chú ý nhiều cả trong lẫn ngoài nước là phong trào văn chương đối kháng hiện nay ở Việt Nam. Theo bà, Nguyễn Huy Thiệp và Dương Thu Hương đã nêu ra những quan tâm về chính trị và lịch sử nhiều hơn Phạm Thị Hoài. Ngoài việc Phạm Thị Hoài được tiếp thu ảnh hưởng văn chương quốc tế nhiều hơn hai nhà văn kia, nỗ lực của cô khi viết là những nỗ lực có tính văn chương hơn chính trị.■

Đàn Mỹ nhạc Việt

Giana Music Productions (GMP) ở Oakland, chuyên sản xuất những đĩa gọn (*compact disc*) nhạc Việt Nam do nhạc sĩ Mỹ trình tấu, vừa trình làng một đĩa mới: *Falling Autumn* (Thu rơi) với tiếng Tây ban cầm của Lorn Leber và ban nhạc hòa tấu có phong thái nhạc Jazz.

GMP do Giana và Sean Pham chủ trương và điều hành. Đây là những người Việt tị nạn đến Mỹ từ 1975, muốn bảo tồn những nét đẹp văn hóa của quê hương cũ qua hình thức trình diễn mới.

Một trong những nhạc sĩ trình tấu trong các đĩa đã ra của GMP, là Sasha Alexeev, có lần đã được giới thiệu trên *TK 21.*

Trong đĩa nhạc mới, "Thu rơi," của GMP, tiếng đàn Tây ban cầm của Lorn Leber thể hiện rất trung thực và phong phú các điệu nhạc quen thuộc với thính giả Việt Nam từ nhiều thập niên qua, như những bài "Đêm Đông," "Suối Mơ," v.v...

Liên lạc Giana 247 4th St, # 307, Oakland, CA 94607. Tel: (510) 444-3194. ■

TÌNH BẠN

RAYMOND CARVER
Bản dịch ĐÀO TRUNG ĐẠO

Cha, coi bộ mấy gã này đang vui nhộn quá ta! Bọn họ đang ở London, và họ cũng vừa mới kết thúc buổi đọc văn trong một căn phòng chật ních người nghe ở Trung Tâm Thi Ca Quốc Gia. Hồi gần đây những nhà phê bình văn học và những tay điểm sách viết bài cho các nhật báo và các tạp chí Anh quốc gọi bọn họ là "Những nhà văn hiện thực bụi bậm," nhưng cả ba gã Ford, Wolff, và Carver chẳng coi chuyện đó là quan trọng. Họ đùa cợt về cái nhãn hiệu đó cũng giống như họ đùa cợt về rất nhiều những thứ khác. Họ không cảm thấy mình là một phần tử của một nhóm nào cả.

Họ là bạn nhau thực đấy. Quả thực trong tác phẩm của mỗi người họ có chia sẻ với nhau một số những mối quan tâm tương tự. Và họ cũng có những người quen biết chung nữa. Đôi khi họ cũng có bài đăng trong cùng những tạp chí. Nhưng họ không thấy mình thuộc về, hay là kẻ tiên phong, của một phong trào nào. Bọn họ là bạn của nhau và cũng là những nhà văn đang cùng nhau rong chơi thỏa thích, thực hên ơi là hên. Họ biết rằng sự may mắn đã góp phần vào vụ này, và họ hiểu họ gặp may. Nhưng cũng như bất kỳ nhà văn nào khác họ rất tự hào về mình và nghĩ rằng mình xứng đáng được hưởng bất kỳ sự may mắn nào đến với họ -- dù rằng nhiều khi họ cũng chẳng ngạc nhiên gì khi thấy sự may mắn xảy đến. Trong bọn có người đã sáng tác vài truyện dài, những tuyển tập truyện ngắn và những tập thơ, truyện vừa, khảo luận, tạp luận, kịch bản và bài điểm sách. Những tác phẩm của họ, và luôn cả phong cách của họ lại khác hẳn nhau tỷ như gió lùa từ ngoài khơi so với nước biển mặn. Cũng chính những sự khác biệt đó song song với những sự tương đồng cộng thêm một cái gì đó khó nói ra đã kết họ lại thành những người bạn của nhau.

Lý do khiến họ cùng có mặt ở London và được cùng nhau vui chơi thỏa thích chứ không phải là họp mặt tại những nơi họ đang cư ngụ như ở Syracuse, New York (Wolff) hay Coahoma, Mississippi (Ford) hay Port Angeles, Washington (Carver) là vì cả ba người đều có sách sắp ra mắt liền trong vài ngày sắp tới ở Anh Quốc. Sách của họ không mảy may giống nhau -- ít ra là theo tôi thấy như vậy -- nhưng cái điểm tương đồng nơi tác phẩm của họ là ở chỗ sách họ đều hay một cách lạ lùng và cũng có phần quan trọng nữa, tôi nghĩ vậy. Và dù cho có phải không còn được là bạn của nhau, dù cho Chúa có ngăn cấm đi nữa thì tôi vẫn cứ muốn nghĩ như vậy.

Nhưng khi coi lại tấm hình này chụp ở London ba năm trước đây sau buổi đọc văn tim tôi thật bồi hồi cảm động và tôi không khỏi nghĩ rằng tình bạn là một cái gì hằng hữu. Thật vậy đấy, cho tới một giới hạn nào đó. Thấy không, thật rõ như ban ngày rằng trong hình những người bạn đều đang rất khoái chí và đang cùng nhau họp mặt vui vầy. Trong trí não họ chỉ có mỗi một điều quan trọng là họ đang tự hỏi khi nào thì ông phó nháy mới làm xong nhiệm vụ để họ có thể rút lui và còn cùng nhau tính đến các mục vui thú. Họ đã có sẵn chương trình cho buổi tối. Họ không muốn khoảng thời gian được họp mặt cùng nhau hết lẹ. Họ không mong muốn buổi tối tới và rồi là sự mỏi mệt và cái sự cứ từ từ -- hoặc bỗng nhiên -- mọi việc chậm chạp dần lại. Sự thật là đã lâu lắm họ không được gặp nhau. Lúc này họ đang thú vị như thể khi được trùng phùng tái hợp và thấy mình thực là mình - được là bạn - làm bạn, nói cho gọn, và họ muốn mọi sự cứ tiếp tục như thế mãi. Lâu bền. Và mọi sự sẽ là như thế. Cho tới một giới hạn nào đó, như tôi đã nói.

Giới hạn đó là Cái Chết. Coi trong hình thì Cái Chết là một cái gì xa vời nhất trong tâm trí họ. Nhưng khi họ xa nhau mỗi người một ngả và không được gần nhau để vui đùa thỏa thích như dạo ở London thì cái chết lại cứ quanh quẩn trong tâm trí họ. Sự đời trùng lại. Mọi sự rồi cũng cứ kết thúc. Con người ngưng sống. Và rồi thể nào cơ sự cũng sẽ xảy ra là hai kẻ trong bọn tam hữu trong hình sẽ cúi xuống ngó vào hài cốt - nắm xương tàn - của người bạn thứ ba, khi giờ đã điểm. Ý nghĩ này thật đớn đau thật hãi hùng. Vậy chỉ còn một chọn lựa là nếu mình không muốn chôn bạn thì tốt hơn hết để bạn chôn mình trước cho rồi*.

Tôi cực chẳng đã phải nghĩ ngợi về cái điều ghê sợ như thế khi suy nghĩ về tình bạn. Về một phương diện nào đó, tình bạn cũng giống như hôn nhân - cùng là một giấc mơ chung mà những

HIỆN THỰC CHÂN ĐẤT

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Vào những năm từ 1980 người đọc tiểu thuyết Mỹ thấy xuất hiện một lớp nhà văn mới có lối viết khá độc đáo, khác hẳn với những nhà văn thường được xếp vào khuynh hướng hiện thực (realism) như Saul Bellow, Norman Mailer hay John Updike hoặc với những nhà văn hậu hiện đại (postmodernist) như Thomas Pynchon, William Gaddis, John Barth, William Gass, Donald Barthelme... Những nhà văn mới này buổi đầu được chú ý bằng những truyện ngắn, sau đó khi đã thành danh họ bắt đầu cho xuất bản những truyện dài. Điều này cũng dễ hiểu: sau khi người đọc đã không còn yêu mến John Cheever như ở thập niên 60 nữa và họ cũng đã tận hưởng lối viết truyện ngắn hậu-hiện-đại của Donald Barthelme ở những thập niên từ 70 trở đi, họ đã tìm đến với những tên tuổi mới thật lấy lừng trong thể truyện ngắn như Raymond Carver, Richard Ford, Tobias Wolff, Frederick Barthelme, Joy Williams, Jayne Anne Phillips, Ann Beattie... Tạp chí văn chương *Granta* gọi họ là những nhà văn hiện thực bụi bậm (dirty realism), hiện thực chân đất.

Trong bọn họ chẳng có ai đồng ý hoặc không đồng ý với danh hiệu này vì họ thực sự chẳng bao giờ tự nhận đứng chung vào một khuynh hướng văn chương. Nhưng sách của họ bán khá chạy, không những chỉ ở Mỹ mà còn cả ở Âu Châu, và văn cách của họ thật gần với nhận xét sau đây của nhà phê bình văn học Frank Kermode khi nói về văn của Raymond Carver, "đó là một loại văn chương có văn cách văn phong trần trụi đến mức đọc rồi mãi sau ta mới biết được rằng chỉ bằng những nét phác họa hầu như rất thoáng nhẹ nhưng đã hình tượng ra được toàn bộ cái nền văn hóa và toàn bộ điều kiện tinh thần một cách thật đầy đủ như thế nào."

⟶

kẻ tham dự phải tin tưởng và đặt trọn niềm tin của mình vào, thật lòng tin tưởng rằng nó "sẽ" lâu bền mãi mãi.

Cái tình của ta đối với bạn bè cũng giống như đối với người phối ngẫu hay đối với người tình vậy: ta nhớ lại mình đã gặp nhau hồi nào và ở đâu. Tôi đã được giới thiệu với Richard Ford tại đại sảnh khách sạn Hilton ở Dallas là nơi có đến cả tá nhà văn nhà thơ được mời đến dự hội văn chương đang ăn ở đó. Một người bạn chung của chúng tôi - cả một mạng lưới đấy - nhà thơ Micheal Ryan mời chúng tôi đến dự Đại Hội Văn Chương ở Southern Methodist University. Nhưng mãi cho tới ngày tôi bước lên máy bay ở San Francisco tôi cũng vẫn không tin là mình có can đảm đáp máy bay tới Dallas. Sau sáu năm bị ma men hủy hoại, đây là lần đầu tiên tôi chui ra khỏi chỗ trú ngụ sau khi đã thôi uống từ mấy tháng trước đó. Tôi đã hết nghiện nhưng còn run rẩy.

Song le tôi thấy sự tin cẩn toát ra từ Ford. Trong phong thái, trong cách phục sức, và ngay cả ở cách nói năng của anh - một kiểu nói nhịp nhàng, đài các trang trọng, và đặc miền nam lộ rõ sự trang nhã. Tôi thật ngưỡng mộ anh, tôi nghĩ vậy. Có thể tôi còn ao ước được là anh bởi anh rõ ràng là tất cả những gì tôi không có! Gì đi nữa thì tôi cũng mới đọc xong quyển tiểu thuyết "A Piece of My Heart" của anh. Tôi yêu thích quyển này, và thấy thật là sung sướng khi được nói với anh điều đó. Anh tỏ ra nồng nhiệt tán thưởng những truyện ngắn của tôi. Chúng tôi còn muốn nói với nhau nhiều hơn nữa nhưng đêm đã khuya. Chúng tôi phải chia tay. Chúng tôi bắt tay nhau thêm một lần nữa. Nhưng sáng hôm sau, thật sớm, chúng tôi lại gặp nhau ở phòng ăn khách sạn và ngồi chung bàn ăn sáng. Tôi còn nhớ, Richard gọi thức ăn cho cả tôi và anh gồm bánh bích qui lạt, thịt hầm xấy cùng với bắp hột và có thêm nước sốt. Anh ta nói năng với người phụ nữ hầu bàn khi thì "Yes, ma'am" hoặc "No, ma'am" và "Thanh you, ma'am". Tôi thích kiểu nói của anh. Anh mời tôi ăn thử bắp hột ở đĩa anh. Chúng tôi chuyện trò với nhau suốt bữa ăn sáng, cho nhau biết điều này điều nọ, khi chia tay nhau có cảm giác đã quen biết nhau từ trước, hay như kiểu người đời vẫn nói, là đã quen biết nhau từ khuya.

Trong suốt thời gian bốn hay năm ngày kế tiếp chúng tôi đã cố ở bên cạnh nhau nhiều được chừng nào hay chừng nấy. Vào ngày cuối khi từ biệt nhau anh mời tôi đến thăm anh và vợ anh ở Princeton. Bụng bảo dạ tôi tự nhủ quả tình cơ hội tôi sẽ đến Princeton chắc chẳng là bao nhưng tôi đã nói với anh là tôi rất trông chờ ngày đó. Dù sao tôi biết mình đã làm quen được một người bạn, và đó là một người bạn tốt. Cái loại bạn mà mình phải bất chấp hết thảy để có được.

Văn chương hiện thực chân đất được viết từ một góc độ khác hẳn với cái nhìn sử thi hay hùng vĩ của tiểu thuyết hiện thực, góc độ và không gian văn chương trong bản viết của họ cũng khác hẳn ở văn chương hậu hiện đại vốn là văn chương của văn chương, văn chương tự thân tra hỏi về chính nó, truyện trong truyện, văn về văn, những khối chữ khổng lồ vô vàn vây bủa tràn ngập vừa liên tục vừa đứt lìa trong một không gian văn chương mênh mông vô bờ. Tiểu thuyết của những nhà văn hiện thực bụi bặm đảm đương ngôn từ của một thời đại không còn gì đáng để ngạc nhiên, trình diện những nhân vật tầm thường có những sinh hoạt tầm thường tương tự như tuyệt đại đa số chúng ta. Họ là những kẻ đang ngồi xem chương trình truyền hình ban ngày, đọc tiểu thuyết tình ba xu hoặc nghe *country music*. Họ là những phụ nữ làm công việc phục vụ ở các tiệm café bên đường, đứng thâu tiền ở các chợ, những người đàn ông làm việc ở công trường xây cất, những cô thư ký và đôi khi cả những chàng cao bồi thất nghiệp. Họ chơi *bingo*, ăn *burgers*, đi săn bắn và ngủ lại ở những khách sạn rẻ tiền. Có điều họ uống khá nhiều và thường hay rơi vào tình trạng bị rắc rối trong các vụ trộm xe hơi hoặc đập bể cửa kính nhà hàng, có khi cả các vụ móc túi nữa. Ta có thể nhận ra họ ở bất kỳ nơi nào trên đất Mỹ, Kentucky hoặc Alabama, Oregon hoặc California... Rõ ràng Họ là những kẻ bụi đời sống trong một thế giới ngạt thở bởi sự khống chế của chủ nghĩa tiêu thụ hiện đại. Đấy là về nhân vật tiểu thuyết của họ. Trong những truyện dài in trong thập niên 90 của họ nhân vật tiểu thuyết đã có những biến đổi, chủ thể văn chương là những kẻ mang số phận của "bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra được."

Còn về văn phong thì đó là loại văn phẳng lì, trơ trụi, câu cú bị lột bỏ tuyệt đối sự vẽ vời trang trí óng ả nhưng đồng thời cũng là lối văn làm chủ ngòi bút một cách toàn phần trong việc buộc ta phải chứng kiến những sự vật và sự việc được nói tới. Khoảng cách giữa những chữ, giữa những câu là những niềm im lặng nói lên được chính cái điều mà nhà văn muốn người đọc nắm bắt. Những nhà văn này phần lớn thuộc lớp thanh niên trưởng thành trong thập niên 60, là thế hệ có nhiều biến động thời đại hãy còn vang vang những bước chân tuần hành biểu tình chống chiến tranh, một thế hệ được chứng kiến sự đứt lìa, tan vỡ toàn diện. Họ viết để tìm câu trả lời (có bao giờ có được?) không phải cho câu hỏi "mọi sự đã tan vỡ như thế nào và tại sao" mà cho câu hỏi "cái gì còn (ở) lại?" Họ không kể lại câu chuyện biểu tình chống đối nhưng viết về cái dịp, cái cớ đưa đến sự tình như thế.

Trong những nhà văn hiện thực bụi bặm phải nhận Raymond Carver được coi là lấy lừng hơn cả, nhưng rất tiếc ông mất sớm (1938-1988). Trong bộ ba này còn lại Richard Ford và Tobias Wolff vẫn hàng năm có sách hay cho xuất bản. Bài TÌNH BẠN của Raymond Carver được viết không lâu trước khi mất và đã được đăng tải lần đầu trên *Granta* số 25, Mùa Thu 1988.■

Hai tháng sau, vào tháng Giêng năm 1978, tôi ngỡ ngàng thấy mình có mặt ở Plainfield, Vermont, tại trường đại học Goddard. Toby Wolff, bộ dạng bồn chồn và xớn xác chẳng thua gì bộ dạng tôi lúc đó. Anh ta được cấp một cái phòng ngủ giống như phòng giam kế bên ngay phòng của tôi cũng cùng một loại nằm trong những dãy nhà ngang của tòa cấm cố trước đây có thời đã là nơi trú ngụ cho mấy anh chị nhóc con nhà giàu chẳng thể học nổi đại học thông thường nên đến đây mong mỏi có được vốn học vấn tương đương. Toby và tôi sau hai tuần lễ thỉnh giảng, sẽ trở về và qua thư tín sẽ làm việc với năm hay sáu sinh viên cấp cao học để giúp họ viết truyện ngắn. Thời tiết hồi đó là ba mươi sáu độ âm, mười tám inches tuyết trên mặt đất, và Plainfield là nơi lạnh nhất nước.

Hình như đối với tôi không còn một ai khác có thể tự ngạc nhiên với chính mình hơn là tôi và Toby khi thấy mình vào tháng Giêng mà lại có mặt ở đại học Goddard thuộc Vermont. Trường hợp của Toby anh đến đây là do ông nhà văn lẽ ra phải ngồi trong hội đồng phút chót vì đau yếu nên không đến được. Khổ nỗi vị nhà văn này lại đề nghị chọn Toby thay mình. Và rồi Bà Ellen Voigh, giám đốc chương trình, không những chỉ mời Toby thôi mà còn, tuy bất kiến kỳ hình, do một phép lạ của những phép lạ nào chẳng hay, lại nảy ý định mời một kẻ cai rượu vừa thoát hiểm còn đang mới chập chững bình phục.

Hai đêm đầu nằm ở dãy nhà ngang Toby bị bệnh mất ngủ nên chẳng thể chợp mắt được. Nhưng tôi thật yêu cái kiểu anh không những chẳng hề thốt lời phàn nàn mà lại còn đem cái việc mình nhịn ngủ ra mà đùa cợt nữa. Hơn thế tôi còn bị anh hấp dẫn nữa chứ bởi vì theo tôi nghĩ, tôi thấy có một cái gì nơi anh giống như sự dễ bị tổn thương; về nhiều mặt anh còn dễ bị tổn thương hơn tôi nữa, và điều này nói lên một cái gì đó. Chúng tôi cùng ở trong nhóm những nhà văn thuộc ban giảng huấn của nhà trường, trong số này có vài người thuộc vào loại những nhà văn đặc sắc nhất của cả nước. Toby chưa có sách xuất bản mặc dù anh đã cho in một số truyện ngắn trên những tạp chí văn chương. Tôi đã có sách xuất bản, thật ra là hai cuốn, và vì từ lâu nay tôi chẳng viết lách gì nên tôi chẳng cảm thấy mình là nhà văn gì cả. Tôi còn nhớ một buổi sớm thức dậy từ năm giờ sáng, đang buồn khổ vì những khắc khoải riêng tư, tôi gặp anh đang ngồi ăn một miếng sandwich và uống chút sữa ở bàn ăn trong bếp. Trông anh rũ mệt và như thể anh đã không ngủ được trong nhiều ngày, mà quả thực anh đã mất ngủ triền miên. Chúng tôi thấy thích thú về sự quảng giao của mình của bạn. Tôi pha một chút cocoa cho cả anh nữa và chúng tôi bắt đầu chuyện trò. Buổi sáng hôm đó ngay trong căn bếp này

chúng tôi thấy hình như phải nói với nhau về nhiều chuyện; bên ngoài trời hãy còn tối đen và thật lạnh lẽo đôi lúc chúng tôi có thể nghe thấy tiếng cành cây kêu răng rắc. Từ khung cửa sổ nhỏ phía trên bồn rửa chén chúng tôi có thể nhìn thấy ánh sáng ở phía bắc.

Trong những ngày còn lại thời gian tạm cư khi nào có thể được là chúng tôi cùng đi ra khỏi nhà, chúng tôi cùng dạy chung một lớp về Chekhov và cười đùa thật nhiều. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy dạo sau này thật kém may mắn, nhưng lại cũng cảm thấy rằng sự may mắn của mình hẳn phải đang thay đổi. Toby bảo tôi là nếu như tôi có dịp đi Phoenix thể nào cũng phải ghé thăm anh, và dĩ nhiên tôi nói với anh chắc chắn phải vậy rồi. Chắc chắn chứ. Tôi kể cho anh nghe rằng tôi đã gặp Richard Ford cách đây không lâu. Hóa ra Richard lại là một trong những bạn quí của Geoffrey, anh của Toby, người mà một năm hoặc hơn một năm sau đó tôi đã được gặp và trở thành rất thân thiết. Lại cũng vẫn là cái mạng lưới.

Richard và Toby trở thành bạn thiết khoảng năm 1980. Tôi thích cái cách cứ để họ gặp nhau xem họ có thích nhau không và rồi để tự họ kết thân nhau. Tôi cảm thấy như vậy tình bạn mới phong phú. Nhưng tôi vẫn còn nhớ rõ sự ngần ngại của Richard ngay trước khi gặp Toby: Richard nói với tôi "Tôi chắc chắn hắn là một tay được lắm, nhưng hiện nay tôi không cần có thêm bạn trong đời nữa. Tôi đã có đủ tất cả những người bạn để có thể tự thích ứng được. Ngay cả đối với các bạn cũ nhiều khi tôi cũng còn thấy mình có điều không nên không phải."

Tôi đã có hai cuộc đời. Cuộc đời thứ nhất của tôi chấm dứt vào tháng Sáu năm 1977 khi tôi cai rượu. Vào thời gian đó tôi chẳng còn mấy ai là bạn thân ở lại với mình, phần đông chỉ toàn những kẻ sơ giao và bạn rượu. Tôi đã đánh mất bạn bè của tôi. Hoặc là họ đã tránh xa tôi - làm sao có thể phiền trách họ được? - hoặc có những kẻ lặn biệt tăm và, khốn nỗi tôi lại chẳng nghĩ được rằng tôi đã mất họ hoặc quan tâm tới sự ra đi của họ.

Nếu tôi được phép chọn lựa, cứ cho là tôi phải chọn lựa đi, phải có một cuộc sống nghèo khó và bệnh tật, nếu như đó là cách duy nhất để tôi có thể giữ được bạn bè tôi thì tôi có chịu không? Không. Có thể nào tôi nhường chỗ của tôi trên chuyến tàu đời cho kẻ khác, nói trắng ra là chịu chết đi để cho một người bạn nào đó của tôi được sống thì tôi nghĩ sao? Tôi phân vân lưỡng lự, nhưng thêm một lần nữa câu trả lời chẳng kiêu hùng chút nào sẽ là không. Ngay cả các bạn tôi, có mống nào nhỉ, dễ gì sẽ chịu làm vậy vì tôi, và chính tôi cũng chẳng còn có cách nào làm khác hơn được. Về điều này chúng tôi hoàn toàn hiểu nhau, cũng như rất hiểu nhau trong hầu hết những ứng xử khác. Một phần chúng tôi là bạn của nhau bởi vì chúng tôi hiểu được điều đó. Chúng tôi yêu mến nhau, nhưng chúng tôi cũng yêu bản thân mình hơn thế một chút. Hãy trở lại với tấm hình. Chúng tôi cảm thấy hài lòng về bản thân cũng như về những sự việc khác trong đời sống chúng tôi. Chúng tôi thích là nhà văn. Chúng tôi thấy trên cõi đời này chẳng còn thứ gì mình đáng "là" hơn, dù rằng trong quá khứ chúng tôi có lúc đã từng là thứ này thứ nọ. Tuy nhiên chúng tôi vô cùng yêu thích sự thể mọi việc đã có kết quả tốt đẹp để chúng tôi có thể cùng gặp nhau ở London. Bạn thấy đấy, chúng tôi đang rất vui thú. Chúng tôi là những người bạn. Và đã là bạn bè thì khi gặp gỡ nhau tất nhiên phải hạnh phúc chứ.■

* Chú: Bộ ba Carver/Ford/Wolff được Hội Thi Ca Quốc Gia Anh mời sang London hội luận vào tháng Năm năm 1986. Raymond Carver qua đời năm 1988. Theo Tess Gallagher, người vợ cuối đời của R.C. thì Ray trong những năm sống cuối cùng tuy biết rõ mình chẳng còn sống được bao năm sau khi bác sĩ cho biết Ray bị ung thư phổi và não, Ray đã hết sức cố gắng viết những gì đã xảy ra trong quan hệ giữa đời sống và nghệ thuật của ông. Cái Chết là nỗi ưu tư làm nền cho bản viết yêu đời trong truyện cũng như trong thơ Carver.

Từ trái sang: Tobias Wolff, Raymond Carver và Richard Ford.

NHỮNG CỖ QUAN TÀI CỦA TĨNH TÂM (*)

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

"Đau đớn thay phận đàn bà..."
NGUYỄN DU

Kính dâng hương hồn bà ngoại, và xin cám ơn em Đinh Từ Bích Thủy, cựu nữ sinh Trưng Vương, đã cho chị những cảm hứng để viết bài này. Tặng một phụ nữ chưa quen, bà Lệ Lý Hayslips.

Người đàn bà đẹp đầu tiên tôi gặp trong đời là bà ngoại tôi. Khi tôi có trí khôn thì bà ngoại tôi đã ngoài sáu mươi tuổi. Ở tuổi đó, người bà vẫn thẳng, tóc dài gần chấm đất, tuy đã muối tiêu nhưng vẫn còn óng ả, lướt thướt. Bà có chiếc mũi dọc dừa, gò má cao; cặp môi mỏng và cong, rất hiếm thấy trên những khuôn mặt phụ nữ thuần túy Việt Nam.

Bà ngoại tôi pháp danh là Tĩnh Tâm, cái tên đầy chất Huế. Xứ Huế đã đặt cho đàn bà những cái tên đẹp lạ lùng: Tĩnh Tâm, Dạ Khê, Tiểu Bích, Tú Thiềm, Phiến Tuyết, vân vân.

Mọi người chung quanh cho rằng bà ngoại tôi là một người đàn bà khó tính, khắc nghiệt, và lạnh lẽo. Bà có một chứng bệnh không bác sĩ nào chữa được. Đó là bệnh nóng cổ. Cổ bà nóng và rát, làm bà bứt rứt, khó chịu, ăn ngủ không được, người đâm bắn gắt. Bà ngoại tôi rất chiều con cháu, nhưng hay la mắng, rầy rà gia nhân. Mẹ tôi là con độc nhất của bà. Gả mẹ tôi cho ba tôi là người Bắc, bà ngoại tôi luôn luôn mang nỗi buồn phải xa đứa con một.

Tôi chưa hề thấy bà ngoại tôi khắc nghiệt hay lạnh lẽo. Bà ngoại thích coi cải lương, say mê. Nhiều khi xúc động khóc sụt sùi. Con người tình cảm ấy không thể nào khắc nghiệt hay lạnh lẽo. Khi bà la mắng gia nhân, giọng bà như độc thoại, buồn như một điệp khúc than thở, không hề có tính cách đay nghiến của một người chủ thiếu lòng nhân. Lúc về già, người độc nhất mà bà cằn nhằn là ông ngoại tôi. Nhiều khi không duyên cớ. Ông ngoại tôi người nhỏ bé, tính vui vẻ, hồn nhiên. Bà con gọi đùa là lão ngoan đồng như trong truyện kiếm hiệp. Khi bà ngoại tôi càu nhàu, ông ngoại tôi chỉ phớt tỉnh, ngồi đọc báo.

Mẹ tôi kể cho tôi nghe cuộc đời bà ngoại. Bà chỉ có một người chị gái. Hai chị em con quan xứ Huế, gia đình phong cách trưởng giả. Người chị gái, bà Ấm, lấy chồng đông con nên vất vả. Bà ngoại tôi lấy ông ngoại tôi là con quan, được đủ miếng ăn thì lại phải chịu những đau đớn khác.

Ngoài cảnh làm dâu trong chế độ gia đình phong kiến, bà ngoại tôi là một người mẹ xấu số. Đẻ ba con trai đều chết cả ba. Mẹ tôi thì èo uột, hay đau ốm. Bà ngoại phải đem cho chùa, đổi tên, cho thần thánh khỏi bắt đi. Vì không có con trai, bà phải cưới vợ hầu cho ông ngoại rất nhiều lần. Mẹ tôi kể có lần bà phải nằm giường sát phòng hợp cẩn của ông ngoại và người hầu trẻ. Ông ngoại tôi là một thứ "ông phán" phong nhã, hào hoa, có không biết bao nhiêu là vợ hầu, vợ lẽ. Không có con trai, bà ngoại tôi phải nuôi con nuôi, hoặc con trai của những người vợ hầu. Những người con trai này lớn lên (trừ người con út) đều phụ công nuôi dưỡng của bà ngoại tôi, bỏ ông bà ngoại tôi mà đi.

Thuở nhỏ tôi không hiểu được lòng u uất của người vợ lớn là bà ngoại tôi, cũng như nỗi cô đơn của bà. Ở tuổi thơ ấu, tôi không hiểu được căn bệnh nóng cổ của bà. Mẹ tôi bảo bà tưởng tượng ra bệnh. Tôi thì cho rằng bà nóng cổ vì hay hút thuốc Cẩm Lệ.

Tôi lớn lên trong lòng thương và tình quyến luyến của bà ngoại. Có lẽ tôi đã lây tính đa sầu, đa cảm, hay khóc thương phận người của bà. Tuy trí óc non nớt, tôi cũng biết bà ngoại là người hay phiền muộn. Bà thích tôi ngồi coi cải lương với bà, một điều mà bố tôi cấm đoán. Tôi tự cho mình là người bạn nhỏ của bà ngoại. Tôi tự nguyện lớn lên sẽ làm cô giáo, mua nhà ở Huế cho bà ngoại ở.

Tôi nhớ mãi có lần tôi bắt gặp bà ngoại tôi nhỏ lệ, không phải vì tuồng cải lương hay vì giận ông ngoại. Nước mắt bà thấm ướt mái tóc dài. Tay bà run rẩy. Bà kể cho tôi nghe về một hình ảnh mà lâu lâu bà vẫn thấy trong một giấc mộng đã ám ảnh bà cả đời. Bà dặn dò tôi đừng kể cho ai nghe, kể cả mẹ tôi.

Trong giấc mộng ấy, bà ngoại tôi, người đàn bà đẹp xứ Huế mang pháp danh Tĩnh Tâm, ngồi một mình bên một bờ sông tĩnh lặng. Có thể là dòng Hương Giang, có thể là con sông Bến Ngự, hoặc có thể là khúc sông chảy qua làng Cồn. Trên dòng sông, có những cỗ quan tài trôi từ từ, lặng lẽ.

Người đàn bà ngồi đợi để vớt những cỗ quan tài.

NGUYỄN HOÀNG NAM
Ở LẰN RANH ỐC ĐẢO

có người cặm cụi thắp đèn dầu
có người lật đật bật đèn điện
tôi xoay vòng vòng trong khói mù
đầu cắn đuôi
đuôi quất đầu
lộn xộn và xính dính

vì tôi đang đi tìm tôi
không kẻ nào đủ tư cách phê phán
tôi đang mười mấy hai mươi
nhạc rock mở hết ga
ra thơ lục bát

vì tôi đang đi tìm tôi
chống cự chất thuốc tê ngày lại ngày
vì tôi phải tự hỏi tôi

rồi từ con mắt tuổi trẻ mở rộng
ánh sáng mặt trời thực tế thiên nhiên
rọi đến
rọi đến
tôi thức tỉnh với hình hài mình
nhảy ra khỏi quán cà phê ốc đảo
không mảnh vải nào vướng víu thịt da và
trái tim

Giấc mộng chỉ đến đó thôi rồi bà ngoại tôi tỉnh dậy.

Bàn tay nhỏ bé của đứa cháu gái là tôi lau nước mắt cho bà ngoại tuổi ngoài sáu mươi. Tôi không thấy sợ, chỉ thương bà ngoại tôi nằm thấy ác mộng. Cơn ác mộng lặng lẽ và im lìm, không tiếng động.

Càng lớn, tôi càng nhớ mãi về giấc mộng của bà ngoại tôi. Có lần tôi hỏi, "ngoại có biết trong quan tài có gì không?" Bà lắc đầu, không nói. Cái lắc đầu của bà có nghĩa gì tôi không rõ. Bà không biết trong quan tài có gì, xác của người thân, xác của người lạ? Hay là bà lắc đầu vì không muốn trả lời câu tôi hỏi.

Tôi vẫn thắc mắc mãi tại sao bà ngoại tôi nằm mộng thấy quan tài? Tại sao bà mang nhiều phiền muộn? Bà tương đối là được sung sướng vật chất và đời sống được bảo đảm. Trong khi cả nước khổ cực theo chiến tranh, theo nạn đói năm Ất Dậu, theo cuộc kháng chiến chống Pháp và những ngổn ngang của lịch sử thì bà ngoại tôi vẫn may mắn là người thiếu phụ quý phái đất thần kinh.

Năm mười lăm tuổi, tôi đủ thông minh để phỏng đoán là những cỗ quan tài trong giấc mộng tượng trưng cho những cái chết của ba người con trai bà. Không có con trai là thảm kịch của cuộc đời bà ngoại tôi. Có thể những cỗ quan tài ấy tượng trưng cho nỗi đau khổ của bà khi phải chứng kiến những cái chết của những đứa con trai nhỏ vì bệnh sài kinh. Chúng là sự hủy diệt sức sống và lẽ an vui của đời bà. Không có con trai, bà sớm mất tư thế trong gia đình. Nghe chuyện, tôi cảm thấy bất mãn cái vô lý, vô nhân của một xã hội chuyên chế đã gây nên sự đau buồn cho bà ngoại. Đồng thời, giấc mộng của bà làm tôi suy nghĩ đến cuộc đời của những phụ nữ Việt Nam khác trong dòng họ tôi.

Trái với bà ngoại, bà nội tôi không có một cái tên quý phái. Bà nội tôi là con một cụ đồ hay chữ. Bà thấp lùn, mặt tròn trịa, phúc hậu, tính tình đơn giản, nhu mì, không bao giờ bẳn gắt. Lấy ông nội tôi là người chủ ruộng, bà nội tôi phải làm việc vất vả, quán xuyến việc đồng áng, nhà cửa. Rồi hai ông bà bỏ hết của cải, ruộng vườn, di cư vào miền Nam. Lúc mới vào Sài Gòn, bà tôi phải đi gánh nước thuê, hằng ngày dậy từ ba giờ sáng, để nuôi gia đình cho đến khi bố tôi được bổ đi dạy. Bố tôi bảo bà nội tôi lùn xủn vì suốt đời phải gồng gánh, bưng xách. Những gồng gánh, bưng xách đã hủy diệt sức lớn trong xương cốt của bà từ thuở còn là thiếu nữ.

Càng về già, bà nội tôi càng say sưa kể lể chuyện quá khứ ở miền Bắc. Bà là nạn nhân tục tảo hôn. Bà bị gả cho một cậu bé trai lên bảy. Buồn tủi, bà trốn về nhà cha mẹ. Rồi sau, bà lấy ông nội tôi là con nhà địa chủ. Bà phải làm dâu, cũng phải để ông nội tôi lấy vợ bé, và phải tảo tần sương gió. Sinh đẻ cả hơn mười lần, chỉ nuôi được năm. Trong cuộc chiến tranh Việt-Pháp, người con gái đầu lòng của bà, cô cả chị bố tôi, bị tử nạn năm hai mươi tuổi. Cô cả là người phụ nữ học thức, làm nghề y tá, nói tiếng Pháp thạo.

Ngày còn là học sinh ở Việt Nam, tôi vẫn suy nghĩ mãi, không hiểu tại sao trong cuộc đời bà nội tôi cũng có những cái tang đau khổ, những biến cố đánh nặng vào đầu óc, vậy mà bà nội tôi không mộng thấy quan tài. Hay là bà nội tôi cũng có nằm mộng đấy, mà không kể lể, khóc thương?

Chiếc quan tài ám ảnh tuổi thơ của tôi cùng với hình ảnh những người đàn bà khác trong họ. Tôi có người cô họ, tên Oanh, năm hai mươi tuổi thì chồng chết trận. Cô than khóc, vật vã, gào thét, vất vưởng, mất lạc thần cả mấy năm sau đó. Trong họ hay bảo: cô khật khùng vì đau khổ. Tôi có người đì họ, tên Thanh, chồng chết đã lâu. Bà ngồi bán nón ở chợ Đông Ba để nuôi con. Đứa con trai của bà chết trận. Quan tài của con chở về, bà cũng khóc lóc, vật vã, khật khùng như cô Oanh. Chứng kiến nỗi đau khổ của họ, tôi vẫn tự hỏi không biết rồi họ có nằm mộng thấy những cỗ quan tài trôi lềnh bềnh trên sông như bà ngoại tôi?

Cũng năm mười lăm tuổi, tôi đọc cuốn *Phái Thứ Hai* (Le Deuxième Sexe) của nhà văn Pháp Simone de Beauvoir, tình nhân của triết gia Jean Paul Sartre. Trí óc tôi chưa đủ phát triển để hấp thụ hết cái thuyết "tranh đấu cho nữ giới" trong tác phẩm của de Beauvoir. Nhưng tôi đã đủ lớn khôn để nhận thức rằng trong tác phẩm của nhà văn nữ này, không có cái ám ảnh đau thương của những cỗ quan tài như trong giấc mộng của bà

mặt trời phà từ sau lưng rọi bóng nàng
mỹ nhân biển đông thế hệ thứ hai
ánh sáng bọc thân thể nàng
vẽ những đường cong mạnh bạo thần mã ferrari

gió biển ngừng
kim đồng hồ ngừng
mùi rau muống luộc mắm tôm giá sống
tiếng la hét ầm ĩ touchdown homerun

nàng xé thinh không của xưa sau
bằng phát roi da việt ngữ:
"làm tình đi!
như lịch sử!"

mặt trời chói lòa
trong mắt nàng đen láy
trong tóc tôi đen mun
tôi không điều tra nàng
nàng không điều tra tôi
chúng tôi ở trong nhau

chúng tôi liếm những vết thương
và yêu nhau yêu mãi mãi
trong căn nhà đầy mặt trời
không phải trên núi không phải dưới biển
ở ngay lịch sử

ở ngay lằn ranh ốc đảo

---

ngoại, không có những gồng gánh, bưng xách đến lùn cả người như trong đời bà nội tôi, cũng không có những cỗ quan tài bọc cờ và những cơn vật vã, khật khùng của cô Oanh và dì Thanh. Những phụ nữ Âu Mỹ tranh đấu để được quyền. Còn những phụ nữ trong gia đình tôi phấn đấu để sống còn, và sống là sống cho người chứ không phải cho mình. Tôi tự hỏi tại sao cũng trên mặt đất này mà những mẫu người đàn bà được Simone de Beauvoir phân tích là tác phẩm của trí tuệ và ý thức, còn những người đàn bà thân yêu trong đời tôi là tác phẩm của nước mắt chảy ngược vào lòng?

Tháng tư năm bảy lăm, bố tôi mang vợ con, cha mẹ và anh em vào phi trường Tân Sơn Nhất để đợi máy bay sang Mỹ. Dĩ nhiên là ông bà ngoại tôi ở lại Sài Gòn chứ không thể theo con gái và gia đình con rể. Cuộc ly biệt quá ngắn ngủi, vội vã. Để tránh xúc động, ông ngoại tôi lánh mặt con gái, con rể, và các cháu. Mẹ tôi cũng tránh vương vấn chia tay với ông bà ngoại, và tôi cũng thế. Tôi nhớ mẹ tôi gọi bà ngoại vào trao tay hòm chìa khóa thay thế lời ly biệt.

Bố tôi dùng xe hơi chở gia đình vào phi trường trước. Không hiểu vì sao, tôi tình nguyện lái Honda PC theo sau. Tôi nhớ mãi hình ảnh bà ngoại tôi đứng ngơ ngác bên cửa sổ sân nhà, không dám hỏi chuyện để tránh xúc động khi những người thân của bà đang líu tíu sửa soạn cho cuộc hành trình vô định. Bà đội nón lá như lúc đi chợ, tóc muối tiêu búi đằng sau, đôi mắt buồn như khóc.

Đó là lần cuối tôi nhìn thấy bà ngoại tôi.

Bây giờ tôi đã lớn, tôi không làm cô giáo. Tôi không ở Huế và bà ngoại tôi đã chết. Một buổi chiều mùa hạ năm bảy chín, tôi đi theo một người bạn trai Mỹ làm nghề phó nhòm, muốn chụp ảnh tôi để "lăng xê" tôi làm người mẫu. Tôi gọi điện thoại về nhà, thì bên kia đầu giây mẹ tôi tức tưởi: "Con ơi. bà ngoại chết rồi!" Tự nhiên trong bụng tôi đau nhói như có mũi dao đâm. Tôi không khóc, nhưng lần đầu tiên trong đời, tôi có cái cảm giác gọi là "đau như đứt ruột."

Bà ngoại tôi chết trong đau đớn vì bị bạo bệnh mà không đủ thuốc men. Bà mất đi không một lần gặp lại đứa con gái thân yêu, con rể và các cháu ngoại, nhất là đứa cháu đã chia sẻ những giọt nước mắt với bà.

Cái chết của bà ngoại tôi thấm thía thêm ý nghĩa "sinh ly tử biệt." Lần cuối cùng nhìn mặt bà ngoại buổi chiều tháng tư năm bảy lăm, khi bà tần ngần đứng bên cửa sổ nhìn con cháu ra đi là ý nghĩa nỗi khổ "sinh ly." Và tin bà chết ở bên kia bờ biển đại dương là ý nghĩa niềm đau "tử biệt." Tôi tự an ủi nghĩ rằng tôi không phải là người độc nhất thấm thía cái đau sinh ly tử biệt. Mà đó là cái đau chung của cả một dân tộc kém may mắn trên bản đồ thế giới. Nô lệ và chiến tranh. Trong phần tư thế kỷ mà hai lần di tản cả triệu con người, vượt đường trường, vượt biển đại dương để tìm đất sống còn.

Tôi tự hỏi trong thời gian chúng tôi ở Mỹ, và bà ngoại sống thiếu thốn ở Việt Nam, không biết bà có còn nằm mộng thấy những cỗ quan tài trôi sông, và bà có thấy những gì bên trong những cỗ quan tài đó? Điều đó bà chưa hề hé môi chia sẻ với tôi. Hay với bất cứ ai, kể cả chồng con.

Năm một chín chín mươi, tôi có một hồi rảnh rỗi trong nghề nghiệp để có thì giờ đọc lại văn chương Việt Nam. Lần đầu tiên, tôi ngồi đọc hết mấy ngàn câu truyện Kiều, để ngẫm nghĩ về nước mắt, định mệnh, và sự phấn đấu của cô Kiều, về thân phận đàn bà mà Nguyễn Du thương xót như thương xót chính thân phận tài hoa kẻ sĩ, và nỗi cô đơn tột độ của người thức giả.

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Cũng năm đó vô tình tôi đọc được tập truyện ngắn của một nhà văn nữ, bạn bố mẹ tôi, bà Bùi Bích Hà. Theo tôi biết, bà cũng từng sinh sống ở Huế. Tôi rất ít có thì giờ đọc hay theo dõi văn chương Việt Nam ở cộng đồng di tản nên không thể so sánh bà với các nhà văn Việt Nam khác. Có điều một truyện ngắn của bà Bích Hà làm tôi nhớ giấc mộng của bà ngoại. Tôi không biết là truyện có thật hay không? Bà Bùi Bích Hà kể lại truyện một người đàn bà Việt Nam đi vớt xác con chết trên đường vượt biển. Truyện làm tôi bàng hoàng, nhắc tôi nhớ hình ảnh người đàn bà chịu đựng, ngồi một mình chờ những cỗ quan tài lềnh bềnh trên sông. Những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm.

Tôi đi tìm một cuốn sách tâm

ĐỖ KH.

ĐỀU LÀ ĐÀN BÀ

Làm ơn cho tôi coi bằng lái
Giơ tay lên và quay người lại
Cảnh Sát cũng là đàn bà
Hả miệng ra
Và co cái lưỡi
Nha sĩ cũng là đàn bà
Cởi áo
Cởi quần
Nhìn lên trần
Bác sĩ cũng là đàn bà
Ngửng cằm lên
Và đừng động đậy
Hớt tóc cũng là đàn bà
Anh có mang gì trong hành lý
Hải quan cũng là đàn bà
Anh cứ ngồi đây đợi đi
Lễ tân cũng là đàn bà

Thẩm phán
Vân vân ...
Soát vé xe lửa
(Chẳng hạn)
Gác dan bãi đậu
Hay là an ninh phi cảng

Vợ tôi Cũng Là Đàn Bà

Tôi biết mà,
Nhưng vợ tôi cũng là đàn bà
Cũng là đàn bà vậy
Ngoại trừ đàn ông ra:
Ai cũng là đàn bà.

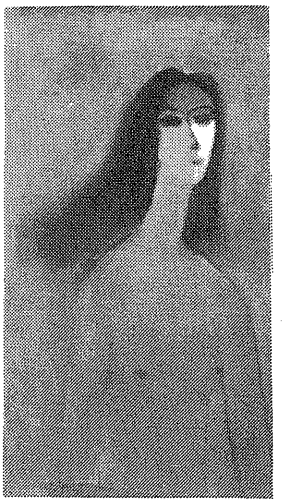

lý giải mộng của Tây phương. Trong cuốn sách đó, tác giả bảo nằm mộng thấy quan tài là cảm giác bất an của người bị đe dọa bởi "disaster", tức thiên tai, đại họa, sự trừng phạt vô cớ của định mệnh, hoàn cảnh, ở ngoài khả năng và quyền hạn của con người, không đo lường trước được.

Cuối năm đó, có lần tôi đứng bên bờ Đại Tây Dương, ngắm tượng Nữ Thần Tự Do khi thành phố Nữu Ước lên đèn. Gió lành lạnh và nước lành lạnh. Hình ảnh người phụ nữ cầm chiếc đuốc soi bờ đại dương sừng sững một mình tự nhiên làm tôi nhỏ nước mắt.

Tôi không biết mình nhỏ nước mắt vì ai, cho ai. Tôi đâu dám bắt chước con người tài tử Nguyễn Du khóc người ba trăm năm trước để hỏi người ba trăm năm sau. Có lẽ tôi khóc vì tôi nhớ lại cuộc di tản ngày nào. Tôi nhớ đến khuôn mặt đẹp và ánh mắt sầu muộn của bà ngoại tôi. Giấc mơ hồn nhiên của tuổi thơ, sẽ làm cô giáo nuôi bà ngoại ở Huế, tôi đã bỏ mất. Bà không còn chỉ là bà ngoại, mà là hình ảnh Tĩnh Tâm, người phụ nữ sinh trước tôi hai thế hệ. Hình ảnh bà mang tôi về tuổi thơ xứ mẹ. Hình như tôi khóc vì trong lòng tôi cũng mang hình ảnh những cỗ quan tài như trong giấc mộng của Tĩnh Tâm. Vì tôi mang nặng một nơi chốn đã đi vào tiềm thức tôi, một nơi chốn mà thân phận đàn bà là tiếng kêu rên xiết trong những tập tục và thành kiến văn hóa bóp kẹp con người, nơi chốn của một chiến tranh tức tưởi, và những hỗn loạn lịch sử vời vợi thương đau, đã gây nên sự phá sản, không phải chỉ vật chất, kinh tế, mà e còn lan sang địa hạt tinh thần.

Tôi tự hỏi có người phụ nữ Việt Nam nào nhạy cảm, là nạn nhân của xã hội chiến tranh đó, mà không mang trong lòng những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm? Tôi may mắn sinh ra trong một thời đại không phải gồng gánh, bưng xách như bà nội tôi, không phải cưới vợ hầu cho chồng như bà ngoại tôi, không phải là nạn nhân của tục tảo hôn, không phải tủi sầu vì không có con trai. Tôi may mắn không phải đi vớt xác con, đi nhận xác chồng, xác con trai như những người bất hạnh nơi quê hương đầy đau khổ.

Tôi tin vào thuyết tiềm thức tập thể của nhà tâm lý học Carl Jung. Cho nên tôi đứng đó, đối diện Nữ Thần Tự Do bên bờ biển Đại Tây Dương, là một người đàn bà di dân đến từ nước Việt Nam nhỏ bé, trước ngưỡng cửa thế kỷ hai mươi mốt, nhớ đến hương hồn của bà ngoại và nghe tiếng kêu khóc của những người đàn bà Việt Nam xấu số. Tôi đến Mỹ khi còn là đứa bé gái hăm hở trước cuộc đời. Cuộc di cư đã cho tôi lối thoát và cơ hội để áp dụng sự phân tích của Simone de Beauvoir vào đời sống của chính mình. Nhưng tôi vẫn nhỏ nước mắt, hướng về Tây phương và quay lại Đông phương, thường tự hỏi mỗi nơi sẽ đem lại những gì tích cực cho tính nhạy cảm và cái tiềm thức văn hóa trong tôi. Nước mắt tôi vẫn nhỏ, cho dù bề ngoài tôi cứng rắn, vì tôi đã nghe, đã chứng, đã xót xa trong lòng về những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm.■

* Truyện này tác giả viết bằng Anh ngữ, với tựa "The Coffins of Tĩnh Tâm," tụ chuyển Việt ngữ.

NGƯỜI BẠN BÊN KIA BỜ ĐẠI DƯƠNG

PHAN TẤN HẢI

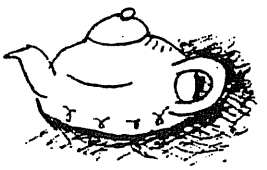

Tôi cầm thư Hòa, và thật chậm, rọc mép thư, đọc từng dòng chữ một. Nhiều năm rồi, tôi mới được thư anh. Hàng tem in ở góc với con số hơn tám ngàn đồng Việt Nam, tôi biết đây là một hy sinh lớn; anh không nhiều tiền. Anh thuộc loại người xông xáo làm đủ mọi chuyện để kiếm sống và nuôi gia đình, nhưng định mệnh thường phá vỡ mọi mưu tính của anh và cứ buộc anh ngồi nhà đọc sách.

"Trời đã định sẵn Hòa phải làm người trí thức thì phải thua thôi. Cứ bình tĩnh ngồi nhà đọc sách đi, may ra, tới một ngày học được phép chỉ sách hóa tiền thì được." Tôi thường nói vậy sau mỗi lần anh dẹp một việc làm nào đó.

"Vợ mình may đâu đủ sống. Rồi làm sao... Phải chi độc thân như Hưng."

Tôi biết anh không có khả năng sống được trong bất kỳ thế giới nào, vì anh quá ngây thơ, và vì không một xã hội nào, nhất là xã hội cộng sản, cần tới lòng trẻ dại đó.

Bì thư xanh xanh đỏ đỏ, giấy xơ cứng, loại này hình như chỉ còn một nơi duy nhất trên thế giới sản xuất. Giấy thư kiểu học trò, vàng màu tái sinh nhiều lần. Anh viết hỏi thăm tôi đủ chuyện. Tôi đoán cũng là hỏi cho có thôi, vì Hòa có thể biết qua các em tôi còn ở Sài Gòn. Thư chẳng văn chương gì hết, anh và tôi không thích viết kiểu văn chương. Cách nhiều năm rồi, một lần tôi gửi anh năm mươi đô la. Anh viết vài dòng cảm ơn, chỉ vài dòng thôi, và cuối thư dặn dò lúc nào có tiền cứ gửi thêm. Từ đó tới giờ, tôi lờ đi. Bởi vì tôi không mấy khi nhiều tiền, và khi có thì lại không biết giữ, kiểu này anh đã biết quá rõ.

Lần anh bỏ chỗ chợ Gò Vấp, dọn đồ nghề làm và sửa giày dép về chợ Tân Phú, tôi đã băn khoăn tự hỏi, không biết chỗ sau nữa của anh sẽ ở đâu. Dù vậy, tôi cũng ngồi hết một ngày để tiễn đưa, kiểu chúng tôi nói, khu chợ Gò Vấp, nơi anh gần một năm bày thùng đồ nghề sửa giày. Chỉ ngồi thôi, Hòa nói, ngồi nhìn cuộc đời chung quanh, trước mắt mình, chờ giao hết giày người ta đặt sửa, hôm nay lấy, rồi mai về nơi khác làm ăn, cũng vui rồi. Kiểu anh nói có khi hơi lắp, tôi ghi nhận, đi kèm với gọng kính dày trên mắt thế kia thì làm ăn cái gì. Ừ, thì cũng vui, tôi ậm ừ và kiếm chuyện tào lao để nói.

Chuyện tào lao của chúng tôi thì thật nhiều. Nói về nhóm nghiên cứu của chúng tôi năm xưa, về những ngày còn đi học, về sách vở, về những người bạn còn ngồi tù, về Thiền, về Công giáo thần bí, và đủ thứ chuyện. Tôi đoán là thư anh không nói về những chuyện đó. Không ai gửi thư qua Mỹ chỉ để nhắc lại những kỷ niệm, có lẽ chỉ trừ những tình nhân.

Dòng tái bút, anh cho biết cần tôi gửi các sách tiếng Anh hoặc Pháp về các khuynh hướng Công giáo thần bí để anh nghiên cứu viết lách — tôi còn nhớ, trước kia khi còn ở trường, anh làm luận án Cao học dưới sự bảo trợ của linh mục Nguyễn Khắc Dương. Tôi đoán là anh cũng muốn hỏi xin tiền nhưng ngại, và có lẽ anh hy vọng tôi hiểu ngầm được điều này.

Vậy là nghề làm giày của anh đi đời rồi. Không biết sau chỗ ngồi ở chợ Tân Phú có phải dời tới chỗ nào khác không. Tay anh vụng về thế kia thì khách nào chịu cho nổi. Còn lũ bạn có thương thì thỉnh thoảng mang vài đôi dép da tới nhờ anh vá hoặc dán lại thôi. Bây giờ lại nghiên cứu hay dịch thuật những thứ này thì làm sao sống được. Không rõ anh muốn vào nghề xuất bản, hay là viết cho Giáo Hội Công Giáo. Các nhà thờ có bao giờ chơi hào sảng với anh không, tôi cũng thắc mắc về điểm này lắm, vì kinh nghiệm sống chết với Phật giáo của tôi chỉ dạy cách sống bằng thiền định chứ không bằng cơm — kiểu mà tôi gọi là để chuẩn bị cho những ngày ngồi tù sắp tới. Vậy còn người vợ với năm đứa con, thu nhập với nghề may, biết có mở tiệm được chưa, không thấy anh nhắc trong thư.

Phải đưa thư này cho thằng Tường coi, tôi nghĩ vậy. Tường là bạn học cùng làm báo với Hòa và tôi từ ngày đi học. Dòng họ tên này làm lớn chức ở Vatican, có thể hắn cũng nhận được một thư tương tự. Và nếu vậy thì tôi cũng nhẹ phần trách nhiệm. Trước giờ tôi cũng gửi nhiều sách Phật giáo vào nước, có lẽ Hòa biết và đó là lý do anh muốn tôi tìm sách Công

giáo cho anh. Nhưng dính nhiều quá lại rắc rối, và không chắc gì những bản dịch của anh có thể phổ biến được.

Khi Hòa về ở Tân Phú, thỉnh thoảng tôi cũng ghé thăm. Ngôi nhà anh ở, nơi vợ anh đặt bàn máy may và một góc là nơi anh đặt bàn sửa giày, không đủ chỗ cho mấy đứa con đùa nghịch. Bất tiện nữa, lại không gần chợ. Vậy thì làm sao làm ăn, tôi hỏi ngay lần đầu tới đây thăm. Hòa dẹp những đôi giày cũ sang bên, phủi tay cho đám bụi đen rơi khắp người và đứng dậy kéo tôi ra quán cà phê bên kia đường. Vợ Hòa chỉ ngẩng đầu lên, mỉm cười chào tôi rồi lại cúi người xuống bàn máy, chân đạp liên tục những đường chỉ. Hòa đưa tay sửa gọng kính cho ngay ngắn, nói giọng lắp bắp, thì cũng phải làm ăn chứ, không thì chết.

Quán cà phê bên kia đường thật vắng. Buổi trưa nắng gay gắt. Chúng tôi ngồi chỉ là cho có chỗ nói chuyện. Lúc đó anh hỏi tôi về tình hình Phật giáo và dòng Thiền của Thầy tôi. Tôi kể là anh tôi vừa bị trục xuất khỏi chùa và đang lang thang tìm một trú xứ mới ở miền Đông. Tôi lại nói về ông Bồ Đề Đạt Ma, Lâm Tế và Sư Ông của tôi — những điều anh cứ tò mò. Và anh lại kể về dòng Tiểu Huynh Tiểu Muội của Công giáo thiết lập ở sa mạc thế nào — cũng là những điều tôi thích nghe. Tôi nói, phải chi đất nước bình yên, tụi mình kiếm sách vở đọc đầy đủ về mấy chuyện này nhỉ. Lúc bấy giờ, sách vở ở Sài Gòn không có gì để đọc. Chúng tôi chia sẻ cho nhau những kiến thức bằng trí nhớ giới hạn của chúng tôi. Anh hỏi về cuốn sách bí mật ở ngôi chùa Thầy tôi. Tôi nói, đi làm ruộng cũng ngất ngư rồi, thứ nữa ông Thầy bảo tôi cần ngưng đọc sách nhiều năm. Vậy thì chán chết, anh cười. Tiếng cười cũng lắp bắp như kiểu nói. Tôi bảo, sống thôi cũng đã rồi. Ừ, anh gật gù, cũng đã rồi. Mà phải sống cho thật đã, đó mới là Thiền, tôi giải thích thêm...

Nhà Tường ở Westminster, ngay giữa khu trung tâm của người Việt. Tôi bước lên lầu hai, đập đập cánh cửa căn chung cư của hắn. Tường mở cửa cho tôi vào. Đứa con hắn chỉa khẩu súng nhựa vào tôi, miệng bắn pằng pằng. Tôi đưa tay lên trời ra dáng đầu hàng, bắn nhẹ thôi, không chú lăn ra chết giờ. Đứa nhỏ vẫn chưa nói sõi, cười cười hạ mũi súng xuống.

Tường hỏi tôi có gì lạ không. Tôi bảo chẳng có gì, chỉ trừ thư của Hòa mới gửi sang, Tường đọc đi. Hắn hỏi tôi ăn cơm không. Tôi đáp không. Ba năm nay, hắn thất nghiệp và ăn bám vợ, nhưng cứ thấy mặt tôi là hỏi ăn cơm không, như dường tôi đói kinh niên. Tôi ngồi nhìn nắng ngoài cửa sổ và nghĩ tới những trưa nắng quê nhà, và tới Hòa.

Tường cầm thư Hòa trầm ngâm, sao vậy được, hắn là Hòa nó làm việc cho một tờ báo quốc doanh nào đấy. Tôi im lặng hồi lâu. Tôi cũng đoán được câu hỏi như vậy. Tường không biết là lòng tôi vui biết bao nhiêu khi thấy Hòa xin những cuốn sách như vậy. Còn hơn là xin những cuốn sách về kinh tế thị trường với quản trị tài chánh. Nhưng tôi đã cố ý tránh nghĩ tới việc Hòa đang làm cho một cơ quan nào đấy về xuất bản hoặc in ấn.

"Hòa xin sách đó. Tường kiếm được không? Mình không có tiền mua sách."

Mặt Tường quạu lại, cái sẹo trên mi mắt đỏ lên.

"Mình đoán được chỗ nó đang làm việc rồi."

"Tường thư qua Pháp hỏi anh Tường coi gửi các loại sách Công giáo cho hắn được không. Về Therèse de Lisieux, về dòng Tiểu Huynh Tiểu Muội, hay về Gabriel Marcel cũng được. Nói chung cái gì cũng được."

"Nhưng thời buổi này thì viết làm gì?"

Tôi biết Tường bị tổn thương nhiều. Hắn nghĩ là nhóm chúng tôi lúc nào cũng phải ngon lành, nghĩa là không bao giờ quỵ lụy nhà nước. Nhưng thư Hòa có nói gì đâu. Tôi cũng không thích ở nơi chốn bình an mà bàn về những nơi hung hiểm. Tôi cầm thư Hòa nhét vào túi, gấp vội vã.

Tường nói, không gửi gì hết, tuyệt nhiên không gửi gì hết. Tôi bảo, Tường không gửi thì rồi mình cũng sẽ gửi, nhưng sao lại quạu như vậy.

"Thằng Hiệp nó lang thang ngoài đường đâu cần làm gì đâu. Hiệp là chuyên gia về thần học Ky Tô, bao nhiêu ông cha gọi làm việc mà nhất định không làm."

Tôi không nói gì về chuyện đó nữa, hắn có quyền nói về bất cứ điều gì. Tôi hỏi Tường về chuyện ông anh hắn. Hắn lại hỏi tôi về vận động của Phật giáo. Chúng tôi nói dăm ba chuyện. Tôi ngáp rồi đứng dậy. Đứa con Tường lại chỉa súng nhựa vào tôi, miệng pằng pằng. Tôi lại đưa tay giả đầu hàng, bảo Tường là tôi lúc nào cũng sợ súng, thành phản xạ rồi. Khi tôi xuống đường, nắng rực rỡ và cháy bỏng. Tôi thọc tay vào túi để kiểm xem thư Hòa có nằm đó không. Lưỡi tôi tự nhiên có vị đắng.

Từ chợ Gò Vấp, nơi Hòa đặt bàn may vá giày dép, cách nhà anh cũng năm, bảy cây số. Có những chiều tôi ngồi bên anh cả ngày, đùa giỡn, chờ tới khi chiều xuống, anh dẹp hàng rồi cùng đạp xe về nhà anh ăn cơm. Tấm bạt che nắng được chăng vụng về bên lề đường. Tôi cứ bảo, chẳng ngay ngắn gì hết, cứ thụng thụng xuống làm phiền khách qua lại, làm sao người ta tin là những đường chỉ của Hòa có thể thẳng được. Trước mặt là ngôi chợ ồn ào, tường vôi cũ, kiến trúc thời Pháp. Cũng không dễ làm ăn vào lúc đó, cả nước đều đang đói rách, và chính quyền thì cứ nằm mơ tới thiên đường.

Nhà anh ở giữa một khu tràn ngập gái giang hồ. Tác phong trí thức của anh, đôi kính dày, nói lắp bắp thường là những điều khó hiểu, không có vẻ thích nghi chi ở vùng này. Anh được hàng xóm nể trọng nhờ vào nghề giáo trước 75 của anh, dạy Triết cho một trường Trung học ở tận Phan Thiết. Đôi khi tôi cũng đùa anh, cái xóm này có mùi gì lạ ha, lần đó giữa khi chúng tôi về nhà anh ăn cơm. Anh hỏi, mũi hích hích, mùi gì kìa. Tôi bảo, mùi của những cuộc làm tình chứ gì nữa. Hòa cười chịu đựng, rồi phải kiếm cách dọn đi, để con nít ở đây hư hết. Tôi biết tìm được một nơi ở khác cũng là một nan đề giữa thời buổi này. Tôi đã bảo, tôi ngại đi vào đây một mình vì cứ bị mấy cô níu áo hoài, mặt mũi tôi lại có

về nhà quê dễ dụ dỗ mới khổ.

Hôm trước khi tôi vượt biên, Hòa vào Chợ Lớn rủ tôi lang thang dạo phố. Chúng tôi đi bộ trên các phố Nguyễn Trãi, Tổng Đốc Phương, Đồng Khánh. Tôi vẫn thích gọi đường phố bằng các tên cũ. Giữa cảnh tiêu điều của thời sau các trận đánh tư sản, Chợ Lớn vẫn âm thầm, kiên nhẫn gượng dậy trong những cách riêng. Nhà tôi trên lầu hai của một quãng phố Đồng Khánh.

Khi qua trước sân Tinh Võ, nhìn những tiệm sách cũ của Tàu, tôi nói với Hòa là ước mơ của tôi thật đơn giản, khi về già tôi sẽ làm chủ một tiệm sách cũ để sống qua ngày. Còn gì nữa nhỉ, tôi cắn môi suy nghĩ thêm khi chợt thấy ý nghĩ đó có vẻ hơi khiêm tốn, ừa chủ yếu phải là đọc sách và tụng kinh, còn có tiền thì đi lang thang thế giới chẳng hạn. Ừ quên, tôi còn muốn sau này sẽ dịch toàn bộ các sách của Krishnamurti ra tiếng Việt. Hòa chẳng nói gì nhiều, chỉ trầm ngâm thỉnh thoảng cười. Hôm đó, sau khi đi tới mỏi nhừ chân, chúng tôi lại về lấy xe đạp đi thêm. Tôi theo Hòa tới tận một lò da và keo gần nghĩa địa Quảng Đông, để anh mua thêm mớ đồ nghề làm việc. Khi nhìn anh đứng lắp bắp mặc cả từng đồng một với tay Ba Tàu chủ lò, trong căn nhà tôn nóng đổ mồ hôi, về những tấm da cắt sẵn và các hũ keo vá giày, tôi nghĩ sau này mình sẽ gửi tiền về cho Hòa làm ăn đàng hoàng.

Nhiều năm sau, tôi vẫn chưa gửi được cho anh quá năm mươi đô la. Và bây giờ thì anh hỏi tôi những quyển sách nước ngoài viết về Ky Tô thần bí. Không biết rồi Hòa sẽ làm gì với những thứ này. Có bao giờ, như trước kia tôi từng nói với Hòa, anh cần phải học phép chỉ sách hóa tiền. Nhưng cả anh và tôi, dù biết giá trị đồng tiền, vẫn chưa bao giờ bỏ hết tâm lực vào việc này.

Còn phải kiếm cách gửi nữa chứ, tôi nghĩ, cứ theo đường Bưu điện nhiều phần là mất. Tôi nhìn lên tủ sách của tôi, cũng vài trăm cuốn nhưng không có quyển nào Hòa cần. Vậy là cuối tuần phải đi lùng sục ở những tiệm sách cũ. Có bao giờ Hòa đang nói chuyện với những thanh niên về đam mê của anh, tại sao Ky Tô thần bí chẳng hạn, cũng như một thời tôi đi khắp nơi để nói, nghe và tranh luận về Thiền.

Tôi suy nghĩ xem mình có thể nhờ thêm người bạn nào lo cho Hòa. Sau Tường thì tôi không thể nghĩ tới ai. Đã có những người bạn hiện không bao giờ đọc sách nữa, và cũng không bao giờ cần biết chuyện gì đang xảy ra ở quê nhà. Tôi hiểu Hòa, và tôi tin Hòa, mặc cho bây giờ anh đang làm gì và ở đâu. Nơi đó, ở quê nhà bên kia bờ đại dương, người ta đang lấn nhau từng dòng chữ một, và đang trấn áp nhau từng tư tưởng một. Nơi đó, Hòa đang cúi đầu trên những trang sách, hoặc đang viết lên những dòng chữ cẩn trọng cho tôn giáo của anh.

Ngoài trời, tiếng mưa bắt đầu đập vào cửa sổ và gió ào ạt xô vào phòng. Tôi đứng dậy, vặn lại kính cửa sổ. Gió hắt mạnh vào mặt tôi. Trên lưỡi, tôi vẫn còn thấy vị đắng buổi chiều chưa qua.■

BẢO HẠNH

ĐỘNG ĐẤT

Những quấn quít bên nhau giờ đã mất
Người ngồi đây nhớ lại những ngày xưa
Thầm mong đợi cho đến giờ động đất
Vũ trụ trôi về một thời ban sơ

Trần gian khởi nguyên hai người lớn lên
Họ được yêu nhau vào thời hoang dại
Hoa trái ngọt ngào khắp một trần gian
Chỉ riêng hai người trời cho sống lại

... rồi ngày hôm qua có cơn động đất
Gây trong lòng người vỡ vụn vô cùng
Người thấm hiểu khi dấu yêu đã mất
Ôi chỉ còn chấn động những nhớ nhung

NHỮNG NGÀY MÙA ĐÔNG Ở MONTREAL

THANH NGUYỄN

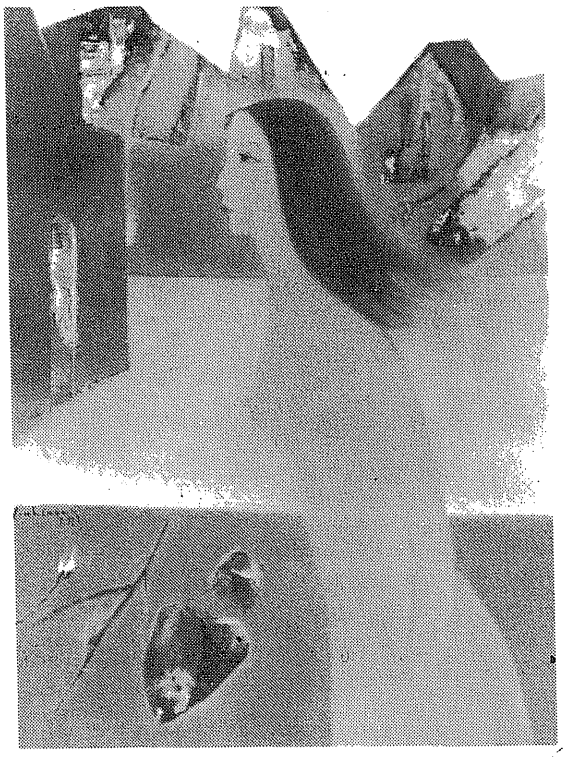

1

Trở về với gia đình, quay về với người thân hay ngoài đó ra là đi vì công việc thì không nói làm gì, nhưng còn đi Montreal trong vùng Québec của Canada vào những ngày đông giá thì là thế nào? Trong năm bảy lý do thì đối với tôi, một trong mấy lý do đó là để... tập làm văn! Có ai còn nhớ chuyện hài hước kể việc anh họa sĩ nọ mở cuộc triển lãm tranh, bức vẽ thuần một màu đen thui thì đề tựa là "Đêm"; bức vẽ thuần một màu trắng toát thì đề tựa là "Tuyết"; bức để trống trơn — chỉ có giấy vẽ — thì đề tựa là "Thợ săn, bắn hụt thỏ" mà khi có người bực mình cật vấn: "Thỏ đâu" thì họa sĩ trả lời: "Nó bị chết hụt rồi, không bỏ chạy thì còn luẩn quẩn ở đấy làm gì?", rồi: "Thế còn thợ săn đâu?" thì: "Vớ vẩn! bắn hụt rồi thì còn đứng đấy làm gì?"

Đi Montreal hay bất cứ nơi nào mùa đông có tuyết để tập làm văn thì đúng là thuận lợi trăm bề! Tả cảnh trời đất vào các mùa khác trong năm thì khó hơn: dưới ánh nắng đổi thay trong ngày, không tàn lá nào giống tàn lá nào, không khúc sông nào giống khúc sông nào, không sự kết hợp của cảnh sắc nào ngoài trời lại có thể giống cảnh sắc nào. Mà con người đi đứng vào các mùa xuân, thu, hạ cũng ăn mặc khác nhau, đi đứng khác nhau, vẻ mặt cùng ánh mắt khác nhau. Còn đàng này!...

Có ai ở xứ này từng để ý cảnh người ta trùm vải trắng lên tất cả bàn ghế kệ tủ... trong nhà để quét vôi lại nội thất hay để xông thuốc diệt trừ mối mọt dán bọ? Đấy! Cảnh sắc mùa đông ở Montreal hay bất cứ nơi nào khác có tuyết rơi vào mùa đông thì cũng hệt như thế! Con sông Sain Laurent tuyết phủ và đóng băng trắng xóa. Cây lớn cây bé chỉ còn trơ trụi cành. Nóc nhà nào cũng tuyết phủ trắng; hai bên đường phố: chỗ nào cũng tuyết ngập 30 phân. Người đi đường thì anh chị nào cũng quần áo dầy cộm; tay ai thì cũng đeo "găng" hoặc đút vào túi áo da hoặc quần; mồm nào thì cũng thở ra khói, và mắt nào thì cũng dán xuống đường để lần bước trên tuyết hay trên các quãng có đóng băng. Mà đây là nói về dân địa phương từng sinh sống ở đấy tự bao đời. Nói gì đến một người sinh trưởng từ một nơi "mưa nắng hai mùa" như tôi! Mà thói thường thì khi cái ngoại cảnh nó làm cho con người ta ngại ngùng thì mình chỉ còn cái ở bên trong mình để tìm cho ra nguồn sinh thú. (Tôi cho rằng người nào "cảm nhận" được cái "thú vị" của mùa đông 14 độ C dưới 0 độ thì dứt khoát là phải thuộc trường phái lãng mạn cực kỳ!).

2

Đầu đuôi của sự "đông du" đó nó là thế này. Đêm 30 tháng Chạp âm lịch ở Santa Cruz, Cali., khoảng 11 giờ thì tôi nghe điện thoại reo. Cầm cái "combiné" lên nghe thì đầu dây đàng kia là giọng của Phùng (Phùng là tên người con gái ở Montreal mà tôi quen). Nghe cô ấy chúc Tết thì tôi mới sực nhớ "ờ nhỉ! ngày mai là mùng Một Tết Quý Dậu"! 11 giờ đêm ở Cali tức 2 giờ sáng của ngày hôm sau ở Montreal và cũng tức là 1 giờ trưa ngày mùng Một Tết ở quê nhà! Khoảng cách và khoảng cách! Người Việt rời nước ra đi, sống ở quê người, "đón xuân mới" vào giữa mùa đông, vào ngày "mùng Một" mà giả dụ buổi họp mặt tân niên là vào lúc 3 giờ chiều ở Cali. hay 6 giờ tối ở Virginia thì tức là bên nhà thiên hạ đang lục đục chuẩn bị ăn Tết mùng hai! Đối với không ít người, ra đi đã là cả một sự lỡ-bước-thôi-đành thì còn nói gì đến một ngày vui truyền thống trong năm, khi Tết đến cũng chẳng hơn gì một sự thôi-thì-cũng-gọi-là-xuân! Tôi với Phùng vào cái đêm "30 âm lịch" ở

Cali., rạng sáng mùng "Một Tết" ở Montreal đó đã quanh quẩn qua đường dây điện thoại về mấu ý nghĩ vụn vặt ở trên. Rốt cuộc thì hai bên vẫn "chúc Tết" nhau và gác máy.

Sáng hôm sau, có duyên là mùng "Một Tết" trúng vào ngày thứ Bảy, tôi lái xe theo đường 17 bắt qua xa lộ 880 North lên San José để tìm mua tấm thiệp "mừng Xuân" của người Việt mình. Tôi đề tên và địa chỉ của Phùng bên Montreal, bên trong viết mấy câu thơ cho ra vẻ "Xuân" để gửi cho người. Buổi sáng lúc ra xe thì đã nhẩm sẵn mấy câu văn xuôi cho có "ý nghĩa" một chút để "chúc Tết" bạn mình, nhưng trên đường đi tự dưng thơ phú ở đâu nó lại nhập vào người — tôi chỉ có khả năng làm thơ thuộc loại nhất gừng và đột hứng như thế — nên lúc đặt bút lên thiệp thì bèn viết đơn giản:

"Xuân ở quê người vẫn vắng nhau

Chuông reo, hai đứa nói hai đầu:

Chúc em/anh năm mới vui, tươi, trẻ!"

Nghe tiếng nhưng người không thấy đâu!"

Tính Phùng xưa giờ vẫn sính chuyện văn chương. Cô ấy từng có phen làm báo chuyên nghiệp. Mà đời thì nó cũng đã dạy cho cô ấy biết phân biệt rạch ròi giữa cái giả và cái thật; cái giả và cái thật ở ngoài đời cũng như trong chốn chữ nghĩa; nên khi nhận được thiệp "chúc Tết" của tôi thì cô ấy nhận ra cái thật trong mấy câu thơ tôi viết; thật từ sự việc cho chí cái tâm của người viết ra chúng. Bởi thế mà Phùng bèn lấy làm một sự cảm động sâu sắc! Tôi đoán mò như thế, căn cứ vào sự thể là đúng ba ngày sau khi thư đi thì Phùng gọi điện thoại cho tôi, nói: "Bên em đang lạnh khoảng 14 độ C dưới 0 độ; em rất muốn qua Cali. tìm chút ánh nắng bên Anh nhưng công việc đang bề bộn quá; hôm rày Anh đã xin nghỉ "vacation" bận nào chưa? Anh có dám qua với em vào mùa này hay không? Em sẽ "book" sẵn vé máy bay cho Anh".

Tôi cũng chẳng rảnh rỗi gì hơn Phùng, nhưng được cái là ở Công ty tôi làm việc mà vắng tôi độ dăm ba ngày thì Công ty không đến nỗi phá sản, nhưng còn Phùng vì là người chỉ huy và điều động cái Công ty cô ấy góp vốn làm chủ nên sự thể có khác đi nhiều.

Chuyến phản lực từ Cali. qua phi trường O'Hare ở Chicago khởi hành từ sân bay quốc tế San José vào lúc 6g35 sáng vào một ngày thứ Sáu. Để nghỉ nhằm ngày thứ Sáu cuối tuần, tôi đã cáo bệnh. Số ngày nghỉ phép thường niên thì vẫn còn nguyên đấy; nhưng phiền một nỗi là nếu xin nghỉ dù một ngày tính vào sổ ngày phép trong năm đi nữa thì cũng phải báo trước người ta dăm ba bữa để họ còn bố trí sắp xếp một số mặt. Bởi thế, nhanh gọn nhất là cáo ốm!

Về mặt này thì tưởng cũng có điều cần nói. Cha ông mình khi xưa làm nghề nông hay nghề thủ công thế nào thì không biết, nhưng làm việc theo cái kiểu công nghiệp hiện đại của Mỹ — hay của Nhật rồi Tây Âu gì đi nữa — thì khó mà bảo rằng thân xác con người ta — gồm cả phần xác lẫn phần tâm trí — lúc nào cũng đã hẳn là lành lặn! Bởi thế, không nghĩ đến thì thôi, chứ còn một khi đã nghĩ đến chữ "bệnh" là chả mấy chốc đã thấy ngay bao nhiêu cái mệt mỏi nó đè nặng lên cơ thể! Nhưng mặt khác thì quy định của Công ty đối với nhân viên xin nghỉ bất thần vì lý do ốm đau là đúng 8 giờ sáng của ngày làm việc phải đích thân gọi điện thoại vào báo là mình lâm bệnh đột biến trong ngày. Gọi trễ hơn là không hợp lệ. Còn gọi sớm hơn thì chưa có ai có mặt ở Công ty để xác nhận sự cáo bệnh của mình.

Tám giờ sáng, chiếc phản lực đang lơ lửng trên vùng trời Tiểu bang Wyoming thì tôi, cực chẳng đã, bèn phải sử dụng cái điện thoại công cộng loại "cellular" được trang bị trên phi cơ. Đầu dây đàng kia, giọng tay Thủ trưởng của tôi có vẻ ngạc nhiên rõ rệt: "Đêm qua hẳn cậu ăn chơi quá chứ gì? Trưa hôm qua trông cậu khỏe mạnh bình thường chứ đâu có triệu chứng gì ngặt nghèo đâu? À mà cái tiếng gì nghe rì rầm trong máy của cậu như thế?" Tôi giải thích: "A! Thợ làm vườn họ đang làm cây làm cối ở nhà bên cạnh!" Đầu dây dưới đất: "Đám đó dễ chừng phải sử dụng cả bulldozer! Tớ nghe cứ như là tiếng máy bay phản lực!" Phải nói là trên đời này người có tai nhưng không biết nghe đã không ít, thì ngược lại những kẻ có lỗ tai tinh tế cũng không phải là hiếm! Phúc đức cho tôi là vừa gác máy thì giọng của Trưởng Phi Hành Đoàn vang khắp toa tàu: "Ladies and Gentlemen, this is Flight Captain Henderson speaking to you. We are now flying over part of Wyoming..."... Cũng nhờ đấy mà tôi biết là lúc gọi về sở thì tôi đang lơ lửng trên vùng trời Wyoming. Nghe phi công nói thế thì tôi cũng ghé mắt qua cửa sổ máy bay nhìn xuống để coi xem Wyoming nó ra thế nào; nhưng rồi cũng không có thêm ý niệm gì khác ngoài việc như đã được thông báo; vả lại từ khi ra khỏi địa giới của Cali. để bay về phía Đông Bắc rồi từ trên cao nhìn xuống, thì nếu không là cái trắng của mây trên không, cũng lại rặt một màu trắng xám mênh mông của giá băng dưới đất.

3

Máy bay hạ cánh xuống phi trường O'Hare ở Chicago vào lúc xế trưa, giờ địa phương. Tuyết phủ trắng thành phố. Mặt hồ Michigan đóng băng. Dừng chân ở phi trường một tiếng đồng hồ để chuyển máy bay.

Tôi gọi Phùng từ cái điện thoại công cộng ở phi cảng. "Giờ này em có đoán được là Anh đang ở đâu?" "Được chứ! Anh đang ở Chicago." "Giỏi! Nhưng ngộ nhỡ sáng nay Anh bận việc gì chưa đi được thì sao?" "Thì Anh đã báo em từ sáng sớm; vả lại em nghe tiếng người ta thông báo trên loa ở phi trường. Chả lẽ giờ này Anh còn ở phi trường San José?" "Giỏi! Nhưng đến đây rồi Anh mới sực nghĩ là từ Cali. khi nghe nói về cái lạnh thì Anh mới chỉ có ý niệm chung chung, chứ chưa cảm nhận được cái lạnh; mà giờ mới đến Chicago thôi cũng đã mường tượng ra cái lạnh ở Montreal rồi! Bởi thế Anh mới có ý nghĩ là khi em rủ Anh qua đây thì là với sự giả định là Anh sẽ mượn cớ thời tiết để thoái thác hay là rủ rê để đi hay không là

còn tùy nơi Anh?" "Đến giờ này Anh mới sực nghĩ như thế là muộn rồi đấy! Nhưng Anh hỏi thì em trả lời: bên này lạnh hơn Chicago cũng không bao nhiêu, nhưng cái chính là nếu Anh qua thì em sẽ không để cho anh lạnh!" "Em đã mua áo da và khăn quàng cổ cho Anh rồi hẳn?" "Ngu vừa thôi!" "Giờ nghe em nói thì Anh đã khôn trở lại rồi!" "Thế thì tốt!"

Hai giờ trưa, máy bay cất cánh, trực chỉ hướng Đông Bắc đi Montreal. Khả năng chiếc phản lực có thể chuyên chở cả hơn trăm người, nhưng dọc ngang toa tàu hầu như trống trơn. Chả trách mà các hãng máy bay từ hai mươi năm đổ lại đây cứ thay nhau rên xiết chuyện lỗ lã. Lúc cô chiêu đãi viên trên chuyến bay rót cho tôi tách cà phê tôi hỏi cô ta hai điều. Điều thứ nhất: cho khách uống cà phê mà cấm hút thuốc lá thì còn thú vị được đàng nào? và điều thứ hai: bộ chuyến bay nào dạo này cũng vắng ngơ vắng ngắt như thế hay sao? Trả lời câu thứ nhất, cô ta vui vẻ nói rằng bây giờ trên tất cả các chuyến bay của Mỹ, người ta đều cấm hút thuốc. Và trả lời câu thứ hai thì cô ta cũng lại vui vẻ nói rằng chuyến từ Montreal trở về vào ngày thứ Bảy hay Chủ Nhật thì thường là đông hơn.

So với chặng đường từ Cali. qua Chicago thì tôi thấy là chưa kịp suy nghĩ dài dòng gì thêm về cái khoản không được hút thuốc khi uống cà phê trên máy bay, mới loay hoay có một lúc trên không đã thấy chiếc phản lực sà xuống phi trường Dorval, cách trung tâm Montreal khoảng mười một cây số. Qua cửa "Immigration" của Canada trong phi trường, nhìn lên đồng hồ treo tường thấy đúng 5 giờ chiều, giờ địa phương. Rồi lại qua một cái hành lang không cửa, dài ngoẵng khoảng trăm thước, ra đến khu tiền sảnh, nơi thiên hạ đứng chờ đón thân nhân, tôi thấy Phùng đã đứng đấy, người tròn trịa như một con chim sẻ vào mùa đông dưới lớp áo vison màu nâu. Cô ấy nhìn đăm đăm vào toán người từ trong hành lang bước ra. Nhận ra tôi, cô ấy chạy vội đến; hai đứa ôm chầm lấy nhau; từ miệng của Phùng toát ra mùi son quen thuộc; từ hai bên má của Phùng toát ra mùi da thịt cũng thật quen thuộc. Sau đấy hai bên cũng đứng ngay ngắn lại, nhìn kỹ lại nhau như thể kiểm nhận xem mình có vừa ôm đúng người hay không!

Hành lý của tôi không có gì khác ngoài cái xách tay nên hai đứa liền ngay đấy bước ra dưới bầu trời chiều Montreal đang tối dần cùng với cơn mưa tuyết đang tiếp tục đổ xuống. Chiếc Honda Accord của Phùng đậu trong khu Parking cách đấy khoảng trăm thước. Xe lấm láp vì tuyết đã đóng băng ở đầu và đuôi xe, ở bên hông xe; không phải cái băng tuyết trắng trẻo sạch sẽ như người ở vùng có nắng ấm thường hay tưởng tượng, mà là thứ tuyết đường có trộn với muối bổi xám đen người ta cho xe rải khắp đường phố để tuyết khỏi đóng băng. Chừng như đã lâu lắm rồi, bây giờ tôi mới lại cảm thấy cái lạnh, cái lầy lội ướt át của tuyết đóng băng và tuyết tan trên đường như mới vừa hôm nào ở New Hampshire.

Xe vào thành phố. Trời đã bắt đầu tối hẳn. Khắp bốn bề chỉ có ba loại màu sắc căn bản: màu trắng của tuyết phủ lên khắp nơi; màu ánh đèn đô thị phát ra từ các ô cửa; và màu đèn đường — vàng vọt dọc theo các trục lộ, và xanh-vàng-đỏ ở các ngã ba ngã tư. Khung cầu Jacques Cartier vẫn sừng sững trên con sông Saint Laurent đóng băng trắng xóa. Và khói trắng vẫn cuồn cuộn bay lên từ các ống khói của nhà máy sản xuất rượu bia Molson như xưa giờ nó vẫn bay. Ở xứ này, tiếng gọi là có đủ bốn mùa nhưng kỳ thực

NGÔ NGUYÊN DŨNG

HOA, MÙA, TRĂNG

tôi rón rén giấu hoa vào trong áo
để những ngày trông đợi khỏi phai hương
đêm đi ngủ áo tôi cài lên móc
chỉ còn tôi và đối bóng trong gương

tôi khe khẽ ướm mùa vào trong ngực
những hôm mưa tim lạnh húng hắng ho
tay lơ đễnh quấn khăn quàng quanh cổ
chờ sương lên ra cửa ngóng quanh co

tôi len lén hái vầng trăng đem cất
để đêm chờ khuya nhớ mở ra coi
trăng thoi thóp nhạt màu thơ đánh mất
tôi thả trăng về lại với đỉnh trời

(Đức, 29-3-93)

cũng chỉ có hai nếu chỉ xét về mặt ấm lạnh. Ba bốn tháng chính thức là mùa đông, rồi giảm độ lạnh xuống một chút để cây cối có thể ra lá ra hoa khoảng già một tháng cho mùa xuân, tuy trời đất vẫn lạnh căm. Rồi mùa hạ đến, một thứ mùa hạ thường là mát mẻ để chuẩn bị cho mùa thu với sắc trời đổi thay trong ngày, với khóm cây tàn lá dần dà đổi màu trước khi rơi rụng. Khoảng giữa mùa thu trời lại bắt đầu trở lạnh để mọi người bắt đầu quen dần với cái giá băng khi đông đến. Cứ như thế và như thế mà xoay vần.

Là dân ở vùng ấm áp, tôi tỏ ý ngao ngán về cái sự co ro lạnh lẽo đó thì Phùng nói với tôi: "Bởi thế Anh phải biết thương những người bao năm sinh sống và làm việc ở đây như em." Tôi nói: "Em ở đây là bởi đàng nào thì cũng là tại em đã chọn nơi này. Còn anh thương em thì không vì em ở xứ lạnh; thương kiểu đó là thương cảm chứ không phải là thương yêu." Phùng quay qua nhìn tôi, nói: "Lại còn thế nữa!" Tôi nói: "Đúng thế!"

Rời phi trường Dorval để vào thành phố đúng giờ người ta tan sở vào dịp cuối tuần nên loay hoay cả tiếng đồng hồ mới về đến nhà Phùng ở khu ngoại ô Longeuil. Sáu giờ rưỡi tối mà toàn bộ khu phố nơi đây đã vắng tanh; chỉ có ánh đèn từ mỗi căn nhà phát ra mới cho thấy dấu hiệu của sự sống ở bên trong. Tôi theo Phùng bước lên những bực thang phủ tuyết trắng xóa trong đêm để bước lên nhà. Tuyết ngoài trời vẫn rơi dưới bầu trời sáng mờ do có trăng ở tuốt trên cao; ánh trăng thượng tuần sau những ngày ra Tết.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, tôi đã ngồi yên ổn ở chiếc ghế da trong cái "*den*" cạnh phòng khách, nơi có khung cửa kính rộng thênh thang nhìn ra khu vườn cây ở phía sau nhà. Tuyết trắng phủ đầy sân. Trên lớp tuyết trắng có thêm cái dìu dịu của ánh trăng non. Phùng rót cho tôi ly Cointreau, trong có thả lát chanh. Tôi được phép châm điếu thuốc đầu tiên trong ngày; vừa thong thả hút vừa nhìn theo làn khói, tự hỏi không biết liệu rồi nó theo đâu mà thoát ra khỏi căn phòng kín đáo này.

Phùng thấy tôi trầm ngâm, hỏi tôi đang nghĩ gì; tôi nói là tôi thắc mắc không biết khói thuốc sẽ theo ngả nào mà ra khỏi phòng. Phùng cười: "Chắc là nó sẽ loãng dần từ phòng này qua phòng kia." Tôi nói: "Cũng may mà em không đến nỗi khó khăn với Anh cho lắm về cái khoản thuốc lá!" Phùng nói: "Em thấy là đàn ông các Anh gắn bó với cà phê thuốc lá nhiều khi còn khắng khít hơn cả với đàn bà con gái; Anh mà dứt được với khói thuốc thì e rằng Anh cũng chẳng còn mấy thiết tha với em." Tôi nói: "Lập luận kiểu gì lạ vậy?" Phùng đáp: "Theo kiểu giản lược nhưng vững vàng của phụ nữ!" Chúng tôi nhắc nhở đến những người bạn mà hai đứa cùng quen; nhắc đến những người thân trong gia đình của riêng mỗi người — kẻ còn ở bên nhà, kẻ đã ra sinh sống ở nước ngoài. Phùng kể cho tôi nghe một số việc liên quan đến chuyến trở về Việt Nam vừa mới rồi của cô; kể chuyện cô ra tắm biển ở Vũng Tàu, chuyện cô lên Dalat, rồi bay ra tuốt ngoài Hà Nội.

Nhìn tuyết trắng dưới ánh trăng mờ ở ngoài sân, hai đứa bất giác cùng nhắc lại những ngày hè năm rồi ở Malibu, ban ngày lái xe rong ruổi suốt một dọc từ Santa Monica đến Santa Barbara, ghé hết bãi biển này đến bờ cát khác; tối đến thì đi rảo ở con đường Third Street dành cho người đi bộ trong lòng thành phố Santa Monica. Khuya về khách sạn, nằm nghe nhạc dương cầm của Claydermann trong máy cassette loại xách tay. Kỷ niệm ấy bây giờ nhắc lại giữa đêm trắng lạnh căm và vắng lặng ở Montreal, sao thấy nó ngọt ngào và ấm cúng đến thế!

Câu chuyện cứ thế mà kéo dài qua bữa cơm tối nơi phòng ăn; một bữa cơm Việt Nam giản dị theo như tôi đã yêu cầu Phùng từ trước hôm đi. Cơm nước xong, tụi tôi chuyển qua cái phòng khách phụ, nơi có lò sưởi trong một góc. Phùng cho thêm củi vào lò sưởi trong khi tôi đi tắm gội và thay quần áo. Trở ra thì đã thấy Phùng trải lên tấm thảm trên sàn gỗ thêm một lớp chăn bông. Tôi thoải mái nằm duỗi chân trên đó sau một ngày đường chủ yếu là chỉ có ngồi. Đến phiên Phùng tắm gội xong cũng ra ngồi cạnh đấy sấy tóc. Cô ấy mặc trên người vỏn vẹn có mỗi cái áo choàng bằng loại bông vải mịn và mềm. Ở cái tuổi ba mươi tư, thân hình tròn trịa và cân đối của cô ấy hiện rõ từng nét dưới lớp vải mềm của áo. Sấy xong tóc, khô ráo thơm tho đâu đấy, cô ấy cho một lúc năm cái đĩa compact discs vào máy. Tiếng đàn dương cầm của Richard Claydermann lại bắt đầu thánh thót qua cặp loa nơi dàn máy. Lại tiếp tục rủ rỉ chuyện trò...

Khuya lắm, dễ chừng hai ba giờ sáng, một lúc chợt thức giấc tôi vẫn nghe rõ tiếng tí tách của củi lửa trong lò sưởi và tiếng dương cầm của Claydermann, volume thật nhỏ, ở cặp loa. Và bên cạnh là nhịp thở đều đặn của Phùng.

4

Sáng ra, tôi với Phùng cùng dậy muộn. Qua khung cửa kính, mặt trời đã lên cao trên mảng trời xanh có mây trắng chuyển động theo gió mùa đông. Hai đứa chạy xe ra phố, ghé đến cái tiệm phở Pasteur mà từ địa điểm đến cách bài trí tuyệt nhiên chả có tí gì giống những tiệm phở ở Cali. So với Sàigòn khi xưa thì lại càng khác lạ.

Tuyết ngập đến 50 phân dọc theo hai bên đường phố. Xe cào tuyết chạy dọc theo hai bên lề đường để dọn lối cho người bộ hành. Tôi với Phùng ngồi uống cà phê trong tiệm, vừa chuyện văn tươi tỉnh với nhau vừa nhìn trời, nhìn người, nhìn xe cộ qua lại ở bên ngoài cửa kính. Và rồi sau đấy là trọn một ngày rong ruổi dọc theo sông Saint Laurent về miệt Đông Bắc, mượn cảnh trí trên đường dài để làm phông cho đủ thứ chuyện trên đời mà chỉ có những người thực lòng ưa nhau mới thích nói dông dài với nhau.

Con sông đóng băng trắng xóa; băng dày đến độ có những chỗ thiên hạ chạy xe môtô Yamaha loại ba bánh đuổi nhau nhộn nhịp. Ba giờ chiều mà mặt trời đã muốn đi nghỉ. Nắng vàng của buổi chiều đông không đủ nhuộm vàng những rừng cây trụi lá nay

HỒ ĐẮC VŨ

THOÁNG NHỚ

Con suối nào, ngày trần gian ta mát
Đêm lung linh, một chút gió bên đời
Thuở xa ai -- buồn đất trời bội bạc
Giờ tạ ơn người -- cũng thoáng đầy vơi
Ta hoang thú, cười bôn ba hoạn nạn
Mắt ai sợi buồn, tóc cũng bâng khuâng
Lỡ chia trăm mảnh đời, bao lần bán
Một thuở tình qua, nằm nhớ rưng rưng.

chỉ còn cành khô một màu đen thẫm. Trời chiều mỗi lúc một xanh đậm, và mây chuyển vần trên không vừa trắng cái trắng của sắc mây, vừa ửng vàng cái vàng của nắng, vừa tím cái tím lạnh lùng, cô quạnh và trống trải của buổi chiều phương Bắc.

Hai đứa bỏ bữa ăn trưa và dừng lại ăn chiều ở một tiệm ăn bên sông. Chiều xuống, trời đất mỗi lúc một thêm lạnh, và hai đứa cũng muốn dừng chân ở một nơi tĩnh mịch, thanh vắng nào đấy để nhìn buổi chiều đang xuống ngoài trời. Quán ăn dựng ven sông. Có cả một cái cầu tàu dẫn ra sông mà dạo này bao nhiêu tàu bè loại du thuyền kiểu nhỏ đều bỏ neo, tụ lại với nhau ở đấy; cái nào cũng phủ tuyết trắng xóa. Quán ăn hẻo lánh nhưng thiên hạ vẫn chịu khó đi chơi xa, và vì một bên là sông còn một bên thì đàng nào cũng là trục lộ giao thông nên suốt ngày vẫn không thưa khách ghé quán.

Sáu giờ chiều lái xe trở về thành phố mới biết là đoạn đường ra đi từ sáng đến giờ là xa. Tiếc là cuộc đời của mỗi con người, vì không ai có thể trở lại được nên cứ có cái ấn tượng lệch lạc là nó ngắn, cho dù người ta đã sống năm bảy mươi năm. Cái câu vẫn thường được mọi người nói đến là "dường như đâu mới ngày hôm qua"! Giá tạo hóa cho người ta thực sự có thể sống lại bốn năm mươi năm của quãng đời dĩ vãng thì chắc chắn con đường sẽ dài hơn là người ta nghĩ. Và có khối cái không huy hoàng rạng rỡ hay dịu dàng êm ái như người ta tưởng. Chưa kể đến việc là có khi chính vì những cái không biết đang chờ đợi ở phía trước mới khiến mỗi con người cảm thấy là cuộc đời đáng sống; chứ còn quay về với những cái đã biết, đã thấy, đã cảm, đã nghĩ thì xác suất e rằng rất lớn là người ta sẽ cảm thấy mệt mỏi, thấy nhàm thấy chán, và chung cuộc ắt cũng sẽ thấy rằng sống trọn quãng đời năm bảy mươi năm rồi nghỉ ngơi vĩnh viễn cũng đã là vừa. Không biết có phải trên đường về tự dưng trực giác của tôi nó báo hiệu những gì sắp đến khiến tôi tình cờ nảy sinh cái ý như thế hay không. Chỉ biết là tối hôm đó, tôi nghe Phùng kể cho tôi mẩu chuyện riêng khiến tôi càng thêm vững tin rằng đúng là có những đoạn trong một kiếp người mà không ai muốn bao giờ nhớ về, hay trở lại...

5

Lúc đó đã khuya. Cũng như đêm trước, tôi với Phùng trải chăn trên thảm mà ngủ trong phòng khách phụ, cạnh lò sưởi. Đấy là phòng khách phụ vì sự thực thì cũng chả có mấy khi mà khách khứa bạn bè lại vãng vào đến đấy. Trước kia ở đấy có cái ghế sofa loại có thể kéo ra thành giường ngủ vừa cho hai người. Khi chuyển cái piano về thì hóa ra là chật chỗ. Lần đó tôi bàn với Phùng là nên chuyển ghế sofa vào garage, rồi khi nào có thích ngủ qua đêm, hay ngày, thay vì vào phòng ngủ — không thích bằng ngoài này — thì chỉ việc trải thêm cái chăn bông trên thảm là xong. Tôi với Phùng đang bàn về chương trình mươi ngày tới cô ấy có việc phải qua Cali. Câu chuyện dẫn dắt một hồi thế nào, sực đến đoạn này:

"Đến phi trường ở Los sẽ có người ở Văn Phòng chi nhánh ra đón em. Nhưng đến nơi thì em gọi phone cho Anh ngay; mà không chừng em sẽ gọi cho Anh từ trên máy bay; bởi xuống đến nơi còn lo đi lấy hành lý, rồi ra xe cho mau để còn kịp trước giờ thiên hạ tan sở. Con đường 405 đến cữ 4 giờ đổ đi là kẹt cứng. Tối thì Anh chịu khó lái xe xuống nhà chị em; kỳ này em sẽ ở lại với vợ chồng anh chị ấy. Rồi mình đi ăn. Rồi mình ra Laguna Beach cho gần nhà."

"Có trăng đâu mà ra biển!"

"Có chứ! Hôm nay Anh ở đây thì trăng thượng tuần. Ngày em qua đấy sẽ là trăng hạ tuần, và lên muộn."

"Ừ! Cứ mỗi lần nhắc đến biển là chả hiểu sao Anh liên tưởng đến Vũng Tàu. Ngày đầu tiên Anh đặt chân đến Vũng Tàu là năm 1952, ngày Anh còn nhỏ. Vũng Tàu ngày ấy hoang vắng nhưng gần với thiên nhiên hơn, sạch sẽ hơn. Từ Bến Đình về đến Bãi Trước còn có cái màn đi xe ngựa loại dành cho khách du lịch chứ không phải loại thổ mộ. Từ đấy, nhớ về biển là Anh chỉ nhớ Vũng Tàu. Cái năm 1970 ghé bờ biển Biloxi Anh cứ ngồi trên bờ cát mà nhớ về Vũng Tàu. Năm 1972 ở Honolulu cũng thế. Chả có bờ biển nào trên thế gian này gần gũi với Anh bằng Vũng Tàu!"

"Kể cả Malibu, Carmel hay ở Santa Cruz nơi Anh làm việc?"

"Kể cả mấy nơi ấy!"

"Anh thuộc loại người mà mấy tay tâm lý học họ gọi là có "idée fixe"!

"Có thể là như thế; nhưng Anh chưa thấy người nào trên thế gian này làm nên cái trò trống gì nếu không có cái lối nhập tâm như thế!"

"Nói thế chứ em cũng tính làm việc thêm ít năm nữa, để dành tiền rồi về Việt Nam xây cho Ba Mợ em căn nhà ở Thủ Đức."

"Có chỗ cho Anh với em không?"

"Có chứ! Nếu như Anh không nhắm chỗ nào khác."

"Em đang nói về địa điểm hay đang nói về người?"

"Cả hai!"

"Vớ vẩn! Về người thì từ bao năm nay mình chả quanh quẩn với nhau mãi là gì?"

"Bao năm nay hả? Để em kể Anh nghe chuyện này! Dạo trước, mấy năm liền cứ mỗi lần trước khi em về là Ba em cẩn thận nhắc em nhớ mua về cho cụ một loại thuốc chữa ung thư. Đúng hơn là thuốc trì hoãn sự hoành hành của căn bệnh, chứ còn ung thư thì giờ này lấy đâu ra thuốc chữa. Em cứ nghĩ là Cụ muốn có thuốc để giúp đỡ Ông bạn nghèo nào đấy. Kỳ vừa rồi trước khi em về thì không thấy Cụ nhắc nhở gì. Em cẩn thận nhắc nhở trước khi đi thì Cụ nói qua điện thoại viễn liên là "Thôi, giờ thì Ba không cần thuốc đó nữa!" Bận rộn với việc riêng của mình nên em cũng không suy nghĩ gì thêm về việc ấy. Nhưng về đến nơi thì em thấy Bố em già đi nhiều, và trông Cụ có vẻ buồn bã lạ thường. Thỉnh thoảng em vẫn bắt gặp ánh mắt lơ đãng của Cụ nhìn như nhìn vào khoảng trống vu vơ nào đấy. Em để tâm tìm hiểu. Hóa ra..."

Phùng nói đến đấy im bặt. Đang nằm nghiêng quay mặt qua phía tôi, Phùng nằm ngửa người lại, mắt nhìn thẳng lên trần. Tôi để ý thấy trong ánh sáng duy nhất của căn phòng hắt ra từ lò sưởi có khúc thông đang cháy rộn rã có mấy giọt nước mắt chảy dài từ khóe mắt Phùng xuống đến má. Phùng cố gắng giữ cho giọng nói vẫn trầm tĩnh:

"Xưa giờ em cứ nghĩ rằng vợ chồng sống với nhau cho có nghĩa có tình thì Ba Mợ em là một trường hợp kiếm có. Lời ăn nết ở của hai người đã giúp đám anh chị em của em biết thương yêu và khăng khít với nhau. Em là con út nhưng chả hiểu sao Ba em lại cứ coi em là trưởng thành, chín chắn ngay từ ngày em chưa tròn hai mươi. Thế thì cái vụ vừa rồi, trong bấy nhiêu người con, Ba em lại chọn riêng em mà kể rõ sự tình. Cũng có thể tại Bố em thấy em để tâm quan sát Ông, rồi nét mặt cùng ánh mắt của em biểu hiện sự băn khoăn lo lắng. Một buổi trưa Cụ vào phòng em, rồi kể cho em hết mọi việc. Người cần đến món thuốc mà Cụ vẫn thường nhờ em đem về là người đàn bà quan hệ với Cụ từ trước khi Cụ lấy Mẹ em. Bố em lấy Mẹ em rồi thì người phụ nữ kia vẫn tiếp tục quan hệ với Ba em cho đến ngày Bà ta chết vì bệnh ung thư."

"Chả lẽ ngần ấy năm mà Mẹ em không biết gì hay tối thiểu cũng ngờ vực chồng mình điều gì?"

"Từ hồi nào đến giờ, cứ xem cái cách Anh cư xử với em thì làm sao em có thể ngờ vực Anh điều gì?"

6

Buổi chiều Chủ Nhật Phùng lái xe đưa tôi ra phi trường Dorval để trở về Chicago trước khi chuyến máy bay về San José thì trời đổ xuống cơn bão tuyết. Quanh những chiếc phản lực đậu ngoài phi đạo, có những chiếc xe đặc biệt chứa nước nóng để từ đó người ta cầm vòi tưới lên hai bên trên cánh phi cơ cho tránh đóng băng. Dọc theo đường bay, lại một đám xe đặc chuyên khác thay nhau đi cào tuyết. Phùng ngồi thu mình bên cạnh tôi nơi cái ghế đôi trong cafeteria ở lầu ba của phi cảng. Ngoài trời mưa tuyết bay lả tả; tầm mắt không còn trông thấy gì ngoài năm mươi năm trước. Phùng tựa cằm lên vai tôi, vừa cười vừa nói:

"Anh sắp vắng em, Anh có buồn không, hay trong bụng lại reo hò là 'sắp thoát khỏi tay con bé rồi'?"

Tôi biết là trong cách nhìn người và nhìn đời của Phùng đã khác đi nhiều rồi sau chuyến về Sàigòn vừa qua. Chia tay nhau ở gần lối đi vào khu "Immigration," Phùng ôm ghì lấy tôi thật chặt. Cô ấy áp sát miệng bên tai tôi, nói vội vàng:

"Nãy em nói đùa, Anh đừng giận nhá! Về đến nơi nhớ gọi phone ngay cho em nhá! Suốt dọc đường đừng quên nhớ đến em nhá!"

Giá như trong tiểu thuyết thì lúc đó tôi đã hủy bỏ chuyến bay để ở lại với Phùng thêm ít ngày. Trong nỗi buồn của Phùng kỳ này không đơn giản chỉ còn cái buồn của sự hai đứa tạm phải xa nhau; và tôi biết là trong căn nhà ngoại ô nơi thành phố đang mùa băng giá đó, đêm nay về thì Phùng có lẽ cũng chỉ mong cho sớm ngày mai chóng đến để bù đầu vào công việc hàng ngày. Nhưng đây là cuộc sống thực, với những cảnh đời thực. Máy bay cất cánh, từ trên cao tôi nhìn xuống dòng xe lầm lũi trên xa lộ ở phía dưới. Tôi để tâm nhìn xem liệu có hú họa mà bắt gặp một vệt màu Bordeau là chiếc xe Honda Accord quen thuộc hay không. Nhưng mưa tuyết lất phất phút chốc đã che khuất tầm nhìn. Tiếng phản lực không lấp đi được cái lặng lẽ mênh mông của mùa đông đang phủ kín khung trời Montreal.■

HOÀNG HÔN CỦA DĨ VÃNG

ĐINH PHỤNG TIẾN

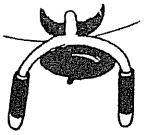

Anh Năm bảo tôi, "ông hãy nên coi như chỉ mất có một lần". Tôi cám ơn lời khuyên ấy, nhưng không hiểu sao, mỗi lần nhìn lại chân trời của dĩ vãng, tôi không thể nào thoát ra khỏi một buổi hoàng hôn mà mặt trời bê bết máu ở thinh không.

Buổi chiều hôm ấy, tôi đã nhét vội vàng vài bộ quần áo cũ, một ít cà phê, thuốc lá Bastoz xanh, ít muối mè... để lên đường. Lúc ấy Du đang ngồi trong góc nhà mà ôm con búp bê tóc đỏ, bên ngoài phố xá lao xao. Trong thoáng ấy, tôi thương nó trong một tình thương chất ngất, chỉ muốn bỏ chạy đi ngay để khỏi phải nhìn thấy nó.

Đó là đứa con gái đầu lòng và duy nhất của tôi. Ngày đầu tiên vào trường Régina Mundi nó không khóc. Tôi đưa đón nó mỗi ngày trong chiếc xe nhỏ, và nó hát nghêu ngao. Tiếng hát vụng dại ấy có khi đã át cả tiếng đại bác nổ xa, có khi đã làm mờ đi những hàng tít lớn trên các trang báo, và mặt trận thoắt bình yên. Để người lính trở lại quê nhà, nơi có vườn dâu xanh và mẹ già còm cõi. Nguồn an ủi duy nhất trong những ngày chinh chiến là tiếng hát trẻ thơ. Tiếng hát ấy về sau đã theo tôi trên khắp cả mọi nẻo đường. Những đêm dừng quân ở một đỉnh đồi. Những ngày lội qua những dòng suối trong ngập nước. Cơm sấy, xì dầu và tiếng hát trẻ thơ làm cho tôi quên đi hết những mệt mỏi, ưu phiền. Là những khung trời dĩ vãng trong những buổi hoàng hôn rực đỏ.

Con Du thấy tôi hấp tấp nhét hành lý vô túi xách, nó vội chạy lại và hỏi "bố... bố đi trực hả?" Tôi đáp "ừ." Lúc ấy, hình như nó biết tôi không vui, nên cứ quanh quẩn mãi bên tôi:

"Bố có mang mùng mền theo không?"

"Có."

"Sao bố đem cả cà phê, thuốc lá?"

"Ừ."

"Sao bố lại đem cả tăm xỉa răng?"

"Ừ."

"Sao bố đem muối mè?"

"Ừ."

"Sao bố ừ. Cái gì bố cũng ừ?"

"Ừ."

"Bộ không có đồ ăn sao mà bố phải đem theo?"

"Ừ."

"Bố đi trực vậy hả... sao bố không đưa con đi học?"

"Trường nghỉ. Thôi, đi chỗ khác chơi, đừng quấy rầy bố nữa."

Con bé không dám cãi nữa, và nó trở ra góc nhà với con búp bê tóc đỏ. Những chiếc xe molotova gầm rú ở góc phố. Tôi đi. Đó là lần tôi tự ý nộp mình mà không biết mình đang lên núi sọ. Dãy phố dài đìu hiu, những căn nhà cửa đóng kín. Căn nhà tôi ở cũng đã đóng kín cửa lại rồi, ngay sau khi tôi bước ra. Ở đó đã nhốt lại tiếng cười của trẻ thơ, của con Du mới sáu tuổi đầu...

Tuổi thơ nào cũng có những giấc mơ lộng lẫy. Tôi sinh ra trong một làng hẻo lánh, ở vùng nước mặn. Đó là những tháng đầu tiên của thế chiến thứ hai bùng nổ. Những buổi trưa hè đi trên bờ đê, ngắm nhìn những chiếc phi cơ của quân đội đồng minh bắn phá những đồn binh Nhật ở xa, trong một không gian bao la, có hơi đất dính với trời. Ở đó, mơ ước có một ngày sẽ đi đến tận... chân trời góc biển... niềm mơ ước về một cuộc hành trình ấy, sau này đã cho tôi nhiều điều cay đắng.

Những hàng quán cũ đìu hiu, những hàng cây xơ xác, những khuôn mặt ngẩn ngơ và hè phố bẩn không người quét dọn. Tôi đi ngang chiếc phi cơ trực thăng rớt giữa lòng đường. Những mảnh sắt vụn nám đen cùng với vết máu lẫn trong đống giẻ rách còn trên hè phố. Bạn bè không thấy đâu. Người quen cũng chẳng thấy. Những người lính thua trận đâu rồi. Những người lính thắng trận ở đâu...

Tuổi thơ của tôi là những ngày tháng loạn ly, chạy trốn cùng khắp. Như những đứa trẻ ở châu Âu đã chạy trốn khi Hitler đòi một không gian sinh tồn. Và cái không gian sinh tồn ấy đã dồn ép cái không gian ở nơi khác...

Tôi là một người lính, tuân thủ mệnh lệnh tử thủ ở một cứ điểm đầu cầu. Nhiệm vụ của tôi đã hoàn tất cho đến khi không còn một ai ra lệnh cho tôi nữa, và cho đến khi tôi không còn nhận được bất cứ một sự yểm trợ nào. Nhiệm vụ của tôi đã xong. Và tôi

lên đường đi lên núi sọ, tiếp tục cuộc hành trình. Thành phố ngơ ngác và không gian bao la...

Tôi đã để lại sau lưng tất cả. Cả tiếng cười trẻ thơ từng có thời kỳ che lấp cả tiếng đạn bom.

Và, như một câu chuyện hoang đường. Mười năm sau, tôi lại trở về cái mái nhà xưa. Tôi đi giữa phố, giữa một lòng đường xa lạ. Không một bóng người quen, giữa một không gian bao la, trong một bầu không khí sợ hãi. Cuộc hành trình mệt nhọc, tôi đã qua đi một chặng. Căn nhà tôi đó, bây giờ không có tiếng cười.

Con Du đã trở thành một thiếu nữ. Một thiếu nữ đang nhìn tôi với đôi mắt xa lạ. "Bố, bố đây..." Tôi nói như thế với con tôi khi vừa bước chân vào nhà. Nhưng hình như nó đã không nhận ra tôi. Và thật sự nó không biết tôi là ai, nếu không có ai đó, nhắc: "Bố, bố đấy. Chào bố đi..." Và nó chào tôi như chào một người khách mới tới nhà lần đầu.

Chiều hôm ấy, tôi lại trở về trong lòng thành phố cũ, như một buổi chiều cách đó mười năm tôi đã ra đi. Hàng cây hai bên con đường cũ đã già thêm. Những dẫy nhà đã xuống cấp, tường vôi loang lổ, cửa đóng kín. Những khuôn mặt bơ phờ, những ánh mắt mệt mỏi nhìn tôi mà không thấy một nụ cười. Buổi chiều ấy hoàng hôn mầu mực đỏ. Dĩ vãng chợt trở về trong giữa bầu không gian của một buổi chiều đầy máu ở không trung. Thoắt tôi trở thành một kẻ xa lạ ngay trên những hè phố cũ. Tôi trở thành một kẻ tha hương ngay trên chính quê hương. Những người tôi bắt gặp với đôi mắt khô, bước chân vội vã... bè bạn tôi bây giờ ở đâu? Những người lính thua trận hôm nào bây giờ ở đâu? Những người lính thắng trận hôm nào bây giờ ở đâu? Khải hoàn môn cũng như một nấm mồ? Du đâu? Du đâu rồi?

Tôi gọi tên nó xa lạ như gọi lại tên mình. Con bé con ngày xưa không còn nữa. Những tiếng hát nghêu ngao, bây giờ đã chìm khuất trong một không gian phù thủy, trong một thời gian phù thủy. Mười năm. Ôi, mười năm đối với dòng sinh diệt có nghĩa gì đâu. Tôi chỉ biết rằng, tôi đã vĩnh

TRIỀU HOA ĐẠI

NĂM MƯƠI, Ừ THÌ NĂM MƯƠI

Gửi: Hoàng Xuân Sơn

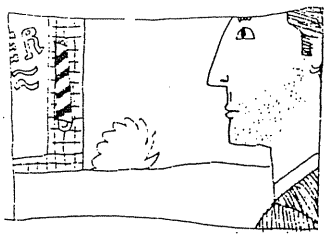

NGÀY NGHIÊNG

Ngày nghiêng chẳng thấy mặt trời đâu
đứng lặng, như nhiên hứng nỗi sầu
thôi bạn buồn chi râu tóc bạc
năm mươi, thì năm mươi qua mau

HOA CHAO

Sáng sớm ra vườn sương đọng hạt
Giơ tay chào, vẫy những bông hoa
hoa chao, lá rụng bay xào xạc
rụng cả trong ta nước mắt lìa

HỒN RUN

Lần lữa lòng ta như tuyết trắng
mảng rơi, mảng rớt biết về đâu
lấy chăn quấn chặt hồn run lạnh
có đủ hay chăng một khối sầu

BẠN NHẮC

Cám ơn bạn nhắc ta hôm trước
năm mươi, năm mươi chiều mưa bay
không mang áo của mùa xuân mặc
chỉ có thơ buồn, trong mắt ai.

VÕ ĐÌNH TUYẾT

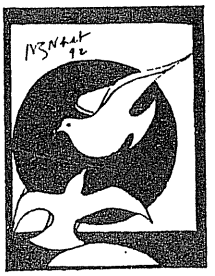

EM CÓ BAO GIỜ?

Em có bao giờ về thăm con sông?
Soi lại đời mình, tuổi đời mênh mông.
Em có bao giờ ngồi hong tóc ướt?
Gió thổi bay đi lá mộng đầy sân.

Em có bao giờ ngồi mơ nơi đâu?
Quay lại đời mình, tuổi đời hoang mang.
Em có bao giờ như mây buổi sáng?
Có bóng con chim đậu, hát, thiên đàng.

Em có bao giờ tìm xem trong tim?
Như một lần nào đời qua không quên.
Em có bao giờ đi trong kí ức?
Dưới bóng trăng xưa gợi nhớ êm đềm.

Em có bao giờ nhìn lại quê em?
Mảnh đất nghèo hoang, nhà cửa không người!
Em có bao giờ hỏi thăm biển vắng?
Loài người bỏ đi mộng vẫn không tươi.

Hatfield, PA 1993

viễn mất hẳn tiếng hát nghêu ngao ngày nào. Đứa bé ngày xưa đã lớn lên trong thời gian tôi vắng mặt. Tôi đã mất nó tợ hồ như tôi đã mất tuổi thơ trong những ngày tháng loạn ly. Tôi đã mất nó tợ hồ như tuổi trẻ của tôi đã chôn vùi trong những bức tường nhà giam tăm tối. Tôi gọi tên nó, nhưng tiếng vọng ấy lọt vào giữa thinh không. Tất cả đều bị xoáy vào một nơi tối tăm vô tận. Trong dòng xoáy ấy, con Du mất hút.

Tôi đã đi thêm một chặng đường nữa trong niềm cay đắng, trong nỗi buồn phiền. Cuộc sống bương chải mệt nhọc. Đêm đêm, có tiếng gõ cửa nhà ai đó, như réo gọi tên mình. Rồi boong tầu đầy phân và nước tiểu, ngột ngạt vì mồ hôi. Lại chuyến xe lửa di chuyển trong đêm, dừng lại ở những ga xép trên con đường quê hương. Tiếng kim khí va chạm. Những chiếc còng và những khẩu súng, những viên đạn đồng lạnh lẽo... Trời Lào Kay rét cắt da. Gió lộng lùa đỏ mũi. Những cây giang nặng nề vác trên vai để đổi lấy hai củ khoai lang và một thìa nước muối. Ngồi đập đá bên bờ sông bến Ngọc, tôi tự vuốt ve mình bằng hình bóng con Du. Du ơi. Du ơi. Tôi gọi tên nó và tiếng hát nghêu ngao của nó đã đi với tôi trong suốt chặng đường quá khứ. Bây giờ tôi đã mất thật rồi. Sự lo sợ rình rập quanh tôi, nó không thể chia sẻ. Nó đã lớn. Và theo dòng chảy của xã hội bên ngoài, nó càng trở nên xa lạ với tôi hơn. Đứa bé con ngày xưa không còn nữa.

Chiều hôm nay lên đồi Hồng. Có phải bạn bè tôi đang ở quanh quẩn đâu đây. Hỡi những người may mắn đã nằm xuống ở đỉnh đồi Hồng của quận Cam. Hỡi những bạn bè tôi, những người bất hạnh đã nằm xuống trên những đỉnh đồi chè của Lào Kay. Chiều hôm nay có ai lên tiếng.

Lại một buổi hoàng hôn của đầu mùa hạ. Bầu trời đỏ rực ở thinh không. Tôi đã tới quê hương của tự do, và chiều nay tôi lên đỉnh đồi Hồng. Tôi đã phải trả bằng một giá rất đắt để có thể tới được nơi này.

Những ngày đầu tiên, tôi gần gũi với Sophia, đứa cháu gái gọi tôi bằng cậu. Nó ra đi vào lúc nó chưa đầy hai tháng, hình như vào chiều 28 tháng Tư, cùng với anh chị tôi. Người anh rể của tôi là một quân nhân sáng suốt, một cấp lãnh đạo khôn ngoan. Cho nên khi thấy tình hình không ổn là anh ấy đã cùng gia đình dọt ngay. Mãi sau này, tôi mới hiểu được rằng cái "cú" leo được lên phi cơ C.130 chiều 28 tháng Tư ấy không phải đơn giản. Khi người anh rể của tôi và gia đình, tất nhiên trong đó có cháu Sophia, chuẩn bị kiếm một chỗ trên phi cơ thì tại dinh Độc Lập ông Dương Văn Minh đọc bài diễn văn đầu tiên rất ngắn kêu gọi hai bên ngừng chiến đấu. Lời kêu gọi ấy giống như tiếng kêu của một loài chim trong đêm. Và chính sách hòa giải giống như lời tuyên bố hòa cả làng của một con bạc thua cháy túi vào lúc nửa đêm về sáng. Ngay đêm ấy, gia đình người anh rể của tôi đã ra đi, trước khi ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng sáu mươi tiếng đồng hồ. Anh Tôn đã, ít nhất có một lần, tỏ ra khôn ngoan hơn Big Minh. Anh Tôn rất hãnh diện về điều này, cho nên khi gặp bất cứ ai, anh ấy đều giới thiệu tôi với mọi người rằng: ...

"đây là chú Nam, bị kẹt ở Việt Nam mới qua..." thì ra, điều ấy đã được khẳng định. Tôi chẳng may đã bị kẹt ở lại. Những người khôn ngoan, sáng suốt và may mắn đã ra đi.

Khi anh Tôn ra đi, tức là khi ông Dương Văn Minh công khai tung ra chính sách hòa giải thì tôi đang nằm "kẹt cứng" ở chân cầu xa lộ Biên Hòa cùng với tiểu đoàn của tôi. Tôi không hề nhận được lệnh trực tiếp, bởi vì thượng cấp của tôi, sau khi giao nhiệm vụ phòng thủ cho tôi, đã cùng với anh Tôn ra đi. Qua chiếc radio nhỏ, tôi có nghe vị Tổng Tư Lệnh kêu gọi hai bên ngừng chiến đấu. Tôi muốn thi hành lời yêu cầu đó, nhưng dường như súng đạn từ bên kia được tăng cường nhiều hơn như một thách đố, buộc tôi phải tự vệ cho đến viên đạn cuối cùng. Sau đó, chúng tôi nghỉ, không chiến đấu nữa không phải vì ông Dương Văn Minh đã đầu hàng mà vì chúng tôi không còn phương tiện gì để tiếp tục. Cuộc chơi đã hết. Những người lính của tôi, trong đó có cả tôi, trở về nhà. Súng ống bó lại như que củi. Quần áo lột ra như giẻ rách. Mũ giầy, phù hiệu bỏ trên đường như đồ chơi trẻ con. Cuộc chiến trên một phần tư thế kỷ kết thúc như vậy sao... Tôi nhìn những người bạn tôi, những chiến hữu bây giờ với quần đùi, áo thung, chân đất. Lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu rằng tôi phải khóc và vì sao tôi khóc. Quanh đó, ở một nơi đất trống, rải rác những nấm mồ đồng đội mà chúng tôi vừa vội vàng chôn cất hôm qua. Những nấm mồ tử sĩ của quê hương ngày hôm qua, hôm nay còn gì nữa.

Gần hai mươi năm sau, tôi gặp lại anh Tôn. Cháu Sophia đón tôi. Cháu nói tiếng Việt không rành lắm nhưng giọng rất dễ thương. Chúng tôi thường gặp nhau và đi chơi với nhau. Nhưng những ngày vui ấy không lâu vì cháu tử nạn. Tôi nhìn thấy mặt cháu lần cuối cùng ở bệnh viện. Người ta nói lại rằng, chiếc xe cháu lái đã bị bẹp dúm như tờ giấy vò nhầu nát trong tay.

Tôi nhớ Sophia, vì hình như gặp Sophia tôi cảm thấy thoải mái hơn. Có lẽ vì Sophia đã không gợi lại một quá khứ nào như giữa tôi và anh Tôn.

Sau khi chôn cất nó, đã hai lần tôi vào thăm đứa cháu nhỏ trong nghĩa trang. Tôi nhớ từng chặng đường tôi đã đi. Từ đường Brookhurst ra hướng biển, quẹo phải đường Hazard gặp Beach, gần tới Bolsa, bên tay phải là nơi Sophia yên nghỉ. Ở đó, cỏ non và hoa say sưa với gió. Có nhiều con đường tôi rất quen. Từ Hà Nội lên miền trung du, qua bến Đoan Hùng, vượt qua sông Hồng tới bến Ngọc. Đường vào K1... K5... những vết chân trâu để lại lồi lõm. Và những con đường tôi rất quen. Đường đi Cái Tắc, Tầm Vu... đường đi Ban Mê Thuột, Kontum, Pleiku... những viên đạn đồng réo gọi, những tiếng sáo diều vu vơ của những buổi chiều. Những củ khoai mì nướng cháy và những hạt muối cất lén lút trong túi vải. Những cây giang vác trên vai, vượt qua những ngọn đồi thất thểu thân hình ma đói. Những chiếc còng lạnh ngắt hằn trên cổ tay những năm tháng tù đầy... Sophia mất đi, bỗng đào ra giữa tôi và anh Tôn một chiếc hố ngăn cách tưởng chừng rất xa lạ. Anh Tôn đã đi trước Big Minh một bước vào ngày 28 tháng Tư nhưng anh đã đi sau Big Minh nhiều bước khác, khi đến bây giờ lại có lời hòa giải vô điều kiện được tung ra. Chính sách hòa giải lại được nhắc tới lần này như tiếng reo hò hòa cả làng của những con bạc đã vét sạch tiền trên chiếu bạc của một cuộc chơi nửa đêm về sáng.

Tôi vẫn quay cuồng trong dòng đời tấp nập. Tôi đã lạc lối vào xa lộ. Và cứ thế, bị kẹp vào giữa những đoàn xe.

Con Du đã lớn. Thật sự nó đã lớn và vuột ra khỏi tầm tay tôi. Nó thích nghi với cuộc sống nhanh hơn giấy thấm trên mực. Cùng ở trong căn nhà với tôi, nhưng sao xa lạ. Nó làm điều gì tôi không biết. Nó đi và về giờ nào trong ngày, trong đêm tôi cũng không biết. Vì nó không muốn cho tôi biết những việc nó làm nên tôi nghĩ cũng không nên hỏi. Những suy nghĩ của nó hoàn toàn không giống tôi. Tôi có một quá khứ. Quá khứ cắt nghĩa nguồn cội của những ngày hôm nay. Nó không thể chia sẻ với tôi bất cứ điều gì. Tôi đã mất nó thêm một lần nữa. Đứa bé con vẫn nghêu ngao hát ngày xưa bây giờ ở đâu.

Tôi bị kẹp vào giữa hai dòng xe trên xa lộ, chưa tìm thấy lối ra. Và chiều nay tôi có mặt trên đỉnh đồi Hồng. Những thảm cỏ xanh và những bông hồng nở muộn. Những người đã nằm xuống dưới hương thơm. Những người đang ngủ say dưới một bầu trời quang đãng, có những cánh chim bay về ngủ yên lười biếng. Tôi nhớ đến những đồi chè. Những đồi chè ở Lào Kay mà bạn bè tôi đã nằm ở đó. Tôi khiêng người đàn ông ấy trong một manh chiếu rách. Và một buổi chiều mùa đông rét cắt da, Long đã ra đi. Chúng tôi nhận cái xác của Long tại một lò vôi. Một viên đạn bắn từ hàm dưới trở lên gần đỉnh sọ. Một nửa người Long ngập dưới lò vôi đang tôi. Sức nóng sôi sục của lò vôi làm cho da tuột ra, hình thể biến dạng. Cái chết ấy, đến bây giờ đối với tôi vẫn còn là một điều bí ẩn. Tôi vẫn không hiểu người ta đã giết Long vì lý do gì.

Tôi đã mất nhiều lần trong quá khứ. Tôi lại nhớ tới lời anh Năm đã bảo tôi: "... ông hãy nên coi như chỉ mất có một lần." Lời khuyên ấy dường như không giúp ích gì cho tôi, vì mỗi lần nhìn lại chân trời của dĩ vãng, tôi không thể thoát ra khỏi những buổi hoàng hôn mà mặt trời bê bết máu ở thinh không. Tôi đã mất con Du một lần và tôi đã mất thêm một lần nữa. Tôi đã mất anh Tôn, người anh em, người chỉ huy mà tôi hằng kính trọng, vào đêm 28 tháng Tư. Tôi lại mất anh khi cháu Sophia qua đời, và khi anh lại một lần nữa tỏ ra khôn ngoan đối với thời cuộc. Tôi đã mất Long một lần ở đồi chè, và tôi lại mất Long khi tôi ở trên đỉnh đồi Hồng. Với một niềm tiếc nuối là phải chi Long được nằm xuống ở đây. Tôi đã mất. Tôi đã mất những Du, những Tôn và những Long. Hay định mệnh đã muốn Long phải nằm xuống ở nơi đồi chè hoang vắng ấy, để làm chứng cho quê hương.

Chiều nay, một buổi chiều của dĩ vãng. Hoàng hôn rực đỏ ở thinh không. Những bông hoa nở muộn trên đồi Hồng.■

BỤI VÀ RÁC CỦA NGUYỄN XUÂN HOÀNG:

BI KỊCH CỦA TRẦN LÂM THĂNG LÀ NỖI ĐAU CỦA TẤT CẢ CHÚNG TA

TRẦN HỒNG CHÂU

Chẳng hiểu vì sao tôi lại mang theo *Bụi và Rác* trong mớ sách đọc bên bờ biển, vào một ngày nắng ấm khác thường của mùa thu Huntington Beach. Biển mênh mông, trời trong như pha lê. Sự khác biệt trong khung cảnh có tác động làm dịu bớt, hay ngược lại, thấm thía hơn, cái tù túng, chật hẹp, đầy ô nhiễm của *Bụi và Rác*?

Trần Lâm Thăng, vai chính cũng như đa số chúng ta, đã trải qua ba màn dâu biển, đối tượng của trường thiên Nguyễn Xuân Hoàng. Trước cuộc "đổi đời," Thăng là người đi trên mây (tập I). Sau 75, Thăng cũng với dáng dấp đó, chập choạng, mờ mờ nhân ảnh, di động trong bụi và rác Sàigòn.

Màn cuối, sau lần vượt biển, chưa được tác giả cho ra mắt. Trần Lâm Thăng sẽ ra thế nào ở tập III. Vẫn đi trên mây, lạc lõng, choáng váng vì miền đất lạ gây chấn động, vì hiện tượng *acculturation* (1), với những đảo lộn thường xuyên của hội nhập? Hay anh chàng sẽ bắt buộc phải hạ cánh xuống đất vì ảnh hưởng ngược chiều của một xã hội duy vật thực tiễn vào bậc nhất thế giới? Vì có thể Nguyễn Xuân Hoàng, với những đặc tính cần thiết của tổng thư ký nhật báo lớn (tỉnh táo, ngăn nắp, thực tế, óc tổ chức...), sẽ "nhập" nhiều hơn nữa vào con người Trần Lâm Thăng? Nói thế cũng là để phân định phần kỷ niệm sống thực và phần hư cấu trong tác phẩm. Đã đành "tôi là một người khác", đã đành tiểu thuyết gia có khả năng bước ra khỏi bản ngã để đem lại sinh khí cho những nhân vật khác mình, ngoài mình. Nhưng nhân vật, dù trốn chạy cách mấy, cũng vẫn là máu thịt của người sáng tạo, vẫn mang một dấu ấn khó phai mờ nào đó. Khoảng cách, nếu có, thì cũng chỉ là tương đối và giới hạn...

Trường thiên nhiều tập là thể thích hợp cho các tác giả muốn ôm trọn trong vòng tay cả một không gian và thời gian có kích thước lớn như thời đại chúng ta. Tùy kiến trúc tinh thần mỗi tác giả. Có người ưa phóng tầm mắt rộng ra ngoại giới để vẽ những bích họa lịch sử, xã hội lớn. Có người hướng nội, ưa phân tích những tâm ảnh hơn. Tôi nghĩ Nguyễn Xuân Hoàng thuộc về loại thứ hai. Nhưng phân chia như vậy cũng chỉ để dễ nhận định thôi. Thực ra, khi sáng tác, cả hai phong cách đều hiện diện, đan xen. Đây chỉ là vấn đề liều lượng thôi. Và theo hướng nào, khi viết, cũng có cái dễ lẫn cái khó. Không thể đưa ra một phê phán, mang tính cách đánh giá, về chọn lựa của mỗi tác giả. Chỉ còn cách là đi sâu vào tác phẩm, xem trong địa hạt, trong khuynh hướng riêng của mình, tác giả đã thể hiện được tới mức nào.

Bi kịch Trần Lâm Thăng là nỗi đau của tất cả chúng ta trong cuộc đổi đời đi xuống. Nhà tù nhỏ của cá nhân, nhà tù lớn của toàn dân trong bầu không khí ngột ngạt, với những con người cùng máu mủ đồng bào, nhưng tưởng như xa cách chúng ta hàng... ngàn năm ánh sáng!

Giữa cái hỗn loạn cùng cực, tranh sáng tranh tối, dầu sôi lửa bỏng của những năm sau 75 đó, Thăng sống như một con rối, một động vật không xương, thường trực buông xuôi, để thời cuộc xô đẩy: *Tôi cũng không biết mình phải làm sao... Tôi trả lời như một cái máy... Tôi cứ để cho mọi việc lấp lửng, không quyết định gì cả...*

Từ tâm trạng vật vờ không định hướng, luôn luôn thụ động, nhẫn nhục, thiếu khả năng hành động có suy nghĩ, Thăng đi đến những nhận định hoàn toàn tiêu cực về bản thân: *Có thể tôi là một người hèn nhát... Tôi thấy mình luôn luôn sai trong mọi quyết định... Con heo còn có thể đem bán, chớ như mình giá không đáng một xu... Tôi là cái thá gì chứ!* Mặc cảm bất lực trong cuộc sống, mặc cảm của kẻ thất bại, lỡ thời (*raté*), thường trực chiếm lĩnh tâm hồn Thăng, gây nên một nỗi chán chường bi đát, bao trùm gần như toàn bộ tác phẩm.

Cũng trong chiều hướng đó chúng ta hiểu rõ thái độ của Thăng khi "làm việc" với Công An, khi luôn luôn tự hỏi *Phải làm gì đây*, khi bị Tuấn, cách mạng 30, chỉ mặt sỉ vả, khi lặng lẽ vào ngồi tù, cắn răng chịu đựng mọi ngộ nhận. Ở nhân vật này có cái gì như một thiếu sót khả năng thể hiện hạnh phúc, một cái gì không đi đôi, không phù hợp, một cái gì dị ứng với hạnh phúc (2) (hạnh phúc hiểu theo nghĩa thông thường, dung tục, ít ra là của bà Phan chẳng hạn). Vì Thăng đã từ chối cái học bổng bên Mỹ, đã *trốn*

nhà tù này, tự trói tay chui vào nhà tù khác, đã luỵnh quỵnh, chậm chạp, do dự, để rút cục không đi thoát, trong những ngày cuối tháng tư 75, đã mất tự do và thầm lặng, nhẫn nhục chấp nhận mọi hình thức đàn áp...

Có một cái gì rã rời, tan loãng, làm ta nhớ lại hình ảnh và tác phong những nhân vật ít nhiều nhuốm màu hiện sinh một thuở nào (3). Hình ảnh những con rối (*pantius*) của Beckett, những cá nhân nhu nhược, mất hướng (*êtres veules*) của Sartre, những con người không hề biết quyết định dứt khoát trong cuộc sống vì "theo hướng nào cũng thế" (Camus). Hình ảnh loài nhuyễn thể, nhầy nhụa (*visqueux*), những con sứa nổi trôi theo nhịp sóng biển. Hình ảnh Trần Lâm Thăng, giáo sư Triết học, chơi vơi, vật vờ, mất hướng, sau 1975, với những vòng quay 180 độ, những trắng thành đen, đen thành trắng, những đổ vỡ, tang tóc, gây nội thương trầm trọng trong thể xác và tâm hồn...

Nỗi yếu hèn và tính cách nhuyễn thể của Trần Lâm Thăng có thể coi là khía cạnh bụi và rác của con người, tương ứng với không gian bụi và rác của Việt Nam, sau tháng Tư định mệnh. Tâm trạng cô đơn, khắc khoải, gắn liền với kiếp người, càng nổi bật hơn với không gian nhà tù nhỏ đầy bóng tối, khi con người chỉ còn là loài sói ác độc đối với đồng loại. Không gian ngột ngạt, hãi hùng, của Koestler trong *Le zéro et L'infini* Không gian *Đáy địa ngục*, không gian *Đại học máu* của nhiều thế hệ Việt Nam đã bị tước đoạt mất tuổi thanh xuân và những giấc mơ đẹp nhất. Bóng những hung thần cai ngục và công an chấp pháp. Bóng lũ tù nhân bị hạ xuống hàng súc vật: Tư Long, Thăng, Ba Trương Phi, Cha Minh. Có người như *đã chết vừa đội mồ đứng dậy*, có người đói thường trực, *đói như chưa bao giờ đói như thế*.

Ở những chương về nhà tù này tác giả đã cố gắng đi sâu vào tâm tư nhân vật trụ cột, đề cập tới nỗi khổ đau được coi như một chiều hướng cơ bản, một thuộc tính định nghĩa của kiếp người. Phải nhận là ở đây ông là một quan sát viên tinh tế, có nhiều nét khởi sắc.

Nhưng, giữa đêm đen dầy đặc bao phủ Trần Lâm Thăng, người gầy như bộ xương, bẩn thỉu, lam lũ, mất dại đi vì bóng tối nhà tù nhỏ, hay, sau này, đi lang thang, chơ vơ, lạc lõng trong nhà tù lớn, vẫn còn một vài vầng ánh sáng, một vài điểm tựa, một vài phù tiêu để bám víu trong cơn nguy biến, hầu làm dịu bớt cô đơn và tuyệt vọng. Cuối đường hầm vẫn còn chút ánh sáng. Trong màn đêm bỗng rực lên một dự phóng bình minh.

Đó là hy vọng được tự do, niềm lạc quan ủ ấp như đốm lửa không tắt giữa tro tàn. Như hy vọng, mặc dầu đượm buồn, của Verlaine khi thấy trời xanh và lá cây đong đưa ngoài cửa sổ nhà tù Petits Carmes, Thăng đã có những dự định tương lai nếu được phóng thích, đã mơ tưởng những ngày vui bên Quỳnh sau màn tái ngộ. Vào buổi sáng, có thăm nuôi, anh đã *đánh răng, rửa mặt thật kỹ*, vuốt sửa lại bộ quần áo nhầu với lời tâm niệm: *Tôi không bịnh... Tôi không bịnh...*, để mong gặp Quỳnh ở ngoài cửa, trong tư thế tốt nhất. Rồi, không thấy người thân, *nhưng tôi vẫn hy vọng*. Hy vọng đẹp như nụ cười trên môi một nữ tù nhân làm Thăng chợt hiểu rằng *đời không đến nỗi bi thảm như tôi tưởng*. Người đọc chắc khó mà quên được những đoạn Thăng, từ bóng tối, mơ và nhớ đến *Quỳnh và con tôi*. Quỳnh với chiếc răng khểnh, nét mặt thơ ngây, thân thể no tròn sau khi sanh nở, và nhất là mùi bồ kết thanh khiết tỏa ra từ mái tóc, *làm tôi nhớ mẹ tôi*.

Đó là những chi tiết giản đơn như cuộc sống, rất "người", rất thực mà tác giả đã nắm bắt được. Tình yêu thăng hoa mọi vật. Là đôi cánh thiên thần, là vầng sáng chiếu rọi vào đôi mắt mù lòa vì bóng tối nhà giam để người tù nương theo tìm ra lẽ sống. Tình yêu thăng hoa người tù lưu đầy Jivago bằng những bài thơ tuyệt vời riêng tặng Lara. Và Thăng cũng được tình yêu Quỳnh giải thoát khỏi những kiềm tỏa của bóng tối phi nhân.

Tình yêu đó, nới rộng ra, là tình người, giữa con người với con người. Tình người giữa Tư Long với Thăng, giữa cha Minh với Thăng, cùng chia nhau một chỗ nằm chật hẹp, bẩn thỉu nhất, cùng mặc chung quần áo, cùng tâm sự, cùng lo lắng, vui mừng và hy vọng với nhau.

Và sau đây có thể là cảm tưởng chung về nhân vật chính chăng? Màng lưới hiện sinh thời thượng cách đây vài thập niên *đã chụp xuống đầu Trần Lâm Thăng, nhưng chỉ nắm bắt được nửa người anh chàng thôi*. Vì Thăng, nhân vật không xương, vật vờ, mất hướng, vẫn còn đủ tỉnh táo để thoát thân, nhờ tin tưởng mãnh liệt vào ánh sáng cuối đường hầm mà điểm rực rỡ nhất là Quỳnh, đẹp như loài hoa đồng âm. Như vậy, Thăng với tính cách đa diện, phức tạp như cuộc đời, là một nhân vật tiểu thuyết có bề dầy, thực hơn, nhất là Việt Nam hơn (4).

Nguyễn Xuân Hoàng đã được đào tạo về triết học theo đường lối chính thống. Nhưng ông nhuần nhuyễn tự nhiên bình dị, và như thể cho ta cảm tưởng là con người "văn" và cuộc đời có lẽ gần gụi ông hơn các triết thuyết. Nên ông đã may mắn văn chương hóa được triết học hơn là triết học hóa văn chương. Trong chừng hạn nào, ông đã *thuần hóa được Triết học, con quái vật khả ái*. Ở đây chúng ta sẵn sàng "khuyên" một điểm son cho tác giả *Bụi và Rác*.

Ngoài Trần Lâm Thăng thì những nhân vật vệ tinh ra sao? Chúng ta chỉ được biết họ qua ánh mắt Thăng. Họ là hồi quang, là tiếng dội của người đi trên mây.

Chúng ta đã biết Quỳnh. Quỳnh đến với nhân vật chính, đơn độc, chân chất, là chính mình, và chỉ là chính mình, không vương chút gợn tiền tài như "con ông Lý" hay ngọn lửa say mê quyền lực như "con ông Phan." Quỳnh, niềm hy vọng bừng sáng trong những ngày tù tội, cái đích gần kề, nhưng đã trôi tuột mất, sau ngày được tha. Quỳnh là phần tích cực trong... chân dung Trần Lâm Thăng. Quỳnh, tuy "thấp thoáng bên mành," nhưng luôn luôn hiện diện, là một nửa, là tiềm thức và chiều sâu của người đi trên mây, là "vai phụ xuất sắc nhất" trong cuộn phim, là phần

xanh tốt trong cái cộng sinh tình yêu mong manh giữa thời ly loạn.

Hình như Nguyễn Xuân Hoàng sở trường về mô tả khung cảnh và nhân vật bình dân. Cảnh và người hợp như đóng khuôn với Trần Lâm Thăng, kẻ tự nhận mình là bụi rác và bụi rác là mình. Khu Mã Lạng với những căn nhà nhỏ hẹp, lộn xộn, hẻm ngõ ngang dọc, những hàng chè cháo, những anh Sáu sửa xe, thím Tư, cây đèn hột vịt, những nén nhang châm thuốc lá lẻ...

Không phải thứ tả chân thô sơ, "*populist*", với nét lòe loẹt, "xã hội," kiểu mặt trận bình dân của những tiểu thuyết luận đề, cứng nhắc và giả tạo. Cái nhìn của Nguyễn Xuân Hoàng có thi vị, tuy chưa đậm nét bằng Thạch Lam của phố huyện Cẩm Giàng, nhưng trực tiếp, dấn thân hơn, vì nó tự môi trường đó phát ra, không phải từ nơi xa và ở trên cao phóng tới. Nó thực, cân bằng, nói lên đúng mức lòng yêu đời và sức sống mãnh liệt của bình dân Việt Nam "nghèo nhưng không khốn khổ" (5), không yếm thế, tàn tạ, héo hon như bình dân Ấn Độ chẳng hạn. Rất đáng yêu là cái hồn nhiên phơi phới, cái lòng nhân, có hậu, của những vai rất phụ như Tám, người làm công của Thăng (*Cậu còn nhớ em không... Em bé dễ thương quá... Nó giống cô cách gì*) như vợ chồng ông Ngô (*Trời ơi sao cậu ra nông nỗi này... Cậu xanh quá đi... Chút cậu qua nhà ăn cơm...*).

Nét sống động đó cũng được thấy trong khuôn viên trường học miền Nam sau ngày đổi đời, trong đám hiệp sĩ bàn tròn của quán la de chợ Đũi, bạn bè của Trần Lâm Thăng, như Ký thi sĩ, Tâm thiền sư, Lộc Sorbonne..., những người có thực trong đời sống thực của Sàigòn những năm tháng bụi và rác...

Về phía những người đem bụi, rác tới, về phía nhân vật phản diện, chúng ta cũng có thể ghi nhận thái độ và bút pháp quen thuộc của tác giả. Không ồn ào la hét, nhưng *nỗi giận được ghìm lại, lan tỏa, thấm vào sâu*, và như thế đánh thức cảm quan của độc giả nhiều hơn, mạnh hơn.

Sáu Phận "đồng hồ", Nhị Hà cứng cỏi mất cả nữ tính, Tuấn 30 tháng Tư, lố bịch và hỗn xược... Nhất là Mười Tân. Mười Tân, tóc ngắn và bạc, tay run, mắt dần dật, thuốc lá dây chuyền, đúng là hình ảnh nhân vật thực ở ngoài đời, một Nga Hoàng không khoan nhượng của nền văn nghệ "Mặt Trận." Phải kể thêm vào đó những nhà ngục tối đen như khuôn mặt những hung thần chấp pháp những sợi giây trói "thúc ké," những buổi kiểm tra nửa đêm, tịch thu ban ngày, những giáo án, học tập, lý lịch, tự phê, những trắng đen hỗn loạn... Cả một trời bụi và rác mà đa số những người chạy thoát từ 75 có lẽ không ý thức nổi!

Tất cả được vẽ lại bằng một bút pháp chuyên nghiệp, kỹ thuật sắc bén, tiềm ẩn một niềm tự tin, mặc đầu bề ngoài có vẻ lỏng lẻo, buông lơi cho phù hợp với tác phong người đi trên mây. Tôi nghĩ Nguyễn Xuân Hoàng tuy không lộ ra ngoài, nhưng là một con người viết rất kỹ, luôn luôn tỉnh táo và làm chủ được ngòi bút cũng như tâm tư. Đây là một tác giả "cổ điển," hiểu theo nghĩa tốt đẹp của từ: *cổ điển chính là lãng mạn được kiểm chế. (6)*

Biến cố và sự kiện khá nhiều nhưng chính từ đấy xuất phát cái nhìn vào tâm hồn. Cái nhìn nhẹ nhàng, nhưng tinh tế, không làm ta mệt mỏi như cái nhìn nặng nề nội quan (*introspection*) của trường phái tiểu thuyết tâm lý thuần túy, mà cũng không hời hợt như trường hợp những người chỉ biết kể chuyện vì say mê chuyện. Liều lượng gia giảm đúng độ. Toàn bộ *Bụi và Rác* nằm trong nguồn cảm và bút pháp đó, một cách nhịp nhàng và nhất quán. Điểm son nữa cho Nguyễn Xuân Hoàng.

Đạt nhất là những chương về bóng tối nhà tù, về những xáo trộn, hoang mang, sau 75, về nhớ Quỳnh, nhớ con, về lang thang, vật vờ ngoài đường phố Sàigòn. Ngoại trừ hai chương cuối có vẻ hơi *mélo,* rối rắm (nhưng ngược lại ở đấy dù có những nỗ lực tìm tòi về kỹ thuật như sự đan xen, chồng chéo những không gian, thời gian và nhân vật, bên cạnh sự khai thác triệt để hình thức đối thoại...) Có thể tác giả viết vội ở cuối truyện để khép lại cánh cửa ngôi nhà Trần Lâm Thăng? Có thể vì sở trường tác giả là ở những đối tượng và hoàn cảnh khác?

Còn phải nói thêm gì nữa về văn phong người viết?

Nguyễn Xuân Hoàng đã đi vào thế giới truyện ngắn và tiểu thuyết rất sớm nên, như đã biết, về phương diện "làm," "dựng," "thể hiện" tác phẩm, ta thấy một cái gì khá nhuyễn, một tay nghề (*tour de main*) không chối cãi được. Khi ông khước từ "chàng" và "nàng," ít nhiều đã xói mòn sau thời Tự Lực Văn Đoàn, chúng ta có thể đồng ý với ông. "Tôi" và "cô ấy" là một công thức tạm chấp nhận được. Dĩ nhiên tác giả vẫn có thể dùng ngôi thứ ba (ông ta, hắn, gã, nó, anh, chị, cô v.v... hay tên nhân vật...), nhưng nói chung những từ thay thế này vẫn chưa ổn, vì đang còn ở thời kỳ thử thách (7). Ngược lại, ông đã chọn ngôi thứ nhất (tôi) và chấp nhận mọi mặt hay, dở của nó.

"Tôi" sẽ là cột sống, là trụ cái, nâng đỡ cả cốt truyện. Người kể chuyện quan sát mình và người, kể lại những biến cố đã xảy ra ở ngoại giới cũng như nội tâm..., còn gì tự nhiên và hợp lý bằng! Nhưng, chính vì thế mà điểm đứng và nhìn (*standpoint, viewpoint*) ít thay đổi. Ít có sự tham dự đa diện của tập đoàn ngôi thứ ba. Thiếu vắng cái nhìn khởi từ nhân vật này rồi chuyển sang nhân vật khác, với nhiều "thế" không giống nhau. Cái nhìn cho ta cảm tưởng là tác giả đã biến thành tạo hóa của một vũ trụ đa cực.

Ngược lại, Trần Lâm Thăng là cái nhìn trung tâm và duy nhất trong môi trường *Bụi và Rác*. Hạn hẹp, co cụm, thiếu sót, nhưng người viết, khi dùng ngôi thứ nhất, lại có ưu thế là đào sâu được tâm lý nhân vật chính, đi vào những gì có tính chất nhân bản hơn. Đi vào một cách tự nhiên, thoải mái hơn, trong khi phương pháp nội quan, áp dụng vào ngôi thứ ba, phương pháp cho phép tác giả cảm nghĩ *thay thế* nhiều kẻ khác, chắc chắn sẽ gây ấn tượng là giả tạo.

Lối kể chuyện tự sự, với "tôi," vai chính, được thể hiện theo hình thái truyền thống, đơn giản, "tự nhiên," theo một đường thời gian vạch dài, thẳng. Cái tuần tự, điều

hòa, trước sau, cái *linéarité* của truyện cổ tích và đa số tác phẩm cổ điển... (đã đành là ở trường hợp *Bụi và Rác* vẫn có những cảnh hồi tưởng, những *flashbacks* quen thuộc).

Toàn thể cốt truyện đều dựa lên nhãn quan người kể chuyện. Hình như đó là sự tìm về cái nhìn hồn nhiên, đơn sơ (đơn sơ hay đơn giản, nhưng nhất định không phải thô sơ), và gần gũi cuộc đời, của nghệ sĩ truyền thống Đông Phương, hay của các tiểu thuyết gia Tây Phương từ thế kỷ 18 trở về trước (thế kỷ 19 đã chứng kiến sự khai sinh tiểu thuyết hiện đại với những thành công và thất bại của loại thể này). Dĩ nhiên ở trường hợp những tác giả đã dầy kinh nghiệm (kể cả cha đẻ Trần Lâm Thăng) đó là một đơn giản tinh luyện, có ý thức, một đơn giản *không phải là khởi đầu, điểm đi, mà là cuối cùng, điểm đến*, sau một quá trình thanh lọc, với một kỷ luật tự giác ở nơi một người viết mà chúng ta biết cơ bản là siêng năng và cẩn trọng.

Các đơn giản trần trụi đó (*dépouillé*) ta cũng thấy ngay cả ở giọng, ở âm, và sắc độ câu văn. Cũng như đã thấy ở mức độ phân tích tâm lý. Bình dị, chừng mực, điều tiết gọn gàng, không bất cập, không thái quá, cốt đủ nắm được cái phức tạp của tâm lý nhân vật. Về phương diện này ta có cảm tưởng tác giả gần gũi Maupassant và Hemingway hơn là Proust hoặc H. James, gần như phối hợp nhịp nhàng giữa biến cố và âm hưởng tâm hồn, hơn là chìm đắm trong những trạm trổ, thêu thùa thuần chất tâm lý, thực là đẹp, nhưng cũng làm ta phải mệt mỏi theo dõi...

Cuối cùng, tôi nghĩ Nguyễn Xuân Hoàng với *Bụi và Rác*, đã lựa chọn mô tả những đảo lộn lớn lao của lịch sử hiện đại qua lăng kính tâm hồn một chứng nhân duy nhất, qua kinh nghiệm bản thân, thay vì lan tỏa ra ngoại giới với nhiều diễn viên phức tạp. Đi vào chiều sâu con người, nhấn mạnh những yếu tố nhân bản, do đó cũng tái tạo lịch sử từ một góc cạnh nhất định.

Với một cái nhìn khá sắc bén, với văn phong quen thuộc, xây dựng trên cái đơn giản tinh luyện đã dẫn, tác giả tương đối thành công, khi làm sống lại tâm tư xa rời thực tế, chán chường, lạc lõng, *nhưng không hẳn tuyệt vọng*, của một kiếp người trôi giạt, vật vờ giữa bụi và rác, giữa những đao động cuồng loạn của thời đại và quê hương chúng ta.■

GHI CHÚ:

(1) Hiện tượng tiếp xúc và thích nghi với một nền văn hóa khác.

(2) *Une certaine inaptitude au bonheur*, theo ngôn ngữ các tiểu thuyết gia Pháp hiện đại.

(3) Thực ra từ ngữ đó bao gồm nhiều khuynh hướng tư tưởng và cá tính khác nhau. Nó lại càng thêm nhiều biến thái khi được di chuyển từ địa hạt Triết sang phía văn nghệ. Về ba tác giả kể trên, riêng chỉ có Sartre nói tới chủ nghĩa hiện sinh. Còn Camus và Beckett, mặc dầu gần gũi dòng chủ lưu đó, vẫn giữ những khoảng cách cần thiết: người thì nói đến phi lý và nổi loạn, người thì nói đến hư vô và yếm thế trong cõi nhân sinh.

(4) *Việt Nam hơn*, vì bản chất dân tộc là *niềm yêu đời* nằm sâu kín trong tiềm thức, ít nhiều dị ứng với một số cảm nghĩ và hành động xa lạ, ngoại lai. Trong văn nghệ chúng ta mở rộng vòng tay vì ý thức rằng con người có những hằng số tương đối cố định, vượt thời và không gian, nhưng không vì thế mà quên những nét độc đáo, gắn liền với tọa độ xuất phát của chúng ta.

(5) Pauvre mais pas misérable.

(6) Định nghĩa này không hề coi thường yếu tố lãng mạn. Ngược lại, nó ý thức vai trò và tương quan biện chứng của hai cực âm, dương, vốn vẫn cùng là chất liệu tâm hồn. Từ "lãng mạn" thường khởi dậy những ý niệm tình cảm bồng bột, tuổi trẻ hăng say, và những ý niệm đổi thay, năng động, cách mạng. Có cái đẹp cổ điển và cái đẹp lãng mạn. Cổ điển là cái đẹp trầm lắng, gạn lọc, hài hòa như lý trí. Nó mang ít nhiều tính cách khuôn mẫu và gần như ở đoạn cuối của một quá trình. Lý tưởng có thể là thế cân bằng giữa những động lực tương phản bắt nguồn từ hai khuynh hướng kể trên.

(7) Thực ra chúng ta vẫn phải giải quyết vấn đề này, vì không thể ẩn náu mãi trong không gian chật chội của ngôi thứ nhất. Nhưng đại danh từ nào, trong ngôn ngữ văn chương Việt Nam, cũng chỉ có giá trị thời gian tương đối. Chúng ta thêm những từ vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, như *il, elle, he, she...*

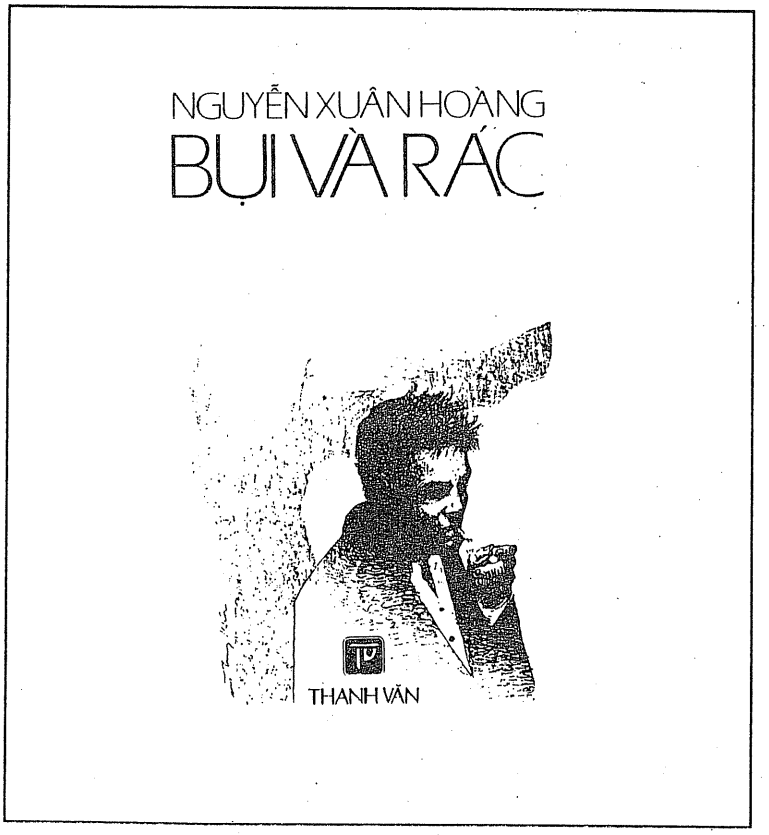

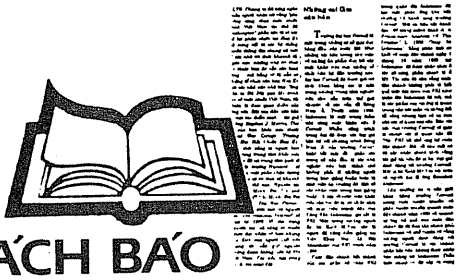

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH

SÁCH

THỜI ĐẠI MỚI, Nhận định của Trần Văn Kha, tác giả tự xuất bản. Sách dày trên 500 trang. Đề giá 16 MK.

Cuốn Thời Đại Mới chia làm bốn phần: I/ Vấn đề Cộng Sản; II/ Chuyện Chúng Mình; III/ Người Mới và IV/ Tài liệu.

Những bài viết của tác giả Trần Văn Kha luôn gây sôi nổi dư luận. Suy nghĩ của ông trẻ trung, cách viết của ông thu hút người đọc. Mặc dù ở tuổi 73, tác giả Trần Văn Kha tráng kiện và sắc bén trong nhận định.

Trần Văn Kha tốt nghiệp Võ Bị Liên Quân Dalat, khóa 5, Hoàng Diệu. Giải ngũ năm 1974, vì đáo hạn tuổi, với cấp bậc Đại Tá.

MỐI TÌNH ĐẦU, Truyện của Samuel Beckett, bản Việt ngữ của Hoàng Ngọc Biên. Nhà xuất bản Trình Bày. Sách dày 64 trang. Không ghi giá.

Một tác phẩm nghệ thuật. Một bản dịch tin cậy. Samuel Beckett, người Ái Nhĩ Lan, tác giả kịch phẩm nổi tiếng En Attendant Godot (1945), giải Nobel Văn Chương (1969), sống im lặng và không thích những cuộc bàn cãi văn chương.

THE STONE THAT GENERATES FIRE, Thơ của Tran Da Tu, bản dịch Anh ngữ của Cuong Nguyen. Sách dày khoảng 200 trang. Tác giả xuất bản. Không đề giá.

Trần Dạ Từ, tác giả Người Đi Qua Đời Tôi, là một thi sĩ và là một nhà báo nổi tiếng ở Việt Nam. Nguyễn Cường là một dịch giả tài năng.

TẤM MÁU ĐEN, Bút ký 1981-1991 của Võ Đại Tôn ghi lại "Đường về quê hương và 10 năm chiến đấu âm thầm, cô đơn trong ngục tù Cộng Sản Hà Nội." Sách dày 424 trang. Không đề giá.

Võ Đại Tôn, bút hiệu Hoàng Phong Linh, là sĩ quan cấp tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đã từng biệt phái ngoại ngạch sang nhiều công vụ dân chính tại miền Nam trước năm 1975.

Vượt biển đến định cư tại Úc Châu năm 1976 và đã trở về lại quê hương để tham gia kháng chiến phục quốc nhưng bị sa cơ tháng 10, 1981 tại biên giới Lào-Việt.

Vì cương quyết không đầu hàng Cộng Sản trong cuộc họp báo quốc tế ngày 13 tháng Bảy 1982 tại Hà Nội, ông đã bị CSVN biệt giam hơn 10 năm. Ông được tự do nhờ áp lực quốc tế, và trở lại Úc Châu ngày 11 tháng 12, 1991.

Hiện ông vẫn tiếp tục dấn thân phục vụ lý tưởng Tự Do Dân Chủ cho quốc gia VN.

TRONG CÕI, Trần Quốc Vượng, Trăm Hoa xuất bản. Sách dày 288 trang. Đề giá 15 MK.

Tuyển tập gồm 17 bài viết của một giáo sư sử học Hà Nội (12 bài viết trong nước và năm bài viết nước ngoài).

Nhà xuất bản Trăm Hoa trong Lời Bạt cho biết Trần Quốc Vượng là "một người thích đùa, một tay *mõ làng* của Hà Nội, nhưng vẫn mang một phong cách tiểu tư sản. Ông kể lại, một cách hóm hỉnh những mẩu chuyện hàng ngày của chính ông, những giai thoại văn hóa, chính trị của thời đại ông, dù đôi khi đến độ cay đắng. Nhưng chúng tôi (Trăm Hoa) vẫn thấy ông là một người biết nhiều, đi nhiều, đầy kiến thức văn hóa cũng như hiểu biết đời thường."

Liên lạc:
Nhà xuất bản Trăm Hoa
P.O. Box 4692
Garden Grove, CA 92642

THƠ QUANG DŨNG, Nhà xuất bản Hồng Lĩnh. Sách dày 180 trang. Đề giá 12 MK.

Tác phẩm là một sưu tập những bài thơ của Quang Dũng, từ Mây Đầu Ô do nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, ấn hành năm 1986, đến Tác Phẩm Chọn Lọc, nhà xuất bản Văn Học, Nhà xuất bản Trẻ, TPHCM, 1988; và...

Họa sĩ Đinh Cường trong bài Gặp nhà thơ Quang Dũng ở Saigon (in trong tập này 172-173) cho biết Quang Dũng là em của Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm, sĩ quan QLVNCH và là bạn thân của luật sư Lê Khải Trạch. Quang Dũng nổi tiếng với các bài thơ Tây Tiến, Đôi Mắt Người Sơn Tây, Đôi Bờ... Ông mất ngày 13 tháng 10, 1988 tại Hà Nội.

Trong tập thơ này, người ta thấy một bức ảnh đặc biệt Quang Dũng chụp với Thái Tuấn, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Đinh Cường và Trần Lê Nguyễn.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Hồng Lĩnh
9601 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-7223
Fax: (714) 531-1107

VIỆT NAM KHỦNG HOẢNG & LỐI RA, Nhận định của Nguyễn Kiến Giang. Nhà xuất bản Trăm Hoa, sách dày hơn 140 trang. Đề giá 8 MK. (Xem bài "Can đảm tự lột xác" của VHB, tr. 19)

KÝ ỨC CỦA NHÀ ĐẠO DIỄN, Roger Vadim. Người dịch Thúy Hà — Ngọc Lan — Thu Ngọc. Sách dày gần 500 trang. Đề giá 17 MK. Có bán tại nhiều nhà sách.

Đây là hồi ký của nhà đạo diễn Pháp lừng danh

về ba người đàn bà đẹp nhất trên màn ảnh lớn của thế giới: Brigitte Bardot, Catherine Deneuve, và Jane Fonda. Cả ba đều là vợ của Roger Vadim. Ông là nhà văn, nhà báo, diễn viên, đạo diễn điện ảnh Pháp.

Roger Vadim đã gặp những phụ nữ xinh đẹp này như thế nào, yêu nhau, lấy nhau và chia tay nhau ra sao? Tất cả những điều đó đã được Roger Vadim — người chồng — kể lại trong Ký Ức Của Nhà Đạo Diễn.

Phần cuối cuốn sách là những hình ảnh đẹp.

TIẾNG GỌI NGÀN, Tuyển tập truyện ngắn chọn lọc của 14 tác giả trong nước, gồm nhiều thế hệ nhà văn như Tô Hoài, Bùi Hiển, Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Khải, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Minh Châu, Lưu Quang Vũ, Dương Thu Hương. Hồng Lĩnh xuất bản. Sách dày trên 300 trang. Đề giá 14 MK.

Theo Lời giới thiệu ký dưới tên Tự Sơn thì 14 truyện ngắn này có vị trí riêng của nó, nghĩa là những truyện *có công chúng*. Qua lời giới thiệu người ta thấy được các khía cạnh của tác giả và tác phẩm.

Địa chỉ liên lạc như trên.

NHỚ NHUNG, Nhạc tuyển Thẩm Oánh do Nhóm Trưng Vương vùng Hoa Thịnh Đốn ấn hành. Sách dày 70 trang. Đề giá 12 MK. Gồm 30 ca khúc của nhạc sĩ Thẩm Oánh.

Tuyển tập này được phát hành nhân dịp Đại Nhạc Hội 60 năm Âm Nhạc Thẩm Oánh, nhằm vinh danh một nhạc sĩ đã tận tụy đóng góp vào nền tân nhạc Việt Nam.

TƠ VÒ, thơ Hà Phương Hoài. Tác giả tự xuất bản. Sách dày gần 100 trang. Không đề giá. Địa chỉ liên lạc:

Nguyễn Đức Trọng
2081 Pine St. "E", Des Plaines, IL 60018-2984
(312) 271-1073

BÁO

GIAO ĐIỂM, Bộ I, Số I, Số Mùa Thu 1992, do Lưu T. Khôi và Tôn Nữ Tâm Quỳ làm chủ bút. Báo dày 50 trang gồm các bài viết giá trị — Anh ngữ và Việt ngữ — trình bày đẹp và chuyên nghiệp.

Một tạp chí sinh viên nhưng có tầm vóc.

Mọi liên lạc xin đề
Giao Điểm
298 Quincy Mail Center, Cambridge, MA 02138

NỘI SAN, HỘI Y GIỚI VIỆT NAM TỰ DO số 20. Tháng Hai, 1993. Xuân Quý Dậu. Báo dày 56 trang. Đây là nội san của Hội Y Giới Việt Nam Tự Do Pháp Quốc. Xuất bản bốn kỳ một năm. Tiếng nói chính thức của Hội với mục đích xác nhận lập trường của Hội, thông tin liên lạc, siết chặt mối giây thân ái giữa các đồng nghiệp trên thế giới, nơi gặp gỡ của các luồng tư tưởng và các thế hệ khác nhau.

Địa chỉ liên lạc
APSVNL
10 Avenue Ramolfo Garnier
91300 Massy, France
Điện thoại: 69 34 37 19

NGUỒN VUI, Nguyệt San, số 8 Tháng Ba, 1993. Báo dày 46 trang. Đề giá 3 MK.

Báo gồm nhiều bài y học và văn học, do Lê Kim Phượng chủ nhiệm, Phạm Hữu Bằng chủ bút, Phan Ngọc Bích Tổng Thư ký.

Tòa soạn:
P.O. Box 1093
Longview, WA 98632
Điện thoại (206) 425-7654

LÊ HOA, Đặc San Xuân Quý Dậu 1993. Lê Tộc Hội Hải Ngoại. Báo dày 80 trang. Gồm nhiều bài vở đặc sắc, do đa số những cây bút họ Lê viết.

Các ông Lê Duy Hồng, Lê Minh Chính, Lê Duy Quang, Lê Phục Thủy là những vị trong Ban Điều Hành Hội.

Địa chỉ: Lê Tộc Hội Hải Ngoại
10444 Flandres Place, San Diego, CA 92126
Điện thoại: (619) 586-1867

TẠP CHÍ TỰ DO, Nguyệt San, số 29 tháng 12, 1992. Báo dày gần 100 trang. Tiếng nói của người Việt tị nạn Cộng Sản trong các trung tâm giam giữ tại Hong Kong.

Báo gồm nhiều bài vở sáng tác giá trị.

Địa chỉ liên lạc:
Freedom Magazine
T.CI - Hy Vọng School
Whitehead Detention Center
Shatin — Hong Kong
C/o Đặng Ngọc Giao

TIA SÁNG, Số 19, Tháng Tám và Chín 1992. Diễn Đàn Dân Chủ của người Việt Nam do Đảng Dân Chủ Việt Nam (SPV) thực hiện. Chủ bút Nguyễn Nguyên Thanh. Báo dày 28 trang, biếu không bán.

Địa chỉ liên lạc:
Tia Sáng Magazine
Postfach 268
1142 Berlin, Germany

CÁNH ÉN, số 20 tháng 1, 1993. Tiếng nói của người Việt tị nạn tại Đức sau ngày sụp đổ Bức Tường Berlin do N.Đ. Cường chủ nhiệm và Đỗ Ngọc chủ bút.

Báo dày 40 trang. Nhiều bài vở sáng tác, tin tức thời sự.

Địa chỉ tòa soạn
Do Ngoc, Postfach 1241
W — 8552 Hochstadt/Aisch Germany
Tel: 09193 — 7743 (Zimmer 106)

NOSTALGIE số November 1992, Đặc San Hội Ái Hữu Cựu học sinh Marie Curie & Jean Jacques Rousseau. Báo dày 100 trang. Gồm nhiều sáng tác thơ truyện phóng sự ảnh.

Địa chỉ liên lạc
Marie Curie & Jean Jacques Rousseau
P.O. Box 4513
Mission Viejo, CA 92690. ■

GIẢI PHÓNG

Nhiều người Việt Nam vẫn còn nói "sau Giải Phóng". Có bạn HO qua Mỹ rồi, mở miệng: "sau giải phóng", rồi bịt miệng cười, chữa lại "sau ngày 30-4."

Nhưng quả thật ngày 30-4-75 mở đầu một quá trình giải phóng cho đồng bào chúng ta ở ngoài vĩ tuyến 17. Bao nhiêu người vô miền Nam, mở mắt ra. Rồi cái trí hiểu biết của họ thay đổi. Rồi cách suy nghĩ của họ thay đổi. Những người tưởng mình đi "giải phóng miền nam" sau đó sẽ tự giải phóng họ, thoát ra khỏi cái huyền thoại Mác Xít.

Câu chuyện huyền thoại Mác Xít tác hại nhân loại ai cũng biết rồi. Nhưng tại sao chủ nghĩa Mác có tác dụng tai hại lớn lao đến như vậy? Chỉ vì ông Mác là một nhà văn đại tài. Xin mời quý vị thử đọc một đoạn phiếm luận sau đây.

Một câu chuyện có thật mà kể một cách vụng về thì người nghe có thể nghi ngờ là nó không thật. Ngược lại một câu chuyện dựng đứng, hoàn toàn dối trá, nhưng giản dị và có đầu có đuôi, thì dễ được người nghe tin là có thật. Một phóng viên ở Israel đã hiểu nguyên tắc này, nên nhân lúc không có tin nóng sốt mang nộp tòa soạn anh đã bịa ra một bản tin làm chấn động dư luận.

Bịa rằng: có anh nọ vô nhà cầu định ngồi xuống làm công việc bài tiết thì bỗng thấy mấy con ruồi lẩn quẩn bên trong cái hố vệ sinh. Anh ta cầm bình xịt thuốc giết sâu bọ xịt vô thủ tiêu mấy anh chị ruồi. Thủ tiêu mấy chúng sinh lau nhau đó xong, anh yên tâm ngồi xuống, vừa trầm tư vừa châm thuốc hút. Điếu thuốc gần tàn, anh theo thói quen ném chỗ còn lại xuống hố tiêu. Không ngờ trong hố tiêu còn hơi dầu vừa xịt rất dễ cháy, gặp tàn thuốc đỏ bật cháy. Kết quả, con chim của anh bị nướng "B.B.Q.", râu ria cháy rụi, phải vô nhà thương.

Mẩu tin bịa đặt trên thật là hấp dẫn, lý thú. Nó nói chuyện phỏng chim, một đề tài ai cũng có thể cười (miễn không phải của mình hay chồng, con mình). Cứ tưởng tượng cảnh người bị phỏng nhảy chồm chồm, kêu oai oái, mang vô phim được.

Câu chuyện lại rất tự nhiên. Trong mấy bình thuốc xịt trừ ruồi thiếu gì chất dầu dễ cháy. Người hút thuốc vẫn hay có thói quen vừa ngồi hưởng cái khoái số 4 vừa phì phèo điếu thuốc. Hút xong, lại vẫn cái thói quen nhét tàn thuốc xuống. Giờ này, cả thế giới lại đang kêu gọi bài trừ thuốc lá, than phiền người hút thuốc làm ô nhiễm không khí, gây độc hại cho cả người chung quanh. Kể câu chuyện một anh chàng bị phỏng chim vì hút thuốc làm bà con hả dạ. Vợ sẽ bảo chồng: "Đó, tui nói anh chừa thuốc đi hoài, anh không nghe, coi chừng có ngày, nó cháy tiêu luôn."

Câu chuyện hoàn toàn bịa đặt đó ai cũng thích nghe, mà khi thích nghe thì dễ tin là có thật. Trừ mấy hãng làm bình sịt thuốc trừ sâu bọ. Họ lo cho cái *bi-di-nét* của họ bị mang tiếng, ế hàng. Họ điều tra, thấy khắp cả vùng nơi mà báo kể tai nạn "phỏng giái" không có bịnh viện nào đón tiếp một "thương binh" trong tình trạng phỏng nặng đó cả. Không may cho anh nhà báo, nước Israel nó nhỏ lắm, mà nhà thương nó tốt, dân chúng không sợ nhà thương. Không lẽ anh nọ ôm con chim phỏng nằm nhà để vợ con điều trị theo lối "y học dân tộc"? Cuối cùng anh nhà báo phải thú nhận mình bịa chuyện mua vui. Báo chí khắp thế giới lỡ đăng "bản tin" của anh bây giờ lại phải đăng tin cải chính.

Nghe câu chuyện cháy chim tôi không khỏi nghĩ đến chủ nghĩa của Karl Marx. Không phải vì ông Marx có bộ râu xồm rất dễ cháy; nhưng vì cái chủ thuyết của ông nó cũng đầy những chuyện bịa đặt mua vui, vậy mà cả trăm năm nay bao nhiêu người vẫn tin là chuyện thật.

Những câu chuyện "tiên tri nhầm" của Karl Marx thì nhiều lắm. Ông bói rằng công nhân ở Đức, ở Anh sẽ vùng lên làm cách mạng vô sản. Lộn rồi. Nga, Tàu mới là nơi Cộng sản cướp chánh quyền, mà công nhân cũng không phải là chủ lực. Ông lại bói chế độ tư bản sẽ tự diệt vì mâu thuẫn nội tại. Chả có bọn tư bản nào chịu theo sách của ông. Cả trăm năm rồi chúng vẫn phây phây. Những vụ bói nhầm trên là chuyện nhỏ. Câu chuyện nhầm lớn nhất của ông Marx là ông đưa ra cả một lý thuyết về lịch sử, ông nói lịch sử là do đấu tranh giai cấp mà thay đổi, và cứ như thế cuối cùng sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Giải thích một đời người, một biến cố đã là chuyện khó. Ông Marx muốn giải thích cuộc đời cả loài người, cả bao ngàn năm, bằng cách rút gọn vào một số quy luật do óc ông tưởng tượng ra.

Vậy mà vẫn có trăm, ngàn người tin tưởng rằng ông Marx đã bắt cóc được chân lý. Họ tin, và họ buộc cả triệu người khác phải theo, biến thuyết Mác Xít thành một tôn giáo cuồng tín và tác hại nhất trong lịch sử. Mãi tới đại hội VII vẫn chưa chịu bỏ.

Tại sao? Bởi vì ông Marx kể chuyện rất là có đầu có đuôi, rất mạch lạc và ăn khớp với nhau. Ông lại đáp ứng đúng vào những tình tự yêu ghét của mấy thế hệ các nhà trí thức. Thế là tín đồ của ông ôm chặt lấy lý thuyết Mác Xít, nhất định đi "giải phóng" bà con cô bác, chết bỏ.

Cái không may của một nửa nhân loại trong thế kỷ vừa qua là câu chuyện bịa đặt của Marx phải mất cả đời người mới thấy là sai sự thật. Lịch sử dài quá, trái đất rộng quá, lòng yêu ghét của con người nó mạnh quá, đâu có thể kiểm chứng ngay được; như đi tìm một bịnh nhân bị phỏng chim ở mấy nhà thương. Khi biết ra thì một nửa nhân loại đã bị tín đồ Mác Xít "giải phóng" mất rồi.

Câu chuyện bịa của anh nhà báo Israel chỉ làm ta bực mình khi biết mình bị lừa. Còn câu chuyện "giải phóng" loài người của Marx thì làm nửa loài người khốn đốn, trong đó có 70 triệu sinh linh trên nước Việt bây giờ. Nhưng bản chất của chuyện giải phóng, với chuyện phỏng cái đó thì không khác nhau bao nhiêu.■

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ NHẬN

THẺ TÍN DỤNG ĐỂ TRẢ TIỀN HÀNG

Đi chợ mua hàng rẻ.
Có qủa tặng không đâu bằng

CHỢ LITTLE SÀIGÒN CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

Mua tận gốc, bán tận ngọn! Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất!

***Chỉ có tại chợ* LITTLE SÀIGÒN**

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 • 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh**c Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá 3.00 Mỹ Kim.